



MỘT SỐ CÂU HỎI ĐƯỢC GIẢI ĐÁP **của Đức Abdul Baha**

Do Laura Clifford Barney sưu tập và biên dịch sang tiếng Anh
Sách Some Answered Questions, Ấn bản năm 1987

Hội đồng Tinh thần Tôn giáo Baha'i Việt Nam
www.bahai.org.vn

MỘT SỐ CÂU HỎI ĐƯỢC GIẢI ĐÁP

Của Đức Abdul Baha

Mục lục

PHẦN 1: VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐẢNG TIÊN TRI TRONG CUỘC TIẾN HÓA CỦA NHÂN LOẠI.....	4
1/ THIÊN NHIÊN BỊ CHI PHỐI BỞI LUẬT VŨ TRỤ.....	4
2/ CHỨNG CỨ VỀ SỰ HIỆN HỮU CỦA THƯỢNG ĐẾ	5
3/ SỰ CẦN THIẾT VỀ MỘT ĐẢNG GIÁO DỤC	6
4/ ĐỨC ABRAHAM.....	10
5/ ĐỨC MOSES	11
6/ ĐỨC CHÚA	12
7/ ĐỨC MUHAMMAD.....	13
8/ ĐỨC BAB	17
9/ ĐỨC BAHÁ'U'LLAH.....	18
10/ NHỮNG BẢNG CHỨNG CỔ TRUYỀN TIÊU BIỂU TRONG SÁCH DANIEL (TIÊN TRI ĐA-NI-ÊN)	24
11/ BÌNH LUẬN VỀ CHƯƠNG MƯỜI MỘT SÁCH KHẢI HUYỀN CỦA THÁNH GIẢNG (JOHN)	29
12/ BÌNH LUẬN VỀ CHƯƠNG MƯỜI MỘT, SÁCH ESAIAH (Ê-SAI).....	40
13/ BÌNH LUẬN VỀ CHƯƠNG MƯỜI HAI SÁCH KHẢI HUYỀN CỦA THÁNH GIẢNG	42
14/ CÁC CHU KỶ VẬT CHẤT VÀ TÂM LINH	45
15/ SỰ THỊNH VƯỢNG GIÀU CÓ THỰC SỰ.....	48
PHẦN 2: MỘT SỐ CHỦ ĐỀ THIÊN CHÚA GIÁO.....	51
16/ NHỮNG BIỂU TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC BÊN NGOÀI PHẢI ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ TRUYỀN ĐẠT NHỮNG QUAN NIỆM VỀ TRÍ TUỆ.....	51
17/ SỰ GIÁNG SINH CỦA ĐỨC CHÚA	53
18/ TÍNH VĨ ĐẠI CỦA ĐỨC CHÚA LÀ DO NHỮNG ĐIỀU HOÀN HẢO CỦA NGÀI.....	54
19/ ĐỨC CHÚA CHỊU PHÉP BÁP-TÊM	55
20/ SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÉP BÁP-TÊM	56
21/ TÍNH TƯỢNG TRUNG CỦA BÁNH VÀ RƯỢU	59
22/ PHÉP LẠ CỦA CHÚA.....	60
23/ SỰ SỐNG LẠI CỦA ĐỨC CHÚA	62
24/ THÁNH LINH GIÁNG XUỐNG TRÊN NGƯỜI CÁC TÔNG ĐỒ.....	64
25/ THÁNH LINH	64
26/ CHÚA ĐẾN LẦN THỨ HAI VÀ NGÀY PHÁN XÉT	65
27/ CHÚA BA NGÔI	67

28/ SỰ TỒN TẠI TRƯỚC CHÚA, GIẢI THÍCH CÂU NĂM, CHƯƠNG MƯỜI BẢY, SÁCH PHÚC ÂM CỦA THÁNH GIĂNG	68
29/ TỘI LỖI VÀ SỰ CHUỘC TỘI, GIẢI THÍCH CÂU 22, CHƯƠNG 15, TRONG THƯ THỨ NHẤT CỦA THÁNH PHAO LÔ GỬI CHO CÔRINTHÔ.....	69
30/ ADAM VÀ EVE	72
31/ GIẢI THÍCH VỀ LỜI PHẠM THƯỢNG ĐẾN ĐỨC THÁNH LINH	75
32/ GIẢI THÍCH CÂU “NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC GỌI, NHƯNG ÍT NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN”	76
33/ SỰ TRỞ LẠI CỦA CÁC ĐẢNG TIÊN TRI	78
34/ THÁNH PHÊ RÔ VÀ CHÚC GIÁO HOÀNG	79
35/ Ý CHÍ TỰ DO VÀ SỰ TIỀN ĐỊNH	82
PHẦN 3 : VỀ UY LỰC VÀ TÌNH TRẠNG CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN CỦA THƯỢNG ĐẾ	83
36/ NĂM BẬC CỦA TINH THẦN	83
37/ MỐI QUAN HỆ GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN	85
38/ BA CƯƠNG VỊ CỦA CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG	88
39/ CON NGƯỜI VÀ CƯƠNG VỊ CỦA CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG	90
40/ SỰ HIỂU BIẾT CỦA CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG.....	91
41/ CÁC CHU KỲ HOÀN VỮ	93
42/ UY LỰC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG .	94
43/ HAI ĐẢNG CẤP TIÊN TRI	95
44/ GIẢI THÍCH VỀ NHỮNG LỜI QUỶ TRÁCH CỦA THƯỢNG ĐẾ NHẢM VÀO CÁC ĐẢNG TIÊN TRI	97
45/ ĐẢNG KHÔNG SAI LẦM TỐI ĐẠI, KHÔNG CÓ AI LÀ ĐỒNG SỰ VỚI NGÀI	99
PHẦN 4 VỀ NGUỒN GỐC, NĂNG LỰC VÀ TÌNH TRẠNG CỦA CON NGƯỜI.....	103
46/ SỰ BIẾN DẠNG CỦA CHỦNG LOÀI.....	103
47/ NGUỒN GỐC VỮ TRỤ VÀ TIẾN HÓA CỦA CON NGƯỜI.....	104
48/ SỰ KHÁC BIỆT TỒN TẠI GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON VẬT	108
49/ SỰ TỒN TẠI VÀ TIẾN HÓA CỦA LOÀI NGƯỜI.....	111
50/ NHỮNG BẰNG CHỨNG TÂM LINH VỀ NGUỒN GỐC CON NGƯỜI.....	113
51/ KHI NÀO TINH THẦN VÀ TÂM TRÍ CON NGƯỜI XUẤT HIỆN.....	115
52/ SỰ XUẤT HIỆN CỦA TINH THẦN TRONG THÂN THỂ	116
53/ MỐI LIÊN HỆ GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ TẠO VẬT	117
54/ SỰ PHÁT SINH CỦA TINH THẦN CON NGƯỜI TỪ THƯỢNG ĐẾ.....	119
55/ LINH HỒN, TINH THẦN VÀ TÂM TRÍ	120
56/ NHỮNG SỨC MẠNH BÊN NGOÀI VÀ BÊN TRONG CON NGƯỜI.....	121
57/ NGUYÊN DO SỰ KHÁC NHAU TRONG TÍNH CÁCH CON NGƯỜI, BÁC SĨ NÓI KHÔNG ĐÚNG ĐỀ AN ỦI NGƯỜI BỆNH LÀ KHÔNG ĐÁNG CHÊ TRÁCH	122
58/ MỨC ĐỘ VÀ GIỚI HẠN HIỂU BIẾT CỦA CON NGƯỜI.....	125

59/ SỰ HIỂU BIẾT CỦA CON NGƯỜI VỀ THƯỢNG ĐẾ.....	126
60/ SỰ BẤT DIỆT CỦA TINH THẦN Phần 1	128
61/ SỰ BẤT DIỆT CỦA TINH THẦN Phần 2	130
62/ NHỮNG SỰ HOÀN HẢO KHÔNG GIỚI HẠN CỦA SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LINH HỒN TRONG THẾ GIỚI SAU	132
63/ SỰ TIẾN BỘ CỦA TẤT CẢ TẠO VẬT NẪM TRONG CẤP BẬC CỦA CHÍNH NÓ	133
64/ CƯƠNG VỊ CỦA CON NGƯỜI VÀ SỰ TIẾN BỘ SAU KHI CHẾT	134
65/ ĐỨC TIN VÀ VIỆC LÀM (CÂU 1 KITAB I AQDAS).....	136
66/ SỰ TỒN TẠI CỦA LINH HỒN DUY LÝ SAU CÁI CHẾT THÂN XÁC	136
67/ SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI VÀ BƯỚC VÀO VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ....	138
68/ HAI LOẠI ĐỊNH MỆNH.....	139
69/ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NGÔI SAO VÀ SỰ TƯƠNG HỖ CỦA TẤT CẢ TẠO VẬT.....	140
70/ Ý CHÍ TỰ DO VÀ GIỚI HẠN CỦA NÓ	141
71/ CÁC KHẢI TƯỢNG VÀ TIẾP XÚC VỚI CÁC TINH THẦN.....	143
72/ CHỮA BỆNH BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TÂM LINH.....	145
73/ CHỮA BỆNH BẰNG PHƯƠNG TIỆN VẬT CHẤT.....	146
PHẦN 5 : CÁC VẤN ĐỀ LINH TINH KHÁC	148
74/ ĐIỀU TỐT VÀ ĐIỀU ÁC KHÔNG THỰC HỮU	148
75/ HAI LOẠI CỰC HÌNH (TORMENT)	149
76/ SỰ CÔNG BẰNG VÀ BAO DUNG CỦA THƯỢNG ĐẾ	149
77/ CÁCH CƯ XỬ ĐÚNG VỚI CÁC PHẠM NHÂN	150
78/ CÁC CUỘC ĐÌNH CÔNG	153
79/ THỰC THỂ THẾ GIỚI BÊN NGOÀI	156
80/ SỰ TIÊN HỮU VÀ HIỆN TƯỢNG.....	157
81/ SỰ LUÂN HỒI	158
82/ THUYẾT PHIÊM THẦN (VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ)	163
83/ BỐN PHƯƠNG PHÁP THỦ ĐẮC TRI THỨC	167
84/ CẦN THIẾT VẰNG THEO GIÁO LÝ CÁC ĐẰNG BIỂU HIỆN THIÊN THƯỢNG	168

PHẦN 1: VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐÁNG TIÊN TRI TRONG CUỘC TIẾN HÓA CỦA NHÂN LOẠI

1/ THIÊN NHIÊN BỊ CHI PHỐI BỞI LUẬT VŨ TRỤ

Thiên nhiên là trạng thái, là thực thể, trong khi xuất hiện gồm có sự sống và cái chết, hoặc nói cách khác là gồm có sự hợp thành và tan rã của mọi vật.

Thiên nhiên tùy thuộc một tổ chức tuyệt đối, những qui luật cố định trong một trật tự hoàn chỉnh và mô hình hoàn tất, từ đó thiên nhiên không bao giờ đổi hướng – hẳn nhiên, đến mức là nếu ta quan sát kỹ bằng nhãn quan nhạy bén, từ nguyên tử vô hình nhỏ nhất cho đến các vật thể khổng lồ của thế giới sinh tồn như mặt trời hoặc các ngôi sao lớn và các tinh cầu rực sáng, dù ta quan sát sự sắp xếp, sự cấu thành, hình dáng và chuyển động của nó, ta sẽ thấy rằng tất cả đều ở trong cấp độ tổ chức cao nhất và theo một qui luật mà nó không bao giờ thoát ra được.

Nhưng khi ta nhìn chính Thiên nhiên, ta thấy rằng nó không có trí thông minh, không có ý chí. Ví dụ, tính thiên nhiên của lửa là cháy; nó cháy không theo ý chí và trí thông minh. Tính thiên nhiên của nước là chảy, nó chảy không theo ý chí hoặc trí thông minh. Tính thiên nhiên của mặt trời là chiếu sáng; nó chiếu sáng không theo ý chí hoặc trí thông minh. Tính thiên nhiên của hơi nước là bốc lên cao; nó bốc lên không theo ý chí hoặc trí thông minh. Như thế rõ ràng là chuyển động tự nhiên của mọi vật là bắt buộc; không hề có chuyển động tự nguyện ngoại trừ chuyển động của loài vật, và trên nữa, của loài người.

Con người có thể phản kháng và chống lại Thiên nhiên vì nó phát hiện cấu hình của sự vật, và qua đó nó điều khiển những lực lượng của Thiên nhiên; tất cả những phát minh con người đã tạo ra là nhờ sự khám phá cấu hình của sự vật. Ví dụ, con người phát minh ra điện báo, đó là phương tiện liên lạc giữa phương Đông và phương Tây. Rõ ràng là con người điều khiển Thiên nhiên.

Như vậy, khi thấy trong cõi sinh tồn, những sự tổ chức, sắp xếp và qui luật đó, ta có thể nói rằng tất cả là do ảnh hưởng của Thiên nhiên không, dù thiên nhiên không có trí thông minh hoặc nhận thức? Nếu không, thì đương nhiên là Thiên nhiên, vốn không có nhận thức hoặc trí thông minh, nằm ở trong tay Đấng Thượng Đế Toàn năng, Đấng Cai quản thế giới Thiên nhiên; bất cứ điều gì Ngài muốn, Ngài khiến cho Thiên nhiên biểu hiện.

Một trong những điều xuất hiện nơi thế giới sinh tồn, đó là một trong những điều cần thiết của Thiên nhiên, là sự sống của con người. Xét theo quan điểm

này, con người là cảnh; Thiên nhiên là rỗng. Vậy ý chí, sự thông minh và các điều hoàn hảo tồn tại nơi cảnh, lại có thể bị thiếu đi nơi rỗng sao?

Người ta nói rằng Thiên nhiên từ chính bản thể của nó nằm trong nắm tay uy lực của Thượng Đế, Đấng Toàn năng Vĩnh hằng; Ngài nắm giữ Thiên nhiên trong những thiết định, qui luật, và cai quản nó.¹

2/ CHỨNG CỨ VỀ SỰ HIỆN HỮU CỦA THƯỢNG ĐẾ

Một trong những chứng cứ về sự hiện hữu của Thượng Đế là sự kiện rằng con người không tự tạo ra mình: không, Đấng Sáng tạo và Đấng Định dạng con người là Đấng khác với con người. Điều chắc chắn và không thể tranh cãi là Đấng Sáng tạo con người không giống như con người bởi vì một sinh linh khiếm khuyết không thể tạo ra một sinh linh khác. Đấng Làm ra, Đấng Sáng tạo, phải có mọi sự hoàn hảo mới có thể sáng tạo.

Tạo vật có thể hoàn hảo chăng khi Đấng Sáng tạo không hoàn hảo? Một bức tranh có thể là tuyệt tác chăng khi người họa sĩ còn khiếm khuyết trong nghệ thuật? Vì đó là nghệ thuật của họa sĩ, là tác phẩm của họa sĩ. Hơn nữa bức tranh không thể giống như họa sĩ, bằng không bức tranh đã tự tạo chính nó. Dù bức tranh có hoàn hảo đến đâu, nhưng so với họa sĩ, nó vẫn ở mức khiếm khuyết tột cùng.

Thế giới vô thường là nguồn của mọi khiếm khuyết: Thượng Đế là gốc của những sự vẹn toàn. Chính những khiếm khuyết của thế giới vô thường là bằng chứng về những sự vẹn toàn của Thượng Đế. Ví dụ, khi ta nhìn con người, ta thấy nó yếu ớt. Chính sự yếu ớt này của sinh linh là bằng chứng về sức mạnh của Đấng Toàn năng Vĩnh cửu, bởi vì, nếu không có sức mạnh, thì không thể có sự yếu ớt; như thế từ sự yếu ớt ta hiển nhiên thấy có sức mạnh trên thế giới.

Trong thế giới vô thường ta còn thấy có sự nghèo nàn, như thế ắt tồn tại sự giàu có, vì sự nghèo nàn hiển hiện trên thế giới. Trong thế giới vô thường ta thấy có sự ngu dốt (si mê), tri thức thiết yếu tồn tại, vì ta thấy có sự ngu dốt; vì nếu không có tri thức, thì không thể có sự ngu dốt. Ngu dốt là sự không hiện hữu của tri thức, và nếu không có sự tồn tại, ta không thể nhận thức sự phi tồn tại.

¹ *Phản ý tưởng về Thượng Đế, hãy xem “Thần tính chỉ có thể lĩnh hội được qua các Đấng Biểu hiện Thiên liêng,” trang 146; và “Sự hiểu biết của con người về Thượng Đế,” trang 220. Người đọc sẽ thấy rằng Chánh Đạo Baha’i không có quan niệm về Thượng Đế dạng người, và rằng nếu ta sử dụng thuật ngữ thông dụng, thì cần giải thích cẩn thận ý nghĩa tượng trưng của thuật ngữ này.*

Điều chắc chắn là toàn thể thế giới vô thường bị chi phối bởi một luật lệ và qui tắc mà không bao giờ nó có thể thoát ra; như thể con người bị buộc phải tuân theo cái chết, phải ngủ và tuân theo các điều kiện khác – nghĩa là, trong một số điều cụ thể con người bị chi phối, và trạng thái bị chi phối này thiết yếu hàm ý có một người chi phối. Vì lẽ đặc điểm của các vật vô thường là tùy thuộc, và sự tùy thuộc này là điều cần thiết tất yếu, do đó phải có một thực thể độc lập mà tính độc lập là tất yếu. Cũng theo cách ấy, ta hiểu từ chỗ con người bị bệnh thì phải có một thực thể khỏe; vì nếu không có sự khỏe, thì sự bệnh của con người không thể chứng minh.

Vì vậy, điều hiển nhiên là có một Đấng Toàn năng Vĩnh cửu, Đấng Sở hữu mọi sự hoàn hảo, vì nếu Ngài không sở hữu mọi sự hoàn hảo thì Ngài cũng giống như tạo vật của Ngài. Khắp trong thế giới sinh tồn đều giống như thế; tạo vật bé nhỏ nhất chúng tỏ là có một Đấng Sáng tạo. Ví dụ miếng bánh này chúng tỏ là có người làm ra.

Thượng Đế thật đáng ca ngợi! Sự thay đổi nhỏ nhất xảy ra trong hình thể của một vật nhỏ nhất chúng tỏ sự tồn tại của một Đấng Sáng tạo: như thể liệu vũ trụ lớn lao này, vốn vô cùng tận, là tự tạo hay đi vào cõi sinh tồn từ hành động của vật chất và các nguyên tố? Sự giả định ấy rõ ràng là sai lầm!

Các lập luận hiển nhiên này được dùng làm bằng chứng cho những linh hồn yếu ớt; nhưng nếu nhận thức bên trong mở ra, thì một trăm ngàn bằng chứng rõ ràng trở nên hiển hiện. Như thế, khi con người cảm nhận tinh thần nội tại, người ấy không cần lý luận cho sự tồn tại của nó; nhưng đối với những người bị mất hồng phúc về tinh thần, thì cần thiết phải đưa ra luận chứng bên ngoài.

3/ SỰ CẦN THIẾT VỀ MỘT Đấng GIÁO DỤC

Khi xem xét về cuộc sinh tồn, chúng ta thấy rằng các giới khoáng vật, thực vật, động vật và nhân sinh đều cần có một Đấng Giáo dục.

Nếu đất không được vun trồng, nó trở thành rừng, nơi đó cỏ dại mọc lên; nhưng nếu một nông dân đến cày xới đất, nó sẽ tạo ra mùa màng nuôi sống sinh vật. Như vậy hiển nhiên là đất cần sự vun trồng của nông dân. Hãy xét xem cây trái: nếu không có người vun trồng, nó sẽ không sinh quả, và không có quả, nó thành vô dụng; nhưng nếu nó nhận được sự chăm sóc của người làm vườn, chính các cây trợ trợ ấy sẽ cho quả, và do sự vun trồng, chăm bón và tháp ghép, các cây trái chua sẽ sinh trái ngọt. Đây là những bằng chứng duy lý; trong thời đại này các dân tộc trên thế giới cần những luận chứng của lý trí.

Điều giống như thế cũng đúng đối với loài vật: hãy thấy rằng khi được tập luyện, con vật sẽ thành thuần hóa, và con người cũng thế, nếu thiếu giáo dục, thì trở thành súc sinh, hoặc hơn nữa, nếu bỏ mặc theo qui luật thiên nhiên,

nó trở thành kém hơn con vật, nhưng nếu được giáo dục, nó trở thành thiên thần. Bởi vì một số lớn loài vật không ăn thịt đồng loại, nhưng con người, ở Sudan, ở các vùng Trung Phi, giết hại và ăn thịt nhau.

Giờ đây hãy nghiệm thấy rằng giáo dục đã đưa phương Đông và phương Tây đến dưới thẩm quyền của nhân loại; chính giáo dục đã tạo ra những ngành công nghiệp tuyệt vời; chính giáo dục đã mở rộng các ngành khoa học và nghệ thuật lớn lao; chính giáo dục đã làm biểu hiện những cơ cấu và những khám phá mới. Nếu không có các nhà giáo dục, hẳn đã không có những điều như là tiện nghi, văn minh, hoặc tính nhân bản. Nếu một người bị bỏ rơi ở chốn hoang vu, nơi mà người ấy không gặp đồng loại mình, chắc chắn người ấy sẽ trở thành dã thú; như thế rõ ràng là ta cần có một Đấng Giáo dục.

Nhưng giáo dục có ba loại: thể chất, trí tuệ, và tâm linh. Giáo dục thể chất liên quan đến sự phát triển của cơ thể nhờ hấp thụ các chất, sự thoải mái và tiện nghi về vật chất, sự giáo dục này giống nhau giữa con người và con vật.

Giáo dục trí tuệ mang lại nền văn minh và tiến bộ - có thể kể như việc thiết lập, quản lý chính phủ, thương mại, tiểu thủ công, khoa học, phát minh, sáng chế... vốn rất cần thiết cho con người và khiến con người khác biệt với loài vật.

Giáo dục thiêng liêng là giáo dục thuộc Vương quốc của Thượng Đế, nó bao gồm việc thủ đắc các đặc tính thiêng liêng và đây chính là giáo dục thật sự, bởi vì ở tình trạng này con người trở thành trung tâm tiếp nhận những ân huệ thiêng liêng, thể hiện đúng câu: "Chúng Ta đã tạo ra con người theo hình ảnh của Chúng Ta, và giống như Chúng Ta."² Đây là mục đích của thế giới nhân loại.

Bây giờ chúng ta cần một nhà giáo dục, đồng thời là nhà giáo dục thể chất, trí tuệ và tâm linh, và quyền năng của nhà giáo dục đó luôn hiệu lực trong bất cứ điều kiện nào. Nếu một người nào đó nói rằng: "Tôi có trí thông minh và sự hiểu biết toàn hảo, tôi không cần một nhà giáo dục như vậy.", anh ta đã chối từ một điều rất rõ ràng và hiển nhiên, cũng ví như một đứa trẻ nói rằng: "Tôi không cần đi học; tôi sẽ làm theo ý muốn và sự hiểu biết của tôi và tôi sẽ vẫn tồn tại hoàn hảo"; hoặc cũng như một người mù nói: "Tôi không cần thị giác, bởi vì nhiều người mù khác cũng tồn tại không khó khăn gì."

Vì thế điều rất hiển nhiên và không cần bàn cãi là con người cần một nhà giáo dục, và nhà giáo dục này phải tuyệt hảo trong mọi lãnh vực và nổi bật lên giữa loài người. Trái lại, nếu người ấy giống như những người khác trong nhân loại, thì người ấy không thể là nhà giáo dục của họ, đặc biệt hơn nữa khi người phải vừa là nhà giáo dục vật chất, nhân bản và cả tâm linh của họ - nghĩa là người phải dạy loài người tổ chức và thực hiện các việc về vật chất,

² Xem Sáng thế ký 1:26

và tạo nên trật tự xã hội để tạo nên sự hợp tác và tương trợ trong cuộc sống hầu cho các việc về vật chất được tổ chức và điều chỉnh cho bất cứ tình huống nào có thể xảy ra.

Cũng theo cách ấy, người phải thiết lập sự giáo dục nhân bản – nghĩa là người giáo dục trí thông minh và tư tưởng làm sao cho họ có thể đạt tới sự phát triển toàn diện, để cho tri thức và khoa học có thể gia bội, và thực thể sự vật, những điều huyền nhiệm về các sinh linh và những tính chất của cõi sinh tồn được phát hiện, và ngày qua ngày, các giáo huấn, các phát minh, các cơ cấu có thể được cải thiện; và từ những điều mà giác quan nhận thức được ta có thể rút ra kết luận những điều thuộc về trí tuệ.

Người cũng phải truyền đạt sự giáo dục tâm linh, để cho tính thông minh và sự thấu hiểu có thể xuyên suốt thế giới siêu hình và có thể nhận được lợi ích từ làn gió thiên ứng của Thánh Linh, và có thể bước vào sự giao tiếp với Quần hội Tối thượng. người cũng phải giáo dục thực thể nhân sinh để nó có thể trở thành trung tâm của sự xuất hiện linh tính, đến mức độ là các danh và các đặc tính của Thượng Đế rạng ngời trong tấm gương thực thể con người, và câu thánh thi “Chúng Ta tạo con người theo hình ảnh và giống với Chúng Ta”² sẽ thành hiện thực.

Điều rõ ràng là năng lực con người không thể nào hoàn thành chức trách lớn như thế, và chỉ riêng lý trí thôi thì không sao hoàn thành nỗi sứ mạng quá lớn lao ấy. Làm sao một con người đơn độc không có sự giúp sức và phò trợ có thể đặt được nền móng cho công cuộc xây dựng cao quý ấy? Người ấy phải tùy thuộc sự giúp đỡ của uy lực tâm linh và thiên thượng để đảm đương sứ mệnh này. Một Linh hồn Thánh thiện ban sự sống cho thế giới nhân loại, làm thay đổi diện mạo của địa cầu, làm cho trí thông minh phát triển, làm sinh động các linh hồn, đặt căn bản cho một cuộc sống mới, thiết lập những nền móng mới, tổ chức thế giới, đưa các nước và các tôn giáo đến dưới bóng một linh kỳ, giải thoát con người khỏi thế giới khiếm khuyết và tật xấu, cảm ứng cho con người khát vọng và nhu cầu về những điều hoàn hảo tự nhiên và thủ đắc. Chắc chắn không có gì ngoài uy lực thiên thượng có thể hoàn thành công nghiệp lớn lao ấy. Chúng ta phải xem xét điều này với sự công bằng, vì đây là chức trách công bằng.

Một Nền Chánh Đạo mà tất cả các Chính phủ và các dân tộc trên thế giới, với tất cả quyền hành và quân lực, không sao tuyên ngôn và quảng bá nổi, mà một Linh hồn Thánh thiện có thể mở rộng không có sự giúp sức hoặc hỗ trợ nào! Liệu con người làm nổi điều này chăng? Nguyên bởi Thượng Đế, hẳn là không! Ví như Đấng Christ, đơn thân độc mã, đã dương cao ngọn cờ hòa bình và đạo lý, một sự nghiệp mà tất cả các chính phủ bách thắng với tất cả các đạo quân của họ không thể nào hoàn thành nổi. Hãy xem số phận của biết bao đế quốc và bao dân tộc khác nhau nó như thế nào: Đế quốc La Mã, Pháp, Đức, Nga, Anh vân vân; tất cả đều được gom lại dưới cùng mái lều – nghĩa là, sự xuất hiện của Đức Chúa đã tạo nên sự hợp nhất giữa các nước

khác biệt này, mà một số, dưới ảnh hưởng của Thiên chúa giáo, đã trở thành thống nhất đến nỗi họ hy sinh cả đời sống và của cải cho nhau. Sau thời đại của Constantine, người bành trướng Thiên chúa giáo, các mối chia rẽ giữa họ xảy ra. Vấn đề là ở đây, chính Đức Chúa đã thống nhất các nước này, nhưng sau một thời gian các chính phủ trở thành nguyên do của sự bất hòa.

Điều Ta muốn nói là Đấng Christ nuôi dưỡng Nền Chánh Đạo mà tất cả các vua trên trái đất không thể thiết lập nổi! Ngài thống nhất các tôn giáo và cải cách các phong tục xưa. Hãy xem những khác biệt lớn lao biết bao tồn tại giữa những dân La Mã, Hy Lạp, Syrie, Ai cập, Phoenicie³, Do Thái và các dân tộc khác ở châu Âu. Đức Chúa đã xóa bỏ những khác biệt này và trở thành nguyên nhân yêu thương giữa các cộng đồng này. Dù sau một thời gian các chính phủ đã phá vỡ khối thống nhất này, sự nghiệp của Đức Chúa cũng đã hoàn thành.

Vì vậy, Đấng Giáo dục Hoàn vũ phải là Đấng Giáo dục cả vật chất, nhân bản và tâm linh; và Ngài phải có uy lực siêu nhiên, để Ngài có thể đứng ở vị trí nhà giáo huấn thiêng liêng. Nếu Ngài không tỏ ra có sức mạnh như thế, Ngài không thể dạy dỗ, bởi lẽ nếu Ngài khiêm khuyết thì làm sao Ngài có thể ban cho sự giáo dục hoàn hảo? Nếu Ngài tâm tối, làm sao Ngài có thể khiến kẻ khác trở thành khôn sáng? Nếu Ngài bất công, thì sao làm cho người khác thành công bình? Nếu Ngài là phạm tục thì sao có thể làm cho người khác thành thiên thượng?

Vậy ta hãy xem xét thật công bằng: thế các Đấng Biểu hiện thiêng liêng từng xuất hiện này có tất cả các phẩm chất này hay không?⁴ Nếu không có những phẩm chất này và những điều hoàn hảo này, thì các Ngài không phải là các Đấng Giáo dục thật sự.

Bởi vậy, nhiệm vụ của chúng ta là chứng minh cho những người suy tư bằng lập luận hợp lý về Sứ mạng Tiên tri của Đức Moses, Đức Chúa và các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng khác. Các bằng cứ và chứng minh chúng ta đưa ra không dựa trên truyền thuyết mà phải dựa trên lập luận duy lý.

Tới đây ta đã chứng minh bằng lập luận duy lý rằng thế giới sinh tồn cần thiết phải có một Đấng Giáo dục, và sự giáo dục ấy phải hoàn thành bằng sức mạnh thiêng liêng. Hẳn nhiên sức mạnh này là Mặc khải, và thế giới phải được giáo dục bằng sức mạnh này vốn cao trội hơn sức mạnh con người.

³ Phoenicie là thành phố cổ nằm dọc theo bờ biển Đông Địa Trung Hải

⁴ Các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng là những Đấng Sáng lập các tôn giáo. Xem “Hai Đấng cấp Tiên tri”, tr. 164

4/ ĐỨC ABRAHAM

Một trong những Đấng có uy lực này và được uy lực này tiếp giúp là Đức Abraham. Và bằng chứng về điều này là Ngài sinh ra ở Mesopotamia, và gia đình Ngài không biết gì về Đấng Thượng Đế Duy nhất. Ngài chống lại dân tộc mình, thậm chí là cả gia đình mình, bằng việc bác bỏ tất cả các thần của họ. Ngài đơn thân độc mã đương đầu với một bộ lạc dũng mãnh, một nhiệm vụ thật không dễ dàng và giản đơn chút nào. Đây cũng giống như thế ngày nay ai đó chống lại dân chúng Thiên chúa giáo hăng gấn bó với Thánh Kinh, chối bỏ Chúa hoặc thánh triều của Giáo hoàng – quả tội ky! – nếu một người như thế bác bỏ Chúa và dân chúng một cách quyết liệt nhất.

Dân chúng thời ấy không tin nơi Thượng Đế Duy nhất nhưng tin nhiều vị thần, mà họ cho là làm các phép lạ; vì vậy tất cả bọn họ đứng lên chống lại Ngài, và không một ai giúp Ngài ngoài Lot, là con của người anh và một vài người bình thường khác. Cuối cùng, bị sự chống đối của kẻ thù đẩy vào đường cùng, Ngài đã phải lìa bỏ quê hương. Sự thật là họ đã trục xuất Ngài để Ngài bị dày xéo và hủy diệt, thậm chí không còn lưu lại dấu vết gì nữa. Bây giờ Đức Abraham đi vào vùng Thánh Địa.

Kẻ thù Ngài coi như sự lưu đày của Ngài sẽ đưa Ngài tới chỗ hủy hoại lụi tàn, vì một người bị lưu đày khỏi quê hương, bị tước mất mọi quyền hạn và áp bức khắp mọi phía – dù là cựu vương chẳng nữa – thì cũng không sao thoát khỏi sự tận diệt. Nhưng Đức Abraham đã đứng vững và bộc lộ tính kiên định phi thường – và Thượng Đế đã biến người lưu đày này thành sự vinh hiển vĩnh viễn của Ngài – cho đến khi Ngài thiết lập sự Thống nhất của Thượng Đế giữa một thế hệ những kẻ thờ đa thần.

Cuộc lưu đày này đã trở thành nguyên do sự tiến bộ của con cái Đức Abraham, và Thánh Địa đã được ban cho họ. Kết quả là giáo lý của Đức Abraham được truyền bá rộng rãi, dẫn tới sự xuất hiện một Jacob trong lớp hậu duệ của Ngài, và một Joseph trở thành nhà cai trị nước Ai cập. Kết quả cuộc lưu đày của Ngài là một Đấng Moses và Đức Chúa biểu hiện trong hàng hậu bối của Ngài, và từ Hagar với Ngài đã sinh ra Ismael, với một hậu bối là Muhammad. Cũng bởi cuộc lưu đày của Ngài, Đức Bab xuất hiện trong hàng hậu bối,⁵ và các Đấng Tiên tri của Israel đều được kể trong hàng hậu bối của Đức Abraham. Và cứ thế điều này tiếp nối đời đời. Rốt lại, do kết quả cuộc lưu đày của Ngài, cả châu Âu và phần lớn châu Á đến dưới bóng độ trì của Đấng Thượng Đế của dân Israel. Hãy xem một uy lực ra sao mà khiến một Người lánh nạn khỏi quê hương để tạo dựng một gia đình như thế, thiết lập một đức tin như thế, và quảng bá những giáo lý như thế. Hỏi ai dám nói rằng tất cả điều này diễn ra cách ngẫu nhiên? Hãy công bình mà nhìn Người này có phải là Đấng Giáo dục hay không?

⁵ Đức Bab xuất thân từ dòng dõi Đức Muhammad

Do cuộc lưu đày của Đức Abraham từ xứ Ur đến Aleppo ở Syria đã tạo nên kết quả này, chúng ta phải xem xét điều gì sẽ là kết quả cuộc lưu đày của Đức Baha'u'llah qua nhiều lần chuyển dịch từ Tihran đến Baghdad, từ đó đến Constantinople, đến Rumelia và đến Thánh Địa.

Hãy xem Đức Abraham là Đấng Giáo dục hoàn hảo biết bao!

5/ ĐỨC MOSES

Trong một thời gian dài Đức Moses là mục đồng nơi hoang vắng. Bề ngoài, Ngài là một Người được nuôi dưỡng trong gia cảnh bạo ngược, và được biết là Người phạm tội sát nhân rồi trở thành mục đồng. Ngài là Người bị chánh quyền và dân chúng Pharaoh rất thù ghét. Chính một Người như thế đã giải cứu cho một nước lớn thoát khỏi xiềng xích nô lệ, khiến họ được an lòng, đưa họ ra khỏi Ai Cập và dẫn họ đến Thánh Địa.

Dân tộc này từ vực sâu tử hủ đã được nâng lên tầm cao vinh quang. Từ cảnh nô lệ, họ được giải thoát. Từ chỗ là những dân tộc tăm tối nhất, họ trở thành khôn sáng nhất. Nhờ kết quả các cơ chế mà Đức Moses ban cho họ, họ đã đạt tới cương vị được xem là cao trọng trong tất cả các nước, tiếng thơm của họ lan ra khắp các xứ, đến mức độ những nước xung quanh khi ca tụng một người nào họ nói: “Người này chắc chắn là dân Do Thái.” Đức Moses thiết lập các giáo luật và điều răn, tạo nên sức sống cho người Do Thái, và đưa họ lên trình độ văn minh cao nhất vào thời ấy.

Họ đạt tới mức độ phát triển đến nỗi các triết gia Hy Lạp đã đến để tìm tri thức từ những nhà học thức Do Thái. Một trong các triết gia đó là Socrates, đã từng thăm Syria và tiếp nhận của con dân người Do Thái những giáo lý về Thượng Đế Duy nhất và về sự bất diệt của linh hồn. Sau khi trở về Hy Lạp, ông truyền bá các giáo lý này. Về sau dân chúng Hy Lạp đứng lên chống đối ông, cáo buộc ông là bất tín, tố cáo ông trước tòa Aeropagus và bức tử ông bằng thuốc độc.

Hỏi làm thế nào mà một Người cà lăm, được nuôi lớn trong gia môn Pharaoh, nổi tiếng giữa dân chúng là kẻ sát nhân, là người do sợ sệt đã lẩn trốn một thời gian dài, rồi trở thành mục đồng, mà thành lập được nền Chánh Đạo vĩ đại như thế, trong khi những triết gia khôn ngoan nhất thế gian cũng không gây được một phần ngàn ảnh hưởng như Ngài? Đây quả là Đấng siêu phàm.

Một Người có cái lưỡi nói lấp bắp, không thể trò chuyện một cách nghiêm chỉnh, đã thành công trong việc nuôi dưỡng nền Chánh Đạo vĩ đại này! Nếu không được phò trợ bởi uy lực thiêng liêng, hẳn không bao giờ Ngài có thể tạo nên sự nghiệp to lớn này. Đây là những sự kiện không thể bác bỏ. Các triết gia theo chủ nghĩa duy vật, những nhà tư tưởng Hy Lạp, các vĩ nhân La Mã trở nên lừng danh trên thế giới, mỗi vị đều chỉ chuyên chú vào một ngành

học thuật. Galen và Hyppocrates nổi tiếng về y khoa, Aristotle về luận lý học và biện chứng, Platon về đạo đức học và thần học. Thế do đâu một mục đồng có thể đạt được tất cả các tri thức này? Điều này vượt khỏi mọi hoài nghi rằng Ngài phải được phò trợ bởi một uy lực toàn năng.

Hãy xem xét thêm về những thử thách và khó khăn đối với dân chúng. Để ngăn chặn một hành động hung bạo, Đức Moses đã hạ sát một người Ai cập và sau đó nổi tiếng trong dân chúng là kẻ sát nhân, điều đáng nói nữa là kẻ bị Ngài giết là thuộc về nước cai trị. Ngài phải bỏ trốn, và sau đó Ngài mới được cất lên hàng một Đấng Tiên tri!. Bất chấp điều tiếng xấu, Ngài đã được hướng dẫn thành công ra sao bởi một uy lực siêu nhiên trong việc thiết lập những giáo luật và cơ cấu vĩ đại như thế!

6/ ĐỨC CHÚA

Sau khi xuất hiện, Đức Chúa phán: “Ta sinh ra từ Thánh Linh.” Dù hiện nay người Thiên chúa giáo tin dễ dàng lời phát biểu này, nhưng vào lúc ấy thật rất khó khăn. Theo nguyên văn Sách Phục âm, người Pharisee nói: “Đây há chẳng phải là con ông Joseph người Nazareth mà chúng ta biết sao? Vậy sao Người ấy nói Ta đến từ thiên đàng?”⁶

Tóm lại, Người này, bề ngoài trong con mắt mọi người, vốn tầm thường, đã đứng lên với một uy lực lớn lao đến nỗi Người xóa bỏ cả một tôn giáo đã tồn tại một ngàn năm trăm năm, vào thời điểm mà sự di dịch nhỏ nhất từ tôn giáo ấy phải bị buộc tội nguy hiểm hoặc tử hình. Hơn nữa, vào những ngày của Đức Chúa đạo đức của cả thế giới và tình trạng của người Do Thái đã trở nên hoàn toàn rối loạn và sụp đổ, nước Do Thái đã rơi vào trạng thái sa ngã, khốn cùng và nô dịch tột độ. Có lúc họ đã phải làm nô lệ cho người Chaldee và Ba Tư; và khi khác họ bị hạ xuống hàng nô dịch của người Assyri, rồi trở thành thuộc hạ và chư hầu của Hy Lạp; rồi cuối cùng họ bị cai trị và khinh miệt bởi người La Mã.

Người trai trẻ này, Đức Chúa, nhờ sự phò trợ của uy lực siêu nhiên, đã xóa bỏ Luật xưa của Moses, cải cách toàn diện nền đạo đức, và một lần nữa đặt nền móng vinh quang vĩnh cửu cho dân Israel. Ngoài ra, Ngài còn mang đến cho loài người tin mừng về hòa bình thế giới, và truyền bá sâu rộng các giáo lý không chỉ riêng cho nước Do Thái mà cho nền hạnh phúc chung của cả loài người.

Những người đầu tiên nỗ lực chống đối Ngài là dân Do Thái, là chính dòng dõi của Ngài. Nhìn tất cả những biểu hiện bề ngoài thì họ thắng Ngài và đẩy Ngài tới chỗ cùng khốn nhất. Cuối cùng họ đội cho Ngài chiếc mũ gai và đóng đinh Ngài trên thánh giá. Nhưng Đức Chúa, trong khi có vẻ như đau

⁶ Xem John 6:42

thương khốn khó sâu sắc nhất, vẫn tuyên bố: “Mặt trời này sẽ rạn vỡ, Ánh sáng này sẽ chiếu rọi, Ân sủng của Ta sẽ bao trùm thế giới, và tất cả kẻ thù Ta sẽ bị triệt hạ.” Và Ngài phán bảo thế nào, sự thật đã diễn ra thế ấy; vì tất cả các vua trên trái đất không thể nào đứng vững trước Ngài. Hơn nữa, tất cả các ngọn cờ đều bị vút xuống, trong khi linh kỳ của Người bị Áp bức đã được dương lên tột đỉnh.

Điều này quả trái ngược với tất cả các qui tắc của lý trí con người. Nhưng thật rõ ràng và hiển nhiên rằng Đấng Vinh quang này là Đấng Giáo dục của cả thế giới loài người, rằng Ngài đã được phò trợ và tăng sức bởi uy lực thiêng liêng.

7/ ĐỨC MUHAMMAD

Giờ ta đến với Đức Muhammad. Người Âu và người Mỹ đã nghe một số chuyện kể về Đấng Tiên tri mà họ nghĩ là sự thật, mặc dù những người mô tả đều là tằm tối hoặc thù nghịch: phần lớn số họ là giới tu sĩ; các kẻ khác là những người Hồi giáo dốt nát chỉ lặp lại những truyền thuyết vô căn cứ về Đức Muhammad mà họ ngờ nghếch tin rằng đó là sự ca ngợi Ngài. Thế là một số người Hồi giáo ngây ngô lấy chuyện đa thê của Ngài làm trọng điểm trong việc chúc tụng và xem đó là một kỳ quan, là một phép lạ; và các sử gia châu Âu, phần đông, dựa trên chuyện kể của những kẻ dốt nát này.

Ví dụ, một kẻ điên rồ nói với một tu sĩ rằng bằng chứng thật sự về sự vĩ đại là lòng dũng cảm và gây đổ máu, rằng trong một ngày trên chiến trường một tín đồ của Đức Muhammad đã cắt đầu cả trăm người! Điều này đã dẫn làm vị tu sĩ tới chỗ suy ra rằng việc giết chóc được xem là cách chứng minh đức tin của một người đối với Đức Muhammad, trong khi đây là điều tưởng tượng hoàn toàn. Trái lại, các cuộc chinh phạt quân sự của Đức Muhammad chỉ có tính phòng vệ: một bằng chứng về điều này là suốt mười ba năm, ở Mecca, Ngài và các tín đồ đã nhận chịu sự đàn áp ác liệt nhất. Suốt thời kỳ này họ là mục tiêu cho những mũi tên thù hận: một số bạn đường của Ngài bị giết và sản nghiệp của họ bị chiếm đoạt; những người khác phải chạy đến các xứ lạ. Chính Đức Muhammad, sau các cuộc đàn áp khủng khiếp nhất bởi dân Quraishite, vốn quyết tâm sát hại Ngài, Ngài phải chạy sang Medina giữa canh khuya. Thế nhưng các kẻ thù Ngài vẫn không ngưng các cuộc đàn áp, mà đuổi theo Ngài đến tận Medina, và đuổi các môn đồ của Ngài đến tận Abyssinia.

Các bộ lạc Á rập này ở trong tình trạng thấp nhất về sự dã man và tàn bạo, mà nếu sánh với họ thì người hoang dã ở châu Phi và người Da Đỏ ở Mỹ là những người tiên tiến như Platon. Người hoang dã ở Mỹ không chôn sống con cái như những người Á rập này đối với con gái của mình, mà còn tự tôn

vinh đó là việc làm cao quý.⁷ Nhiều người đã dọa dẫm vợ họ là: “Nếu mày sinh con gái thì tao giết mày.” Ngay cả đến thời nay người Á rập vẫn còn sợ sinh con gái.

Ngoài ra một người đàn ông được phép lấy cả ngàn người đàn bà, và phần lớn các ông chồng có hơn mười bà vợ ở trong nhà. Khi các bộ lạc này gây chiến, kẻ chiến thắng chiếm đoạt đàn bà trẻ con của bộ lạc chiến bại làm tù nhân và đối xử với họ như nô lệ.

Khi một người qua đời có mười vợ, con trai của các bà vợ này vội giành giết mẹ của nhau; nếu thằng con trai nào ném áo lên đầu vợ của cha nó và la lên: “Người đàn bà này là tài sản hợp pháp của tao,” thì tức khắc người đàn bà bất hạnh trở thành tù nhân và nô lệ của nó. Nó có thể làm bất cứ điều gì với bà tùy thích. Nó có thể giết chóc bà, giam giữ bà dưới giếng, đánh đập, chửi mắng và hành hạ bà cho đến khi cái chết giải thoát cho bà. Theo thói quen và tập tục Á rập, nó là chủ của bà. Hiển nhiên là trò ma mãnh, ghen tuông, hờn ghét, thù hận tồn tại giữa các bà vợ và những đứa con trong nhà, và như thế thật không đáng mở rộng thêm chủ đề này. Thế đấy, hãy xét xem tình trạng và đời sống của những người phụ nữ bị áp bức này!

Ngoài ra, phương tiện sinh sống của các bộ lạc Á rập này chỉ là tranh đoạt và cướp bóc, nên họ luôn luôn gắn liền với đấu tranh và chiến sự, giết chóc lẫn nhau, cướp giết và tàn phá sản nghiệp của nhau, rồi bắt lấy đàn bà và trẻ con đem bán cho ngoại bang. Biết bao trường hợp con trai và con gái các ông hoàng, từng trải qua cuộc đời trong nhung lụa và xa hoa, qua một đêm chợt thấy mình rơi xuống cảnh tủi nhục, nghèo nàn, tù hãm. Hôm qua họ là những ông hoàng, hôm nay họ là tù nhân; hôm qua họ là các đại khuê nữ, hôm nay họ là những kẻ nô lệ.

Đức Muhammad tiếp nhận Mặc Khải Thiên liêng giữa các bộ lạc này, và sau mười ba năm chịu sự đàn áp của họ, Ngài phải dời cư đến Medina. Nhưng dân tộc này vẫn không ngừng áp bức; họ hợp sức nhau để loại trừ Ngài và các tín đồ của Ngài. Chính trong những tình huống ấy, Đức Muhammad mới phải cầm vũ khí. Đây là sự thật - chúng ta không tin nhầm, chúng ta không biện bạch cho Ngài, nhưng chúng ta theo lẽ công bằng và chỉ nói điều gì đúng. Hãy nhìn vào đó theo lẽ công bằng. Nếu chính Đức Chúa cũng bị đặt vào những tình huống này, giữa những bộ lạc dã man và hung bạo như thế, và suốt mười ba năm, Ngài cùng với các tông đồ của Ngài phải chịu đựng tất cả các bộ lạc này một cách kiên nhẫn, cuối cùng phải từ bỏ quê hương – đến như thế mà các bộ lạc vô luật pháp này vẫn tiếp tục đuổi theo Ngài, giết người, cướp của, bắt đàn bà và trẻ con – thử hỏi Đức Chúa cư xử ra sao với họ? Nếu sự áp bức này chỉ nhắm vào riêng Ngài, hẳn Ngài đã tha thứ, và hành vi tha thứ ấy đáng ca ngợi nhất, nhưng nếu Ngài thấy những kẻ sát nhân khát máu và cuồng bạo này, quyết giết, quyết cướp và gây tổn thương cho tất

⁷ Banu-Tamim là một trong những bộ lạc dã man nhất theo tục lệ xấu xa này.

cả những người bị áp bức, bắt giam cả đàn bà và con trẻ, ắt rằng Ngài phải bảo vệ họ và kháng cự lại những tên bạo chúa.

Thế nên, làm sao trách cứ được hành động của Đức Muhammad? Không như vậy, thì Ngài với các tín đồ và vợ con họ, cứ phó mặc cho các bộ lạc dã man này sao? Cứu các bộ lạc này ra khỏi sự khát máu của họ là lòng nhân từ lớn nhất, áp chế và kìm hãm họ là lượng bác ái thật sự. Họ giống như kẻ đang cầm trong tay chén thuốc độc, đang định uống, một người bạn đã đập chén thuốc để cứu hấn. Nếu Đức Chúa đã bị đặt vào những tình huống như thế, chắc chắn với uy lực toàn thắng Ngài đã giải thoát những đàn ông, đàn bà và trẻ con khỏi nanh vuốt của những con sói khát máu này.

Đức Muhammad không hề đấu tranh với người Thiên chúa giáo; trái lại, Ngài đối xử với họ rất tử tế và ban cho họ sự tự do hoàn toàn. Một cộng đồng dân Chúa sống ở Najran, dưới sự chăm sóc và che chở của Ngài, Đức Muhammad nói: “bất cứ ai xâm phạm quyền hạn của họ, thì chính ta là kẻ thù của người ấy, và trước sự hiện diện của Thượng Đế, Ta sẽ trách phạt người ấy,” Trong các phán lệnh Ngài ban bố đều có nêu rõ rằng sinh mạng, tài sản và danh dự của người Thiên chúa giáo và người Do Thái giáo đều đặt dưới ơn phò trợ của Thượng Đế; và nếu một người Hồi giáo kết hôn với một phụ nữ Thiên chúa giáo, người chồng không được cấm vợ mình đi nhà thờ, không buộc vợ phải che mặt, và nếu vợ chết đi, thì chồng phải trao di hài vợ cho sự chăm nom của giới tăng lữ Thiên chúa giáo. Nếu người Thiên chúa giáo muốn xây nhà thờ, người Hồi giáo phải giúp đỡ họ. Trong trường hợp chiến tranh xảy ra giữa Hồi giáo với kẻ thù, người Thiên chúa giáo được miễn nghĩa vụ tham chiến, trừ khi họ tự nguyện muốn làm thế để bảo vệ Hồi giáo, vì họ chịu sự che chở của Hồi giáo. Như để bù cho sự đặc miễn này, hằng năm họ phải đóng một khoản tiền nhỏ. Tóm lại, có bảy phán lệnh chi tiết về những vấn đề này, một số bản hiện còn lưu lại ở Jerusalem. Đây là một sự kiện cụ thể không tùy thuộc vào xác nhận của Ta. Phán lệnh của vị Caliph thứ hai⁸ vẫn còn được lưu giữ bởi vị Chương giáo chính thống ở Jerusalem, và điều này là hiển nhiên.⁹ Tuy nhiên, sau một khoảng thời gian, do sự gây hấn đôi bên của người Hồi giáo và người Thiên chúa giáo, nên giữa họ xảy ra sự hờn ghét và thù nghịch.

Ngoài sự kiện này, các mô tả về người Hồi giáo, người Thiên chúa giáo và những người khác đều là bịa đặt hoàn toàn, vốn bắt nguồn từ sự cuồng tín hoặc dốt nát, hoặc sự phát sinh do đố kỵ căng thẳng. Ví dụ, người Hồi giáo nói rằng Đức Muhammad chẻ đôi mặt trăng, và trăng rơi trên núi Mecca: họ tin rằng mặt trăng là một vật bé nhỏ mà Đức Muhammad chẻ làm hai phần, một phần ở trên núi này, một phần ở trên núi kia. Những chuyện như thế là đầy cuồng tín. Cùng với nhiều truyền thuyết khác mà giới tăng lữ trích dẫn,

⁸ *Của Umar*

⁹ *Xem sách Umayyad và Abbasid của Jurgi Zaydan, bản dịch của D.S. Margoliouth*

những sự kiện mà họ bới lông tìm vết, tất cả đều là phóng đại, nếu không nói là thiếu cơ sở.

Tóm lại, Đức Muhammad xuất hiện nơi sa mạc Hijaz trên bán đảo Ả rập, là một vùng hoang vu khô cằn, xa xôi, toàn là cát và không có người ở. Một số địa điểm như Mecca và Medina, đều cực nóng, cư dân sống du mục với cung cách và phong tục của người sa mạc, hoàn toàn bị thiếu giáo dục và khoa học. Kinh Quran nguyên gốc được viết trên các thanh xương sườn cừu hoặc trên lá cọ. Các chi tiết này cho thấy tình trạng của dân chúng mà Đức Muhammad được phái đến giáo dục.

Câu đầu tiên mà Ngài hỏi họ là: “Tại sao các ngươi không chấp nhận Ngũ Kinh và Sách Phúc âm, tại sao các ngươi không tin Đức Chúa và Đức Moses?” Lời này thật khó khăn cho họ, họ biện bạch: “Tổ tiên chúng tôi không tin Ngũ Kinh và Sách Phúc âm; hãy nói cho chúng tôi biết, tại sao thế?”. Ngài Trả lời: “Họ bị hướng dẫn sai lầm; các ngươi phải từ bỏ những kẻ không tin Ngũ Kinh và Sách Phúc âm, kể cả những kẻ ấy là cha các ngươi và tổ tiên các ngươi.”

Ở một xứ như thế, và giữa các bộ lạc dã man, một người mù chữ đưa ra một Quyển sách trong đó, với văn phong hùng biện và hoàn hảo, Ngài giải thích những đặc tính thiêng liêng và những điều hoàn hảo, thiên chức tiên tri của các Đấng Sứ giả Thượng Đế, các giáo luật thiêng liêng và một số sự kiện khoa học.

Như thế, ta thấy rằng trước sự quan sát của thời hiện đại – nghĩa là, từ những thế kỷ đầu cho đến thế kỷ thứ mười lăm kỷ nguyên Thiên chúa giáo – tất cả các nhà toán học trên thế giới nhất trí rằng trái đất là trung tâm vũ trụ, còn mặt trời thì chuyển động. Nhà thiên văn học lừng danh người chủ xưởng giả thuyết mới phát hiện sự chuyển vận của trái đất và sự bất động của mặt trời.¹⁰ Mãi đến thời ông ấy tất cả các nhà thiên văn và triết gia trên thế giới đều theo thuyết của Ptoleme, và bất cứ ai nói khác đi đều bị cho là dốt. Dù Pythagore, và Platon về cuối đời chấp nhận lý thuyết rằng sự vận chuyển hằng năm của mặt trời quanh cung hoàng đạo không xuất phát từ mặt trời, mà từ sự vận chuyển của trái đất quanh mặt trời, thuyết này đã hoàn toàn bị lãng quên, mà hệ thống của Ptoleme được tất cả các nhà toán học chấp nhận. Nhưng có một số câu thánh thi mặc khải trong Kinh Quran trái với lý thuyết của hệ thống Ptoleme. Một trong những câu thánh thi đó là: “mặt trời chuyển động trong một nơi cố định” cho thấy tính cố định của mặt trời, và sự chuyển động của nó là quanh một trục.¹¹ Rồi trong một câu thánh thi khác: “Mỗi ngôi sao chuyển động trong bầu trời của nó.”¹² Như thế là giải thích sự chuyển động của mặt trời, mặt trăng, trái đất và các thiên thể khác. Khi Kinh Quran xuất hiện, tất cả các nhà toán học điều cốt các phát biểu này và cho lý thuyết này

¹⁰ Copernic

¹¹ Xem Kinh Quran 36:37

¹² Quran 36:38

là dốt nát. Cả đến những nhà thông thái Hồi giáo, khi thấy các câu thánh thi này trái với hệ thống Ptoleme đã được xác lập, đành buộc phải giải thích khác ngược với kinh Koran

Mãi tới sau thế kỷ mười lăm Kỷ nguyên Thiên chúa giáo, gần chín trăm năm sau Đức Muhammad, một nhà thiên văn học lừng danh mới thực hiện được những quan sát mới và những phát minh quan trọng cùng sự trợ lực của kính thiên văn do ông phát minh.¹³

Sự vận xoay của trái đất, sự cố định của mặt trời, cùng với chuyển động trên trục của nó, được khám phá. Thế mới hiển nhiên là các câu thánh thi của Kinh Quran phù hợp với sự kiện tồn tại, và hệ thống của Ptoleme chỉ là tưởng tượng.

Tóm lại, nhiều dân tộc phương Đông đã được nuôi dưỡng suốt mười ba thế kỷ dưới bóng tôn giáo của Đức Muhammad. Suốt thời Trung cổ, trong khi châu Âu chìm dưới những đày sêu man rợ, các dân tộc Á rập đã vượt trên các quốc gia khác trên trái đất về học vấn, nghệ thuật, toán học, văn minh, chánh quyền và các khoa học khác. Đấng Khai sáng, Đấng Giáo dục của các bộ lạc Á rập này, Đấng Sáng lập nền văn minh và những điều hoàn hảo của nhân loại giữa các sắc dân khác nhau này, là một Người mù chữ, là Đức Muhammad. Nhân vật trứ danh này có phải là Đấng Giáo dục thấu đáo không? Cần phải có sự nhận xét công bằng chứ.

8/ ĐỨC BAB

Về Đức Bab - ước gì Ta có thể dâng linh hồn Ta cho Ngài! - đang ở tuổi thanh niên, nghĩa là, khi đó mới đạt tới tuổi hai mươi lăm trong cuộc đời đầy ân phúc của Ngài, Ngài đã đứng lên công bố Chánh Đạo.¹⁴ Theo sự nhìn nhận phổ biến giữa những người Hồi giáo Shi'ih thì Ngài không hề theo học tại một ngôi trường nào và không hề tiếp nhận tri thức từ một ông thầy nào, mọi người ở Shiraz đều làm chứng về điều này. Thế mà, đột nhiên Ngài xuất hiện trước dân chúng, với sự thông thái thiên phú hoàn hảo nhất. Ngài chỉ là một thương gia, nhưng làm bối rối tất cả nhà thông thái Hồi giáo xứ Ba Tư. Hoàn toàn đơn độc, và bằng phương cách vượt khỏi trí tưởng tượng, Ngài đã nêu cao Chánh Đạo giữa những người Ba Tư vốn nổi tiếng về sự cuồng tín tôn giáo. Linh hồn tuyệt vời này đứng lên với một uy lực có thể làm lay chuyển các trụ cột về tôn giáo, về đạo đức, về tình trạng xã hội, về phong tục tập quán của Ba Tư, thiết định các quy tắc mới, các luật lệ mới và một tôn giáo mới. Dù các nhân vật chính của đất nước, hầu hết giới tăng lữ và viên chức đứng lên mưu tiêu diệt và loại trừ Ngài, một mình Ngài đã đương cự với họ

¹³ Galile

¹⁴ Đức Bab ở đây được gọi bằng tôn hiệu là Hadrat-i-'Ala, Đấng Tối cao; nhưng để thuận tiện cho độc giả ta sẽ tiếp tục tôn xưng Ngài bằng danh đã được biết đến khắp châu Âu – nghĩa là Đức Bab

và làm chuyển động cả nước Ba Tư. Nhiều tu sĩ Hồi giáo và các viên chức, cùng các thành phần dân chúng khác, hân hoan hy sinh mạng sống trong Chánh Đạo của Ngài, và hồi hả tiến về cánh đồng tử đạo.

Chánh quyền, đất nước, các nhà thần học và các nhân vật quan trọng muốn dập tắt ánh sáng của Ngài, nhưng họ không làm được điều đó. Cuối cùng vầng trăng của Ngài mọc lên, mặt trời của Ngài chiếu sáng, nền móng của Ngài được thiết lập vững chắc, và buổi bình minh của Ngài rạng ngời. Ngài ban phát nền giáo dục tâm linh cho quần chúng chưa giác ngộ và tạo nên kết quả tuyệt vời về tư tưởng, đạo đức, phong tục và điều kiện sống của người Ba Tư. Ngài công bố tin mừng cho các môn đồ Ngài về sự biểu hiện của Mặt Trời Baha và chuẩn bị cho các môn đồ tin nhận Đấng này.

Sự xuất hiện những dấu hiệu kỳ diệu và các kết quả tuyệt vời ấy; các tác động đã được tạo ra trên tâm trí con người và trên những ý tưởng đang thịnh hành; việc thiết lập nền móng cho sự tiến bộ; và việc tổ chức các nguyên lý thành công và thịnh vượng bởi một thương gia trẻ, đã hợp thành bằng chứng vĩ đại nhất rằng Ngài là Đấng Giáo dục hoàn hảo. Người công bằng sẽ không bao giờ ngần ngại tin tưởng điều này.

9/ ĐỨC BAHÀ'U'LLAH

Bahà'u'llah¹⁵ xuất hiện vào thời điểm mà nước Ba Tư đắm chìm trong vực thẳm tối tăm và dốt nát và mất hút trong sự cuồng tín mù lòa. Dĩ nhiên, trong các sách sử châu Âu, các con đã đọc những tường thuật chi tiết về đạo đức, phong tục và tư tưởng của người Ba Tư trong các thế kỷ trước. Không cần thiết nhắc lại nữa. Tóm lại, chúng ta nói rằng Ba Tư đã rơi xuống quá thấp đến nỗi đối với tất cả khách nước ngoài đó là điều thật đáng tiếc cho quốc gia này, mà các thời trước rất là vinh quang và văn minh cao độ, nay trở thành rạn nứt, lụi tàn và đảo lộn, và dân chúng nước này đã bị mất sự tôn quý.

Chính vào lúc này Đức Bahà'u'llah đã xuất hiện. Phụ thân Ngài là một thượng thư, chứ không phải là một nhà thông thái Hồi giáo. Tất cả dân chúng Ba Tư đều biết, Ngài không hề theo học trường nào, cũng không giao tiếp với các nhà thông thái hoặc những người học thức. Phần đầu đời Ngài trải qua trong hạnh phúc tràn trề. Các bạn đường và những người cộng sự với Ngài đều thuộc hàng cao quý nhất, nhưng không phải giới trí thức.

Ngay khi Đức Bab mặc khải Chánh đạo, Đức Bahà'u'llah phán: “Nhân vật này là Đấng Chúa của đạo lý, mọi người đều phải tin nơi Ngài,” Ngài đã đứng lên giúp Đức Bab, đưa ra nhiều lý chứng và bằng cứ tích cực về chân

¹⁵ *Jamal-i-Mubarak, Đấng Phúc Mỹ đó là tôn hiệu thiên ban của Đức Bahà'u'llah. Ngài còn được tôn xưng là Jamal-i-Qidam, Đấng Tiên hữu hoặc Đấng Mỹ lệ Xưa. Nhưng chúng ta nêu danh Ngài là Bahà'u'llah, là tôn hiệu quen thuộc ở châu Âu.*

lý của Ngài, bất chấp sự kiện là các nhà thông thái của nền quốc giáo đã ép chánh quyền Ba Tư chống đối và kháng cự Ngài, lại còn ban bố những sắc chỉ ra lệnh tàn sát, cướp bóc, đàn áp và trục xuất các môn đồ của Ngài. Tại tất cả các tỉnh họ bắt đầu giết chóc, đốt phá và cướp giạt của người tín đồ và tấn công cả đàn bà, con trẻ. Bất chấp điều này, Đức Baha'u'llah đứng lên công bố lời của Đức Bab bằng năng lực và sự kiên định lớn nhất. Ngài không lẩn tránh một khoảnh khắc nào, mà công khai đứng giữa các kẻ thù. Ngài luôn bận rộn công bố lý chứng và bằng cớ và được nhìn nhận là Đấng Tiên phong của Ngôi Lời Thượng Đế. Trong nhiều cuộc biến động và đổi thay, Ngài nhận lấy những nỗi bất hạnh lớn nhất, và lúc nào Ngài cũng đối mặt với nguy cơ tử đạo.

Ngài bị mang xiềng xích và giam dưới hầm ngầm. Cơ nghiệp và gia sản thừa kế của Ngài bị cướp bóc và tịch thu. Ngài bị lưu đày bốn phen từ xứ này đến xứ khác và chỉ được an nghỉ nơi “Nhà tù Lớn nhất.”¹⁶

Bất kể mọi điều này, Ngài không dừng lấy một khoảnh khắc trong việc tuyên ngôn sự vĩ đại của nền Chánh Đạo Thượng Đế. Ngài biểu hiện đức hạnh, tri thức, và những sự hoàn hảo tuyệt vời đến nỗi Ngài trở thành một kỳ quan đối với tất cả dân chúng Ba Tư. Ngài nổi trội đến mức ở Tihran, Baghdad, Constantinople, Rumelia, và ngay cả ở Akka, mọi người trí thức và nhà khoa học được vào trước sự hiện diện của Ngài, dù là bạn hay kẻ thù, đều nhận được sự giải đáp đầy đủ và thuyết phục nhất cho bất cứ vấn đề nào cần minh giải. Mọi người thường nhìn nhận rằng Ngài có sự độc đáo duy nhất trong mọi điều hoàn hảo.

Ở Baghdad thường có cuộc họp mặt của một số nhà thông thái Hồi giáo, Rabbi Do Thái giáo, người Thiên chúa giáo với các học giả châu Âu, trong một Hội nghị thiên phúc: mỗi người đưa ra câu hỏi, và dù họ thuộc về những nền văn hóa với trình độ khác nhau, nhưng đều được nghe câu trả lời đầy đủ và thuyết phục, rồi ra về đầy hài lòng. Thậm chí các nhà thông thái Hồi giáo Ba Tư ở Karbila và Najab cũng đã chọn một người khôn ngoan là sứ giả đến với Ngài; tên người ấy là Mulla Hasan Amu. Ông ấy đến trước sự Hiện diện Thiêng liêng và đưa ra một số câu hỏi nhân danh các nhà thông thái Hồi giáo, để Đức Baha'u'llah giải đáp. Thế rồi Hasan Amu nói: “Các nhà thông thái Hồi giáo nhìn nhận không chút chần chừ và chấp nhận sự hiểu biết cùng với thánh đức của Đức Baha'u'llah, và họ đã đồng thanh xác nhận rằng trong mọi nền học vấn không có ai là đối thủ hay đồng hàng với Ngài; nhưng rồi các nhà thông thái Hồi giáo vẫn nói: “Chúng tôi không bằng lòng với điều này; chúng tôi không nhìn nhận sự thật về sứ mạng của người bởi thánh đức và sự khôn ngoan của người. Vì vậy, chúng tôi yêu cầu người trưng ra cho chúng tôi một phép lạ để chúng tôi thỏa mãn và thấy yên ổn trong tâm hồn.”

¹⁶ *Lưu đày trước hết đến Baghdad, rồi đến Constantinople, đến Adrinople, rồi bị giam tại Akka (Acre) “Nhà tù Lớn nhất”, năm 1868.*

Đức Baha'u'llah trả lời: “Mặc dù các ngươi không có quyền yêu cầu điều này, vì Thượng Đế mới thử thách chúng sinh của Ngài, chứ chúng sinh không nên thử thách Thượng Đế, dù vậy Ta vẫn cho phép chấp nhận thỉnh cầu này. Nhưng Chánh Đạo của Thượng Đế không phải là một tuồng hát để biểu diễn hằng giờ, mà người ta còn có thể đòi hỏi vở mới mỗi ngày. Nếu là như thế, thì Chánh Đạo của Thượng Đế sẽ trở thành một trò trẻ con.

Thế nên, các nhà thông thái Hồi giáo sẽ họp lại và nhất trí chọn một phép lạ, rồi viết rằng, sau khi thực hiện phép lạ này họ sẽ không còn ấp ủ mỗi hoài nghi nào về Ta nữa, và rằng tất cả sẽ nhìn nhận và tin theo chân lý Chánh Đạo của Ta. Họ sẽ đóng dấu trên giấy này và mang đến cho Ta. Tiêu chuẩn này phải được chấp nhận: nếu phép lạ được thực hiện, thì họ không còn mỗi hoài nghi nào nữa; bằng không Chúng Ta chịu sự buộc tội là dối gạt.

Nhà trí thức Hasan Amu đứng lên và Trả lời: “Không có điều gì cần nói thêm nữa”; ông ôm hôn đầu gối Đấng Chúc phúc mặc dù ông không phải là một tín đồ, rồi ra đi. Ông triệu tập các nhà thông thái Hồi giáo và chuyển cho họ thông điệp thiêng liêng. Họ hội ý với nhau và nói: “Đây là người có bùa mê; có lẽ ông ấy sẽ làm bùa phép rồi chúng ta không ăn nói gì được nữa.” Vì tin như thế, họ không dám thúc nhắc gì chuyện này nữa.¹⁷

Ông Hasan Amu, đã nói đến sự kiện này tại nhiều cuộc họp. sau khi rời Karbila, ông đến Kirmanshah và Tihiran nơi ông trình bày rộng rãi câu chuyện chi tiết ở khắp nơi, nhấn mạnh về sự e sợ và rút lui của các nhà thông thái Hồi giáo.

Tóm lại, tất cả các kẻ thù Ngài ở phương Đông đều nhận biết sự cao vợi, sự vĩ đại, trí thức và thánh đức của Ngài; và dù họ là kẻ thù, họ luôn luôn nhắc tới Ngài là “Baha'u'llah lừng danh.”

Vào lúc mà Ánh sáng kỳ vĩ của Ngài chợt bùng lên nơi chân trời Ba Tư, tất cả dân chúng, các thượng thư, các nhà thông thái Hồi giáo và những người thuộc các giai cấp khác đều đứng lên chống đối Ngài, đuổi theo Ngài với mỗi hiểm thù lớn nhất, và rêu rao rằng “người này muốn chèn ép và tiêu diệt tôn giáo, luật pháp, đất nước và đế quốc.” Đức Chúa xưa cũng bị buộc như thế. Nhưng Đức Baha'u'llah đã đơn thân độc mã kháng cự lại tất cả bọn họ, không hề biểu lộ chút suy kém nào.

Cuối cùng họ nói: “bao lâu mà người này còn sống ở Ba Tư, thì bấy lâu sẽ không có sự hòa bình và an tĩnh; chúng ta phải lưu đày người, để cho Ba Tư trở lại trạng thái yên bình.” Họ xúc tiến việc sử dụng bạo lực đối với Ngài và buộc Ngài phải xin phép rời bỏ Ba Tư, nghĩ rằng làm cách này ánh sáng chân lý của Ngài sẽ bị dập tắt; nhưng kết quả đã diễn ra hoàn toàn trái ngược.

¹⁷ Sự phán đoán thấu suốt của Đức Baha'u'llah về dịp này đã vượt khỏi ác ý của kẻ thù Ngài, mà chắc chắn là họ sẽ không bao giờ dám chọn phép lạ nào để thử Ngài.

Chánh Đạo trở nên to lớn, và lửa đức tin càng thêm mạnh mẽ. Lúc đầu nó chỉ lan ra khắp nước Ba Tư, nhưng cuộc lưu đày Đức Baha'u'llah khiến cho Chánh Đạo được truyền ra khắp các nước. Sau đó, kẻ thù Ngài nói: "Iraq-i-Arab¹⁸ không đủ xa Ba Tư; chúng ta phải đưa người ấy đến một nước xa hơn." Đây là lý do tại sao chánh quyền Ba Tư quyết định đưa Đức Baha'u'llah từ Iraq đến Constantinople. Sự kiện này lại chứng tỏ nền Chánh Đạo không bị suy yếu chút nào. Một lần nữa họ nói: "Constantinople là một địa điểm giao lưu và tạm cư của nhiều sắc tộc và giống dân khác nhau, trong đó có nhiều người Ba Tư." Vì lẽ này người Ba Tư lưu đày Ngài xa thêm đến Rumelia, nhưng, khi đến đó, ngọn lửa bùng cháy mạnh mẽ hơn, và nền Chánh Đạo càng được tôn vinh. Cuối cùng, người Ba Tư nói: "Không chỗ nào trong các nơi này thoát được ảnh hưởng của người ấy, chúng ta phải đày ông đến nơi nào ông trở thành bất năng hoàn toàn, nơi mà gia đình và các tín đồ của ông phải chịu đau thương tệ hại nhất." Thế là họ chọn nhà tù Akka, là nơi đặc biệt dành cho những kẻ sát nhân, trộm cắp, cướp đường, mà sự thật họ liệt Ngài vào hàng những kẻ ấy. Nhưng uy lực của Thượng Đế đã trở nên hiển hiện: Lời của Ngài được quảng bá, bấy giờ sự vĩ đại của Đức Baha'u'llah thành hiển nhiên, bởi vì chính từ nhà tù này và trong những tình huống khổ nhục này Ngài đã khiến cho nước Ba Tư tiến từ tình trạng này sang tình trạng khác. Ngài vượt thắng tất cả các kẻ thù và chứng tỏ cho họ thấy rằng họ không thể chống nổi nền Chánh Đạo. Giáo lý của Ngài thấm nhuần khắp mọi miền, và Chánh Đạo của Ngài được thiết lập.

Hẳn nhiên, ở khắp mọi miền của Ba Tư các kẻ thù đứng lên chống đối Ngài với sự hiểm thù lớn nhất, giam giữ, giết chóc và đánh đập các tín đồ của Ngài, đốt phá và san bằng hàng ngàn ngôi nhà, cố tìm mọi phương tiện để loại bỏ và chà đạp nền Chánh Đạo. Bất chấp tất cả điều này, nhà tù của những kẻ sát nhân, cướp đường, trộm cắp trở thành tôn quý. Giáo lý của Ngài được truyền xa, và những lời răn của Ngài đã ảnh hưởng tới những người đã từng chứa đầy thù hận trở thành tín đồ vững mạnh. Thậm chí cả chính quyền Ba Tư cũng tỉnh ngộ và hối tiếc về điều đã xảy ra do lỗi của các nhà thông thái Hồi giáo.

Khi Đức Baha'u'llah đến nhà tù ở Thánh Địa, những người khôn ngoan nhận biết rằng tin mừng mà Thượng Đế đã ban qua lưỡi các Đấng Tiên tri hai hoặc ba ngàn năm trước lại được biểu hiện, và rằng Thượng Đế giữ đúng lời hứa của Ngài; bởi vì qua một số các Đấng Tiên tri Ngài đã mặc khải và ban cho tin mừng rằng "Đấng Chúa các Cơ binh sẽ biểu hiện ở Thánh Địa." Tất cả những lời hứa này đã ứng nghiệm; và thật khó mà hiểu được rằng làm thế nào mà Đức Baha'u'llah có thể bị buộc phải rời Ba Tư, và dựng lều tại Thánh Địa này, chỉ vì sự đàn áp của kẻ thù Ngài, sự trục xuất và lưu đày Ngài. Các kẻ thù Ngài chủ tâm dùng sự cầm tù hủy diệt và loại bỏ hoàn toàn nền Chánh Đạo thiên phúc, nhưng trên thực tế nhà tù lại là sự trợ giúp lớn nhất và trở

¹⁸ Iraq; khác với quận kia của Iran bấy giờ có tên gọi là Iraq-i-Azam, nay gọi là Iraq.

thành phương tiện cho Chánh Đạo phát triển. Phương danh thiêng liêng của Đức Baha'u'llah lan khắp Đông Tây, và những tia sáng Mặt trời Chân lý soi sáng cả thế giới. Thượng Đế thật đáng ca ngợi! Dù là một người tù, Ngài đã dựng lều trên Núi Carmel, và vận chuyển rộng khắp với sự trang nghiêm kỳ diệu nhất. Mọi người, bạn hữu và khách lạ, được đến trước sự hiện của Ngài thường nói: “Đây là một ông hoàng, chứ không phải là người tù.”

Ngay khi đến nhà tù ở Adrianople, Ngài đã gửi một bức thư cho vua Napoleon III, được chuyển qua đại sứ Pháp. Cốt yếu thư là “Hãy hỏi tội của Chúng Ta là gì và tại sao Chúng Ta bị giữ trong nhà tù này và trong hầm giam này.” Napoleon không trả lời. Rồi một bức thư thứ hai được ban bố, thư này nằm trong Suriy-i-Haykal¹⁹. Điều trích yếu là: “Hỡi Napoleon, vì ngươi đã không nghe lời tuyên ngôn của Ta, và ngươi đã không phúc đáp, quyền ngự trị của ngươi không bao lâu nữa sẽ bị trục khỏi tay ngươi, và ngươi sẽ bị hủy diệt hoàn toàn.” Thư này được gửi đến Napoleon bằng đường Bưu điện, qua sự đảm trách của Cesar Ketaphakou²⁰, mà tất cả bạn đường trong chốn lưu đày đều biết. Nguyên văn lời cảnh cáo này đến với cả nước Ba Tư, vì vào lúc ấy Kinh Kitab-i-Haykal được phổ biến ở Ba Tư, và thư này là một phần nội dung của quyển Kinh. Điều này xảy ra năm 1869, và quyển Kinh Suriy-i-Haykal này được lưu hành ở Ba Tư và Ấn Độ trong tay các tín đồ, họ đang mong chờ để thấy điều gì sẽ đến. Không lâu sau đó, vào năm 1870, chiến tranh giữa Pháp và Đức bùng nổ; và dù lúc ấy không ai nghĩ rằng Đức sẽ thắng, Napoleon bị đánh bại và bị ô danh; ông ta đầu hàng kẻ thù và vinh quang của ông ta biến thành tui nhục gay gắt.

Các Bức thư cũng được gửi tới các vua khác, trong đó có một bức gửi cho Vua Nasirid-Din Shah. Trong thư ấy Đức Baha'u'llah phán: “Hãy họp các nhà thông thái Hồi giáo, rồi triệu tập Ta đến để hỏi về những bằng cứ và luận chứng, hầu cho chân lý và sự ngụy tạo được biết rõ. “Vua Nasirid-Din Shah chuyển bức thư thiên phúc ấy cho các nhà thông thái Hồi giáo và đề nghị họ nên đảm trách sứ mệnh này, nhưng họ không dám nhận. Thế rồi vua yêu cầu bảy người ưu tú nhất trong số họ phúc đáp sự thách thức này. Ít lâu sau họ trả lại cho vua bức thư và nói: “Người này là kẻ chống đối tôn giáo và là kẻ thù của vua.” Vua Ba Tư rất bất bình và nói: “Đây là vấn đề về bằng cứ và luận chứng, về chân lý và ngụy tạo: nó có liên hệ gì với chuyện kẻ thù của chánh quyền? Tiếc thay! Ta kính nể các nhà thông thái Hồi giáo này biết bao, thế mà họ không trả lời nổi một bức thư.”

Tóm lại, tất cả những điều ghi chép trong những bức thư gửi đến các vua đều đã ứng nghiệm: nếu từ năm 1870 ta đối chiếu các sự kiện đã diễn biến, thì sẽ thấy rằng tất cả đều ứng nghiệm như đã tiên báo; chỉ có một số ít sau này cũng thành hiển nhiên.

¹⁹ Một trong những tác phẩm của Đức Baha'u'llah viết sau sự Tuyên ngôn của Ngài

²⁰ Con trai của vị lãnh sự Pháp ở Syria mà Đức Bab đã có mối quan hệ thân hữu

Các dân ngoại, và các phái không phải là tín đồ, cũng kể nhiều chuyện kỳ diệu liên quan đến Đức Baha'u'llah. Một số người tin rằng Ngài là một vị thánh, số khác cũng viết những luận văn về Ngài. Một người trong số đó, Siyyid Davudi, một nhà thông thái phái Hồi giáo Sunni, đã viết một luận văn ngắn trong đó ông nêu lên một số việc làm siêu phàm của Đức Baha'u'llah. Ngay cả hiện nay, tại khắp các miền ở phương Đông, vẫn có một số người, dù không tin nơi sự biểu hiện của Ngài, nhưng cũng tin Ngài là một bậc thánh và nhắc tới một số phép lạ cho là của Ngài.

Nói chung, cả các kẻ thù và những người ủng hộ Ngài, cũng như tất cả những ai được Ngài tiếp tại nơi thánh, đều nhìn nhận và làm chứng cho sự vĩ đại của Ngài. Dù họ không tin nơi Ngài, họ vẫn công nhận sự vĩ đại của Ngài, và ngay khi họ bước vào chốn thánh vi, sự hiện diện của Đức Baha'u'llah đã tạo ảnh hưởng lớn đến nỗi phần lớn số họ không thể thốt nên lời. Biết bao lần đã xảy chuyện là, những kẻ thù chua cay nhất của Ngài tự quyết trong lòng rằng: “Ta sẽ nói thế này và thế này khi ta đến trước sự hiện diện của ông ấy, ta sẽ tranh biện và lý luận với ông ấy,” nhưng khi bước vào sự Hiện diện của Ngài, người ấy trở nên hoang mang và lúng túng, không nói được tiếng nào.

Đức Baha'u'llah không hề học tiếng Ả rập; Ngài không có thầy giáo hoặc gia sư, Ngài cũng không theo học trường nào. Thế nhưng sự hùng biện và sự tao nhã qua lời diễn đạt thiên phúc của Ngài bằng tiếng Ả rập, cũng như các thánh thư Ả rập của Ngài, đều làm kinh ngạc và bàng hoàng những học giả Ả rập thành đạt nhất, tất cả đều nhìn nhận và tuyên bố rằng Ngài là Đấng vô song và bất khả tỉ.

Nếu chúng ta khảo sát thấu đáo nguyên bản Kinh Torah, chúng ta thấy rằng Đấng Biểu hiện Thiên liêng không bao giờ nói với những kẻ chối bỏ Ngài rằng, “Bất cứ phép lạ nào các ngươi muốn, Ta sẵn sàng thực hiện, và Ta sẽ làm theo bất cứ sự thử thách nào các ngươi đề nghị.” Nhưng trong bức thư gửi cho vua Ba Tư, Đức Baha'u'llah phán rõ ràng: “Hãy họp các nhà thông thái Hồi giáo, rồi triệu tập Ta đến để cho những bằng cứ và luận chứng được biết rõ.”²¹

Suốt năm mươi năm Đức Baha'u'llah đối mặt với các kẻ thù Ngài như một ngọn núi: tất cả đều muốn loại trừ Ngài và tìm cách hủy diệt Ngài. Cả ngàn lần họ mưu toan thủ tiêu và hủy diệt Ngài, và suốt năm mươi năm này Ngài luôn luôn ở trong cảnh hiểm nguy.

Vào thời này nước Ba Tư đang ở trong tình trạng suy đồi và tàn lụi đến nỗi tất cả các bậc thông minh, dù là người Ba Tư hay dân ngoại, biết rõ thực

²¹ Xem trang 30, số 1. Khi nêu tầm quan trọng như thế đối với ví dụ này về ý lành của Đức Baha'u'llah, Đức Abdul Baha muốn nhấn mạnh về tính vô dụng của phép lạ như là một bằng chứng về chân lý của các Đấng Biểu hiện Thượng Đế. Xem “Phép lạ”, tr. 100

trạng các vụ việc, đều nhìn nhận rằng sự tiến bộ, nền văn minh và việc tái xây dựng nước này tùy thuộc vào việc quảng bá giáo lý và phát triển các nguyên lý của Nhân vật vĩ đại này.

Đức Chúa, trong ngày chúc phúc của Ngài, thực ra chỉ giáo dục có mười một người: thế mà người vĩ đại nhất là Peter (thánh Phê rô), khi bị thử thách đã ba lần chối Chúa. Dù vậy, cuối cùng nền Chánh Đạo của Chúa vẫn thấm nhuần cả thế giới. Ngày nay, Đức Baha'u'llah đã giáo dục hàng ngàn linh hồn, mà khi bị đe dọa bởi đao kiếm vẫn hướng mặt lên trời hô vang “Ya Baha'ul Abha”²² và trong ngọn lửa thử thách, mặt họ trở nên rực sáng như vàng. Rồi phản chiếu những gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Sau hết, chúng ta phải công bình mà nhận biết rằng Đấng Vinh quang này là một Đấng Giáo dục như thế nào, những dấu hiệu do Ngài biểu hiện kỳ diệu ra sao, uy lực và quyền năng đã thể hiện qua Ngài khắp nơi trên thế giới như thế nào.

10/ NHỮNG BẰNG CHỨNG CỔ TRUYỀN TIÊU BIỂU TRONG SÁCH DANIEL (TIÊN TRI ĐA-NI-ÊN)

Hôm nay, tại bàn tròn này, chúng ta nói đôi điều về những bằng chứng. Nếu các con đến nơi chúc phúc này trong những ngày của Đấng Biểu hiện Ánh sáng hiển nhiên²³, các con đã đạt tới sự Hiện diện của Ngài, đã chứng kiến vẻ mỹ lệ rực rỡ của Ngài, đã hiểu rằng giáo lý và sự hoàn hảo của Ngài không cần phải có bằng chứng nào khác. Chỉ nhờ điều vinh dự được vào sự Hiện diện của Ngài, nhiều linh hồn đã trở nên tin đồ vững mạnh, họ không cần bằng chứng nào cả. Kể cả những người chối bỏ và ghét Ngài cay đắng, khi họ được gặp Ngài, cũng xác nhận sự vĩ đại của Đức Baha'u'llah, và nói: “Đây là một người cao cả, nhưng rất tiếc ông đã đưa ra lời tuyên bố như thế! Bằng không, mọi điều ông ấy nói ra đều chấp nhận được.”

Nhưng giờ đây, khi Nguồn Sáng Thực tại ấy đã lặn, mọi người đều cần có bằng chứng, nên chúng ta cố gắng nêu ra những bằng chứng hợp lý về chân lý tuyên ngôn của Ngài. Chúng ta sẽ thuật lại một chuyện khác, riêng nó cũng đủ cho tất cả những người công bình, và không ai có thể bác bỏ được. Chính Nhân vật đặc biệt này nêu cao Chánh Đạo của Ngài trong “Nhà tù Lớn Nhất” (Akka), từ Nhà tù này Ánh sáng của Ngài lan xa, phương danh Ngài chinh phục thế giới, và tuyên ngôn về vinh quang của Ngài truyền tới cả phương Đông và phương Tây. Mãi đến thời đại của chúng ta mới có điều như thế xảy ra. Nếu có sự công bình hẳn điều này đã được nhìn nhận, nhưng có một số người, dù tất cả các bằng chứng trên thế giới được trưng ra cho họ, họ cũng

²² *Tiếng hô được người Baha'i sử dụng để tuyên xưng đức tin, nghĩa là “Lạy Ngài là Đấng Vinh quang trên mọi Vinh quang”*

²³ *Đức Baha'u'llah*

sẽ không phán đoán công bằng!. Như thế các quốc gia và các tiểu bang với tất cả sức mạnh của nó đều không chống nổi Ngài. Quả thật, chỉ một thân một mình, bị cầm tù và áp bức, Ngài đã hoàn thành bất cứ điều gì Ngài muốn.

Ta không muốn nhắc tới các phép lạ của Đức Baha'u'llah, vì có thể người ta sẽ nói rằng đó là truyền thuyết, có thể đúng mà cũng có thể sai, giống như chuyện kể về các phép lạ của Chúa trong Sách Phúc âm, được truyền đến chúng ta qua các tông đồ, chứ không phải ai khác, và bị người Do Thái giáo bác bỏ. Dù cho Ta muốn nói về những hành động siêu phàm của Đức Baha'u'llah, vốn có rất nhiều và được người phương Đông nhìn nhận, và một số người Baha'i nữa. Nhưng các tường thuật này không phải là bằng chứng chung quyết đối với mọi người; có lẽ người nghe sẽ nói rằng tường thuật này không phù hợp với điều đã xảy ra, vì ta biết rằng các phái khác cũng thuật lại phép lạ do các Giáo Tổ của họ thực hiện. Ví dụ tín đồ Tôn giáo Bà La Môn kể lại các phép lạ. Rồi dựa vào chúng có nào mà chúng ta biết chuyện nào đúng và chuyện nào sai? Nếu những chuyện này là ngụ ngôn, thì những chuyện khác cũng là ngụ ngôn; nếu các chuyện này được nhìn nhận chung chung, thì những chuyện khác cũng được nhìn nhận chung chung. Kết quả là các chuyện này không phải là bằng chứng thỏa đáng. Đúng thế, phép lạ chỉ là bằng cứ đối với những người chứng kiến, mà thậm chí người ấy cũng không chịu nhận là phép lạ mà chỉ cho là bùa mê. Những thành tích phi thường cũng từng được gán cho các nhà phù thủy.

Tóm lại, ý của Ta là nhiều điều kỳ diệu do Đức Baha'u'llah thực hiện, nhưng chúng ta không dựa vào đó, vì nó không tạo thành lý cứ hay bằng chứng cho tất cả các dân tộc trên trái đất, và nó cũng không phải là bằng cứ chung quyết cho những người chứng kiến: họ có thể nghĩ rằng đó chỉ là bùa mê.

Cũng thế, phần lớn những phép lạ của các Đấng Tiên tri được nêu đều có ý nghĩa bên trong. Ví dụ, trong Sách Phúc âm viết rằng sự tử đạo của Đức Chúa gây ra tối tăm và động đất, và bức màn trong Đền thờ bị rách đôi từ trên xuống dưới, và những người chết ra khỏi mồ. Nếu các sự kiện này đã xảy ra, thì hẳn nhiên là thật dễ sợ, và chắc chắn phải được ghi lại trong sử sách của mọi thời đại. Nó sẽ trở thành nguyên do cho nhiều sợ hãi trong lòng người. Cả đến binh lính cũng phải đưa Đức Chúa xuống khỏi thánh giá, hoặc họ phải bỏ chạy. Những sự kiện này không được ghi lại trong sử sách, vì vậy, hiển nhiên là không nên hiểu nó theo nghĩa đen, nhưng phải hiểu ý nghĩa bên trong²⁴. Mục đích của chúng ta không phải là bác bỏ những phép lạ ấy; ý ta chỉ muốn nói rằng phép lạ không phải là bằng chứng quyết định, mà nó có ý nghĩa ở bên trong.

Vì vậy, tại bàn tròn này hôm nay, ta sẽ nói tới việc giải thích các bằng chứng truyền thống có trong các Thánh Kinh. Trước giờ, tất cả những gì ta nói đến là bằng chứng duy lý.

²⁴ Xem “Phép lạ”, trang 100

Tình trạng trong đó chúng ta cần tìm hiểu nghiêm túc đối với chân lý là điều kiện của kẻ khát nước, của linh hồn cháy bỏng khát khao dòng sinh thủy, của con cá phấn đấu để ra được biển cả, của người khổ đau đang tìm kiếm vị lương y chân chính để nhận ơn cứu chữa thiêng liêng, của đoàn bộ hành cố tìm đường đi đúng, của con thuyền lạc hướng muốn tìm tới bến bờ giải thoát. Vì vậy, người tâm đạo cần có một số phẩm chất nhất định. Trước hết, phải công bằng và thoát khỏi mọi sự ngoài Thượng Đế, lòng người ấy phải hoàn toàn hướng về chân trời tối thượng; người ấy phải thoát khỏi mọi ràng buộc với tự ngã và dục vọng, vì tất cả các điều này đều là trở lực. Ngoài ra, người ấy phải nhận chịu mọi nỗi nhọc nhằn. Người ấy phải tuyệt đối trong sạch và hướng thượng, và thoát khỏi mọi yêu ghét của các cư dân trên thế giới. Tại sao? Vì sự kiện là tình yêu của người ấy đối với một người hoặc một vật nào có thể ngăn trở người ấy nhận biết sự thật nơi một người hoặc vật khác, và đồng thời, sự ghét bỏ đối với điều gì đó cũng có thể là chướng ngại để nhận biết chân lý. Đây là điều kiện về sự tìm kiếm, và người tâm đạo cần phải có những phẩm chất và đặc tính này. Chỉ khi nào đạt được điều kiện này, người ấy mới có thể đạt tới Mặt trời Thực tại.

Giờ đây hãy trở lại với chủ đề của chúng ta. Tất cả các dân tộc trên thế giới đang mong đợi hai Đấng Biểu hiện, phải đến cùng một lúc; mọi người chờ đợi sự ứng nghiệm của lời hứa này. Trong Thánh Kinh Do Thái giáo có lời hứa về Đấng Chúa các Cơ binh và Đấng Messiah; trong sách Phúc âm thì sự trở lại của Đấng Christ và Elijah được hứa hẹn. Trong Hồi giáo có lời hứa về Đấng Mihdi và Đấng Messiah, và lời hứa giống như thế trong Bái Hỏa giáo và trong các tôn giáo khác, nhưng nếu chúng ta kể lại chi tiết tất cả những điều này thì quá dài. Sự kiện chính yếu là tất cả đều hứa về hai Đấng Biểu hiện sẽ đến, Đấng này nối tiếp Đấng kia. Đã có tiên tri rằng vào thời của hai Đấng Biểu hiện này trái đất sẽ biến cải, thế giới sinh tồn được đổi mới, và các sinh linh sẽ mặc y trang mới. Công bằng và chân lý sẽ bao trùm thế giới; sự hận thù và ghen ghét sẽ biến mất; mọi nguyên nhân gây chia rẽ giữa các dân tộc, giống nòi và quốc gia sẽ xóa sạch, chính nghĩa thống nhất, hòa hợp và thuận thảo sẽ xuất hiện. Kẻ vô tâm sẽ thức tỉnh, người mù sẽ thấy, người điếc sẽ nghe, người câm sẽ nói, người bệnh sẽ lành, người chết sẽ sống dậy. Chiến tranh sẽ nhường chỗ cho hòa bình, hận thù sẽ được chinh phục bằng tình yêu, các nguyên do của tranh chấp và cãi cọ sẽ hoàn toàn bị loại bỏ, và sự lạc phúc sẽ đạt thành. Thế giới sẽ biến thành tấm gương phản chiếu Vương quốc thiên thượng, nhân loại sẽ là Ngôi báu của Thần tính. Tất cả các nước thành một; tất cả các tôn giáo sẽ hợp nhất, tất cả các cá nhân sẽ trở thành một gia đình và một nòi giống. Tất cả các miền trên trái đất sẽ thành một miền; những điều mê tín về sắc dân, đất nước, cá nhân, ngôn ngữ và chánh trị sẽ biến mất; và mọi người sẽ đạt tới sự sống đời đời, dưới bóng của Đấng Chúa các Cơ binh.

Giờ đây chúng ta phải chứng minh bằng Thánh Kinh rằng hai Đấng Biểu hiện này đã đến, và chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa lời của các Đấng Tiên tri,

vì chúng ta muốn có những bằng chứng rút ra trong Thánh Kinh. Mấy ngày trước tại bàn tròn này, chúng ta đã đưa ra những bằng chứng duy lý để thiết lập chân lý về hai Đấng Biểu hiện này.

Kết cục là: trong Sách Daniel, từ khi xây dựng Thành Jerusalem cho đến sự tử đạo của Đức Chúa, có sự tiên định là bảy mươi tuần lễ, vì do sự tử đạo của Chúa thì sự hy sinh hoàn thành và bàn thờ bị hủy phá²⁵. Đây là lời tiên tri về sự biểu hiện của Đức Chúa.

Bảy mươi tuần lễ này bắt đầu với sự trùng tu và xây lại thành Jerusalem, liên quan đến bốn chiếu chỉ do ba nhà vua ban hành. Chiếu chỉ thứ nhất do vua Cyrus ban hành năm 536 trước TC; điều này đã được ghi trong Chương nhất của Sách Ezra. Chiếu chỉ thứ hai, nhắc tới việc xây dựng lại thành Jerusalem, là của vua Darius nước Ba Tư năm 519 trước TC; điều này được ghi lại trong Chương sáu Sách Ezra, Chiếu chỉ thứ ba là của vua Artaxerxes, vào năm thứ bảy triều đại vua ấy, tức năm 457 trước TC; điều này được ghi trong Chương bảy Sách Ezra. Chiếu chỉ thứ tư là của vua Artaxerxes vào năm 444 trước TC; điều này được ghi trong Chương hai Sách Nehemiah.

Nhưng Daniel đặc biệt nhắc tới chiếu chỉ thứ ba ban hành vào năm 457 trước TC. Bảy mươi tuần lễ là 490 ngày. Mỗi ngày, theo nguyên bản Thánh Kinh, là một năm. Vì trong Thánh Kinh có nói: “Ngày của Thượng Đế là một năm.”²⁶ Vì vậy 490 ngày là 490 năm. Chiếu chỉ thứ ba của Artaxerxes ban hành 457 năm trước sự giáng sinh của Đức Chúa, khi Đức Chúa tử đạo và thăng thiên Ngài được ba mươi ba tuổi. Khi cộng ba mươi ba vào 457, kết quả là 490, đó là thời gian Daniel tiên báo về sự biểu hiện của Đức Chúa.

Nhưng trong câu thánh thi số hai mươi lăm Chương chín (9:25) của Sách Daniel điều này được diễn tả theo cách khác, gồm bảy tuần và sáu mươi hai tuần, như vậy có vẻ là khác với điều trước. Nhiều người đã lúng lúng vì sự khác biệt này, đã cố tìm cách gắn kết cả hai với nhau. Làm sao bảy mươi tuần thì đúng ở chỗ này, rồi sáu mươi hai tuần và bảy tuần lại đúng ở chỗ khác? Hai lời này không khớp với nhau.

Nhưng Daniel đã nói tới hai hạn kỳ. Một hạn kỳ bắt đầu với mệnh lệnh của Artaxerxes cho Ezra xây dựng lại thành Jerusalem: đây là bảy mươi tuần kết thúc với sự thăng thiên của Đức Chúa, khi sự hy sinh và công hiến chấm dứt do sự tử đạo của Ngài. Thời kỳ thứ hai, tìm thấy trong trong câu thánh thi hai mươi sáu, nghĩa là sau khi chấm dứt việc xây dựng lại thành Jerusalem cho đến khi Chúa thăng thiên, thì có sáu mươi hai tuần: bảy tuần là thời gian xây dựng lại thành Jerusalem, mất bốn mươi chín năm. Khi cộng bảy tuần này vào sáu mươi hai tuần, ta có sáu mươi chín tuần, đúng vào tuần cuối (tuần

²⁵ Xem Sách Daniel 9:24

²⁶ Xem Dân số ký 14:34

69-70) khi xảy ra sự thăng thiên của Đức Chúa. Như vậy là bảy mươi tuần lễ này hoàn tất, không có sự mâu thuẫn nào cả.

Giờ ta đã biết sự biểu hiện của Chúa được chứng minh theo những lời tiên tri của Daniel, chúng ta hãy chứng minh sự biểu hiện của Đức Baha'u'llah và Đức Bab. Cho tới lúc này, chúng ta chỉ nói về những bằng chứng duy lý; giờ ta nói về những bằng chứng truyền thống.

Trong Chương tám câu thánh thi mười ba (8:13) Sách Daniel, có nói: “Bấy giờ ta nghe một đấng thánh đang nói và một đấng thánh khác nói với đấng thánh đang nói, rằng: sự hiện thấy này về của lễ thiêu hằng dâng và về tội ác sinh ra sự hủy diệt, tàn phá nơi thánh cùng cơ binh để bị dày đạp dưới chân, sẽ còn cho đến chừng nào?” Người trả lời cùng ta rằng (câu 14): “Cho đến hai ngàn ba trăm buổi chiều và buổi mai; sau đó nơi thánh sẽ được thanh sạch”; (câu 17) “Nhưng người bảo ta rằng... sự hiện thấy đó có quan hệ với kỳ sau rốt.” Nghĩa là phải mất bao lâu thì sự bất hạnh này, sự lụi tàn này, sự tủi hổ và nhục nhã này mới chấm dứt? nghĩa là bao giờ mới đến buổi bình minh của Đấng Biểu hiện? Rồi người Trả lời: “Hai ngàn ba trăm ngày thì nơi thánh sẽ được thanh sạch.” Tóm lại, ý nghĩa của đoạn này là Ngài ấn định 2300 năm, vì trong nguyên bản Thánh Kinh mỗi ngày là một năm. Như vậy từ ngày Artaxerxes ban hành chiếu chỉ xây dựng lại thành Jerusalem cho tới ngày sinh của Đức Chúa là 456 năm, và từ ngày sinh của Chúa cho đến ngày biểu hiện của Đức Bab là 1844 năm. Khi cộng 456 năm vào số này ta có 2300 năm. Nghĩa là, sự ứng nghiệm điều hiện thấy của Daniel xảy ra năm 1844, đây là năm biểu hiện của Đức Bab theo đúng nguyên văn Sách Daniel. Hãy xem Ngài qui định năm biểu hiện rõ ràng như thế nào; không có lời tiên tri nào về sự biểu hiện rõ ràng hơn điều này.

Trong Sách Matthew (Ma-thi-ơ), Chương 24, câu 3 (24:3), Đức Chúa phán rõ ràng rằng điều Daniel muốn nói trong lời tiên tri này là về sự biểu hiện, và đây là câu thánh thi: “Ngài đương ngồi trên núi Ô-li-ve, môn đồ tới riêng cùng Ngài, và nói rằng: Xin Chúa phán cho chúng tôi biết lúc nào những sự đó sẽ xảy ra? Và có điềm gì chỉ về sự Chúa đến và tận thế?” Một trong những lời Đức Chúa đưa ra để giải thích cho họ là thế này (câu thi 15): “Khi các ngươi sẽ thấy sự góm ghiếc tan nát lập ra trong nơi thánh, mà Đấng Tiên tri Đa-ni-ên đã nói (ai đọc phải để ý).” Trong câu trả lời này Đức Chúa nhắc cho họ tới Chương tám Sách Daniel, nói rằng mọi người đọc phải hiểu rằng đây là thời điểm được nói đến. Hãy xem sự biểu hiện của Đức Bab được nói tới rõ ràng biết bao cả trong Cựu ước và Sách Phúc âm!.

Để đúc kết, bây giờ ta giải thích về ngày biểu hiện của Đức Baha'u'llah trong Thánh Kinh. Ngày về Đức Baha'u'llah được tính theo các năm âm lịch từ sứ mệnh đến Hejira của Đức Muhammad; bởi vì âm lịch được sử dụng trong Hồi giáo, lịch này cũng được ứng dụng trong tất cả các phán lệnh về sự thờ phượng.

Trong Sách Daniel, Chương 12, câu 6-7, có nói: “Một người hỏi người mặc vải gai đang đứng ở trên nước sông, Bao lâu sẽ chấm dứt những điều kỳ diệu này? Và ta nghe người mặc áo gai đang đứng ở trên nước sông khi người cất tay hữu và tay tả lên trời, chỉ Đấng hằng sống mà thề rằng sẽ trải qua một kỳ, những kỳ, và nửa kỳ; và khi quyền của dân Thánh Địa bị tan tác hết, thì các sự này đều xong.”

Như Ta đã giải thích ý nghĩa của một ngày, nay không cần giải thích thêm nữa; nhưng chúng ta sẽ nói vắn tắt rằng mỗi ngày của Đấng Cha kể là một năm, và trong mỗi năm có mười hai tháng. Như thế ba năm và một nửa là bốn mươi hai tháng và bốn mươi hai tháng là 1260 ngày. Đức Bab, Đấng Tiên phong của Đức Baha'u'llah, xuất hiện vào năm 1260 từ cuộc Hejira của Đức Muhammad, theo cách tính của Hồi giáo.

Sau đó, trong câu thi số 11 và 12 có nói: “Từ kỳ từ bỏ của lễ thiêu hằng dâng và sự góm giếc làm cho hoang vu sẽ được lập lên, thì sẽ có một ngàn hai trăm chín mươi ngày. Phước thay cho kẻ đợi, và đến một ngàn ba trăm ba mươi lăm ngày.

Bắt đầu sự tính toán theo âm lịch này là từ ngày tuyên ngôn của Đấng Tiên tri Muhammad tại xứ Hijaz, đó là ba năm sau sứ mạng của Ngài, bởi vì lúc ban đầu cương vị Tiên tri của Đức Muhammad được giữ bí mật, không ai được biết ngoài Khadijah và Ibn Nawfal.²⁷ Sau ba năm mới được công bố. Và Đức Baha'u'llah, vào năm 1290, từ ngày tuyên ngôn sứ mạng của Đức Muhammad, khiến sự biểu hiện của Ngài được biết đến.²⁸ Chính sự tuyên ngôn này mà người Baha'i cử hành Thánh lễ Ridvan, danh xưng này là của ngôi vườn nơi lối vào Thành phố, nơi Đức Babah'u'llah lưu lại mười hai ngày, và ở đó Ngài thực hiện sự tuyên ngôn.

11/ BÌNH LUẬN VỀ CHƯƠNG MƯỜI MỘT SÁCH KHẢI HUYỀN CỦA THÁNH GIĂNG (JOHN)

Bắt đầu Chương Mười một, câu 1-2 (11:1-2) sách Khải huyền của Thánh Giăng có nói: “bấy giờ có người ban cho tôi cây lau giống như cây gậy, và biểu tôi rằng: Hãy đứng dậy đo đền thờ của Đức Chúa Trời, bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó. “Còn sân ngoài đền thờ, thì hãy để nó ra ngoài, đừng đo làm chi; vì chỗ đó đã phó cho dân ngoại, họ sẽ dày đạp thành thánh đúng bốn mươi hai tháng.”

²⁷ *Varaqat-Ibn-Nawfal, người bà con của Khadijah*

²⁸ *Năm 1290 từ tuyên ngôn sứ mạng của Đức Muhammad là năm 1280 Hejira, hoặc năm 1863-64 kỷ nguyên chúng ta. Chính vào giai đoạn này (Tháng tư năm 1863) Đức Baha'u'llah. Khi sắp rời Baghdad để đến Constantinople, tuyên bố cùng những người xung quanh Ngài rằng Ngài là Đấng Biểu hiện do Đức Bab thông báo*

Cây sậy là Người Hoàn hảo ví như cây sậy, và cách giống nhau đó là như thế này: khi bên trong cây sậy trống rỗng và không có chất gì cả, nó sẽ tạo nên những nhạc điệu du dương; giống như âm thanh và nhạc điệu du dương không phải đến từ cây sậy, mà đến từ người chơi sáo thổi trên cây sậy ấy, như thế khi tâm hồn thoát tục của Nhân vật chúc phúc ấy thanh thoát và tẩy sạch mọi thứ ngoài Thượng Đế, trở nên tinh khiết và dứt hết mọi ràng buộc về mọi tình trạng nhân sinh và là bạn đường của Thánh Linh. Bất cứ điều gì Người ấy nói ra là không phải từ Người ấy, mà từ người chơi sáo thực sự, và đó là sự cảm ứng thiêng liêng. Đó là vì sao Người ấy được ví với cây sậy; và cây sậy ấy giống như cây gậy – nghĩa là cây sậy là người giúp sức cho mọi người bất năng, là sự nâng đỡ cho mọi người. Đó là cây gậy của Người Chấn thiên thiêng liêng, người dùng nó canh giữ đàn cừ và dắt chúng qua các đồng cỏ của Vương quốc.

Rồi lại có lời nói: “Thiên thần đứng lên biểu tôi rằng: Hãy đứng dậy đo đền thờ của Đức Chúa Trời, bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó.” – nghĩa là so sánh và đo: đo là sự phát hiện về tỉ lệ. Như thế vị thiên thần bảo: hãy so sánh đền thờ của Đức Chúa Trời và bàn thờ, và những kẻ thờ lạy tại đó – nghĩa là hãy tìm hiểu mức độ và tình trạng của họ, các điều kiện và sự hoàn hảo của họ, hành vi và đặc tính họ có; và chính người phải biết những điều huyền nhiệm của các linh hồn thánh thiện sống trong chốn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng trong sự tinh khiết và thoát tục.

“Còn sân ngoài đền thờ, thì hãy để nó ra ngoài, đừng đo làm chi; vì chỗ đó đã phó cho dân ngoại.” Vào đầu thế kỷ thứ bảy sau Đấng Christ, khi thành Jerusalem bị chinh phục chốn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng được gìn giữ ở bên ngoài – nghĩa là ngôi nhà do Solomon dựng lên; nhưng phía ngoài chốn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng bị chiếm và giao cho dân ngoại.

“Và thành thánh sẽ bị dày đập đúng bốn mươi hai tháng” – nghĩa là dân ngoại sẽ cai trị và kiểm soát Jerusalem bốn mươi hai tháng, tức 1260 ngày; vì một ngày nghĩa là một năm, theo cách tính này là 1260 năm, đó là độ dài của chu kỳ Kinh Quran. Vì theo nguyên bản Thánh Kinh một ngày là một năm, như đã nêu trong Chương bốn Sách Ezekiel, câu thi 4:6 “Người sẽ mang lấy tội lỗi của nhà Judas trải bốn mươi ngày; Ta đã định cho người ba cho mỗi ngày trong một năm.”

Lời tiên tri này về độ dài của Kỳ Cứu độ Hồi giáo khi thành Jerusalem bị dày đập dưới chân, nghĩa là nó mất đi sự vinh quang – nhưng chốn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng được bảo tồn, gìn giữ và tôn trọng – cho đến năm 1260. Lời tiên tri về 1260 năm này về sự biểu hiện của Đức Bab, cái “Cửa” của Đức Baha’u’llah diễn ra vào năm 1260 Hejira của Đức Muhammad, và khi thời kỳ 1260 năm chấm dứt, Jerusalem, Thành phố Thánh, bây giờ lại trở nên thịnh vượng, đông đúc và phát triển. Bất cứ ai thấy Jerusalem sáu mươi năm trước, và thấy nó bây giờ, sẽ nhận thấy nó trở nên đông đúc và phát triển như thế nào, và nó lại được tôn trọng ra sao.

Đây là ý nghĩa bên ngoài của các câu thánh thi này trong Sách Khải huyền của Thánh Giăng, nó còn có cách giải thích khác và ý nghĩa tượng trưng như sau: Luật của Thượng Đế được chia làm hai phần. Phần thứ nhất là nền tảng chính bao gồm mọi vấn đề tâm linh – nghĩa là, nó nói tới những đức hạnh tâm linh và phẩm chất thiêng liêng; phần này không thay đổi hoặc chuyển biến. Đây là chôn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng, nó là cốt tủy của Luật Adam, Noah, Moses, Christ, Muhammad, Bab và Baha'u'llah, nó trường tồn và được thiết lập trong mọi chu kỳ tiên tri. Nó không bao giờ bị xóa bỏ, vì nó là chân lý tâm linh chứ không phải vật chất; nó là đức tin, tri thức, xác tín, công bằng, sùng kính, chính trực, đáng tin cậy, tình yêu của Thượng Đế, từ thiện, tinh khiết, thoát tục, khiêm tốn, hiền dịu, kiên nhẫn và cương quyết. Nó biểu lộ lòng bác ái với người nghèo, bảo vệ kẻ bị áp bức, biếu tặng kẻ khốn khó và nâng đỡ người thất bại. Đây là những phẩm chất thiêng liêng, những phán lệnh vĩnh cửu, sẽ không bao giờ bị hủy bỏ, trái lại, nó sẽ trường tồn và được thiết lập đời đời. Những đức hạnh này của nhân loại sẽ được đổi mới trong mỗi chu kỳ mới; bởi vì vào cuối mỗi chu kỳ Luật tâm linh của Thượng Đế - nghĩa là đức hạnh con người – biến mất, chỉ còn tồn tại hình thức.

Thế nên nơi những người Do Thái giáo, vào cuối chu kỳ của Moses, trùng với sự biểu hiện của Chúa, Luật của Thượng Đế biến mất, chỉ còn hình thức không còn tinh thần. Chôn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng rời xa họ, nhưng vòng ngoài của Jerusalem – đó là sự diễn đạt nói về hình thức của tôn giáo – rơi vào tay của dân ngoại. Theo cách ấy, những nguyên lý căn bản trong tôn giáo của Chúa, đó là những đức hạnh tuyệt vời nhất của nhân loại, đã biến mất; và hình thức của nó còn được giữ lại trong tay giới tăng lữ và các tu sĩ. Cũng thế, nền tảng tôn giáo của Đức Muhammad biến mất, nhưng hình thức của nó còn lại trong tay của giới nhà thông thái Hồi giáo.

Những nền tảng này của tôn giáo Thượng Đế là tâm linh và là những đức hạnh của nhân loại, không thể bị xóa bỏ; nó là vĩnh cửu và không thể chuyển dời, nó được đổi mới trong chu kỳ của mỗi Đấng Tiên tri.

Phần thứ hai trong tôn giáo của Thượng Đế, nói tới thế giới vật chất, bao gồm chay giới, cầu nguyện, các hình thức thờ phượng, hôn nhân và ly dị, xóa bỏ nô lệ, các quá trình pháp lý, các giao dịch, những bồi thường vì tội sát nhân, bạo lực, trộm cắp và gây thiệt hại – phần này về Luật của Thượng Đế, nói tới những chuyện về vật chất, được cải cách và thay đổi trong mỗi chu kỳ tiên tri phù hợp với nhu cầu của các thời đại.

Tóm lại, ý nghĩa của chôn “Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng” là Luật tâm linh không bao giờ cải cách, thay đổi hoặc bãi bỏ; và “Thành phố Thánh” có nghĩa là Luật về vật chất có thể bãi bỏ; và Luật vật chất này, được mô tả là Thành phố Thánh, bị chà đạp dưới chân trong 1260 năm.

“Ta sẽ cho hai người làm chứng, ta mặc áo bao gai đi nói tiên tri trong 1260 ngày.”²⁹ Hai người làm chứng này là Muhammad Sứ giả của Thượng Đế, và Ali, con của Abu Talib. Trong Kinh Quran có nói rằng Thượng Đế bảo Muhammad, Đấng Sứ giả của Thượng Đế, rằng: “Ta đặt Ngươi làm Nhân chứng, làm Người Tiên hô về tin mừng, và là Người Cảnh báo” – nghĩa là Ta lập Ngươi lên làm Nhân chứng, người ban tin mừng và là Người mang đến cơn thịnh nộ của Thượng Đế³⁰. Ý nghĩa ‘nhân chứng’ là người qua đó mọi điều được kiểm chứng. Các phán lệnh của hai nhân chứng này được thực hiện trong 1260 ngày, mỗi ngày là một năm. Đúng thế, Muhammad là rễ, Ali là cành, giống như Moses và Joshua. Lại nói là các vị ấy “mặc áo gai”, nghĩa là, các vị ấy bề ngoài mặc y phục cũ, chứ không phải y phục mới; nói cách khác, lúc ban đầu các vị ấy không tỏa ra chút hào quang nào trong mắt loài người; Chánh Đạo của các Ngài cũng không có vẻ mới mẻ, vì Luật tâm linh của Đức Muhammad phù hợp với Luật của Chúa trong Sách Phúc âm, và phần lớn Luật của Ngài liên quan đến những điều về vật chất phù hợp với những điều trong Ngũ Kinh. Đây là ý nghĩa của y phục cũ.

Rồi lại nói: “hai người làm chứng ấy tức là hai cây ô-li-ve và hai chơn đèn đứng trước mặt Chúa của thế gian.”³¹ Hai linh hồn ấy được ví như hai cây ô-li-ve bởi vì vào thời ấy tất cả các ngọn đèn đều được thắp bằng dầu ô-li-ve. Ý nghĩa là hai người này từ đó tinh thần minh triết của Thượng Đế, là ơn soi sáng của cả thế giới, xuất hiện. Những ngọn đèn này của Thượng Đế tỏa sáng và chiếu rọi, vì vậy mà được ví với chơn đèn: chơn đèn là nơi ở của cây đèn, và từ đó ánh sáng tỏa ra. Cũng theo cách ấy ánh sáng hướng dẫn chiếu rọi và tỏa sáng từ hai linh hồn rạng ngời này.

Rồi lại nói: “hai người đứng trước Chúa,” nghĩa là hai người đứng trong việc phụng sự Thượng Đế, giáo dục chứng sinh của Thượng Đế, như là các bộ lạc Á rập du mục man rợ tại bán đảo Á rập, được hai vị giáo dục theo cách thức mà trong những ngày ấy họ tiến tới trình độ văn minh cao nhất, khiến phương danh và sự nổi bật của họ bao trùm cả thế giới.

“Nếu ai muốn làm hại hai người đó, thì có lửa từ miệng hai người thiêu nuốt kẻ thù nghịch mình.”³² Nghĩa là không ai đương cự nổi hai người ấy, rằng nếu ai xem nhẹ giáo lý của họ và luật pháp của họ, người ấy sẽ bị bao vây và loại trừ bởi chính luật pháp thoát ra từ miệng họ; và mọi người toan tính làm tổn thương họ, thù nghịch và ghét bỏ họ sẽ bị hủy diệt bởi phán lệnh thốt ra nơi miệng họ. Và đã xảy ra như thế: tất cả các kẻ thù của họ đều bị chinh phục; phải bỏ chạy và bị loại trừ. Thượng Đế đã giúp hai vị ấy một cách hiển nhiên nhất.

²⁹ *Sách Khải huyền 11:3*

³⁰ *Câu này là lời dịch ra tiếng Ba Tư từ nguyên bản Kinh Quran tiếng Á rập đã được trích dẫn*

³¹ *Sách Khải huyền 11:4*

³² *Sách Khải huyền 11:5*

Sau đó có nói: “Hai người có quyền đóng trời lại, để cho trời không mưa vào những ngày mình nói tiên tri,”³³ nghĩa là trong chu kỳ ấy họ giống như những vị vua. Luật pháp và giáo lý của Đức Muhammad, những lời giải thích và bình luận của Ali, là ân phúc từ trời; nếu các vị ấy muốn ban ân phúc, các vị có uy lực để làm điều ấy. Nếu các vị không muốn, thì mưa sẽ không rơi: trong mối liên hệ này mưa tượng trưng cho ân phúc.

Rồi lại nói: “Hai người lại có quyền biến nước thành huyết,”³³ nghĩa là Đấng Tiên tri Muhammad cũng giống như Moses, và uy lực của Ali cũng giống như Joshua: nếu muốn, hai vị có thể biến nước sông Nil thành máu, như đã xảy ra liên quan đến người Ai cập và những kẻ chối bỏ các vị ấy – nghĩa là, sự vật vốn tạo nên sự sống, thông qua sự si mê và kiêu ngạo của chúng, đã biến thành nguyên do sự chết. Thế là vương quốc, của cải và uy quyền của Pharaoh và dân chúng, hằng là nguyên do sự sống của đất nước, qua sự chống đối, chối bỏ và kiêu ngạo của chúng, đã trở thành nguyên do sự chết, hủy diệt, tan tác, miệt hạ và nghèo nàn. Như vậy hai nhân chứng này có uy lực tiêu diệt các nước.

Rồi lại nói: “Và khiến các thứ tai nạn làm hại trên đất, lúc nào muốn cũng làm được cả,”³³ nghĩa là các vị cũng sẽ có uy lực và lực lượng vật chất cần thiết để giáo dục kẻ xấu, những kẻ áp bức và các bạo chúa, vì Thượng Đế đã ban cho hai nhân chứng này uy lực bên ngoài và bên trong, khiến hai vị có thể giáo dục và uốn nắn dân du mục Ả rập bạo ngược, khát máu, hung dữ, giống như thú hoang săn mồi.

“Khi hai người đã làm chứng xong rồi”³⁴ nghĩa là khi hai vị đã thực hiện điều mình được giao, và truyền đạt sứ điệp thiêng liêng, rao truyền Luật pháp của Thượng Đế và quảng bá giáo lý thiên thượng, đến mức các dấu hiệu về cuộc sống tâm linh có thể biểu hiện trong các linh hồn, và ánh sáng những đức hạnh của thế giới nhân loại có thể chiếu rọi, cho đến khi sự phát triển hoàn toàn được đem đến giữa các bộ lạc du mục.

“Có con thú dưới vực sâu lên, sẽ chiến đấu cùng hai người; thú ấy sẽ thắng và giết đi”³⁴. Con thú này nghĩa là các vua Umayyad tấn công hai vị từ hồ sâu của sự lầm lạc, và đứng lên chống lại tôn giáo của Đức Muhammad và chống lại chân lý của Ali – nói cách khác, là chống lại tình yêu của Thượng Đế.

Đã có lời phán: “Con thú gây chiến chống lại hai nhân chứng này”³⁴ – nghĩa là, một cuộc chiến tâm linh, nghĩa là con thú hành động hoàn toàn nhằm chống đối giáo lý, phong tục và cơ cấu của hai nhân chứng này, đến mức những đức hạnh và những sự hoàn hảo tỏa ra từ uy lực của hai nhân chứng này trong dân chúng và các bộ lạc đều bị xóa bỏ hoàn toàn, thú tính và dục

³³ Xem Sách Khải huyền 11:6

³⁴ Xem Sách Khải huyền 11:7

vọng xác thịt chiến thắng. Bởi vậy, con thú này gây chiến với hai vị để giành chiến thắng – nghĩa là bóng tối lâm lạc đến từ con thú chiếm ưu thế trên các chân trời khắp thế giới và giết hai vị nhân chứng này – nói cách khác là nó hủy diệt cuộc sống tâm linh mà hai vị nhân chứng đã truyền ra khắp nước, và hoàn toàn xóa bỏ giáo luật thiêng liêng và giáo lý, giẫm đạp Tôn giáo của Thượng Đế dưới chân nó. Sau đó không chút gì còn sót lại ngoài xác chết không hồn.

“Thầy thầy của hai người sẽ còn lại trên đường cái của thành lớn, gọi bóng là Sô-đôm và Ê-díp-tô, tức là nơi mà Chúa hai người cũng đã bị đóng đinh trên thập tự giá.”³⁵ “Thầy của hai người” nghĩa là Tôn giáo của Thượng Đế, và “đường cái” nghĩa là cái nhìn của công chúng. Ý nghĩa của “Sô-đôm và Ê-díp-tô”, chỗ mà “Chúa của hai người cũng đã bị đóng đinh trên thập tự giá”, là vùng Syria này, và đặc biệt là Jerusalem, nơi mà các vua Umayyad lúc bấy giờ đang ngự trị; và chính tại nơi đây Tôn giáo của Thượng Đế và các giáo lý thiêng liêng biến mất trước hết, và chỉ còn lại cái xác không hồn. “Thầy của hai người”

“Người ta ở các dân tộc, các chi phái, các tiếng, các nước sẽ trông thấy thầy hai người trong ba ngày rưỡi, và chúng sẽ không cho chôn những thầy ấy trong mồ.”³⁶ Như đã giải thích từ trước, theo thuật ngữ trong các Thánh Kinh ba ngày rưỡi nghĩa là ba năm rưỡi, và ba năm rưỡi là bốn mươi hai tháng, và bốn mươi hai tháng là 1260 ngày; và một ngày trong Thánh Kinh là một năm, nghĩa là 1260 năm, đó là chu kỳ của Kinh Quran, các nước, các bộ lạc và các dân tộc sẽ nhìn thấy hai người – ý muốn nói, họ muốn bày ra hình ảnh Tôn giáo của Thượng Đế: dù rằng họ không muốn làm theo Tôn giáo, nhưng họ không muốn chôn các thầy ấy – nghĩa là Tôn giáo của Thượng Đế - bị đem chôn. Ý muốn nói, bề ngoài họ bám vào Tôn giáo của Thượng Đế và không cho phép nó biến mất hoàn toàn, tức là xác chết không hoàn toàn bị hủy diệt hoặc xóa bỏ. Trái lại, trên thực tế họ từ bỏ nó, trong khi bề ngoài vẫn giữ cái tên và sự tưởng nhớ tới nó.

“Các chi phái, các dân tộc và các nước” ý nói những kẻ tụ tập dưới bóng Kinh Quran, không cho phép Luật và Chánh Đạo của Thượng Đế, ở hình thức bên ngoài, hoàn toàn bị hủy diệt và xóa bỏ - vì họ vẫn còn giữ chay và cầu nguyện – nhưng các nguyên lý cơ bản trong Tôn giáo của Thượng Đế, là đạo đức và hạnh kiểm, với tri thức về những điều huyền nhiệm thiên thượng đã biến mất; ánh sáng đức hạnh của thế giới loài người, là kết quả tình yêu và tri thức của Thượng Đế đã bị dập tắt; và bóng tối bạo tàn, áp bức, những dục vọng và đam mê ma mị đã thắng thế.

Hình dung Luật của Thượng Đế, giống như thầy người, đã được bày ra trước mắt công chúng trong 1260 ngày, mà một ngày được kể là một năm, đây là

³⁵ Xem Sách Khải huyền 11:8

³⁶ Xem Sách Khải huyền 11:9

chu kỳ của Đức Muhammad. Dân chúng đã bỏ mất tất cả những gì mà hai người này đã thiết lập, đó là nền móng Luật pháp của Thượng Đế, và hủy bỏ những đức hạnh của thế giới nhân loại, đó là những ân huệ thiêng liêng và là tinh thần của tôn giáo, đến nỗi tính chân thật, sự công bằng, tình yêu, thống nhất, trong sạch, sự thánh thiện, thoát tục và tất cả những thánh đức thiêng liêng đều rời xa họ. Trong tôn giáo chỉ còn có sự cầu nguyện và giữ chay; đó là tình trạng kéo dài suốt 1260 năm, đó là độ dài chu kỳ Furqan.³⁷ Điều đó ví như hai người này đã chết và xác họ còn đó mà không có hồn.

“Các dân cư trên đất sẽ vui mừng hơn hở về hai người, và gởi lễ vật cho nhau, bởi hai tiên tri đó đã khuấy hại dân cư trên đất.”³⁸ “Các dân cư trên đất” nghĩa là các nước và các sắc dân, như các dân tộc châu Âu và châu Á xa xôi, khi họ thấy rằng tính chất của Hồi giáo hoàn toàn thay đổi, Luật của Thượng Đế bị lãng quên –nghĩa là đức hạnh, nhiệt tình, danh dự đã rời xa họ và các phẩm chất của họ đã đổi thay – họ trở nên hạnh phúc, vui mừng rằng sự suy đồi đạo đức đã tác động lên dân chúng Hồi giáo, và kết quả là họ sẽ bị các nước khác vượt qua. Thế là điều này đã xảy ra. Hãy xem dân này đã đạt tới đỉnh cao quyền lực, và giờ đây họ trở nên suy đồi bị chà đạp ra sao.

Các nước khác “gởi lễ vật cho nhau”, nghĩa là họ giúp nhau, “bởi hai tiên tri đó đã khuấy hại dân cư trên trái đất” – nghĩa là họ chiến thắng các nước khác và các dân tộc trên thế giới bị họ chinh phục.

“Nhưng sau ba ngày rưỡi ấy, có sanh khí Đức Chúa Trời đến nhập vào trong hai người: hai người bèn đứng thẳng dậy, và những kẻ đứng xem đều kinh hải cả thể.”³⁹ Ba ngày rưỡi, như đã giải thích từ trước, là 1260. Hai người này mà thân thể nằm bất động là giáo lý và Luật của Đức Muhammad thiết lập và Ali quảng bá, tuy nhiên, từ đó chân lý đã biến mất mà chỉ còn lại hình thức. Tinh thần trở lại trong hai người nghĩa là nền móng và giáo lý lại được tái lập. Nói cách khác, tính tâm linh trong tôn giáo của Thượng Đế đã đổi thành tính vật chất, sự giác ngộ thành tăm tối, những phẩm chất thiêng liêng biến thành tính ma mị, sự công bằng thành bạo ngược, tính bao dung thành thù hận, tính chân thực thành đạo đức giả, sự hướng dẫn thành lầm lạc, sự trong sạch thành đắm mê nhục dục, Thế rồi sau ba ngày rưỡi, mà theo thuật ngữ Thánh Kinh là 1260 năm, các giáo lý thiêng liêng, các đức hạnh thiên thượng, những điều hoàn hảo và ân phúc tâm linh này lại được đổi mới do sự xuất hiện của Đức Bab và sự sùng kính của Jinab-i-Quddus.⁴⁰

Những làn gió thiêng liêng đã thổi lên, ánh sáng chân lý đã chiếu rọi, mùa xuân hiếu sinh đã đến, và buổi ban mai hướng dẫn đã tỏ rạng. Hai thầy người đã sống lại, và hai nhân vật vĩ đại này – vị này là Đấng Sáng lập và vị kia là

³⁷ Một tên gọi khác của Kinh Quran, ý nói Sự Phân biệt

³⁸ Xem Sách Khải huyền 11:10

³⁹ Xem Sách Khải huyền 11:11

⁴⁰ Haji Mulla Muhammad-Aliy-i-Barfurushi, một trong số các tông đồ chính của Đức Bab và là một trong mười chín mẫu tụy của người sống

người quảng bá – đã đứng lên giống như hai cây đèn, vì hai vị đã soi sáng thế giới bằng ánh sáng chân lý.

“Hai người nghe một tiếng lớn ở từ trên trời đến phán cùng mình rằng: Hãy đến đây! Hai người cùng lên trời,”⁴¹ nghĩa là từ cõi trời vô hình hai người nghe tiếng của Thượng Đế bảo: Các ngươi đã hoàn thành mọi việc thật tốt và thích hợp trong việc truyền giảng giáo lý và tin mừng; các ngươi đã trao Sứ điệp của Ta cho dân chúng và cất lên tiếng gọi của Thượng Đế, và đã hoàn thành nhiệm vụ của các ngươi. Giờ đây, giống như Đức Chúa, các ngươi phải hy sinh đời mình cho Đấng Kính yêu, và làm người tử đạo. Mặt Trời Chân lý và mặt Trăng Hướng dẫn,⁴² cả hai, giống như Đức Chúa, lặn đi nơi chân trời của sự tử đạo tuyệt vời nhất và trở về Vương quốc của Thượng Đế.

”Và những kẻ thù nghịch đều trông thấy,”⁴¹ nghĩa là nhiều kẻ thù nghịch của hai vị, sau khi chứng kiến sự tử đạo, đều nhận biết cương vị cao cả của hai vị và sự tôn quý trong thánh đức của hai vị, tin nhận sự vĩ đại và sự hoàn hảo của hai vị.

“Cùng một giờ đó, có cơn động đất lớn, một phần mười của thành đổ xuống, bảy ngàn người chết trong cơn động đất ấy.”⁴³ Cuộc động đất này xảy ra ở Shiraz sau sự tử đạo của Đức Bab. Thành phố bị hỗn loạn và nhiều người bị hủy diệt. Sự hoang mang rộng lớn cũng diễn ra bởi dịch bệnh, thổ tả, thiếu thốn. đói kém và tai ương, khủng khiếp chưa từng thấy.

“Còn những kẻ khác thất kinh và ngợi khen Đức Chúa Trời trên trời.”⁴³ Khi cuộc động đất xảy ra ở Fars, tất cả những người còn lại than thở và khóc ngày khóc đêm, họ chú tâm tôn vinh và cầu nguyện Thượng Đế. Họ bối rối và sợ hãi đến nỗi ban đêm họ cũng không ngủ nghỉ được.

“Nạn thứ hai qua rồi; nay nạn thứ ba đến mau chóng.”⁴⁴ nạn thứ nhất là sự xuất hiện của Đấng Tiên tri, Muhammad, con của Abdullah – cầu sự bình an cho Ngài! – tai nạn thứ hai là sự xuất hiện của Đức Bab – vinh quang và sự chúc tụng thuộc về Ngài! Tai nạn thứ ba là ngày vĩ đại về sự biểu hiện của Đấng Chúa các Cơ binh và hào quang Mỹ lệ của Đấng Hứa hẹn. Sự giải thích về chủ đề này, ‘nạn’, được nêu trong Chương ba mươi Sách Ezekiel, ở đó có nói: “Lại có lời Đức Giê-hô-va phán cùng ta rằng: Hỡi con người hãy nói tiên tri và rằng: Chúa Giê-hô-va phán như vậy: Hãy khóc than! Ngày khốn nạn dường nào! Thật vậy, ngày ấy gần rồi.”⁴⁵ Vì vậy, chắc chắn rằng ngày hoạn nạn ấy là ngày của Thượng Đế, bởi vì hoạn nạn vào ngày ấy là dành cho những kẻ vô tâm, hoạn nạn cho những kẻ tội lỗi, hoạn nạn cho những kẻ si mê. Bởi vậy mới có lời phán: “Nạn thứ hai qua rồi; nay nạn thứ ba đến

⁴¹ Xem Sách Khải huyền 11:12

⁴² Đức Bab và Jinab-i-Quddus

⁴³ Xem Sách Khải huyền 11:13

⁴⁴ Xem Sách Khải huyền 11:14

⁴⁵ Ezeiel 30:1-3

mau chóng!” Nạn thứ ba này là ngày biểu hiện của Đức Baha’u’llah, ngày của Thượng Đế; ngày ấy gần với ngày xuất hiện của Đức Bab.

“Vị thiên sứ thứ bảy thổi loa; có những tiếng lớn vang ra trên trời rằng: Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời.”⁴⁶ Vị thiên thần thứ bảy là một người có những đặc tính thiêng liêng, là người sẽ đứng lên với tính cách và những phẩm chất của thiên đàng. Những tiếng nói sẽ cất lên, để cho sự xuất hiện của Đấng Biểu hiện thiêng liêng được công bố và quảng bá. Trong ngày biểu hiện của Đấng Chúa các Cơ binh, và vào thời kỳ của chu kỳ thiên thượng Đấng Toàn năng từng được hứa hẹn, từng được nhắc đến trong các Thánh Kinh và Thánh thư của các Đấng Tiên tri – vào ngày ấy của Thượng Đế, Vương quốc tâm linh và thiên thượng sẽ được thiết lập, và thế giới được đổi mới; một tinh thần mới được thổi vào cơ thể vạn vật; mùa xuân thiên thượng sẽ đến; mây hồng ân sẽ tuôn mưa, mặt trời chân lý sẽ chiếu rọi, làn gió hiếu sinh sẽ thổi lên, thế giới nhân sinh sẽ mặc y phục mới; mặt đất sẽ trở thành thiên đàng tối cao; nhân loại sẽ được giáo dục; chiến tranh, bài bác, cãi cọ, ác ý sẽ biến mất; sự chân thật, đạo nghĩa, hòa bình và sự thờ phượng Thượng Đế sẽ xuất hiện; sự hợp nhất, tình yêu và tình huynh đệ sẽ bao quanh thế giới; và Thượng Đế sẽ trị vì đời đời – nghĩa là Vương quốc tâm linh và vĩnh cửu sẽ được thiết lập. Đó là Ngày của Thượng Đế. Vì tất cả những ngày đã đến và đã qua là những ngày của Abraham, Moses, Đấng Christ và các Đấng Tiên tri khác; nhưng ngày này là ngày của Thượng Đế, vì Mặt Trời Chân lý sẽ mọc trong đó với hơi ấm và hào quang tột cùng.

“Hai mươi bốn trưởng lão đương ngồi ở trước mặt Đức Chúa Trời, trên ngai mình, đều cúi mình sấp mặt xuống đất, thờ lạy Đức Chúa Trời, mà rằng: “Hỡi Đức Chúa Trời Toàn năng, là Đấng hiện có, và đã có và sẽ có, chúng tôi cảm tạ Ngài, vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay, và đã trị vì.”⁴⁷ Trong mỗi chu kỳ các vị giáo hộ và những linh hồn thánh thiện gồm mười hai người. Thế là, Jacob có mười hai người con; vào thời Đức Moses có mười hai thủ lĩnh hoặc tù trưởng các bộ lạc; thời Đức Chúa có mười hai tông đồ, và thời Đức Muhammad có mười hai vị Imam. Nhưng trong biểu hiện vinh quang này có tới hai mươi bốn vị, gấp đôi con số ở các chu kỳ khác, vì tính vĩ đại của biểu hiện này đòi hỏi như thế. Những linh hồn thánh thiện này ở trong sự hiện diện của Thượng Đế, ngồi trên ngai của mình, nghĩa là các vị ấy trị vì đời đời.

Hai mươi bốn nhân vật vĩ đại này, dù ngồi trên ngai trị vì đời đời của mình, nhưng đều là những người thờ phượng sự xuất hiện của Đấng Biểu hiện Hoàn vũ, các vị ấy đều khiêm nhường và vâng phục, nói: “ Hỡi Đức Chúa Trời Toàn năng, là Đấng hiện có, đã có, và sẽ có, chúng tôi cảm tạ Ngài, vì Ngài đã cầm quyền rất cao trong tay, và đã trị vì” – ý muốn nói: Ngài sẽ ban bố tất

⁴⁶ Xem Sách Khải huyền 11:15

⁴⁷ Xem Sách Khải huyền 11:16-17

cả giáo lý của Ngài, Ngài sẽ gom tất cả các dân tộc trên trái đất dưới bóng Ngài, và Ngài sẽ qui tụ mọi người dưới bóng một mái lều. Dù đó là Vương quốc Vĩnh cửu của Thượng Đế, Ngài vẫn có, đã từng có một Vương quốc, Vương quốc ở đây có nghĩa là sự biểu hiện của chính Ngài; và Ngài sẽ ban bố tất cả các giáo lý và giáo luật đó là tinh thần của thế giới nhân loại và sự sống đời đời. Và Đấng Biểu hiện Hoàn vũ ấy sẽ chế ngự thế giới bằng uy lực tâm linh, không phải bằng chiến tranh hoặc trận đánh; Ngài sẽ thực hiện điều ấy bằng hòa bình và an tĩnh, không phải bằng đao kiếm và khí giới. Ngài sẽ thiết lập Nước Trời bằng tình yêu thực sự, chứ không phải bằng chiến tranh. Ngài sẽ quảng bá các giáo lý thiên thượng này bằng lòng từ ái và đạo nghĩa, chứ không phải bằng vũ khí và sự thô bạo. Thế rồi Ngài sẽ giáo dục các nước và các dân tộc, để cho, bất chấp những tình trạng khác nhau, những tính cách và phong tục dị biệt, các sắc dân và tôn giáo khác nhau của họ, họ sẽ, như đã nói trong Thánh kinh, giống như beo và cừu, sư tử và bê, đứa bé và rắn lục” đều trở thành đồng chí, bằng hữu và bạn đường. Những thù nghịch sắc tộc, những dị biệt tôn giáo, và những rào cản giữa các nước sẽ hoàn toàn bị xóa bỏ, tất cả sẽ đạt tới sự hiệp nhất và hòa hợp dưới bóng Cây Chúc phúc.

“Các nước vốn giận dữ,” vì các giáo lý của Ngài nghịch với dục vọng của các dân tộc; “nhưng cơn thịnh nộ của Ngài đã đến”⁴⁸ – ý muốn nói, tất cả sẽ bị đau đớn vì sự mất mát hiển nhiên, bởi vì họ không vâng theo các phán lệnh, các khuyến cáo và các giáo lý của Ngài, họ sẽ bị tước mất hồng phúc vĩnh cửu, và bị che khuất trước Mặt Trời Chân lý.

“Giờ đã tới, là giờ phán xét kẻ chết”⁴⁸ nghĩa là đến lúc những kẻ bị tước mất tinh thần tình yêu của Thượng Đế và không được chia phần trong sự sống đời đời thánh thiện – sẽ bị phán xét theo công lý, nghĩa là họ sẽ đứng lên nhận lãnh những gì họ đáng nhận. Ngài sẽ khiến sự thật về những điều bí mật của họ thành hiển nhiên, cho thấy họ rơi vào tình trạng thấp kém như thế nào trong thế giới sinh tồn, và trong sự thật là họ đang ở dưới quyền của thần chết.

“Rằng Ngài sẽ ban thưởng cho các tôi tớ là các Đấng Tiên tri, thưởng cho các thánh và cho những người kính sợ danh Chúa, thưởng cho kẻ nhỏ cùng kẻ lớn”⁴⁸ – ý muốn nói Ngài sẽ phân biệt người đạo nghĩa bằng thiên phúc vô hạn, làm cho họ chiếu sáng nơi chân trời vinh hiển đời đời, giống như những ngôi sao trên trời. Ngài sẽ giúp họ bằng cách phú cho hành vi và hành động như ánh sáng của thế giới nhân loại, như nguyên do của sự hướng dẫn, và phương tiện để sống đời đời trong Vương quốc Thiên thượng.

“Và hủy phá những kẻ đã hủy phá thế gian”⁴⁸ nghĩa là Ngài sẽ loại bỏ hoàn toàn những kẻ vô tâm; vì sự mù quáng của kẻ mù sẽ hiển hiện, và sự thấy của những người sáng suốt sẽ hiển nhiên; sự tối tăm và thiếu tri thức của

⁴⁸ Xem Sách Khải huyền 11:18

những kẻ lầm lạc sẽ bị nhận ra, còn tri thức và trí tuệ của những người chịu sự hướng dẫn sẽ thành hiển hiện; kết quả là những kẻ hủy phá sẽ bị hủy phá.

Đền thờ Đức Chúa Trời bèn mở ra ở trên trời”⁴⁹ nghĩa là người ta sẽ thấy Jerusalem thiên thượng, và chôn Thiêng liêng của mọi sự Thiêng liêng, theo thuật ngữ của những người khôn sáng, là Tinh hoa Luật Thiên thượng, giáo lý chân chính và thiêng liêng của Chúa, không bị thay đổi trong chu kỳ của bất cứ Đấng Tiên tri nào, như đã được giải thích từ trước. Chôn thánh vì Jerusalem ví như chân lý về Luật của Thượng Đế, là chôn Thiêng liêng của những sự Thiêng liêng; và tất cả những giáo luật, giao ước nghi lễ và qui tắc vật chất là thành Jerusalem – đây là lý do tại sao nó được gọi là Jerusalem thiêng liêng. Tóm lại, vì trong chu kỳ này Mặt Trời Chân lý sẽ làm cho ánh sáng của Thượng Đế chiếu rọi với hào quang tột độ, vì vậy tinh hoa giáo lý của Thượng Đế sẽ được thực hiện trên thế giới sinh tồn, bóng tối si mê và sự thiếu tri thức sẽ bị xua tan. Thế giới sẽ trở thành một thế giới mới, và sự giác ngộ sẽ thịnh hành. Như thế là chôn Thiêng liêng của những sự Thiêng liêng sẽ xuất hiện.

Và “Đền thờ Đức Chúa Trời bèn mở ra ở trên trời”⁴⁹ cũng có nghĩa là do sự quảng bá các giáo lý thiên thượng, sự xuất hiện của những điều huyền nhiệm thiêng liêng, và sự xuất hiện của Mặt Trời Chân lý, các cánh cửa của thành công và thịnh vượng sẽ mở ra khắp mọi hướng, những dấu hiệu của điều thiện và hồng ân thiên đàng sẽ thấy rõ ràng.

“Hòm Giao ước bày ra trong Đền thờ Ngài”⁴⁹ – ý muốn nói, Kinh Giao ước của Ngài sẽ xuất hiện trong Jerusalem của Ngài, Thư Giao ước⁵⁰ sẽ được thiết lập, và ý nghĩa của Giao ước sẽ trở thành hiển nhiên. Phương danh của Thượng Đế sẽ lan rộng ra phương Đông và phương Tây, tuyên ngôn Chánh Đạo của Thượng Đế sẽ đầy cả thế giới. Những kẻ vi phạm Giao ước sẽ bị mất phẩm giá và tẩn lạc, những người thành tín được yêu chuộng và tôn vinh, vì họ bám vào Kinh Giao ước, vững tin và kiên định trong Giao ước.

“Rồi có chớp nhoáng, sấm sét, động đất và mưa đá lớn,”⁴⁹ nghĩa là sau khi xuất hiện Kinh Giao ước thì sẽ có bão lớn, sấm chớp sự nổi giận và thịnh nộ của Thượng Đế sẽ nổ ra, tiếng vang của cơn sấm về sự vi phạm Giao ước sẽ vọng lại, cơn động đất hoài nghi sẽ diễn ra, mưa đá dày vò sẽ ập lên những kẻ vi phạm Giao ước, và ngay cả những người bày tỏ niềm tin cũng sẽ rơi vào các sự thử thách và cám dỗ.

⁴⁹ Xem Sách Khải huyền 11:19

⁵⁰ Một Tác phẩm của Đức Baha'u'llah, trong đó Ngài chỉ rõ Đức Abdul Baha là Người mà mọi người phải hướng về sau khi Ngài thăng thiên

12/ BÌNH LUẬN VỀ CHƯƠNG MƯỜI MỘT, SÁCH ESAIAH (Ê-SAI)

Trong Sách Ê-Sai 11:1-10, Chương mười một, câu 1 đến 10 có nói: “Có một chồi sẽ nứt lên từ gốc Y-sai, một nhánh từ rễ nó sẽ ra trái: Thần của Đức Giê-hô-va sẽ ngự trên Ngài, tức là thần khôn ngoan và thông sáng, thần mưu toan và mạnh sức, thần hiểu biết và kính sợ Đức Giê-hô-va. Ngài lấy sự kính sợ Đức Giê-hô-va làm vui; chẳng phán xét theo mắt mình thấy, và chẳng cứ sự tai nghe mà đoán định. Nhưng Ngài sẽ dùng sự công bình xét đoán kẻ nghèo, và xử lý ngay thẳng cho kẻ nhu mì trên đất. Ngài sẽ đánh thế gian bằng cái gậy của miệng mình, và lấy hơi thở nơi môi mà giết kẻ ác. Sự công bình sẽ làm dây thắt lưng của Ngài, sự thành tín sẽ làm dây ràng hông. Bầy giờ muông sói sẽ ở với chiên con, beo nằm với dê con, bò con, sư tử con với bò nuôi mập cùng chung một chỗ, một đứa con trẻ sẽ dắt chúng nó đi. Bò cái sẽ ăn với gấu; các con nhỏ chúng nó nằm chung, sư tử ăn cỏ khô như bò. Trẻ con đương bú sẽ chơi kẻ ỏ rắn hổ mang, trẻ con thôi bú sẽ thò tay vào hang rắn lục. Nó chẳng làm hại, chẳng giết ai trong cả núi thánh của Ta; vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển.”

“Chiếc roi từ nhánh Jesse” có thể ứng nghiệm đúng vào Đấng Christ, vì Joseph là hậu duệ của Jesse, phụ thân của David; nhưng bởi Đấng Christ có được sự sinh tồn do Thánh Linh, nên Ngài tự nhận Ngài là Con của Thượng Đế. Nếu Ngài không làm thế, thì sự mô tả này là nhắc đến Ngài. Ngoài điều này, những sự kiện mà Ngài báo là sẽ xảy đến trong ngày của chiếc roi này, nếu giải thích một cách tượng trưng, thì một phần ứng nghiệm vào Ngày của Đấng Christ, chứ không phải tất cả; và nếu không được giải thích, thì chắc chắn không có dấu hiệu nào trong các điều này đã xảy ra.

Ví dụ, beo và cừ, sư tử và bê, trẻ con và rắn, là những mỹ từ và biểu tượng về các dân tộc và các nước khác nhau, các chi phái thù nghịch và các chủng tộc đối địch, chống đối và làm hại nhau như sói và cừ. Chúng ta nói rằng nhờ hơi thở của Linh Đấng Christ mà họ tìm được sự thuận thảo và hòa hợp, họ trở nên sinh động và chung sống với nhau. Nhưng “Nó chẳng làm hại, chẳng giết ai trong cả núi thánh của Ta; vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Giê-hô-va, như các dòng nước che lấp biển.” Những điều kiện này không diễn ra trong thời biểu hiện của Đấng Christ; vì cho mãi đến nay các quốc gia khác nhau và thù nghịch vẫn còn tồn tại trên thế giới: rất ít người nhận biết Đức Giê-hô-va của Israel, và số đông hơn không biết gì về Thượng Đế. Cũng theo cách ấy, nền hòa bình hoàn vũ không tồn tại vào thời Đấng Christ – nghĩa là, giữa các nước thù nghịch và chống đối nhau không có sự hòa bình, hòa hợp, các sự tranh chấp và bất hòa không chấm dứt, sự hòa giải và chân thật không xuất hiện. Thế nên, mãi tận ngày nay, ngay giữa các phái Thiên Chúa giáo và các nước, sự thù nghịch, ghen ghét và xung đột dữ dội vẫn còn xảy ra.

Những câu thánh thi này ứng hợp từng chữ với Đức Baha'u'llah. Cũng thế, trong chu kỳ huyền diệu này trái đất sẽ biến đổi, thế giới nhân loại dần hàng

trong yên tĩnh và vẻ đẹp. Các cuộc tranh chấp, cãi cọ và tàn sát sẽ được thay thế bằng hòa bình, chân lý và hòa hợp; giữa các nước, các dân tộc, các sắc dân và các xứ sở, tình yêu và sự thân ái sẽ xuất hiện. Sự hợp tác và hiệp nhất sẽ được thiết lập, và cuối cùng chiến tranh sẽ hoàn toàn bị dập tắt. Khi các giáo luật của Thánh Kinh Thiêng liêng Nhất được thực thi, các cuộc xung đột và tranh chấp sẽ tìm được phán quyết cuối cùng của chân lý tuyệt đối trước pháp viện chung của các nước và các vương quốc, những sự khó khăn mới xuất hiện sẽ được giải quyết. Năm châu trên thế giới sẽ kết thành một, nhiều nước cũng trở thành một, mặt trái đất sẽ trở thành một nước, và cả nhân loại sẽ chỉ là một cộng đồng. Những mối quan hệ giữa các nước – sự sáp nhập, hiệp nhất và tình bằng hữu của các dân tộc và các cộng đồng – sẽ đạt tới một mức độ mà toàn thể nhân loại sẽ giống như một gia đình và một giống nòi. Ánh sáng tình yêu thiên thượng sẽ chiếu rọi, bóng tối của thù nghịch và ghen ghét sẽ bị xua tan khỏi thế giới. Nền thái hòa sẽ dựng lều ở trung tâm trái đất, Cây Nhân sinh chúc phúc sẽ mọc và tỏa rộng đến mức sẽ che mát cả phương Đông và phương Tây. Người mạnh và kẻ yếu, kẻ giàu và người nghèo, các phái thù nghịch và các nước xung đột – giống như sói và chiên, beo và hải nhi, sư tử và bê – sẽ cư xử với nhau trong yêu thương trọn vẹn, trong tình bằng hữu, công bình và phân minh. Thế giới sẽ tràn đầy khoa học, với tri thức về sự thật những điều huyền nhiệm của vạn vật, và với tri thức về Thượng Đế.

Giờ hãy xét xem, trong thế kỷ vĩ đại này thuộc chu kỳ của Đức Baha'u'llah, sự tiến bộ về khoa học và tri thức thành tựu ra sao. Biết bao bí mật sinh tồn đã được khám phá, biết bao phát minh đã được đưa ra ánh sáng và con số đang nhân lên hằng ngày. Không bao lâu nữa, sự học vấn và khoa học vật chất, cũng như tri thức về Thượng Đế, sẽ đạt tiến bộ đến mức thể hiện những điều diệu kỳ khiến người xem phải bàng hoàng. Bảy giờ sự mầu nhiệm của câu thánh thi này trong Sách Ê-Sai, “vì thế gian sẽ đầy dẫy sự hiểu biết Đức Chúa”, trở thành hiển nhiên hoàn toàn.

Hãy suy ngẫm thêm rằng trong một thời gian ngắn từ khi Đức Baha'u'llah xuất hiện, dân chúng từ mọi xứ sở, quốc gia và chủng tộc đã bước vào dưới bóng nền Chánh Đạo này. Người Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo, Bái Hỏa giáo, Phật giáo, Ấn Độ giáo và người Ba Tư tất cả đều giao tiếp với nhau với tình yêu và tình bằng hữu tuyệt vời nhất, hẳn nhiên như thể những người này đã có mối quan hệ gắn bó với nhau cả ngàn năm, giữa họ và những người liên quan với họ; vì họ giống như cha với con trai, mẹ với con gái, chị em và anh em. Đây là một trong những ý nghĩa về sự sống chung giữa sói và chiên, báo và hải nhi, sư tử và bê.

Một trong những biến cố lớn xảy ra trong Ngày Biểu hiện của cảnh Vô song ấy (Đức Baha'u'llah) là sự dương cao Linh kỳ của Thượng Đế giữa tất cả các nước. Điều này có nghĩa là tất cả các nước và các giống dân sẽ cùng qui tụ dưới bóng Ngọn cờ Thiêng liêng này, đó chính là Cảnh của Thượng Đế, và sẽ trở thành một nước. Sự thù nghịch tôn giáo và chi phái, sự đối địch sắc

tộc và dân tộc, những dị biệt giữa các nước sẽ xóa tan hết. Mọi người sẽ vâng theo một tôn giáo, sẽ có một đức tin chung, sẽ gắn kết như một sắc dân, và sẽ trở thành một dân tộc duy nhất. Tất cả sẽ sống trong một tổ quốc, đó chính là hành tinh này. Nền thái hòa và sự hòa hợp sẽ được thực hiện giữa tất cả các nước, và Cảnh Vô song ấy sẽ qui tụ tất cả Israel, nghĩa là trong chu kỳ này Israel sẽ qui tụ lại tại Thánh Địa, và dân Do Thái bị tản lạc khắp Đông và Tây, Nam và Bắc sẽ đoàn tụ với nhau.

Giờ hãy xem: những sự kiện này đã không xảy ra trong chu kỳ Thiên Chúa, vì các nước đã không cùng đến dưới một Ngọn Cờ đó là Cảnh Thiêng liêng. Nhưng trong chu kỳ này của Đấng Chúa các Cơ binh tất cả các nước và các dân tộc sẽ bước vào dưới bóng Ngọn cờ này. Cũng theo cách ấy, Israel, bị tha hương khắp thế giới, đã không tái hợp tại Thánh Địa trong chu kỳ Thiên Chúa; nhưng vào đầu chu kỳ của Đức Baha'u'llah thì lời hứa thiêng liêng này, như được nêu rõ ràng trong tất cả các Thánh Kinh của các Đấng Tiên tri, đã bắt đầu hiển hiện. Các người có thể thấy rằng từ khắp các nơi trên thế giới các bộ lạc Do Thái đã trở về Thánh Địa, họ sống trong các làng và trong các vùng đất mà họ tự khai khẩn, mỗi ngày họ càng gia tăng đến mức tất cả Palestine sẽ trở thành quê hương của họ.

13/ BÌNH LUẬN VỀ CHƯƠNG MƯỜI HAI SÁCH KHẢI HUYỀN CỦA THÁNH GIĂNG

Ở trước chúng ta đã giải thích rằng điều có ý nghĩa thường nêu nhất về Thành phố Thánh, Jerusalem của Thượng Đế, được nhắc tới trong Thánh Kinh, là Luật của Thượng Đế. Đôi khi nó được ví với cô dâu, đôi khi với Jerusalem, thường với trời và đất mới. Thế nên trong Chương hai mươi mốt, câu 1, 2 và 3 sách Khải huyền của Thánh Giăng có nói: “Đoạn tôi thấy trời mới và đất mới; vì trời thứ nhứt và đất thứ nhứt đã biến đi mất, và biển cũng không còn nữa. Tôi cũng thấy thành phố thánh, là Jerusalem mới, từ trên trời, ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống, sửa soạn sẵn như một người vợ mới cưới trang sức cho chồng mình. Tôi nghe một tiếng lớn từ trời nói rằng: Nay, Đền tạm của Đức Chúa Trời ở giữa loài người! Ngài sẽ ở với chúng, và chúng sẽ làm dân Ngài; chính Đức Chúa Trời sẽ ở với chúng”

Hãy xem điều này thật rõ ràng và hiển nhiên biết bao rằng trời và đất thứ nhứt nói về Luật cũ. Vì lời ấy còn nói trời thứ nhứt và đất thứ nhứt đã biến đi mất, và biển cũng không còn nữa – ý muốn nói rằng đất là nơi phán xét, và trên đất phán xét thì không có biển, nghĩa là giáo lý và Luật của Thượng Đế sẽ phủ khắp mặt đất, và mọi người sẽ bước vào Chánh Đạo của Thượng Đế, và tín đồ sẽ ở đây mặt đất; vì vậy sẽ không còn có biển, vì nơi cư trú và nhà ở của con người là đất khô. Nói cách khác, vào thời ấy cánh đồng của Luật ấy sẽ trở thành sân chơi của con người. Đó là đất cứng, chân người không bị trượt trên đó.

Luật của Thượng Đế cũng được mô tả là Thành phố Thánh, là Jerusalem Mới. Điều hiển nhiên là Jerusalem Mới xuống từ trời, không phải là một thành phố bằng đá, hồ, gạch, đất và gỗ. Nó là Luật của Thượng Đế xuống từ trời và được gọi là mới, vì rõ ràng là Jerusalem bằng đất đá thì không xuống từ trời, và không được đổi mới; nhưng điều được đổi mới chính là Luật của Thượng Đế.

Luật của Thượng Đế cũng được ví với cô dâu xuất hiện với những trang sức đẹp nhất, như đã được nêu trong Chương 21 sách Khải huyền của Thánh Giăng: “Tôi cũng thấy thành phố thánh là Jerusalem mới, từ trên trời, ở nơi Đức Chúa Trời mà xuống, sửa soạn sẵn như một người vợ mới cưới trang sức cho chồng mình.”⁵¹ Và trong Chương 12, Câu 1 có nói: “Đoạn trên trời hiện ra một dấu lớn; một người đàn bà có mặt trời bao bọc, dưới chân có mặt trăng, và trên đầu có mào triều thiên bằng mười hai ngôi sao.” Người đàn bà này là cô dâu ấy, là Luật của Thượng Đế xuống trên Đức Muhammad. Mặt trời mà nàng mặc, và mặt trăng dưới chân nàng, là hai nước dưới bóng Luật của Thượng Đế, là các Vương quốc Ba Tư và Ottoman; vì quốc huy của Ba Tư là mặt trời, và quốc huy của Đế quốc Ottoman là trăng lưỡi liềm. Như thế mặt trời và mặt trăng là quốc huy của hai Vương quốc ở dưới uy lực của Luật Thượng Đế. Sau đó có nói: “trên đầu nàng là mào triều thiên bằng mười hai ngôi sao”. Mười hai ngôi sao này là mười hai vị Imams, là những người quảng bá Luật của Đức Muhammad và là những nhà giáo dục của dân chúng, chiếu sáng như những ngôi sao trên bầu trời hướng dẫn.

Rồi có nói trong câu thứ 2: “người có thai kêu la,” nghĩa là Luật này rơi vào những khó khăn lớn nhất, phải chịu đựng những phiền toái và tai ương lớn cho đến khi một người con hoàn hảo được sinh ra – nghĩa là Đấng Biểu hiện sắp đến, Đấng Hứa hẹn, Đấng là người con hoàn hảo, Đấng được nuôi dưỡng trong lòng ngực của Luật, ấy là mẹ mình. Người con được nhắc đến đây là Đức Bab, Đấng Điểm Tiên khởi, Đấng thực sự được sinh ra từ Luật của Đức Muhammad – ý muốn nói là Thực thể thiêng liêng, Đấng là con và là sản phẩm của Luật Thượng Đế, mẹ Mình, là Đấng được hứa hẹn bởi tôn giáo ấy, tìm thấy chân lý trong Luật ấy, nhưng vì chế độ độc tài của con rồng mà hải nhi được đưa về với Thượng Đế. Sau 1260 ngày, con rồng bị hủy diệt, và người con của Luật Thượng Đế, Đấng Hứa hẹn, trở nên hiển hiện.

Các câu thánh thi 3 và 4: “Trên trời cũng hiện ra một dấu khác nữa: là một con rồng lớn sắc đỏ, có bảy đầu, mười sừng, và trên đầu có bảy mào triều thiên. Đuôi kéo phân thứ ba các ngôi sao trên trời, đem quăng xuống đất;”⁵² các dấu hiệu này là một ẩn dụ về triều đại Umayyad ngự trị trên Hồi giáo. Bảy đầu và bảy mào triều thiên là bảy nước và lãnh thổ mà các vua Umayyad cai trị: đó là lãnh thổ La Mã quanh Damascus; và các lãnh thổ

⁵¹ Xem Sách Khải huyền 21:2

⁵² Xem Sách Khải huyền 12:3-4

Ba Tư, Á rập và Ai cập cùng với lãnh thổ của châu Phi – ý muốn nói Tunis, Morocco và Algeria; lãnh thổ Andalusia, nay là Tây ban nha, lãnh thổ Turk Transoxania. Triều đại Umayyad ngự trị trên những nước này. Mười sừng là tên mười vị vua Umayyad – nghĩa là, không cần nhắc lại tên của mười vị vua, ý nghĩa mười tên của những người đứng đầu – người thứ nhất là Abu Sufyan và người cuối là Marvan – nhưng phần lớn những người này có tên giống nhau. Như thế có hai người tên Muaviya, ba người tên Yazid, hai người tên Vahid, và hai người tên Marvan; nhưng nếu các tên này được kể mà không lặp lại là có mười cái tên. Triều đại Umayyad, với người đầu tiên là Abu Sufyan, Tổng trấn Mecca và là thủ lãnh triều đại Umayyad, và người cuối là Marvan, đã hủy phá phần thứ ba của dân chúng thánh thiện và thiêng liêng thuộc dòng dõi Đức Muhammad giống như những ngôi sao trên trời.

Câu 4: “Con rồng ấy chực trước người đàn bà gần đẻ, hầu cho khi đẻ ra thì nuốt con người đi.”⁵³ Như chúng ta đã giải thích từ trước, người đàn bà này là Luật của Thượng Đế. Con rồng đứng gần người đàn bà chực nuốt con bà, và con của bà là Đấng Biểu hiện được hứa hẹn, Đấng này sinh từ Luật của Đức Muhammad. Các vua Umayyad luôn luôn chực chờ để bắt lấy Đấng Hứa hẹn, Đấng đến từ dòng dõi Đức Muhammad, để loại bỏ và hủy diệt Ngài; vì họ rất sợ sự ra đời của Đấng Biểu hiện được hứa hẹn, và họ tìm cách giết hại những người thuộc dòng dõi Đức Muhammad là những người rất được tôn trọng.

Câu 5: “Người sanh một con trai, con trai ấy sẽ dùng gậy sắt mà cai trị mọi người.” Người con trai vĩ đại này là Đấng Biểu hiện hứa hẹn sinh ra trong Luật của Thượng Đế và được nuôi dưỡng trong lòng ngực giáo lý thiêng liêng. Roi sắt tượng trưng cho sức mạnh và uy quyền – chứ không phải là thanh gươm- nghĩa là với sức mạnh và uy lực thiêng liêng Ngài sẽ chặn dất tất cả các nước trên trái đất. Người con ấy là Đức Bab. “Đứa trẻ ấy được tiếp lên Đức Chúa Trời, và nơi ngôi Ngài.” Đây là lời tiên tri về Đức Bab, Đấng sẽ lên tới cõi thiên thượng, nơi ngôi của Thượng Đế, và ở tại trung tâm Vương quốc của Ngài. Hãy xem tất cả điều này phù hợp như thế nào với những việc đã xảy ra.

Câu 6: “Còn người đàn bà thì trốn vào đồng vắng” – ý muốn nói Luật của Thượng Đế rút vào đồng vắng, tức là sa mạc mênh mông Hijaz và bán đảo Á rập.

“Tại đó người đã có một nơi ở mà Đức Chúa Trời đã sửa soạn cho.”⁵⁴ Bán đảo Á rập trở thành nhà và nơi ở, là trung tâm Luật của Thượng Đế.

“Để nuôi mình trong 1260 ngày.” Theo thuật ngữ của Thánh Kinh thì 1260 ngày này là 1260 năm mà Luật của Thượng Đế được thiết lập trong đồng

⁵³ Xem Sách Khải huyền 12:4

⁵⁴ Xem Sách Khải huyền 12:6

vắng Arabia, là sa mạc lớn. Từ đó Đấng Hứa hẹn đã đến. Sau 1260 năm Luật sẽ không còn ảnh hưởng nữa, vì quả của cây ấy sẽ xuất hiện, kết quả đã được tạo thành.

Hãy xem những lời tiên tri này phù hợp với nhau như thế nào. Trong Sách Khải huyền, sự xuất hiện của Đấng Hứa hẹn được định là bốn mươi hai tháng, và Tiên tri Daniel đã diễn tả là ba lần rưỡi, thì cũng là bốn mươi hai tháng, là 1260 ngày. Nơi một đoạn khác trong Sách Khải huyền của Thánh Giăng có nói rõ là 1260 ngày, trong Sách cũng nói một ngày là một năm. Không còn gì rõ ràng hơn về sự trùng hợp với nhau của các lời tiên tri này. Đức Bab xuất hiện năm 1260 Hejira niên lịch của Đức Muhammad, đó là bắt đầu kỷ nguyên đoán xét hoàn vũ của tất cả Hội giáo. Không có bằng chứng nào rõ ràng hơn điều này trong các Thánh Kinh đối với bất cứ Đấng Biểu hiện nào. Đối với người công bằng, sự phù hợp về thời điểm được chỉ ra bởi lưỡi của các Đấng Vĩ đại là bằng chứng chung quyết nhất. các lời tiên tri này không còn có cách giải thích nào khác. Phúc thay cho linh hồn công bằng chịu tìm chân lý.

Nhưng không theo lẽ công bằng, dân chúng đã tấn công, tranh cãi và công khai chối bỏ bằng chứng hiển nhiên, giống như người Pharisee, vào lúc biểu hiện của Đấng Christ, chối bỏ một cách ngoan cố nhất những lời giải thích của Chúa và các tông đồ của Ngài. Họ làm lu mờ Chánh Đạo của Chúa trước dân chúng si mê rằng: “Những lời tiên tri này không phải nói về Jesus, mà nói về Đấng Hứa hẹn sẽ đến sau này, theo các điều kiện nêu trong Kinh Thánh.” Một số các điều kiện này là Ngài phải có một vương quốc, phải ngự trên ngai của David, mà phải biểu hiện công lý là sói và chiên phải uống chung trong một dòng nước. Và như thế là họ cản trở dân chúng nhận biết Đấng Christ.

Ghi chú: Trong những câu chuyện cuối cùng này Đức Abdul Baha muốn kết hợp trong cách giải thích mới về những lời tiên tri tận thế của Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hội giáo, chứ không nhằm nêu tính cách siêu nhiên của những lời tiên tri này. Về uy lực của các Đấng Tiên tri, hãy xem “Tri thức về các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng”, tr. 157, và Những sự hiện thấy và sự thông công với các Linh”, tr. 251.

14/ CÁC CHU KỲ VẬT CHẤT VÀ TÂM LINH

Trong thế giới vật chất này thời gian có những chu kỳ; các nơi chốn thay đổi theo các mùa đổi thay, đối với linh hồn thì có sự tiến bộ, thoái bộ và giáo dục. Có lúc này là mùa xuân; lúc khác là mùa thu; rồi lại đến mùa hạ hoặc mùa đông.

Vào mùa xuân mây đổ xuống cơn mưa quý báu, gió nhẹ ngát hương, gió mùa hiếu sinh; không khí ôn hòa hoàn toàn, mưa rơi xuống, mặt trời chiếu rọi, những làn gió màu mỡ cuốn theo mây, thế giới đổi mới, hơi thở sự sống xuất

hiện trong cây cỏ, trong loài vật và trong con người. Các sinh vật trên trái đất chuyển từ tình trạng này sang tình trạng khác. Vạn vật mặc áo mới, đất đen phủ cỏ xanh; núi non và các cánh đồng cũng được điểm tô xanh mượt; cây trở lá và đơm bông; các vườn hoa sản sinh hoa cỏ thơm. Thế giới trở thành một thế giới khác, và nó đạt tới tinh thần hiếu sinh. Trái đất là cơ thể vô sinh; nó tìm được một tinh thần mới, tạo ra sự tươi mát, duyên dáng và vẻ đẹp khôn cùng. Như thế mùa xuân là nguyên do của sự sống mới và thấm nhuần một tinh thần mới.

Sau đó, mùa hạ đến, khi sức nóng gia tăng, sự tăng trưởng và phát triển đạt tới sức mạnh lớn nhất. Năng lượng sự sống trong giới cây cỏ đạt tới mức hoàn hảo, quả xuất hiện, mùa màng chín tới; hạt giống thành bó lúa, lương thực được tích tụ cho mùa đông.

Sau đó mùa thu ồn ào ập đến khi gió khắc nghiệt và hanh khô thổi lên, đó là mùa của bệnh tật, khi vạn vật héo tàn, và gió cuồng dấy lên. Các làn gió nhẹ mùa xuân chuyển thành gió thu; các cây xanh tươi tốt trở thành héo tàn, tro trụi; hoa cỏ thơm tàn phai, hoa viên đẹp chuyển thành đồng cát bụi.

Sau đó mùa đông đến với cái lạnh và đông bão. Tuyết đổ, mưa sa, mưa đá trút xuống, giông bão kèm sấm chớp, trời giá băng, xơ cứng; cỏ cây chết hết, loài vật mới mệt và đau thương.

Khi đạt tới tình trạng này, một mùa xuân hiếu sinh mới lại đến, và chu kỳ mới lại bắt đầu. Mùa xuân với lực lượng tươi mát và xinh đẹp của nó trải lều trên núi non và ruộng đồng với vẻ rực rỡ huy hoàng rộng khắp. Lần thứ hai hình thức vạn vật đổi mới và thế giới sinh vật lại bắt đầu tốt tươi; các vật thể tăng trưởng và phát triển, các cánh đồng và chốn hoang vu đều trở nên xanh tốt, cây cối đơm bông, mùa xuân năm trước trở về đầy đặn và vinh quang tột độ. Đó là, và đó hẳn là, chu kỳ và sự chuyển vận của cuộc sinh tồn.

Những chu kỳ tâm linh của các Đấng Tiên tri cũng giống như thế - ý muốn nói, ngày các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế xuất hiện là mùa xuân tâm linh; đó là sự huy hoàng thiên thượng, đó là hồng phúc thiêng liêng, là gió sự sống, là sự xuất hiện của Mặt Trời Chân lý. Các tinh thần trở nên sinh động, các con tim trở nên tươi mát và mạnh mẽ; các linh hồn trở nên tốt, cuộc sinh tồn chuyển động; thực thể nhân sinh mừng vui, tăng trưởng và phát triển với những phẩm hạnh tốt và những điều hoàn hảo. Sự tiến bộ chung được đạt thành và sự hồi sinh diễn ra, vì đây là ngày phục sinh, là thời kỳ kích thích và lên men, là mùa của lạc phúc, niềm vui và hân hoan cao độ.

Sau đó mùa xuân hiếu sinh kết thúc trong mùa hạ tạo quả. Lời của Thượng Đế được nêu cao, Luật của Thượng Đế được quảng bá; vạn vật đạt tới sự hoàn hảo. Bàn tiệc thiên đàng được bày ra, các làn gió nhẹ thiêng liêng tỏa hương khắp phương Đông và phương Tây, giáo lý của Thượng Đế chinh phục thế giới, loài người được giáo hóa, các kết quả tuyệt vời được tạo ra, sự tiến

bộ rộng khắp xuất hiện trong thế giới nhân loại, và hồng ân thiên thượng bao trùm vạn vật. Vàng Thái dương Chân lý mọc từ chân trời của Vương quốc với sức nóng và uy lực tuyệt vời nhất.

Khi lên đến ngọ tuyến, nó bắt đầu lệch dần và đi xuống, và mùa thu sẽ tiếp nối mùa hè, khi sự tăng trưởng và phát triển dừng lại. Xuân phong chuyển thành các cơn gió độc hại, mùa bệnh tật tàn phá về đẹp và sự tươi mát của các ngôi vườn, cánh đồng và lùm cây – ý muốn nói, sự hấp dẫn và thiện chí không còn nữa, các phẩm chất thiêng liêng đã đổi thay, ánh sáng tâm hồn bị lu mờ, tính tâm linh của các linh hồn biến đổi, đức hạnh bị thay thế bằng thói xấu, sự trong sạch và thánh thiện biến mất. Chỉ còn lại cái tên Tôn giáo của Thượng Đế và những hình thức quái lạ của giáo lý thiêng liêng. Nền móng Tôn giáo của Thượng Đế bị hủy hoại và xóa sạch, không còn lại gì ngoài tục lệ và hình thức. Sự chia rẽ xuất hiện, sự kiên định biến thành bất ổn, các tinh thần thành như chết, các con tim héo úa, linh hồn trở nên ù lì.

Và mùa đông lại đến – ý muốn nói, cái lạnh của sự si mê bao trùm thế giới, bóng tối lầm lạc của con người xuất hiện. Tiếp sau đó là sự lạnh nhạt, bất tuân, khinh suất, biếng lười, hèn kém, bản năng thú tính, sự lạnh giá và sự vô cảm của đá. Nó giống như mùa đông khi địa cầu, thiếu ảnh hưởng của sức nóng mặt trời, trở nên hoang vu và tiêu điều. Khi thế giới của thông minh và tư tưởng rơi vào tình trạng này, thì chỉ còn lại cái chết kéo dài và bất sinh tồn dằng dặc.

Khi mùa đông phát huy hết mọi ảnh hưởng, mùa xuân lại về và một chu kỳ mới xuất hiện. Gió xuân thổi tới, buổi bình minh tỏ rạng, mây thiên thượng tuôn mưa, những tia sáng Mặt trời Chân lý chiếu tới, thế giới vô thường đạt tới sự sống mới và mặc lấy y phục tuyệt vời. Tất cả những dấu hiệu và ân huệ của mùa xuân xưa tái hiện, có lẽ với hào quang diệu kỳ hơn trong mùa mới này.

Những chu kỳ tâm linh của Mặt Trời Chân lý giống như chu kỳ của mặt trời hữu hình: nó luôn luôn xoay vần và đổi mới. Mặt Trời Chân lý, giống như mặt trời hữu hình, có nhiều điểm mọc và xuất hiện: khi này nó mọc ở cung Hoàng Đạo, khi khác thì ở cung Thiên Xứng; khi khác nữa thì phát ra ánh sáng từ cung Bạch Dương. Nhưng mặt trời chỉ là một mặt trời, một thực tại; những người có tri thức yêu mặt trời, không băn khoăn về nơi mặt trời mọc hay tỏ rạng. Những người có nhận thức là những người tìm chân lý, chứ không tìm nơi nó xuất hiện, hay nơi nó tỏ rạng, vì vậy họ tôn thờ Mặt trời từ bất cứ điểm nào trên cung chiêm tinh, họ sẽ tìm Chân lý nơi mọi Linh hồn thánh thiện biểu hiện Chân lý ấy. Nhưng người này luôn luôn đạt tới chân lý và không bao giờ bị che mờ trước Vàng Thái dương của Thế giới Thiên thượng. Như thế người yêu mặt trời và tìm kiếm ánh sáng lúc nào cũng hướng về mặt trời, dù nó chiếu sáng ở cung Bạch Dương hay nó ban phúc từ Cung Hoàng Đạo, hoặc nó tỏa sáng từ Cung Song Tử; nhưng kẻ si mê và kém văn

hóa là những kẻ yêu cung tử vi, chỉ yêu chuông và chú tâm tới nơi mà mặt trời mọc chứ không phải tới mặt trời. Khi mặt trời mọc ở cung Hoàng Đạo, họ hướng về đó, dù sau khi ấy mặt trời đã chuyển sang cung Thiên Xung; vì họ là những người yêu dấu hiệu, họ hướng về đó và ràng buộc với nó, và đánh mất ảnh hưởng tốt của mặt trời chỉ vì nó đã dời chỗ. Ví dụ, khi Vàng Thái dương Chân lý phát ra ánh sáng từ dấu hiệu Abraham, rồi lại mọc nơi dấu hiệu Moses và chiếu sáng nơi chân trời. Sau đó mặt trời lại mọc với sự rạng ngời và uy lực tuyệt vời hơn nơi dấu hiệu Đấng Christ. Những người tìm Chân lý thờ Chân lý ở bất cứ nơi đâu họ thấy nó, nhưng những người bám víu vào Abraham thì bị mất ảnh hưởng của mặt trời khi nó chiếu sáng trên vùng Sinai và làm rạng ngời Chân lý Đức Moses. Những người bám chắc lấy Đức Moses, khi Mặt trời Chân lý mọc trên Đấng Christ với sức sáng tốt cùng và hào quang thiên chúa, họ cũng bị che mờ; và vân vân.

Vì vậy, con người phải tìm Chân lý và sẽ thấy Chân lý trong mỗi Linh hồn Thánh thiện. Con người phải say mê và hân hoan, chịu sự cuốn hút của ân phúc thiên thượng, người ấy phải giống như con bướm đêm yêu ánh sáng do bất cứ ngọn đèn nào phát ra, và giống như họa mi yêu bông hồng mọc lên từ bất cứ ngôi vườn nào.

Nếu mặt trời mọc ở phương Tây, thì nó vẫn là mặt trời, ta không nên khước từ nó vì nơi chốn nó mọc lên, không xem phương Tây luôn luôn là nơi mặt trời lặn. Cũng theo cách ấy, ta phải tìm ân phúc thiên thượng và tìm Buổi Rạng đông thiêng liêng. Ở mọi nơi nó xuất hiện, ta phải là người yêu bị thu hút. Hãy xét xem, nếu người Do Thái giáo không quyết hướng về chân trời Moses, mà chỉ nhìn Mặt Trời Chân lý, thì không chút hoài nghi họ sẽ nhận biết Mặt Trời nơi chốn bình minh thực thể Đấng Christ, trong hào quang thiêng liêng tuyệt vời nhất. Nhưng, tiếc thay, cả ngàn lần đáng tiếc! do bám vào bề ngoài ngôn từ của Đức Moses, họ đã đánh mất ân phúc thiên thượng và hào quang thiên chúa!

15/ SỰ THỊNH VƯỢNG GIÀU CÓ THỰC SỰ

Vinh dự và sự cao quý của mọi vật sinh tồn tùy thuộc nơi nguyên do và hoàn cảnh.

Tính ưu việt, sự điểm tô và sự hoàn hảo của đất là xanh tươi và màu mỡ nhờ ân phúc của mây mùa xuân. Cây mọc, hoa và cỏ thơm phát triển; cây ăn quả đơm bông, cho trái mới ngon ngọt. Vườn thành đẹp, cánh đồng tươi tốt; núi và thảo nguyên mặc áo xanh tươi, hoa viên, ruộng lúa, làng mạc và thành thị được trang hoàng. Đây là sự thịnh vượng của thế giới khoáng vật.

Tâm cao tôn quý và hoàn hảo của thế giới thực vật là cây sẽ mọc bên bờ suối mát, gió nhẹ thổi qua nó, hơi ấm mặt trời chiếu trên nó, một người làm vườn chăm lo trồng trọt, rồi ngày qua ngày nó sẽ phát triển và sinh trái. Nhưng sự

thịnh vượng thật sự của nó là tiến vào thế giới động vật và thế giới nhân sinh, và thay chỗ cho những gì đã được tận dụng trong thân thể loài vật và loài người.

Sự tôn quý của thế giới động vật là sở hữu những năng lực, cơ quan và chi thể hoàn hảo, và được cung cấp tất cả nhu cầu. Đây là sự tôn quý, vinh dự và vinh quang cao nhất của nó. Sự sung sướng tột cùng của loài vật là có được đồng cỏ xanh và màu mỡ, dòng nước chảy hoàn toàn tinh khiết, và rừng xanh tươi tốt. Nếu tất cả những thứ này được cung cấp cho nó, thì không còn tưởng tượng được sự thịnh vượng nào lớn hơn nữa. Ví dụ, nếu con chim làm tổ trong rừng xanh cây trái, ở một nơi cao, trên một cây vững chắc, trên chót cành cao nhất, và nếu nó tìm được tất cả nhu cầu về các loại hạt và nước, thì đây là sự sung túc hoàn hảo của nó.

Nhưng sung túc thực sự đối với loài vật là tiến từ thế giới loài vật sang thế giới loài người, giống như vật vi sinh, qua nước và không khí, vào thân thể con người, bị tiêu hóa, và thay thế cho những gì đã được cơ thể hấp thụ. Đây là sự thịnh vượng và vinh dự to lớn cho thế giới loài vật; không thể có vinh dự nào to tát hơn.

Như vậy, hiển nhiên và rõ ràng rằng sự giàu có này, sự tiện nghi và hình thức sung túc vật chất này là sự sung túc hoàn hảo của khoáng vật, thực vật và động vật. Không của cải nào, không sự giàu có, tiện nghi và sự thoải mái nào của thế giới vật chất ngang với sự giàu có của con chim; tất cả các miền đồng nội, núi non là nơi ở của nó; tất cả loại hạt và mùa màng là thức ăn và của cải của nó, tất cả các xứ sở, làng mạc, ruộng lúa, đồng cỏ, rừng rú, hoang mạc đều là vật sở hữu của nó. Thử hỏi ai giàu hơn, con chim hay là kẻ giàu có nhất? Bởi vì, dù nó nhận hay cho bao nhiêu loại hạt, sự giàu có của nó vẫn không giảm.

Thế là rõ ràng danh dự và sự cao cả của con người phải là cái gì khác với của cải vật chất. Tiện nghi vật chất chỉ là cành, nhưng gốc rễ sự cao cả của con người phải là đức hạnh và đặc tính tốt đẹp tô cho bản thể con người. Đây là những phong thái thiên thượng, ân sủng thiêng liêng, tình cảm cao cả, tình yêu và sự hiểu biết về Thượng Đế; tính minh triết rộng khắp, nhận thức thông tuệ, phát minh khoa học, công bằng, liêm chính, chân thật, phúc hậu, quả cảm tự nhiên và kiên định tinh thần; tôn trọng các quyền và tuân giữ các hợp đồng cam kết; đoan chính trong mọi tình huống, phụng sự chân lý trong mọi hoàn cảnh; hy sinh bản thân vì lợi ích của mọi người; yêu thương và tôn trọng tất cả các nước; vâng theo Giáo lý của Thượng Đế; phụng sự trong Vương quốc thiên thượng; hướng dẫn dân chúng, giáo dục các nước và các sắc dân. Đây là sự thịnh vượng của thế giới loài người! Đây là sự cao cả của con người ở trên đời! Đây là sự sống đời đời và là danh dự thiêng liêng!

Những đức hạnh không xuất hiện từ thực thể con người mà qua quyền năng của Thượng Đế và các giáo lý thiêng liêng, vì nó cần uy lực siêu nhiên để

biểu hiện. Có thể là trong thế giới tự nhiên một dấu vết của những sự hoàn hảo này có thể xuất hiện, nhưng nó chỉ là tạm bợ, phù du; nó chỉ là những tia nắng mặt trời trên bức vách.

Vì Đấng Thượng Đế yêu thương đã đặt mào miện tuyệt vời này trên đầu con người, con người nên cố gắng để cho những bảo ngọc rực sáng trở nên hiển hiện trên thế giới.

PHẦN 2: MỘT SỐ CHỦ ĐỀ THIÊN CHÚA GIÁO

16/ NHỮNG BIỂU TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC BÊN NGOÀI PHẢI ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ TRUYỀN ĐẠT NHỮNG QUAN NIỆM VỀ TRÍ TUỆ

Một chủ đề chính yếu⁵⁵ để hiểu những vấn đề chúng ta đã nêu, và những chủ đề khác sắp được đề cập đến, để cho cốt tủy của vấn đề có thể được thấu hiểu, là thế này: tri thức của loài người gồm hai loại.

Loại thứ nhất là hiểu biết về những thứ được nhận thức bằng giác quan – ý muốn nói là những thứ mắt, tai, khứu giác, vị giác, xúc giác nhận thức được, đó gọi là cảm nhận, hoặc nhận xét khách quan. Như mặt trời, vì ta có thể thấy nó, ta nói nó là đối tượng khách quan; cũng theo cách ấy âm thanh được cảm nhận vì tai nghe, hương thơm được cảm nhận vì khứu giác hít vào; thức ăn được cảm nhận vì lưỡi nếm biết ngọt, chua hay mặn; nóng và lạnh được cảm nhận vì xúc giác nhận ra nó. Những điều này gọi là thực thể thụ cảm.

Loại tri thức thứ hai của con người là trí tuệ - ý muốn nói, nó là thực thể của trí óc, nó không có hình dáng và nơi chốn bên ngoài và không thể nhận biết bằng giác quan. Ví dụ, năng lực của trí tuệ không thuộc về giác quan, không đặc tính bên trong nào của con người là thuộc giác quan; trái lại, nó là những thực thể thuộc trí tuệ. Tình yêu là thực thể trí tuệ chứ không phải cảm nhận; vì thực thể này tai không thể nghe, mắt không thấy, khứu giác không thể ngửi, vị giác không thể nếm, xúc giác không thể chạm đến. Ngay cả chất Ê te không màu không mùi trong vật lý, những lực mà vật lý học gọi là sức nóng, ánh sáng, điện, từ tính, cũng là thực thể trí tuệ, chứ không phải xúc cảm. Cũng theo cách ấy, thiên nhiên, trong bản chất của nó, cũng là thực thể trí tuệ chứ không phải cảm quan; tinh thần con người là trí tuệ, không phải là thực thể cảm quan.

Để giải thích những thực thể trí tuệ này, ta phải diễn tả nó bằng hình ảnh cảm quan vì trong cuộc sinh tồn bên ngoài không có gì là không thuộc về vật chất. Vì vậy, để giải thích thực thể của tinh thần – tình trạng, cương vị của nó – ta buộc phải đưa ra những lời giải thích dưới hình thức sự vật thuộc cảm quan bởi vì trong thế giới bên ngoài mọi vật tồn tại đều thuộc cảm quan. Ví dụ, đau khổ và hạnh phúc là những điều thuộc trí tuệ: khi muốn diễn tả những tính cách tâm linh ấy, ta nói: “Tim tôi trĩu nặng; tim tôi lâng lâng”, dù tim người không hề trĩu nặng hoặc lâng lâng. Đây là trạng thái trí tuệ hoặc tâm linh, để giải thích nó ta buộc phải nhờ tới những hình ảnh thuộc cảm quan. Một ví dụ khác: ta nói, “cá nhân ấy đạt tiến bộ lớn”, dù người ấy vẫn ở nguyên

⁵⁵ nghĩa đen là trực chính

chỗ cũ: hoặc ta nói, “vị trí của người ấy thật cao cả”, dù giống như mọi người khác, người ấy vẫn đi trên mặt đất. Sự cao cả và sự tiến bộ là trạng thái tâm linh và là thực thể trí tuệ, nhưng để giải thích nó ta buộc phải nhờ tới những hình ảnh thuộc cảm quan bởi vì trong thế giới bên ngoài không có gì là không thuộc cảm quan.

Như thế biểu tượng của tri thức là ánh sáng, và sự dốt nát là bóng tối; nhưng hãy suy nghĩ, tri thức có phải là ánh sáng thuộc cảm quan, hoặc dốt nát là bóng tối thuộc cảm quan không? Không, chúng hoàn toàn là những biểu tượng. Những điều này chỉ tả trạng thái của trí tuệ, nhưng khi ta muốn diễn tả chúng ra bên ngoài, ta gọi tri thức là ánh sáng, và dốt nát là bóng tối. Ta nói: “tim tôi tắm tối, và nó trở nên sáng láng.” Thế thì ánh sáng của tri thức, và bóng tối của dốt nát, đều là thực thể trí tuệ, nhưng khi chúng ta tìm cách giải thích trong thế giới bên ngoài, chúng ta buộc phải tạo cho nó hình thức thuộc cảm quan.

Như thế cũng hiển nhiên là bỏ câu đáp xuống trên Đức Chúa không phải là bỏ câu thật, mà là trạng thái tâm linh, khiến ta có thể hiểu, khi diễn tả bằng hình ảnh thuộc cảm quan. Như thế trong Cựu ước có nói rằng Thượng Đế xuất hiện thành một cột lửa: đây không phải là hình dáng vật chất; nó là chân lý thuộc trí tuệ được diễn tả bằng hình ảnh thuộc cảm quan.

Đức Chúa phán: “Cha ở trong Con, và Con ở trong Cha.” Có phải Đức Chúa ở trong Thượng Đế, hoặc Thượng Đế ở trong Chúa? Không, kính lạy Thượng Đế! Trái lại, đây là trạng thái thuộc trí tuệ được diễn tả bằng hình ảnh thuộc cảm quan.

Giờ ta giải thích lời của Đức Baha’u’llah, khi Ngài phán: “Hỡi đức vua! Ta chỉ là một người như những người khác, đang mê man trong giấc điệp, chợt khi ấy những làn gió của Đấng Toàn vinh thổi qua người Ta, và dạy Ta tri thức về mọi sự đã có. Điều này không phải do Ta, nhưng do Ngài là Đấng Toàn năng, Đấng Toàn tri.”⁵⁶ Đây là trạng thái của sự biểu hiện: nó không thuộc về cảm quan; nó là chân lý về trí tuệ, không bị chi phối và vượt ngoài thời gian, vượt khỏi quá khứ, hiện tại và tương lai; đó là sự giải thích, một sự đối chiếu, một mỹ từ và không thể hiểu theo nghĩa đen; đây không phải là một trạng thái mà con người có thể hiểu. Ngủ và thức là sự trải qua từ trạng thái này sang trạng thái khác. Ngủ là tình trạng yên nghỉ, thức là tình trạng vận động. Ngủ là trạng thái lặng im; thức là trạng thái lên tiếng. Ngủ là trạng thái huyền bí; thức là trạng thái biểu hiện.

Ví dụ, có một thành ngữ Ả rập và Ba Tư nói là đất ngủ, và mùa xuân đến nó thức dậy; hoặc là trái đất chết, và mùa xuân đến, nó sống lại. Các thành ngữ này là những mỹ từ, ẩn dụ, giải thích điều mâu thuẫn trong thế giới ý nghĩa.

⁵⁶ Trích từ bức thư gửi cho Vua Nasirid-Din

Tóm lại, các Đấng Biểu hiện Thiên liêng đã từng và mãi mãi sẽ còn là những Thực tại Rực sáng; không có sự đổi thay hoặc biến thiên nào diễn ra trong bản thể các Ngài. Trước khi tuyên ngôn sự biểu hiện, các Ngài im lặng, yên tĩnh như đang ngủ, và sau sự biểu hiện, các Ngài nói và tỏa sáng như đang tỉnh thức.

17/ SỰ GIÁNG SINH CỦA ĐỨC CHÚA

Câu hỏi: Đức Chúa giáng sinh từ Thánh Linh như thế nào?

Giải Trả lời: Về câu hỏi này, các nhà thần học và các nhà duy vật bất đồng ý kiến. Các nhà thần học tin rằng Chúa sinh ra bởi Thánh Linh, nhưng các nhà duy vật nghĩ rằng đó là điều bất năng và không thể chấp nhận được, và rõ ràng Ngài có người cha là con người.

Trong Kinh Quran có nói: “Rồi Ta cử Thiên thần của Ta đến gặp nàng. Thiên thần hiện ra trước mặt nàng như một người đàn ông toàn diện;”⁵⁷ nghĩa là Thánh Linh lấy hình dạng giống như con người, như một hình ảnh thấy trong gương, và Ngài phán cùng bà Mary.

Người duy vật tin rằng phải có hôn nhân, và nói rằng thân thể sống không thể được tạo thành từ thân thể không có sự sống, vì không có yếu tố dương và âm thì không thể có sự thụ thai. Họ nghĩ rằng không chỉ riêng với con người, nhưng với loài vật và cây cỏ điều này cũng là bất năng. Bởi sự phối hợp âm dương tồn tại trong mọi sinh vật và thực vật. Sự kết đôi cũng được nêu cả trong Kinh Quran: “Ngài đáng ca tụng thay! Đấng đã tạo thành từng cặp nam nữ, trồng mái, âm dương, tất cả những vật mà đất đai cho mọc ra và từ chính bản thân của (nhân loại) và từ những vật khác mà họ không biết.⁵⁸ – nghĩa là loài người, động vật, thực vật đều có đôi – “mọi vật được tạo thành từng cặp” – nghĩa là, “Ta đã tạo nên tất cả sinh vật qua từng đôi.”

Tóm lại, họ nói không thể tưởng tượng được một người nào là không có cha. Để đáp lại, các nhà thần học nói: “Điều này không phải là bất năng hoặc bất thành, nhưng là điều chưa từng thấy; và có sự phân biệt thật lớn lao giữa một điều bất năng với một điều chưa biết. Ví dụ, thuở xưa điện báo, phương tiện tạo nên sự liên lạc giữa phương Đông và phương Tây, là chưa biết chứ không phải là bất năng; nhiếp ảnh, thu âm cũng chưa từng biết chứ không phải là bất năng.”

Các nhà duy vật vẫn duy trì niềm tin của mình, các nhà thần học Trả lời: “Địa cầu này là vĩnh cửu hay vô thường?” Các nhà duy vật trả lời rằng, theo khoa học và các khám phá quan trọng, đã xác định được nó là vô thường; ban đầu

⁵⁷ Xem Quran 19:17

⁵⁸ Quran 36:35

nó là quả cầu lửa, lần hồi nó nguội dần, một lớp mặt được tạo nên quanh nó, và trên đó xuất hiện thực vật, động vật, và cuối cùng là loài người.

Các nhà thần học nói: “Như vậy, từ sự phát biểu của các vị rõ ràng và hiển nhiên là nhân loại chỉ là hiện tượng trên địa cầu chứ không phải là vĩnh cửu. Nên chắc chắn con người đầu tiên không hề có cha hoặc mẹ, vì sự sinh tồn của con người có tính hiện tượng. Sự sáng tạo con người không phải là không có cha và mẹ hay sao, như vậy càng khó hơn là nếu người ấy chỉ vào cõi sinh tồn mà không có cha sao? Như các vị đã nhìn nhận rằng người đầu tiên vào cõi sinh tồn không có cha hoặc mẹ - dù đó là lần hồi hay đột nhiên - vậy chắc chắn chuyện không có cha là cũng có thể xảy ra và chấp nhận được; các vị không thể xem đây là chuyện bất năng, bằng không các vị đã không theo logic. Ví dụ, các vị nói rằng có lúc ngọn đèn này được thắp sáng không cần dầu và tìm đèn, rồi các vị nói rằng điều này bất năng, như vậy là phản logic.” Đức Chúa có mẹ; còn theo người duy vật thì con người đầu tiên không có cả cha lẫn mẹ.⁵⁹

18/ TÍNH VĨ ĐẠI CỦA ĐỨC CHÚA LÀ DO NHỮNG ĐIỀU HOÀN HẢO CỦA NGÀI

Câu hỏi : Đức hạnh và ích lợi của việc không có cha là gì?

Trả lời : Một người vĩ đại là một người vĩ đại, bất kể người ấy có cha đẻ hay không. Nếu không có cha là một đức hạnh, thì Adam là vĩ đại và ưu tú hơn tất cả các Đấng Tiên tri và Sứ giả khác, vì Ngài không có cả cha lẫn mẹ. Điều tạo nên vinh dự và sự vĩ đại là hào quang và ân phúc của những sự hoàn hảo thiêng liêng. Mặt trời sinh ra từ sắc và tướng có thể ví như cha với mẹ, và nó là sự hoàn hảo tuyệt đối; nhưng bóng tối không có sắc và tướng, không có cha lẫn mẹ, và nó là sự bất hoàn hảo tuyệt đối. Sắc của Adam là sự sống vật chất thuộc về đất, nhưng sắc của Abraham là dịch tinh khiết, và chắc chắn rằng dịch trong sạch và khiết bạch ấy là cao trọng hơn đất.

Ngoài ra trong Chương đầu Sách Phúc âm của Giảng, câu 12 và 13, có nói: “Nhưng hễ ai đã nhận biết Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin danh Ngài: là kẻ chẳng phải sanh bởi khí huyết, hoặc bởi tình dục, hoặc bởi ý người, nhưng sanh bởi Đức Chúa Trời vậy.”⁶⁰. Từ những câu thánh thi này ta thấy rõ rằng bản thể của người tông đồ cũng không phải được tạo bằng sức lực vật chất, mà bằng thực tế tâm linh. Sự vinh hiển và sự vĩ đại của Đấng Christ không tùy ở sự kiện là Ngài không có một người cha thế gian, nhưng ở những sự hoàn hảo, ân phúc

⁵⁹ Câu chuyện này là luận bàn vô ích về những câu hỏi loại này; những lời dạy của Đức Abdul Baha về sự giáng sinh của Chúa sẽ thấy ở Chương sau.

⁶⁰ Trích Giảng 1:12-23

và vinh quang thiên thượng. Nếu sự vĩ đại của Đức Chúa là vì Ngài không có cha, thì Adam còn vĩ đại hơn Ngài, vì Adam không có cha lẫn mẹ.

Trong Kinh Cựu ước có nói: “Giê hô va Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sanh khí vào lỗ mũi, thì người trở nên một loài sanh linh.”⁶¹ Hãy thấy rằng lời ấy nói rằng Adam bước vào cõi sinh tồn từ Linh của sự sống. Hơn nữa sự diễn tả mà thánh Giăng sử dụng liên quan đến các tông đồ chứng minh rằng các vị ấy cũng đến từ Đấng Cha thiên thượng. Như thế đã rõ ràng là thực thể thiêng liêng, nghĩa là sự sinh tồn đích thực của mọi vĩ nhân, đến từ Thượng Đế và nhận sự sống của mình từ hơi thở của Thánh Linh.

Ý nghĩa là, nếu không có cha là vinh quang lớn nhất của con người, thì Adam lớn hơn tất cả, vì Ngài không có cha cũng không có mẹ. Con người được tạo nên từ chất liệu sống thì tốt hơn hay từ đất thì tốt hơn? Chắc chắn là tốt hơn khi được tạo nên bằng chất liệu sống. Nhưng Đức Chúa sinh ra và bước vào cõi sinh tồn từ Thánh Linh.

Kết luận: hào quang và sự vinh hiển của những Linh hồn thánh thiện và các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng đến từ ân phúc, vinh quang và những sự hoàn hảo thiên thượng của các Ngài, chứ không bởi cái gì khác.

19/ ĐỨC CHÚA CHỊU PHÉP BÁP-TÊM

Trong sách Phúc âm của thánh Matthew, Chương 3, câu 13, 14, 15 có nói: “Khi ấy, Đức Chúa Jesus từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Giô-đanh, đặng chịu người làm phép báp-têm. Song Giăng từ chối mà rằng: Chính tôi cần phải chịu Ngài làm phép báp-têm, mà Ngài lại trở đến cùng tôi sao! Đức Chúa Jesus đáp rằng: bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy. Giăng bèn vâng lời Ngài.”

Câu hỏi: Việc này có sự khôn ngoan gì: vì Đức Chúa có sự hoàn hảo tất yếu, tại sao Ngài cần chịu phép báp-têm?

Trả lời: Nguyên tắc của phép báp-têm là sự thanh tẩy bằng ăn năn. Giăng kêu gọi và khuyên dân chúng, và khiến cho họ ăn năn; rồi người làm phép báp-têm cho họ. Thế nên, rõ ràng là phép báp-têm này là biểu tượng của sự ăn năn khỏi mọi tội lỗi: ý nghĩa của nó được diễn tả bằng những lời này: “Lạy Thượng Đế! Khi thân thể con được thanh lọc và tẩy rửa khỏi những uế trước vật chất, theo cách ấy xin hãy thanh lọc và tẩy rửa tinh thần con khỏi mọi uế trước của thế giới tự nhiên, vốn không xứng đến trước Ngưỡng cửa Thống nhất của Ngài!” Ăn năn là từ bất tuân trở về tuân tùng. Con người, sau khi rời xa và mất ân sủng của Thượng Đế, ăn năn và trải qua sự thanh lọc: và đây

⁶¹ Sáng thế ký 2:7

là một biểu tượng ý nói: “Lạy Thượng Đế! Xin làm cho tâm hồn con hiến thiện và tinh khiết, được giải thoát và vượt lên mọi sự ngoài tình yêu của Ngài.”

Vì Đức Chúa muốn rằng cơ cấu này của Giăng được vận dụng với mọi người vào thời ấy, nên chính Ngài cũng tuân theo nó để thức tỉnh dân chúng và làm trọn luật của tôn giáo trước. Dù sự tẩy rửa để ăn năn là cơ cấu của Giăng, trên thực tế nó đã được vận dụng trong tôn giáo của Thượng Đế.

Đức Chúa không cần phép báp-têm; nhưng vào thời ấy nó là việc làm đáng ca ngợi và được công nhận, là một dấu hiệu về tin mừng của Nước Trời, vì vậy Ngài nhìn nhận nó. Tuy nhiên, sau đó Ngài phán phép báp-têm thực sự không phải làm bằng nước vật chất, mà bằng nước với Thánh Linh. Trong trường hợp này, nước không phải là nước vật chất, vì ở nơi khác có nói rõ rằng phép báp-têm làm bằng Thánh Linh và lửa, từ đó ta thấy rõ rằng đây không có ý nói nước và lửa vật chất, vì không thể làm báp-têm bằng lửa được.

Như vậy, linh là ân phúc của Thượng Đế, nước là tri thức và lửa là tình yêu của Thượng Đế. Vì nước vật chất không thể tẩy sạch tâm hồn con người, không, nó chỉ thanh tẩy được thân xác. Nhưng nước và linh thiên thượng, là tri thức và sự sống, làm cho tâm hồn con người trở nên tốt và trong sạch; tâm hồn nhận một phần ân phúc của Thánh Linh trở nên thánh thiện, tốt và trong sạch – ý muốn nói, thực thể con người trở nên trong sạch và vượt lên khỏi những uế trược của thế giới tự nhiên. Những uế trược tự nhiên này là các tính xấu: nóng giận, tham lam, phàm tục, kiêu ngạo, nói dối, đạo đức giả, lừa bịp, tự ái, vân vân.

Con người không thể tự giải thoát khỏi sự cuồng dại của nhục dục nếu không có sự giúp đỡ của Thánh Linh. Đó là tại sao Ngài phán phép báp-têm bằng linh, bằng nước và bằng lửa là cần thiết, và là thiết yếu – ý muốn nói, linh của ân phúc thiêng liêng, nước tri thức và sự sống, và lửa tình yêu của Thượng Đế. Con người phải chịu phép báp-têm bằng linh này, bằng nước này và bằng lửa này để nhận đầy đủ ân phúc vĩnh cửu. Bằng không, làm phép báp-têm bằng nước có tác dụng gì? Không, phép báp-têm bằng nước chỉ là tượng trưng cho sự ăn năn, và tìm sự tha thứ tội lỗi.

Nhưng trong chu kỳ của Đức Baha'u'llah biểu tượng này không còn cần thiết nữa; bởi vì thực chất của nó là thanh tẩy bằng linh và tình yêu của Thượng Đế, đã được thấu hiểu và thiết lập.

20/ SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÉP BÁP-TÊM

Câu hỏi: Sự tẩy rửa của phép báp-têm có hữu dụng và cần thiết không, hay nó là vô dụng và không cần thiết? Trong trường hợp thứ nhất, nếu nó hữu

dụng, sao lại bãi bỏ? Và trong trường hợp thứ hai, nếu nó vô dụng tại sao Giăng thực hành?

Trả lời: Điều kiện đổi thay, các biến thiên và những biến cải là cần thiết cho bản thể các sinh linh, và các sự cần thiết tất yếu không thể tách khỏi bản thể sự vật. Thế nên tuyệt đối không thể tách tính nóng ấm ra khỏi lửa, tính ẩm ướt ra khỏi nước, hoặc ánh sáng ra khỏi mặt trời, vì đó là sự cần thiết tất yếu. Vì sự đổi thay và tình trạng biến thiên là cần thiết cho các sinh linh, cho nên các luật cũng thay đổi và biến thiên cho phù hợp những đổi thay và biến thiên của các thời đại. Ví dụ, vào thời Đức Moses, luật của Ngài phù hợp và được áp dụng theo điều kiện của thời đại ấy; nhưng vào những ngày của Chúa những điều kiện này đã thay đổi và biến thiên đến mức luật của thời Moses không còn thích hợp và áp dụng cho nhu cầu của nhân loại được nữa; vì vậy, nó đã được hủy bỏ. Thế nên chính Đức Chúa đã bỏ lễ Sabbath và cấm ly dị. Sau Đức Chúa bốn vị tông đồ, trong đó có Phê rô và Phao lô (Peter and Paulus), cho phép dùng máu động vật đã bị Kinh Thánh ngăn cấm, ngoại trừ việc ăn những động vật đã bị chết ngạt, hoặc được dùng cúng tế thần tượng, và máu nó.⁶² Các vị ấy cũng cấm việc gian dâm. Các vị ấy duy trì bốn điều răn này. Về sau, thánh Phao lô cho phép ăn động vật chết ngạt, vật cúng tế, và máu, chỉ còn cấm sự gian dâm. Thế nên trong Chương 14, câu 14 trong thư gửi cho người La Mã, thánh Phao lô viết: “Tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Giê su rằng, chẳng có vật gì vốn là dơ dáy; chỉ có ai tin vật nào là dơ dáy, thì nó là dơ dáy cho người ấy thôi.” Cũng trong thư của thánh Phao lô gửi cho Tít, chương 1, câu 15: “Mọi sự là tinh sạch cho những người tinh sạch; nhưng cho những kẻ dơ dáy và chẳng tin, thì không sự gì là tinh sạch cả; trái lại tâm thần và lương tâm họ dơ dáy nữa.”

Vậy sự thay đổi này, các biến thiên và sự bãi bỏ là do không thể so sánh thời của Chúa với thời của Moses. Các điều kiện và đòi hỏi trong thời kỳ sau đã hoàn toàn thay đổi và biến thiên. Vì vậy, luật xưa phải bãi bỏ.

Sự tồn tại của thế giới có thể sánh với sự tồn tại của con người, còn các Đấng Tiên tri và Sứ giả của Thượng Đế như lương y tài giỏi. Con người không thể giữ nguyên mãi một tình trạng: các bệnh khác nhau xảy ra thì có một loại thuốc đặc trị. Lương y tài giỏi không thể cho một thứ thuốc như nhau để chữa trị mọi thứ dịch, mọi thứ bệnh, nhưng người thay đổi các cách chữa và các loại thuốc phù hợp với các yêu cầu của bệnh và các cơ địa. Một người có thể bệnh nặng do sốt cao; lương y tài giỏi sẽ cho thuốc làm mát lại; và vào lúc khác tình trạng của người này thay đổi, sốt chuyển thành lạnh, lương y tài giỏi hẳn loại trừ thuốc làm mát và cho sử dụng thuốc làm ấm. Sự thay đổi và biến thiên này là đòi hỏi do tình trạng của bệnh nhân và là bằng chứng về một lương y tài giỏi.

⁶² Công vụ các sứ đồ 15:20

Hãy nghĩ xem, liệu Luật của Cựu ước có thể áp dụng lúc này vào thời đại này? Không, nguyên có Thượng Đế! Nó không thể áp dụng được; vì vậy, chắc chắn là Thượng Đế hủy bỏ Luật của Cựu ước vào thời của Đức Chúa Giê-xu. Cũng cần ngẫm xem, phép báp-têm vào những ngày của Giảng Tẩy giả để thức tỉnh và khuyên nhủ dân chúng ăn năn mọi tội lỗi, và canh chờ sự xuất hiện Nước Trời của Chúa. Nhưng hiện nay ở châu Á, Công giáo và Giáo hội Chính thống còn nhúng trẻ em vào nước trộn với dầu ô liu, nhiều cháu đã bị bệnh vì sốc; trong lúc làm báp-têm các cháu giãy giụa và bị kích động. Ở các nơi khác, thầy tu rảy nước báp-têm lên trán. Nhưng dù là cách thứ nhất hay cách thứ hai cũng không đem lợi ích tâm linh nào cho các cháu bé. Vậy hình thức này đem lại kết quả gì? Các dân tộc khác kinh ngạc và bàng hoàng tại sao em bé lại bị nhúng vào nước, vì việc này không tạo sự cải đạo, tăng đức tin hay sự thức tỉnh tâm linh cho cháu bé, nhưng chỉ là làm theo tục lệ. Vào thời của Giảng Tẩy giả thì không như vậy; không, trước hết Giảng thường khuyên dân chúng, hướng dẫn họ tới chỗ ăn năn tội lỗi, và làm đầy lòng họ niềm khát khao chờ đợi sự biểu hiện của Chúa. Bất cứ ai nhận được sự tẩy rửa của phép báp-têm, chịu ăn năn tội lỗi trong sự nhu mì và khiêm nhường tuyệt đối, thì thân thể họ cũng được tẩy sạch mọi uế trược ở bên ngoài. Với niềm khát khao hoàn hảo, người ấy bên lòng chờ đợi sự biểu hiện của Chúa, và bước vào Nước Trời của Linh Thượng Đế.⁶³

Tóm lại, ý ta muốn nói là sự thay đổi và biến cải của các điều kiện, và những đòi hỏi biến thiên của các thế kỷ và các thời đại khác nhau, là nguyên nhân bãi bỏ các luật. Vì đến một lúc khi các luật này không còn áp dụng phù hợp với điều kiện mới. Hãy xem thật khác biệt bao các đòi hỏi của những thế kỷ đầu, thời Trung cổ, và thời hiện đại. Hỏi còn thực thi được chăng các luật của những thế kỷ đầu cho thời này? Rõ ràng đó là điều không thể và không thực tế. Cũng theo cách ấy, trải qua bao thế kỷ, những đòi hỏi của thời nay không giống với những đòi hỏi trong tương lai, nên chắc chắn sẽ có sự thay đổi và biến thiên.

Ở châu Âu, luật pháp đã thay đổi và cải tiến liên tục; trong những năm qua, biết bao nhiêu luật đã tồn tại trong các tổ chức và hệ thống của châu Âu, nay đã bãi bỏ! Những thay đổi và biến thiên này là do sự biến thiên và chuyển dịch của tư tưởng, điều kiện và phong tục. Nếu không như thế, sự thịnh vượng của thế giới giới loài người ắt sụp đổ.

Ví dụ, trong Ngũ Kinh có luật rằng ai phá luật Sabbath thì sẽ bị tội chết. Hơn nữa còn có tới mười án tử hình trong Ngũ Kinh. Liệu còn có thể duy trì các luật này trong thời đại chúng ta? Rõ ràng là tuyệt đối không thể được. Kết quả là có những đổi thay và cải tiến trong luật pháp, và đây là bằng chứng đầy đủ về sự minh triết tối cao của Thượng Đế.

⁶³ *Tức là Đức Chúa, Người mà Hồi giáo nêu tôn hiệu là Ruhullah, Linh của Thượng Đế.*

Đề tài này cần được suy nghĩ sâu sắc hơn. Khi ấy nguyên do của các đổi thay này sẽ thành hiển nhiên và rõ ràng. Thật phúc cho những ai suy tưởng!

21/ TÍNH TƯỢNG TRUNG CỦA BÁNH VÀ RƯỢU

Câu hỏi: Đức Chúa phán: “Ta là bánh hằng sống từ trên trời xuống, nếu ai ăn bánh ấy thì sẽ sống vô cùng.”⁶⁴ Ý nghĩa của lời phán này là gì?

Trả lời: Bánh này có nghĩa là thức ăn từ trời và là những sự hoàn hảo thiêng liêng. Vì vậy, “nếu ai ăn bánh này” nghĩa là nếu ai có được ân phúc thiêng thượng, nhận được ánh sáng thiêng liêng, hoặc chia phần trong những sự hoàn hảo của Chúa, như vậy sẽ đạt đến sự sống đời đời. Máu cũng có nghĩa là linh sự sống và là những sự hoàn hảo thiêng thượng, hào quang thiên chúa và hồng phúc vĩnh cửu. Vì tất cả các bộ phận của thân thể đều nhận được sinh chất từ sự lưu thông của máu.

Trong Sách Phúc âm của Thánh Giăng, Chương 6, câu 26 viết: “Các người tìm Ta chẳng phải vì thấy mấy phép lạ, nhưng vì các người đã ăn bánh và được no.” Như thế hiển nhiên là bánh mà các tông đồ ăn và được no là hồng phúc thiêng thượng, vì câu Chương ấy cũng nói: “Bởi bánh của Đức Chúa Trời là bánh từ trên trời giáng xuống, ban phúc cho thế gian.” Rõ ràng là thân xác Chúa không phải xuống từ thiên đàng, nhưng từ bụng của Bà Mary, và cái đến từ thiên đàng của Đức Chúa Trời là Linh của Chúa. Vì người Do Thái giáo nghĩ rằng Chúa nói về thân thể của mình, họ đã bác bỏ, vì câu cũng trong Chương ấy họ nói: “Ấy chẳng phải là Jesus, con của Giô-sép, mà chúng ta đều biết cha mẹ người chẳng? Vậy thể nào người nói được rằng: Ta từ trên trời mà xuống?”

Hãy nghĩ xem thật rõ ràng biết bao rằng Chúa nói về bánh thiên đàng là Linh của Ngài, hồng phúc của Ngài, những sự hoàn hảo của Ngài và giáo lý của Ngài; vì câu có nói: “Ấy là thần linh làm cho sống, xác thịt chẳng ích chi.”

Như vậy rõ ràng Linh của Chúa là ân sủng thiêng liêng xuống từ thiên đàng, ai nhận được dồi dào ánh sáng từ Linh ấy – nghĩa là giáo lý thiêng liêng – thì tìm được sự sống đời đời. Đó là lẽ tại sao câu nói: “Đức Chúa Jesus phán rằng: Ta là bánh của sự sống; ai đến cùng Ta chẳng hề đói, và ai tin Ta chẳng hề khát.”

Hãy lưu ý rằng “đến với Ngài” Ngài diễn tả là ăn, “và tin Ngài” là uống. Vậy hiển nhiên và chắc chắn rằng thức ăn thiên đàng là hồng phúc thiêng thượng, hào quang tâm linh là giáo lý thiêng liêng, đó là ý nghĩa chung về Chúa. Ăn có nghĩa là đến gần Ngài, và uống là tin Ngài. Vì Đức Chúa có một thể xác vật chất và một dạng sống thiêng thượng. Thân xác vật chất bị đóng đinh

⁶⁴ Xem Giăng 6:51

nhưng dạng sống thiên thượng thì hằng sống và trường tồn, và nguyên nhân của sự sống đời đời; dạng thứ nhất là bản chất nhân sinh, dạng thứ hai là bản chất thiên thượng. Một số người nghĩ rằng Thánh thể là sự thật về Chúa, còn Thần tính và Thánh Linh thì giáng xuống và tồn tại ở trong đó. Vì một khi Bí tích Mình Chúa bị lấy đi, sau ít lâu thì bị tan rã và hoàn toàn biến thể. Vì vậy, làm sao có thể chấp nhận một tư tưởng như thế? Lạy Thượng Đế! Chắc chắn đó chỉ là tưởng tượng hoàn toàn.

Kết luận: qua sự biểu hiện của Chúa, giáo lý thiêng liêng, đó là ơn phước vĩnh cửu, được trải rộng ra, ánh sáng hướng dẫn chiếu rọi, và tinh thần sự sống được ban cho con người. Bất cứ ai tìm sự hướng dẫn đều trở nên sống động, ai tự đánh mất thì chịu chết đời đời. Bánh này đến từ thiên đàng là Thánh thể thiêng liêng của Đức Chúa, yếu tố tinh thần của Ngài, mà các tông đồ ăn vào và nhờ đó họ đạt được sự sống đời đời.

Các tông đồ từng dự nhiều bữa tiệc từ tay Đức Chúa, tại sao bữa tiệc cuối cùng lại khác biệt hẳn? Điều hiển nhiên là bánh từ trời không phải là bánh vật chất, nhưng chính là lương thực thiêng liêng từ thân thể tâm linh của Chúa, những ân sủng thiêng liêng và những sự hoàn hảo thiên thượng là các thứ mà các tông đồ được chia phần và nhờ đó các vị ấy được no.

Cũng theo cách ấy, hãy suy nghĩ rằng khi Chúa bẻ bánh tạ ơn và ban bánh cho các tông đồ của Ngài, Ngài phán: “Đây là thân thể Ta,”⁶⁵ rồi ban ơn cho họ, khi ấy Ngài hiện diện trước họ bằng thân xác và cả linh thể. Ngài không biến mình thành bánh và rượu; nếu Ngài biến mình thành bánh và rượu, Ngài không thể ở cùng các tông đồ, trong hiện diện, trong đích thân và trong thể xác.

Như vậy rõ ràng là bánh và rượu là biểu tượng có ý nghĩa: Ta đã ban cho các người các ân phúc và những sự hoàn hảo của Ta, và khi các người nhận được hồng ân này, thì các người đạt được sự sống đời đời và được nhận phần của các người trong phần lương thực từ trời.

22/ PHÉP LẠ CỦA CHÚA

Câu hỏi: Có sự ghi chép rằng Chúa làm phép lạ. Vậy các tường thuật về phép lạ này được nhìn nhận thực sự bằng nghĩa đen, hay còn có ý nghĩa nào khác? Khoa học chính xác đã cho thấy rằng bản chất mọi vật không thay đổi, và rằng vạn vật đều được đặt dưới một qui luật và tổ chức chung mà nó không thể lạc lối, và vì vậy, điều trái với qui luật tự nhiên là bất năng.

Trả lời: Các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng là nguồn gốc những phép lạ và là nơi phát sinh những dấu hiệu kỳ diệu. Đối với các Ngài, bất cứ điều khó khăn

⁶⁵ *Ma thi ơ 26:26*

và bất khả thi nào cũng đều làm được và thật dễ dàng. Vì do uy lực siêu nhiên những điều kỳ diệu xuất hiện; và bởi uy lực này vốn vượt trên tự nhiên. Các Ngài tác động trên thế giới tự nhiên. Những điều thần kỳ đều phát sinh từ tất cả các Đấng Biểu hiện.

Nhưng trong tất cả các Thánh Kinh một loại thuật ngữ đặc biệt được ứng dụng, và đối với các Đấng Biểu hiện, những phép lạ và những dấu hiệu diệu kỳ đều không có gì là quan trọng. Thậm chí các Ngài còn không muốn nhắc đến nó. Vì nếu chúng ta xem các phép lạ như bằng chứng vĩ đại, thì nó cũng chỉ là bằng chứng và lập luận đối với những người hiện diện khi phép lạ ấy diễn ra, chứ không đối với những người vắng mặt.

Ví dụ, khi ta nói về những dấu hiệu lạ với một người tầm đạo, một người không biết Đức Chúa và Đức Moses là ai, người ấy sẽ phủ nhận và bảo: “các dấu hiệu lạ cũng được nhiều người liên tục kể lại liên quan đến các tà thần, và cũng được các Thánh Kinh xác nhận. Người Bà la môn viết trong kinh biết bao điều thần kỳ về Đấng Brahma.” Người ấy cũng nói: “Làm sao chúng tôi biết rằng người Thiên chúa giáo và Do Thái giáo nói đúng sự thật hay người Bà la môn nói dối?” Bởi cả hai đều là truyền thuyết được nhìn nhận chung, được sưu tập từ các quyển kinh, và có thể coi như đúng hoặc sai.” Những điều như vậy cũng được nói về các tôn giáo khác: nếu một điều là thật thì tất cả đều là thật; nếu một điều được công nhận thì tất cả cũng phải được công nhận. Như thế, phép lạ không phải là bằng chứng. Vì nếu nó là bằng chứng đối với những người hiện diện, nó vẫn không phải là bằng chứng của những người vắng mặt.

Nhưng vào ngày của Đấng Biểu hiện những người sáng suốt thấy rằng tất cả những tình trạng của Đấng Biểu hiện đều là phép lạ, bởi vì các Ngài cao siêu hơn mọi người khác và riêng điều này đã là phép lạ tuyệt đối. Hãy nhớ lại rằng Đức Chúa, một thân một mình, không có người giúp đỡ hoặc bảo vệ, không có quân đội lính tráng, mà dưới sự áp bức lớn nhất, đã đương cao linh kỳ của Thượng Đế trước tất cả nhân dân thế giới, đương đầu với họ và cuối cùng chiến thắng tất cả, mặc dù bề ngoài Ngài đã bị đóng đinh. Đây là một phép lạ thực sự không bao giờ bác bỏ nổi. Không cần phải có bằng chứng nào khác về chân lý của Chúa.

Các phép lạ ngoại vi không có tầm quan trọng nào đối với con dân của Chân lý. Ví dụ, nếu một người mù được sáng mắt, rồi người đó cũng mất thị giác, vì người ấy sẽ chết, sẽ mất hết các giác quan và các năng lực. Vì vậy, làm cho người mù được sáng thì tương đối không mấy quan trọng, vì thị giác rồi cũng sẽ mất. Nếu thân thể người chết được hồi sinh, thì nó có tác dụng gì, bởi vì thân thể lại sẽ chết? Nhưng điều quan trọng là ban cho nhận thức về sự sống đời đời – nghĩa là đời sống tâm linh và thiên thượng. Bởi sự sống thân xác này không phải là bất diệt, nên sự sống này xem như là không thực hữu. Thế nên Đức Chúa mới phán cùng một tông đồ của Ngài: “Hãy để kể

chết chôn kẻ chết;” vì lẽ: “Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt; hễ chi sanh bởi Thánh Linh là thân.”⁶⁶

Hãy nhận xét: những ai xuất hiện trong cuộc sống vật chất, Chúa xem họ là người chết; bởi vì sự sống là sống đời đời, và sự tồn tại là tồn tại thật. Bất cứ chỗ nào trong các Thánh Kinh khi nói làm cho người chết sống dậy, thì có nghĩa là người chết được ban phúc bằng sự sống đời đời; chỗ nào nói người mù được thấy, thì có nghĩa là họ đạt được nhận thức thật sự; chỗ nói người điếc nghe được, thì có nghĩa là người đó đạt tới thính giác tâm linh và thiên thượng. Điều này được khẳng định trong nguyên bản Sách Phúc âm khi Đức Chúa phán: “Vây về họ đã được ứng nghiệm lời tiên tri của Ê-sai: các người sẽ lắng tai nghe mà chẳng hiểu chi; lấy mắt xem mà chẳng thấy chi; và Ta chữa họ được lành.”⁶⁷

Ý muốn nói không phải các Đấng Biểu hiện không thực hiện được phép lạ, vì các Ngài là toàn năng. Nhưng đối với các Ngài sự thấy bên trong, sự chữa bệnh tâm linh và sự sống đời đời mới là những điều quan trọng và có giá trị. Thế nên, khi thấy ghi trong Thánh Kinh rằng người mù nào đó được thấy, thì có nghĩa là người ấy bị mù ở bên trong và vừa đạt được nhãn quan tâm linh, hoặc người si mê nào đó trở nên khôn sáng, hoặc người vô tâm trở nên chuyên chú, người phạm tục trở nên thánh thiện.

Vì sự thấy, sự nghe, sự sống và sự lành bệnh ở bên trong này là vĩnh cửu, nên nó là quan trọng. Sự quan trọng về giá trị, sự xứng đáng tương đối của cuộc sống động vật với các năng lực của nó, thực ra có ý nghĩa gì? Trong ít ngày nó sẽ mất đi như các tư tưởng phù du. Ví dụ, người ta thắp đèn trở lại rồi nó bị dập tắt; nhưng ánh sáng mặt trời thì luôn luôn rạng ngời. Đây là điều quan trọng.

23/ SỰ SỐNG LẠI CỦA ĐỨC CHÚA

Câu hỏi: Ý nghĩa của việc ba ngày sau Chúa sống lại là gì?

Trả lời: Sự sống lại của các Đấng Biểu hiện thiêng liêng không phải thuộc về thân xác. Tất cả các tình trạng, điều kiện, hành động của các Ngài, những điều do các Ngài thiết lập, giáo lý, các phát biểu, các dụ ngôn và các chỉ thị của các Ngài đều có ý nghĩa tâm linh và thiên thượng, và không liên hệ gì với những thứ thuộc vật chất.

Ví dụ, về chủ đề Chúa đến từ cõi trời: điều này được nêu rõ ở nhiều chỗ trong Sách Phúc âm rằng Con người đến từ trời, Ngài ở trên trời và Ngài sẽ trở về trời. Như ở Chương 6, câu 38, Sách Phúc âm của Giăng có viết: “Vì Ta từ

⁶⁶ *Matt. 8:22; John 3:6*

⁶⁷ *Xem Matt. 13:14 and John 12:40-41.*

trên trời xuống”; và ở câu 42 ta thấy viết: “Họ lầm bầm về Ngài rằng: Ấy chẳng phải là Jesus, con của Giô-sép, mà chúng ta đều biết cha mẹ người chẳng? Vậy, thế nào người nói được rằng: Ta đã từ trên trời mà xuống?” Cũng trong Sách của Giăng Chương 3, câu 13: “Chưa hề có ai lên trời, trừ ra Đấng từ trời xuống, ấy là Con người vốn ở trên trời.”

Hãy thấy rằng lời ấy viết: “Con người vốn ở trên trời,” trong khi lúc ấy Đức Chúa đang ở trên mặt đất. Cũng nên lưu ý rằng lời ấy nói Chúa đến từ trời, dù Ngài đến từ bụng bà Mary, và thân xác Ngài được bà Mary sinh ra. Như thế, thật rõ ràng khi có lời nói rằng Con người đến từ trời, điều này không theo nghĩa bên ngoài mà theo ý nghĩa bên trong; đó là sự kiện tâm linh, chứ không phải vật chất. ý nghĩa là, dù bề ngoài, Đức Chúa được sinh ra từ bụng bà Mary, nhưng sự thật Ngài đến từ trời, từ Trung tâm mặt trời Chân lý, từ Thế giới thiên thượng, từ Vương quốc tâm linh. Bởi vậy, thật hiển nhiên là Chúa đến từ cõi trời tâm linh của Vương quốc thiên thượng, thì sự biến mất của Ngài khỏi thế gian trong ba ngày cũng có ý nghĩa tâm linh, chứ không phải sự kiện bên ngoài. Cũng theo cách ấy, sự phục sinh của Ngài từ lòng đất cũng có ý nghĩa tượng trưng, đó là sự kiện tâm linh và thiên thượng, chứ không phải vật chất; và cũng thế sự thăng thiên của Ngài về trời là sự thăng thiên tâm linh chứ không phải vật chất.

Ngoài những lời giải thích này, khoa học cũng đã xác định và chứng minh rằng bầu trời hữu hình là một cõi vô hạn, trống không, ở đó vô số các vì sao và hành tinh xoay vần.

Vì vậy, ta nói rằng ý nghĩa sự sống lại của Chúa như sau: các tông đồ hoang mang và dao động sau khi Chúa tử đạo. Bản thể của Chúa, nghĩa là giáo lý, hồng ân, những sự hoàn hảo và uy lực tâm linh của Ngài, như bị ẩn giấu, che khuất trong vài ba ngày sau khi Ngài tử đạo, rồi trở nên sáng ngời và hiển hiện. Chánh Đạo của Chúa giống như thân xác không hồn, và ba ngày sau khi các tông đồ trở nên an tâm và kiên định, lại bắt đầu phụng sự Chánh Đạo của Ngài, quyết tâm truyền bá giáo lý thiêng liêng của Ngài, thực hành các điều răn của Ngài, đứng lên phụng sự Ngài, thì Bản thể của Chúa trở nên rạng ngời và hồng ân của Ngài hiển hiện; tôn giáo của Ngài sống lại; giáo lý của Ngài và lời hiệu triệu của Ngài thành hiển nhiên, cụ thể. Nói cách khác, Chánh Đạo của Đức Chúa giống như xác chết cho đến khi sự sống và hồng ân của Thánh Linh bao phủ nó.

Đó là ý nghĩa sự sống lại của Chúa, và là sự sống lại thật sự. Nhưng giới tăng lữ không hiểu ý nghĩa của các Sách Phúc âm và cũng không hiểu các biểu tượng, vì vậy người ta mới cho là tôn giáo trái với khoa học và khoa học trái với tôn giáo, ví dụ như chủ đề này với chuyện thăng thiên của Chúa bằng thân xác vật chất lên cõi trời hữu hình thật trái với khoa toán học. Nhưng khi sự thật về chủ đề này được giải rõ, khoa học không thể nào phản bác, mà trái lại, cả khoa học và trí thông minh đều xác nhận.

24/ THÁNH LINH GIÁNG XUỐNG TRÊN NGƯỜI CÁC TÔNG ĐỒ

Câu hỏi: Chuyện Thánh Linh giáng xuống trên người các tông đồ, như mô tả trong Sách Phục âm, như thế nào và có ý nghĩa gì?

Trả lời: Sự giáng xuống của Thánh Linh không giống như không khí vào thân thể con người; đây chỉ là một cách diễn đạt, một kiểu so sánh, chứ không phải là một hình ảnh theo nghĩa đen. Không, có thể nói nó giống hơn với hình ảnh mặt trời vào trong gương – nghĩa là hào quang mặt trời hiển hiện trong đó.

Sau sự thăng thiên của Chúa, các tông đồ bối rối, ý nghĩ và tư tưởng của họ trở nên sai khác và trái ngược nhau; về sau họ mới kiên định, hòa hợp, và tại lễ Phục sinh (Pentecost) họ tề tựu cùng nhau và dứt bỏ mọi sự thuộc thế gian. Tự quên mình, họ vứt bỏ các tiện nghi và hạnh phúc trần gian, hiến dâng thân xác và linh hồn cho Đấng Kính yêu, rời bỏ nhà cửa, sống lang thang vô định, thậm chí quên chính bản thân. Rồi họ tiếp nhận được sự phò trợ của Thượng Đế, uy lực của Thánh Linh trở nên hiển hiện, tính tâm linh của Chúa chiến thắng, và tình yêu của Thượng Đế ngự trị. Lúc đó họ nhận được sự giúp đỡ và tỏa ra khắp mọi hướng, truyền bá Chánh Đạo của Thượng Đế, nêu ra các lý cứ và bằng chứng.

Như vậy, chuyện Thánh Linh giáng xuống trên các tông đồ có nghĩa là họ được thu hút bởi Tinh thần của Chúa, vì vậy họ trở nên mạnh mẽ và kiên định. Nhờ tinh thần tình yêu của Thượng Đế họ đạt tới một cuộc sống mới, họ thấy Đức Chúa hằng sống, giúp đỡ và che chở họ. Họ giống như những giọt nước biến thành biển cả; như các côn trùng yếu đuối biến thành chim ưng uy nghi; họ vốn suy nhược và trở thành hùng mạnh. Họ giống như những tấm gương hướng về mặt trời; quả thật, một phản ánh sáng trở nên hiển hiện ở trong họ.

25/ THÁNH LINH

Câu hỏi: Thánh Linh là gì?

Trả lời: Thánh linh là Thiên phúc của Thượng Đế và là những tia sáng huy hoàng tỏa chiếu từ các Đấng Biểu hiện; vì sự tập trung các tia sáng của Mặt Trời Chân lý là Chúa, là Thiên phúc của Thượng Đế phản chiếu trên những tấm gương khác đó là thực thể của các Tông đồ.

Sự giáng xuống của Thánh Linh trên các Tông đồ ý nói là hồng ân thiên thượng vinh quang phản chiếu và hiển hiện trong thực thể của họ. Ngoài ra, sự vào ra, lên xuống, là những đặc tính của vật thể chứ không phải của tinh

thần – ý muốn nói là, các vật thể thuộc giác quan thì vào và ra, nhưng những điều tế vi thuộc thực thể trí tuệ và tinh thần, như trí thông minh, tình yêu, tri thức, trí tưởng tượng và tư tưởng, thì không có vào ra, lên xuống, nhưng có mối liên kết trực tiếp với nhau.

Ví dụ, tri thức là một trạng thái đạt tới nhờ trí thông minh là một tình trạng tinh thần; còn sự vào trong và ra ngoài tâm trí, đó chỉ là tưởng tượng; nhưng tâm trí gắn liền với sự thủ đắc tri thức, như các hình ảnh phản chiếu trong gương.

Bởi vậy, điều hiển nhiên và rõ ràng là thực thể của trí tuệ không có vào ra và lên xuống, và tuyệt đối không thể nào Thánh Linh phải lên xuống, vào ra hoặc xuyên thấu, chỉ có thể hình dung rằng Thánh Linh xuất hiện thành hào quang, như mặt trời xuất hiện trong tâm gương.

Ở một số đoạn trong Thành Kinh có nói rằng Thánh Linh phán truyền, ý nói một nhân vật nào đó, đang thốt thành lời và trò chuyện rằng nhân vật ấy là tinh thần nhập thể, hoặc đó là sự nhân cách hóa tính độ lượng và bao dung. Trong trường hợp này, chúng ta đang nhìn ánh sáng, chứ không phải nhìn tâm gương.

Trong Sách Phúc âm của Thánh Giăng, khi nói về Đấng Hứa hẹn sẽ đến sau Đức Chúa, tại Chương 16, câu 12, 13 có viết: “Ta còn nhiều chuyện muốn nói với các ngươi nữa; nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các ngươi. Lúc nào Thần lẽ thật sẽ đến, thì Ngài dẫn các ngươi vào mọi lẽ thật; vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình đã nghe.”

Hãy xem xét thật kỹ lời này, “vì Ngài không nói tự mình, nhưng nói mọi điều mình đã nghe,” đây rõ ràng là Thần Lẽ thật nhập thể trong một Người cụ thể, Người có tai để nghe và lưỡi để nói. Cũng theo cách ấy, danh xưng “Thánh Linh của Thượng Đế” được dùng liên quan đến Đức Chúa, như khi ta nói tới ánh sáng là hàm nghĩa cả ánh sáng và cây đèn.

26/ CHÚA ĐẾN LẦN THỨ HAI VÀ NGÀY PHÁN XÉT

Trong các Thánh Kinh đều có nêu rằng Đức Chúa sẽ trở lại, và sự trở lại của Ngài tùy vào sự hoàn thành một số dấu hiệu: khi Ngài đến thì sẽ có các dấu hiệu này. Ví dụ, “Mặt trời tối tăm, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống... Khi ấy điềm Con người sẽ hiện ra ở trên trời, mọi dân tộc dưới đất sẽ đấm ngực, và sẽ thấy Con người lấy quyền đại vinh ngự trên mây trời mà xuống.”⁶⁸ Đức Baha'u'llah đã giải thích những câu này trong Kinh

⁶⁸ Xem Matt. 24:29-30

Xác tín (Kitab-i-Iqan)⁶⁹ Không cần lặp lại ở đây, hãy tham khảo Kinh ấy, và các người sẽ hiểu những lời này.

Nhưng ta có mấy điều muốn nói thêm về chủ đề này. Trong lần giáng lâm thứ nhất, Đức Chúa đã đến từ trời, như được ghi rõ trong Sách Phúc âm. Chính Đức Chúa phán: “Chưa có ai lên trời, trừ ra Đấng từ trên trời xuống, ấy là Con người vốn ở trên trời.”⁷⁰ Thật rõ ràng đối với mọi người là Đức Chúa đến từ trời, dù bên ngoài Ngài đến từ bụng bà Mary.

Lần giáng lâm thứ nhất, Ngài đến từ trời, dù bên ngoài là đến từ bụng mẹ; cũng theo cách ấy, lần thứ hai Ngài cũng đến từ trời, dù bên ngoài là từ bụng mẹ. các điều kiện chỉ ra trong Sách Phúc âm về sự giáng lâm lần thứ hai của Chúa cũng giống như các điều kiện được nêu về lần giáng lâm thứ nhất, như Ta đã nói từ trước.

Sách Ê-sai thông báo rằng Đấng Messiah sẽ chinh phục phương Đông và phương Tây, tất cả các nước trên thế giới sẽ đến dưới bóng Ngài, Vương quốc của Ngài sẽ được thiết lập, rằng Ngài sẽ đến từ một nơi không ai biết, rằng những kẻ tội lỗi sẽ bị phán xét, và công lý sẽ thịnh hành đến mức sỏi và chiêm, beo và trẻ thơ, hài nhi và ong vò vẽ sẽ gặp nhau bên dòng suối, trên cánh đồng, trong một nơi cư trú.⁷¹ Lần giáng lâm thứ nhất cũng dưới các điều kiện này, dù bên ngoài những điều này có vẻ như không xảy ra. Vì vậy, người Do Thái giáo đã chối Chúa, và, lạy Thượng Đế! Họ đã gọi Ngài là masikh,⁷² xem Ngài như kẻ hủy phá đền thờ của Thượng Đế, xem Ngài như người phá luật Sabbath và Luật Do Thái giáo, nên buộc Ngài tội chết. Dù vậy, mỗi một trong tất cả các điều kiện này đều có ý nghĩa mà người Do Thái giáo không thể hiểu; vì vậy họ đã bị cản trở không thể nhận biết chân lý của Đức Chúa.

Sự giáng lâm lần thứ hai của Chúa cũng theo cách ấy: các dấu hiệu và điều kiện đã nêu nói về tất cả các ý nghĩa, không nên chỉ hiểu theo nghĩa đen. Ngoài các điều khác, có điều nói rằng sao sẽ sa xuống đất. Các vì sao là vô số và vô hạn, toán học hiện đại đã xác định và chứng minh rằng mặt trời ước tính lớn hơn trái đất một triệu rưỡi lần, và mỗi ngôi sao còn lớn hơn mặt trời cả ngàn lần. Nếu các ngôi sao này rơi xuống mặt đất, thì chỗ đâu cho nó rơi? Nó ví thể như một ngàn triệu ngọn Hy mã Lạp sơn rơi xuống một hạt cải. Theo lý trí và khoa học thì điều này không thể xảy ra. Thật là kỳ lạ hơn nữa vì Đức Chúa phán: “Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong đêm vậy.” “Ngày của

⁶⁹ *Kitáb-i-Íqán, một trong các công trình đầu tiên của Đức Baha'u'llah, viết ra ở Baghdad, trước khi tuyên ngôn sự biểu hiện của Ngài.*

⁷⁰ *Xem John 3:13.*

⁷¹ *trong các câu chuyện này, độc giả hẳn nhận thấy Đức Abdul Baha chỉ muốn nêu một số ý nghĩa các đoạn văn trong Thánh thư chứ không trích nguyên văn*

⁷² *Masikh, nghĩa là quái vật. Trong tiếng Á rập có một vở kịch nói tới các từ ngữ Masih, Đấng Messiah, và masikh, quái vật.*

Chúa sẽ đến như kẻ trộm.”⁷³ Có lẽ, kẻ trộm sẽ ở trong nhà, mà chủ nhà không hay biết.

Thật rõ ràng và hiển nhiên là ba dấu hiệu này có ý nghĩa tượng trưng, chứ không phải nghĩa đen. Nó đã được giải thích đầy đủ trong Kitab-i-Iqan. Hãy đọc Kinh ấy.

27/ CHÚA BA NGÔI

Câu hỏi: Ý nghĩa của Chúa Ba Ngôi là gì?

Trả lời: Thực thể thiêng liêng, thoát khỏi và vượt trên sự hiểu biết của loài người, những người thông minh và khôn ngoan không thể tưởng tượng ra, điều này vượt khỏi mọi quan niệm. Thực thể Chí tôn ấy không chấp nhận sự phân chia, vì sự phân chia và nhân lên là thuộc tính của chúng sinh, là những sự sinh tồn tạm bợ, không phải là diễn biến tình cờ đến với vật tự tồn.

Thực thể Thiên thượng vượt trên cả đơn nhất tính, chứ nói chi là tính đa nguyên. Sự giáng xuống của Thực thể Chí tôn ấy vào các điều kiện và cấp độ sẽ đồng nghĩa với khiếm khuyết, trái ngược với sự hoàn hảo, và vì vậy, tuyệt đối không thể có. Thực thể ấy đã và đang ở trong sự thánh thiện và thiêng liêng tột cùng. Tất cả những gì được nêu về các Đấng Biểu hiện và Chón Bình minh của Thượng Đế là ý nói sự phản chiếu thiên thượng, chứ không phải sự giáng xuống trong những điều kiện của sự sinh tồn.⁷⁴

Thượng Đế là hoàn hảo tuyệt đối, và chúng sinh là khiếm khuyết. Vì Thượng Đế giáng xuống trong những điều kiện của sự sinh tồn sẽ là những khiếm khuyết lớn nhất, nên sự biểu hiện, sự ra đời, sự đứng lên của Ngài là giống như sự phản chiếu của mặt trời trong một tấm gương sạch, trong và bóng.

Tất cả chúng sinh là những dấu hiệu hiển nhiên về Thượng Đế, giống như những sinh vật trần gian mà những tia sáng mặt trời rọi trên đó. Nhưng trên những thảo nguyên, những ngọn núi, những cây, những quả, chỉ một phần ánh sáng chiếu rọi, nhờ đó nó được thấy, được nuôi dưỡng, và đạt tới mục tiêu của cuộc sinh tồn, trong khi Người Hoàn hảo⁷⁵ ở trong điều kiện của một tấm gương trong đó Mặt trời Thực tại được thấy và hiển hiện với tất cả những tính chất và những sự hoàn hảo. Như vậy Thực thể của Chúa là một tấm gương trong và sáng bóng ở mức tinh tế và thanh khiết tuyệt vời nhất. Mặt trời Chân lý, Tinh hoa Thần tính, tự phản chiếu trong tấm gương này, biểu hiện ánh sáng và hơi nóng trong đó; nhưng từ chón thánh thiện cao cả, chón Thiên đàng Thiêng liêng, Mặt trời không hề giáng xuống để ở lại trong tấm

⁷³ Xem 1 Thess. 5:2; 2 Pet. 3:10.

⁷⁴ Xem “Thuyết phẩm thần” tr. 290

⁷⁵ Đấng Biểu hiện Thiêng liêng

gương. Không, Mặt trời tiếp tục tồn tại trong sự cao cả tối thượng, trong khi hiện ra và trở nên hiển nhiên trong tấm gương trong sự mỹ lệ và hoàn hảo.

Bây giờ nếu chúng ta nói chúng ta thấy Mặt trời ở trong hai tấm gương – một là Đức Chúa và một là Thánh Linh – nghĩa là chúng ta thấy ba Mặt trời, một ở trên trời và hai ở dưới đất, chúng ta đã nói thật. Và nếu chúng ta nói rằng có một mặt trời và đó là hoàn toàn duy nhất, không hề có mặt trời đồng bạn hoặc ngang hàng, chúng ta cũng nói sự thật.

Điểm chính yếu của câu chuyện là Thực thể Đức Chúa là một tấm gương trong suốt, và là Mặt trời Chân lý – ý muốn nói đó là Tinh hoa Đơn nhất, với những đặc tính và những sự hoàn hảo vô hạn đã trở thành hiển hiện trong tấm gương. Ý nghĩa không phải Mặt trời, hằng là Tinh hoa Thần tính, bị phân chia hoặc được nhân lên – vì Mặt trời là một – nhưng nó xuất hiện trong tấm gương. Đây là lý do tại sao Chúa phán: “Cha ở trong Con”, nghĩa là mặt trời được thấy hiển hiện trong tấm gương này.

Thánh Linh là Hồng phúc của Thượng Đế trở nên hiển hiện trong Thực thể Đức Chúa. Cương vị Chúa Con là tâm hồn của Chúa, Thánh Linh là cương vị Thánh thần của Chúa. Vì vậy ta thấy chắc chắn và thực sự là Tinh hoa Thần tính vốn tuyệt đối duy nhất và không có người đồng hàng, người giống như, người tương đương.

Đây là ý nghĩa của Ba Nhân vật trong Chúa Ba Ngôi. Nếu không như thế, thì nền móng tôn giáo của Thượng Đế bị đặt trên cơ sở không hợp lý, mà trí óc không bao giờ nhận thức được, và làm sao có thể buộc trí óc phải tin một điều mà nó không thể nhận thức được? Một sự việc không thể lĩnh hội được bằng trí thông minh trừ khi nó được bọc trong hình thức thông minh; bằng không đó chỉ là nỗ lực của trí tưởng tượng.

Từ lời giải thích này, giờ đây điều này đã trở nên rõ ràng, ý nghĩa của Ba Nhân vật trong Chúa Ba Ngôi là gì. Sự Như nhất của Thượng Đế cũng đã được chứng minh.

28/ SỰ TỒN TẠI TRƯỚC CHÚA, GIẢI THÍCH CÂU NĂM, CHƯƠNG MƯỜI BẢY, SÁCH PHÚC ÂM CỦA THÁNH GIĂNG

Câu hỏi: Ý nghĩa của “Cha ôi! Bây giờ xin lấy sự vinh hiển Con vốn có nơi Cha trước khi chưa có thể gian.” Trong Phúc âm (Giăng John 17:5)

Trả lời: Có hai loại ưu tiên: ưu tiên thứ nhất là thiết yếu và không có nguyên nhân nào trước đó, sự tồn tại của nó là do tự thân, ví dụ như mặt trời có ánh sáng là do tự thân nó, vì sự chiếu sáng của nó không tùy thuộc vào ánh sáng của ngôi sao nào khác. Đây gọi là ánh sáng tất yếu. Nhưng ánh sáng của mặt

trăng là nhận được từ mặt trời, vì mặt trăng tùy thuộc vào mặt trời để có ánh sáng; vì vậy, mặt trời, về phương diện ánh sáng, là nguyên nhân, còn mặt trăng trở thành kết quả. Vật trước là có trước, là tiên thiên, là có trước, trong khi vật sau là có sau, là vật cuối.

Loại tiên hữu thứ hai là tiên hữu về thời gian, và không có khởi thủy. Ngôi Lời của Thượng Đế không tùy thuộc thời gian. Quá khứ, hiện tại, tương lai, tất cả, trong sự liên quan với Thượng Đế là như nhau. Hôm qua, hôm nay, ngày mai không tồn tại trong mặt trời.

Cũng theo cách ấy thì có một sự ưu tiên liên quan với vinh quang – ý muốn nói, điều vinh quang nhất có trước vinh quang. Vì vậy, Thực thể của Đức Chúa, là Ngôi Lời của Thượng Đế, với sự liên quan về bản thể, đặc tính và vinh quang, chắc chắn có trước chúng sinh. Trước khi xuất hiện trong nhân thân Ngôi Lời của Thượng Đế ở trong sự thánh thiện và vinh quang tột cùng, tồn tại trong hào quang và sự mỹ lệ hoàn hảo trong đỉnh cao huy hoàng. Rồi khi do sự minh triết của Thượng Đế Đáng Tối cao, Ngôi Lời chiếu rọi từ những đỉnh cao trong thế giới nhân thân, Ngôi Lời của Thượng Đế, qua thân này, trở nên bị áp bức, rồi mới rơi vào tay những người Do Thái giáo, bị bắt giữ bởi sự bạo ngược và si mê, và cuối cùng bị đóng đinh trên thánh giá. Đó là lý do tại sao Ngài kêu cầu cùng Thượng Đế rằng: “Xin cứu Con khỏi thế giới xác thân này, xin giải thoát Con khỏi chiếc lồng này, để Con có thể vượt lên những tầm cao danh dự và vinh quang, đạt tới sức mạnh và sự vĩ đại xưa vốn tồn tại trước thế giới xác thân này, để con được an vui trong thế giới vĩnh cửu và có thể siêu thắng về thánh thất nguyên sơ, về thế giới vô sở trú, về Vương quốc vô hình.”

Như thế các con thấy ngay cả trong vương quốc của thế giới này – ý muốn nói, trong thế giới của các linh hồn và các nước – rằng sự vinh quang và vĩ đại của Đức Chúa xuất hiện trên trái đất này sau khi Ngài thăng thiên. Khi còn ở trong thế giới xác thân Ngài phải nhận chịu sự khinh miệt và chế giễu của đất nước yếu kém nhất thế giới, của những người Do Thái giáo, họ dám nghĩ đến cả chuyện đặt cả chiếc mào gai lên cái đầu thiêng liêng ấy. Nhưng sau khi Ngài thăng thiên thì những chiếc mào nạm ngọc của các vua cũng phải khiêm cung cúi lạy trước chiếc mào gai.

Hãy xem vinh quang Ngôi Lời của Thượng Đế đã đạt đến ngay cả trên thế giới này!

29/ TỘI LỖI VÀ SỰ CHUỘC TỘI, GIẢI THÍCH CÂU 22, CHƯƠNG 15, TRONG THƯ THỨ NHẤT CỦA THÁNH PHAO LÔ GỬI CHO CÔRINTHÔ

Câu hỏi: Trong câu hai mươi hai, Chương mười lăm, thư thứ nhất của Thánh Phao lô có viết: “Nhu trong Adam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại.” Ý nghĩa của lời này là gì?

Trả lời: Hãy biết rằng trong con người có hai bản chất: bản chất vật chất và bản chất tâm linh. Bản chất vật chất thừa hưởng từ Adam, còn bản chất tâm linh thừa hưởng từ Thực thể Ngôi Lời của Thượng Đế, đó là tính tâm linh của Đức Chúa. Bản chất vật chất sinh ra từ Adam, nhưng bản chất tâm linh sinh ra từ hồng phúc của Thánh Linh. Bản chất thứ nhất là nguồn gốc của mọi sự khiếm khuyết; bản chất thứ hai là nguồn gốc của mọi sự hoàn hảo.

Đức Chúa hy sinh chính Bản thân để loài người được giải thoát khỏi mọi khiếm khuyết của bản chất vật chất và có thể trở thành sở hữu những đức hạnh của bản chất tâm linh. Bản chất tâm linh này, đi vào cõi sinh tồn nhờ hồng phúc của Thực thể Thiên thượng, là sự hội tụ của mọi điều hoàn hảo và xuất hiện nhờ hơi thở của Thánh Linh. Đó là những sự hoàn hảo thiên thượng; là ánh sáng, là tính tâm linh, là sự hướng dẫn, là sự tôn quý, là ước vọng cao cả, công lý, tình yêu, ân sủng, lòng từ ái với mọi người, tính từ thiện, tinh hoa đời sống. Đó là sự phản ánh hào quang của Mặt Trời Chân lý.

Đức Chúa là Trung tâm điểm của Thánh Linh: Ngài sinh ra bởi Thánh Linh, Ngài được nuôi dưỡng bởi Thánh Linh; Ngài là hậu duệ của Thánh Linh – ý muốn nói, rằng Thực thể của Đức Chúa không phải đến từ Adam; không, Thực thể ấy sinh ra bởi Thánh Linh. Vì vậy câu thơ này trong thư gửi Côrinthô: “Nhu trong Adam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại”, nghĩa là, theo thuật ngữ này, thì Adam⁷⁶ là cha của con người – ý muốn nói Ngài là nguyên do sự sống vật chất của nhân loại; Ngài là Đấng cha về vật chất. Ngài là một linh hồn sống, nhưng Ngài không phải là người ban cho sự sống tâm linh, mà Đức Chúa là nguyên do sự sống tâm linh của con người, và về phương diện tâm linh, Ngài là Đấng Cha tâm linh. Adam là linh hồn sống, Đức Chúa là tinh thần tạo nên sự sống.

Thế giới vật chất của con người bị chi phối bởi sức mạnh của lòng tham, và tội lỗi là hậu quả sức mạnh của lòng tham, bởi nó không tùy thuộc vào các qui luật của công lý và sự thánh thiện. Thân thể con người bị tùy thuộc vào thiên nhiên; nó hành động theo bất cứ mệnh mệnh nào của thiên nhiên. Vì vậy, chắc chắn những tội lỗi như nóng giận, ghen tị, tranh cãi, tham lam, keo kiệt, si mê, thành kiến, hận thù, kiêu ngạo và bạo tàn tồn tại trong thế giới vật chất. Tất cả các tính chất hung bạo này tồn tại trong bản chất con người. Con người bị thiếu giáo dục tâm linh là thô bạo. Giống như những sinh linh hoang dã ở châu Phi, hành động, thói quen, đạo đức của họ là thuần nhục cảm, họ hành động theo sự đòi hỏi của thiên nhiên đến mức độ họ cần xé và

⁷⁶ *Abu'l-bashar*, nghĩa là cha của con người, là một tôn hiệu mà Hồi giáo dành cho Adam

ăn thịt lẫn nhau. Như thế hiển nhiên thể giới vật chất của con người không khác với thể giới loài vật.

Tất cả tội lỗi đến từ những đòi hỏi của thiên nhiên, và những đòi hỏi này phát sinh từ những tính chất vật chất, không phải là tội lỗi đối với loài vật mà là tội lỗi đối với loài người. Loài vật là nguồn gốc của mọi sự khiếm khuyết, như giận dữ, nhục cảm, ghen tị, tham háms, hung bạo, kiêu ngạo: tất cả những khuyết điểm này có nơi loài vật nhưng không cấu thành tội lỗi. Nhưng nơi con người nó là tội lỗi.

Adam là nguyên do đời sống vật chất của con người; nhưng Thực thể của Đức Chúa – ý nói, Ngôi Lời của Thượng Đế - là nguyên do đời sống tâm linh. Đó là “tinh thần tạo ra sự sống”, nghĩa là tất cả những khiếm khuyết đến từ các đòi hỏi của đời sống vật chất con người đều được biến thành những sự hoàn hảo bởi các giáo lý và sự giáo dục của tinh thần. Vì vậy, Đức Chúa là tinh thần tạo sự sống, và là nguyên do sự sống của nhân loại.

Adam là nguyên do đời sống vật chất, và vì thể giới vật chất của con người là thể giới của sự khiếm khuyết, và sự khiếm khuyết đồng nghĩa với sự chết, nên thánh Phao lô so sánh sự khiếm khuyết vật chất với cái chết.

Nhưng quần chúng Thiên chúa giáo tin rằng, vì Adam ăn trái cấm, Người phạm tội do bất tuân, và hậu quả thảm khốc của sự bất tuân này đã lưu truyền như một di sản và tồn tại trong vòng con cái của Người. Do đó Adam trở thành nguyên do cái chết của nhân loại. Sự giải thích này không hợp lý và hẳn nhiên là sai lầm, vì nó hàm nghĩa là mọi người, kể cả các Đấng Tiên tri và các Sứ giả của Thượng Đế, không hề phạm tội hoặc mắc sai lầm, nhưng chỉ vì họ là hậu duệ của Adam, nên đều trở thành tội phạm một cách vô cớ, cho mãi đến ngày Chúa chịu hy sinh họ đều bị trừng phạt đốn đau trong địa ngục. Điều này khác xa với lượng công bằng của Thượng Đế. Nếu Adam là người tội lỗi, còn Abraham thì phạm tội gì? Lỗi của Isaac hoặc của Joseph là gì? Moses phạm tội gì?

Nhưng Đức Chúa, Ngôi Lời của Thượng Đế, tự hy sinh. Điều này có hai ý nghĩa, một nghĩa rõ ràng và một nghĩa huyền bí. Nghĩa rõ ràng bên ngoài là thế này: chủ tâm của Chúa là tượng trưng và quảng bá cho nền Chánh Đạo nhằm giáo dục thế giới loài người, làm sống lại con cái của Adam, và soi sáng tất cả nhân loại; và vì tượng trưng cho một nền Chánh Đạo vĩ đại như thế - một nền Chánh Đạo đối nghịch với tất cả nhân dân thế giới, tất cả các nước và các vương quốc – nghĩa là Ngài sẽ bị sát hại và đóng đinh trên thập tự giá, thế nên trong khi tuyên ngôn sứ mạng Chúa đã hy sinh mạng sống của mình. Ngài xem thập tự giá là ngai vàng, vết thương là hương thơm, thuốc độc là mật và đường. Ngài đứng lên chỉ dạy và giáo dục loài người, thế là Ngài đã hy sinh bản thân để ban cho tinh thần sự sống. Ngài chịu sự hủy hoại trong thân xác để làm người khác sống lại bằng tinh thần.

Ý nghĩa thứ hai của sự hy sinh là thế này: Đức Chúa giống như hạt giống, và hạt giống hy sinh thể sắc của mình để cây có thể mọc và phát triển. Dù thể sắc của hạt giống bị hủy hoại, thực thể của nó trở nên hiển hiện trong vẻ mỹ lệ và trang nghiêm hoàn hảo trong hình dạng một cái cây.

Cương vị của Đức Chúa là sự hoàn hảo tuyệt đối; Ngài làm cho những sự hoàn hảo thiêng liêng của Ngài chiếu rọi như mặt trời trên mọi linh hồn tin tưởng, và những hồng ân của ánh sáng chiếu rọi và tỏa sáng trong thực thể loài người. Đây là lý do tại sao Ngài phán: “Ta là bánh xuống từ trời; ai ăn bánh này sẽ không bao giờ chết”⁷⁷ – ý nói rằng bất cứ ai chia phần lương thực thiêng liêng này thì sẽ được sống đời đời, sẽ đạt được những ân huệ tiên hữu, sẽ thoát khỏi bóng tối lầm lạc, và sẽ được soi sáng bởi ánh sáng hướng dẫn của Ngài.

Thể sắc hạt giống đã hy sinh để thành cái cây, còn những sự hoàn hảo của nó, vì sự hy sinh này, đã trở nên hiển nhiên và rõ ràng – thành cây, cành, lá và hoa vốn ẩn tàng trong hạt giống. Khi thể sắc của hạt giống đã hy sinh, những sự hoàn hảo của nó xuất hiện dưới dạng hoàn hảo của lá, hoa và quả.

30/ ADAM VÀ EVE

Câu hỏi: Sự thật về chuyện của Adam là gì, và việc Người ăn quả cấm?

Trả lời: Trong Kinh thánh có viết rằng Thượng Đế đặt Adam trong vườn Eden để trồng và giữ vườn, và phán dạy rằng: “Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác, thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn chắc sẽ chết.”⁷⁸ Rồi Thượng Đế làm cho Adam ngủ mê, bèn lấy một xương sườn tạo nên một người nữ để cùng Adam làm bầu bạn. Sau đó con rắn dụ dỗ người nữ ăn trái cấm và nói: “Đức Chúa Trời biết rằng hề ngày nào hai người ăn trái cây đó, mắt mình sẽ mở ra, sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác.”⁷⁹ Thế là Eve ăn trái cây và đưa cho Adam, Người cũng ăn; mắt họ mở ra, biết rằng mình lỏa lồ, bèn lấy lá cây che thân. Do kết quả của hành động này họ đều nhận lời quở trách của Thượng Đế. Thượng Đế nói với Adam: “Người có ăn trái cây Ta đã dặn không nên ăn đó chẳng?” Adam thưa rằng người nữ cho ông trái cây và ông đã ăn rồi. Thượng Đế quở trách Eve và Eve nói: “Con rắn dỗ dành tôi và tôi đã ăn rồi.” Vì điều này, con rắn bị nguyên rủa, và mối thù được đặt ra giữa con rắn và Eve, và giữa dòng dõi họ. Và Thượng Đế phán: “Này, về sự phân biệt điều thiện và điều ác, loài người đã thành một bậc như chúng ta; vậy bây

⁷⁷ Xem John 6:41, 50, 58.

⁷⁸ Sáng thế ký 2: 16-17

⁷⁹ Sáng thế ký 3:5

giờ Ta hãy coi chừng, e loài người giơ tay lên cũng hái trái cây sự sống mà ăn và được sống đời đời chăng.”⁸⁰

Nếu chúng ta hiểu chuyện này theo nghĩa đen, như sự giải thích của quần chúng, thì thật kỳ lạ. Trí thông minh không thể chấp nhận, khẳng định, hoặc tưởng tượng chuyện ấy; vì những sắp xếp, những chi tiết, những lời phán và quả trách ấy thật quá xa vời sự suy nghĩ của người thông minh, lại càng ít thích hợp hơn với Thần tính – là Đấng tổ chức vũ trụ vô hạn này một cách hoàn hảo nhất, và tổ chức vô số dân cư theo hệ thống tuyệt đối, mạnh mẽ và hoàn hảo.

Chúng ta phải suy nghĩ một chút: nếu nghĩa đen của chuyện này được gán cho một người thông minh, thì chắc chắn tất cả sẽ bị bác bỏ một cách hợp lý việc cho rằng sự sắp xếp này, sự hư cấu này có thể xuất phát từ một con người thông minh. Vì vậy, câu chuyện Adam và Eve ăn trái cấm, và bị trục xuất khỏi địa đàng, phải hiểu giản đơn là điều tượng trưng. Nó chứa đựng những điều huyền nhiệm thiêng liêng và những ý nghĩa phổ biến, và có nhiều cách giải thích tuyệt vời. Chỉ có những người được khai sáng trong những điều huyền nhiệm, và những người ở gần Triều đường Đấng Toàn năng, mới biết các nhiệm mầu này. Như vậy các câu thi này trong Kinh thánh có rất nhiều ý nghĩa.

Giải thích về một nghĩa của chuyện này, chúng ta sẽ nói: Adam nói về tinh thần thiên thượng của Adam, và Eve là linh hồn con người. Vì trong một số đoạn của các Thánh Kinh có nhắc đến phụ nữ, họ tượng trưng cho linh hồn con người. Cây hiểu biết điều thiện và điều ác là thế giới loài người; bởi vì thế giới tâm linh và thiên thượng là toàn thiện và tuyệt đối rực sáng, nhưng trong thế giới loài người ánh sáng và bóng tối, thiện và ác, tồn tại như những điều kiện đối lập.

Ý nghĩa về con rắn là sự ràng buộc với thế giới loài người. Sự ràng buộc này của tinh thần với thế giới loài người dẫn linh hồn và tinh thần Adam từ thế giới tự do đến thế giới ràng buộc, và khiến Adam chuyển từ Vương quốc Thống nhất sang thế giới loài người. Người ra khỏi địa đàng tự do và rơi xuống thế giới ràng buộc. Từ đỉnh cao tinh khiết và trọn lành, Người bước vào thế giới của điều thiện và điều ác.

Cây sự sống là nói về mức độ cao nhất của thế giới sinh tồn: cương vị Ngôi Lời của Thượng Đế, và Đấng Biểu hiện Tối cao. Vì vậy, cương vị ấy đã được bảo tồn; và vào lúc xuất hiện của Đấng Biểu hiện Tối cao tôn quý nhất, cương vị này trở nên trong sáng và rõ ràng. Vì cương vị của Adam, đối chiếu với sự xuất hiện và biểu hiện những sự hoàn hảo thiên thượng, thì chỉ là điều kiện tượng hình; cương vị của Đức Chúa là điều kiện của sự trưởng thành và là

⁸⁰ *Sáng thế ký 3:11-15, 22*

thời đại của lý trí; và sự xuất hiện của Ngôi Tinh tú Vĩ đại Nhất⁸¹ là điều kiện của sự hoàn hảo về tinh hoa và về các phẩm chất. Đây là lý do tại sao trong Thiên đàng tối cao cây sự sống là biểu tượng cho trung tâm của sự thánh thiện thanh khiết tuyệt đối – ý muốn nói, về Đấng Biểu hiện Thiêng liêng Tối cao. Từ những ngày của Adam cho đến những ngày của Chúa, các Ngài nói thật ít về sự sống đời đời và những sự hoàn hảo phổ biến. Cây sự sống này là cương vị về Thực thể của Đức Chúa; qua sự biểu hiện của Ngài nó được trồng và được điểm tô với những quả vĩnh cửu.

Giờ hãy xét xem ý nghĩa này thích hợp ra sao với thực tại. Vì tinh thần và linh hồn của Adam, khi ràng buộc với thế giới loài người, chuyển từ thế giới tự do vào thế giới ràng buộc, và dòng dõi Người tiếp tục sống trong ràng buộc. Sự ràng buộc này của linh hồn và tinh thần vào thế giới loài người, là tội lỗi, được thừa kế bởi dòng dõi Adam, và là con rắn nó luôn luôn ở giữa và thù nghịch với những tinh thần và những hậu duệ của Adam. Sự thù nghịch này tiếp tục và kéo dài. Vì sự ràng buộc với thế giới đã trở thành nguyên do sự ràng buộc các tinh thần, và sự ràng buộc này đồng nghĩa với tội lỗi, đã lưu truyền từ Adam sang các hậu duệ của Người. Chính vì sự ràng buộc này mà loài người bị mất đi tính tâm linh thiết yếu và cương vị cao cả.

Khi những làn gió thánh thiện của Chúa và Thánh Linh của Ngôi Tinh tú Vĩ đại Nhất tỏa rộng ra, thì thực thể loài người – ý muốn nói, những người đã hướng về Ngôi Lời của Thượng Đế và tiếp nhận sự ban phát hồng ân của Ngài – đều được cứu khỏi sự ràng buộc và tội lỗi, đạt tới sự sống đời đời, thoát khỏi xiềng xích trói buộc, và đạt tới thế giới tự do. Họ thoát khỏi những thói xấu của thế giới loài người, và được chúc phúc bằng những đức hạnh của Nước Trời. Đây là ý nghĩa những lời của Chúa: “Ta ban máu Ta làm sự sống cho thế giới”⁸² – ý muốn nói, Ta đã chọn tất cả những phiền muộn này, những tai ương đau khổ này, và cả đến sự tử đạo diệu kỳ, để đạt mục tiêu này, nhận thay những tội lỗi (nghĩa là sự ràng buộc của các tinh thần từ thế giới vật chất, và thu hút họ vào thế giới thiên thượng) để cho các linh hồn có thể đứng lên thành chính tinh hoa sự hướng dẫn nhân loại, và thành những biểu hiện về những sự hoàn hảo của Vương quốc Tối cao.

Hãy nhận thấy rằng, nếu theo những nhận định của Dân chúng thuộc Thánh Kinh,⁸³ thì ý nghĩa được nhận theo bề ngoài, thì đó là sự bất công tuyệt đối và hoàn toàn mang tính tiền định. Nếu Adam phạm tội vì đến gần các cây bị cấm, như vậy tội lỗi của Abraham vinh hiển, và lỗi lầm của Moses Đấng Hội thoại cùng Thượng Đế là gì? Tội ác của Tiên tri Noah là gì? Sự vấp phạm của Joseph Nhân vật Trung thực ấy là gì? Sự bất công của các Đấng Tiên tri của Thượng Đế và sự vi phạm của John Nhân vật Thanh khiết ấy là gì? Liệu lượng công bằng của Thượng Đế có cho phép để các Đấng Biểu hiện Giác ngộ này, vì tội của Adam, mà phải chịu sự trừng phạt trong địa ngục mãi tới

⁸¹ *Đức Baha'u'llah*

⁸² *Xem John 6:51*

⁸³ *Người Do Thái và Thiên Chúa*

khi Chúa đến và nhờ sự hy sinh của Ngài mới cứu các nhân vật kia khỏi sự gia hình? Một ý tưởng như thế quả vượt khỏi mọi luật lệ và qui tắc, và không người thông minh nào có thể chấp nhận được.

Không; ý nghĩa như đã nêu: Adam là tinh thần Adam, và Eve là linh hồn Adam; cái cây là thế giới loài người, và con rắn là sự ràng buộc với thế giới này nó tạo thành tội lỗi, và điều ấy đã ảnh hưởng tới dòng dõi Adam. Đức Chúa với những làn gió thiêng liêng của Ngài đã cứu loài người khỏi sự ràng buộc và giải thoát họ khỏi tội lỗi này.

Tội lỗi của Adam có liên quan với cương vị của Người. Dù từ sự ràng buộc này có đưa đến hậu quả, tuy nhiên, sự ràng buộc vào thế giới trần tục, đối chiếu với sự ràng buộc vào thế giới tâm linh, thì bị xem là tội lỗi. Các hành vi thiện hảo của người chính trực là tội lỗi của những Nhân vật Cận kề Thượng Đế. Điều này là nguyên lý. Sức mạnh thân xác không những chỉ là khiếm khuyết so với sức mạnh tâm linh; nó còn là sự yếu đuối. Theo cách này, đời sống vật chất, so với đời sống vĩnh cửu trong Nước Trời, cũng xem như là sự chết. Thế nên Đức Chúa mới phán sự sống vật chất là cái chết: “Hãy để người chết chôn người chết”⁸⁴ mặc dù những linh hồn ấy có sự sống vật chất, nhưng trong mắt Ngài sự sống ấy là cái chết.

Đây là một trong những ý nghĩa của câu chuyện trong Kinh Thánh về Adam. Hãy suy ngẫm cho đến khi các con khám phá được những ý nghĩa khác. Thân chào các con.

31/ GIẢI THÍCH VỀ LỜI PHẠM THƯỢNG ĐẾN ĐỨC THÁNH LINH

Câu hỏi: “Ấy vậy, Ta phán cùng các ngươi, các tội lỗi và lời phạm thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu. Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha.” Trích Ma-thi-ơ 12:31-32

Trả lời: Những thực thể thiêng liêng về các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế có hai vị trí tâm linh. Vị trí thứ nhất là nơi biểu hiện, có thể ví như vị trí của mặt trời, và vị trí kia là hào quang của sự biểu hiện, đó là ánh sáng và sự rực rỡ của nó; đây là những sự hoàn hảo của Thượng Đế - nói khác đi, là Thánh Linh. Vì Thánh Linh là hồng phúc thiên thượng, là những sự hoàn hảo thiên chúa, và những sự hoàn hảo thiên thượng này giống như ánh sáng và sức nóng của mặt trời. Những tia sáng rực rỡ của mặt trời tạo thành bản thể nó, nếu thiếu những tia sáng ấy thì nó không còn là mặt trời. Nếu sự biểu hiện và sự phản ánh những điều hoàn hảo thiên thượng không có trong Đức Chúa,

⁸⁴ *Matt 8:22*

thì Ngài không phải là Đấng Cứu thế. Ngài là Đấng Biểu hiện vì Ngài phản ánh trong Bản thân những điều hoàn hảo thiên thượng – nghĩa là Thánh Linh hiển hiện trong Ngài.

Nếu một linh hồn còn cách xa sự biểu hiện, nó có thể chưa được thức tỉnh; vì nó không nhận biết biểu hiện của những điều hoàn hảo thiêng liêng. Nhưng nếu nó khinh ghét chính những điều hoàn hảo thiên thượng – nói cách khác, là ghét Thánh Linh – thì hẳn nhiên nó giống như con dơi ghét ánh sáng.

Sự ghét ánh sáng này không có thuốc chữa và không thể tha thứ - ý muốn nói, nó không thể nào đến gần Thượng Đế. Cây đèn này là đèn vì nó có ánh sáng; nếu không có ánh sáng thì nó không phải là đèn. Vậy nếu một linh hồn không tiếp nhận ánh sáng của ngọn đèn, thì nó là kẻ mù, không thể hiểu ánh sáng; và sự mù lòa là nguyên do của sự lưu đày xa Thượng Đế đời đời.

Hẳn nhiên rằng các linh hồn nhận hồng ân từ thiên phúc của Thánh Linh xuất hiện nơi các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, chứ không phải từ bản thân của Đấng Biểu hiện. Vì vậy, nếu một linh hồn không nhận hồng ân từ các thiên phúc của Thánh Linh, thì bị mất ân sủng thiên thượng, và sự lưu đày đặt linh hồn vượt khỏi giới hạn của sự tha thứ.

Đây là lý do tại sao nhiều người là kẻ thù của các Đấng Biểu hiện, không nhận biết các Ngài, nhưng một khi biết đến các Ngài thì trở thành bạn của các Ngài. Như thế sự thù nghịch đối với Đấng Biểu hiện không trở thành nguyên do của sự lưu đày vĩnh viễn, vì những kẻ đắm chìm trong đó là kẻ thù của nguồn sáng, không biết rằng các Ngài là đèn sáng của Thượng Đế. Họ không phải là kẻ thù của ánh sáng, nên một khi hiểu rằng nguồn sáng là nơi biểu hiện của ánh sáng, thì họ trở nên bạn chân thành.

Ý nghĩa là thế này: việc ở xa nguồn sáng không dẫn tới sự lưu đày vĩnh viễn; vì người ta có thể trở nên thức tỉnh và cảnh giác; nhưng thù nghịch đối với ánh sáng là nguyên do của sự lưu đày vĩnh viễn, và điều này vô phương cứu chữa.

32/ GIẢI THÍCH CÂU “NHIỀU NGƯỜI ĐƯỢC GỌI, NHƯNG ÍT NGƯỜI ĐƯỢC CHỌN”

Câu hỏi: Trong Sách Phúc âm, Đức Chúa phán: “Có nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn.”⁸⁵. Và trong kinh Quran cũng có viết: “Ngài sẽ ban hồng ân đặc biệt cho người nào Ngài thích.”⁸⁶ vậy Sự minh triết ở đây là gì?

⁸⁵ Trích Matt. 22:14

⁸⁶ Trích Quran 2:105 và 3:74

Trả lời: Hãy biết rằng trật tự và sự hoàn hảo của toàn vũ trụ đòi hỏi sự xuất hiện vô số hình tướng. Vì các vật sinh tồn không chỉ gói gọn trong một mức độ, một cương vị, một thứ, một loài, và một lớp; hẳn nhiên sự khác nhau về mức độ và sự phân biệt hình tướng, sự đa dạng các giống và các loài là cần thiết – ý muốn nói, mức độ của chất liệu khoáng vật, thực vật, động vật, và của con người là tất yếu; bởi vì thế giới không thể chỉ được sắp xếp, điểm tô, tổ chức và hoàn thiện với riêng con người. Cũng theo cách ấy, với chỉ riêng động vật, riêng thực vật, riêng khoáng vật, thế giới này không thể phô bày quang cảnh đẹp, tổ chức chính xác và điểm tô tinh tế. Tất nhiên, vì sự đa dạng về mức độ, cương vị, loài và lớp mà cuộc sinh tồn thành ra huy hoàng với sự hoàn hảo tột cùng.

Ví dụ, nếu cái cây này chỉ toàn là quả, thì những điều hoàn hảo của thực vật không thể đạt thành; bởi vì lá, hoa và quả tất cả đều cần thiết để cái cây được điểm tô hoàn hảo và đẹp đẽ tột bậc.

Cũng theo cách ấy hãy xem thân thể con người. Nó phải gồm các chi, các phần và các cơ quan khác nhau. Sự hoàn hảo và vẻ đẹp của con người đòi hỏi sự tồn tại của tai, mắt, não và cả đến móng, tóc; nếu con người chỉ toàn là não, là mắt hoặc tai, thì nó coi như khiếm khuyết. Như thế việc thiếu đi tóc, lông mày, răng và móng chân tay, thì cũng là hoàn toàn khiếm khuyết, mặc dù so với mắt chúng không có sự cảm nhận, mà chỉ giống như thực vật và khoáng vật; nhưng sự thiếu nó trên thân thể con người là sự thiếu sót tất yếu và khó chịu.

Vì các mức độ sinh tồn là khác nhau và đa dạng, một số sinh vật ở trên bậc thang cao hơn những sinh vật khác. Bởi vậy, do ý chí và ý thích của Thượng Đế khiến một số sinh linh được cho ở mức độ cao nhất, như con người, và một số khác được đặt ở mức giữa như thực vật, và một số ở mức thấp nhất, như khoáng vật. Chính bởi hồng ân của Thượng Đế con người được chọn lên mức cao nhất; và sự khác nhau tồn tại giữa loài người về sự tiến bộ tâm linh và những điều hoàn hảo thiên thượng là cũng tùy sự chọn lựa của Đấng Từ bi. Vì đức tin, đó là sự sống đời đời, là dấu hiệu của hồng ân, chứ không phải kết quả của sự công bằng. Ngọn lửa tình yêu, trong thế giới thuộc về đất và nước này, đến từ lực hấp dẫn, chứ không phải bởi nỗ lực và gắng công. Mặc dù, bằng nỗ lực và kiên trì, tri thức, khoa học và những sự hoàn hảo khác có thể đạt thành; nhưng chỉ có ánh sáng của Đấng Mỹ lệ thiên thượng mới có thể nâng lên và dịch chuyển các tinh thần bằng lực hấp dẫn. Vì vậy mới có lời phán: “Có nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn.”⁸⁵

Nhưng các vật sinh tồn vật chất không bị khinh chê, đoán xét và bắt chịu trách nhiệm về mức độ và cương vị của nó. Ví dụ, khoáng vật, thực vật và động vật trong các mức độ khác nhau đều được chấp nhận; nhưng nếu ở trong mức độ của nó mà nó bị khiếm khuyết, thì nó có lỗi, còn mức độ thì hoàn toàn hoàn hảo.

Sự khác nhau giữa nhân loại gồm hai loại: thứ nhất là sự khác nhau về cương vị, sự khác biệt này không đáng trách. Thứ đến là sự khác biệt về đức tin và an tâm; đánh mất những điều này là đáng trách, vì khi ấy linh hồn bị lấn át bởi ham muốn và dục vọng, nó tước mất những ơn phước này của con người và ngăn con người nhận biết lực hấp dẫn từ tình yêu của Thượng Đế. Mặc dù con người đáng ca ngợi và chấp nhận trong cương vị của nó, nhưng khi nó đánh mất những điều hoàn hảo của cương vị ấy, nó trở thành nguồn khiếm khuyết mà nó phải chịu trách nhiệm⁸⁷

33/ SỰ TRỞ LẠI CỦA CÁC ĐÁNG TIÊN TRI

Câu hỏi: Xin Ngài giải thích đề tài “SỰ TRỞ LẠI”.

Trả lời: Đức Baha'u'llah đã giải thích đề tài này thật đầy đủ và rõ ràng trong Kinh Xác tín.⁸⁸ Hãy đọc quyển Kinh ấy, và chân lý về đề tài này sẽ trở nên hiển hiện. Nhưng vì người đang hỏi về điều này, nên Ta sẽ giải thích vắn tắt.

Ta sẽ bắt đầu minh giải nó từ Sách Phúc âm, vì trong đó có nói rõ rằng khi Giăng, con của Zachariah, xuất hiện và báo tin mừng cho loài người về Nước Trời, họ hỏi Ngài: “Ông là ai? Ông có phải là Đấng Tiên tri chăng?” Người Trả lời: “Ta chẳng phải là Đấng Tiên tri.” Họ lại Câu hỏi: “Ông có phải là Ê-li?” Người Trả lời: “Cũng không phải.”⁸⁹ Nhưng lời này tỏ rõ và chứng minh rằng Giăng, con của Zachariah, không phải là Đấng Ê-li được hứa hẹn. Nhưng vào ngày của sự biến dạng trên Núi Tabor, Đức Chúa nói thẳng rằng Giăng, con của Zachariah, là Đấng Ê-li được hứa hẹn.

Trong Chương 9, các câu 11-13, Sách Phúc âm của Mark, có nói: “Lại hỏi Ngài rằng: Sao các thầy thông giáo nói rằng Ê-li phải đến trước? Ngài đáp rằng: “Thật Ê-li phải đến trước sửa lại mọi việc. Vậy thì sao có chép về Con người rằng Ngài phải chịu khổ nhiều và bị khinh dể ư? Vả, Ta nói cùng các người, Ê-li đã đến rồi, người ta đả người theo ý muốn của mình, y như lời đã chép về việc người vậy.” Trong Chương 17 câu 13, Sách Matthew có nói: “Môn đồ bèn hiểu rằng Ngài nói đó là nói về Giăng Báp-tít.”

Họ hỏi Giăng Báp-tít: “Ông có phải là Ê-li không?” Người trả lời không phải, dù rằng trong Sách Phúc âm nói rằng Giăng là Đấng Ê-li được hứa hẹn, và Đức Chúa cũng nói rõ ràng như thế.⁸⁹ Như vậy nếu Giăng là Ê-li, tại sao Người nói không phải? Và nếu Người không phải là Ê-li, tại sao Đức Chúa nói là phải?

⁸⁷ Xem mục “Các nguyên nhân về những khác biệt trong tính cách của loài người.” tr. 212

⁸⁸ Xem Kinh Xác tín, tr. 110

⁸⁹ Xem Giăng 1:19-21

Lời giải thích là thế này: ý nghĩa không phải là về con người, nhưng mà là thực thể của các điều hoàn hảo – ý muốn nói, chính những điều hoàn hảo vốn có trong Ê-li hiện đang có trong Giăng Tẩy giả và hiển hiện chính xác trong Người. Vì vậy, Giăng Tẩy giả là Đấng Ê-li được hứa hẹn. Trong trường hợp này không phải bản chất,⁹⁰ nhưng là tính chất được xét đến.

Ví dụ, năm trước có một đóa hoa, và năm nay cũng có một đóa hoa, Ta nói đóa hoa năm trước đã trở lại. vậy, Ta không ngụ ý rằng chính cá thể đóa hoa ấy đã trở lại, nhưng đóa hoa này cũng có cùng những tính chất như đóa hoa năm trước – vì nó có cùng một hình dáng, màu sắc, nét tinh tế và mùi hương – Ta nói đóa hoa năm trước đã trở lại, và đóa hoa này là đóa hoa trước. Khi mùa xuân đến, chúng ta nói mùa xuân năm trước đã trở lại, bởi vì tất cả những gì đã được thấy vào mùa xuân trước đều tồn tại trong mùa xuân này. Đó là lý do tại sao Chúa phán: “Các ngươi sẽ thấy tất cả những gì đã xảy ra vào những ngày của các Đấng Tiên tri xưa.”

Chúng ta sẽ đưa ra một minh họa khác. Hạt giống của năm trước được gieo xuống, cành và lá mọc ra, hoa và trái xuất hiện, tất cả đã trở lại với hạt giống. Khi hạt giống thứ hai này được đem trồng, từ đó một cây sẽ mọc lên, và một lần nữa những cành, lá, hoa và quả trở lại, và cây ấy sẽ xuất hiện một cách hoàn hảo. Vì sự bắt đầu là hạt giống và sự kết cuộc cũng là hạt giống, chúng ta nói rằng hạt giống đã trở lại. Khi ta nhìn vào bản thể cái cây, nó là một chất liệu khác, nhưng khi ta nhìn vào hoa, lá và quả, thì hương thơm, sự tinh tế và hương vị như cũ đã được tạo ra. Vì vậy, sự hoàn hảo của cái cây đã trở lại lần nữa.

Cũng theo cách ấy, nếu chúng ta nhìn sự trở lại của một cá thể, thì đó là một cá thể khác, nếu chúng ta nhìn những tính chất và những điều hoàn hảo, thì cái cũ đã trở lại. Vì vậy, khi Chúa phán: “Đây là Ê-li,” Ngài ngụ ý rằng người này là biểu hiện thiên ân, những điều hoàn hảo, cung cách, các tính chất và đức hạnh của Ê-li. Giăng Tẩy giả nói: “Ta không phải là Ê-li. Đức Chúa nhìn vào những tính chất, các điều hoàn hảo, tính cách và những đức hạnh của cả hai, còn Giăng thì nhìn vào bản chất và cá thể của mình. Cũng như ngọn đèn này: tối qua nó ở đây, đêm nay nó chiếu sáng, tối mai nó cũng sẽ chiếu sáng. Chúng ta nói rằng ngọn đèn hôm nay cũng là ngọn đèn hôm qua, rằng nó đã trở lại. Ấy là nói về ánh sáng, chứ không phải về dầu, về tim đèn hay chân đèn.

Chủ đề này đã được giải thích rõ ràng và đầy đủ trong Kitab-i-Iqan (Kinh Xác tín).

34/ THÁNH PHÊ RÔ VÀ CHỨC GIÁO HOÀNG

⁹⁰ *Nghĩa là cá thể*

Câu hỏi: Trong Sách Phúc âm của Thánh Ma-thi-ơ có nói: “Người là Peter, Ta sẽ lập hội thánh của Ta trên đá này.”⁹¹ Ý nghĩa của câu này là gì?

Trả lời: Phát ngôn này của Đức Chúa là một sự xác nhận về lời nói của Peter, khi Chúa Câu hỏi: Còn các người thì xưng Ta là ai? Và Peter thưa rằng: “Chúa là Đấng Christ, con Đức Chúa Trời hằng sống”. Rồi Chúa phán cùng người: “Người là Peter”⁹¹ – vì Cephas trong tiếng Aramic có nghĩa là đá – “và trên đá này Ta sẽ lập hội thánh của Ta.” Còn những người khác khi trả lời Chúa thì nói rằng Ngài là Ê-li (Elias), kẻ thì bảo Ngài là Giảng Tầy giả, và các kẻ khác nữa thì nói Ngài là Giê-rê-mi (Jeremiah) hoặc là một trong các Đấng Tiên tri.⁹²

Đức Chúa muốn gợi ý, hoặc ám chỉ xác nhận lời của Peter, cho nên ứng với tên gọi Peter, Ngài phán: “Và Ta sẽ lập hội thánh của Ta trên đá này,” ý nói, đức tin của người rằng Chúa là con của Đức Chúa Trời hằng sống sẽ là nền móng tôn giáo của Thượng Đế, và trên đức tin này là nền móng hội thánh của Thượng Đế - đó là Luật của Thượng Đế - sẽ được thiết lập.

Sự tồn tại ngôi mộ của Peter ở Rome là đáng hoài nghi, điều này không phải chính thống. Có người nói mộ ấy ở Antioch.

Hơn nữa, chúng ta hãy đối chiếu cuộc đời của các vị Giáo hoàng với tôn giáo của Đức Chúa. Chúa chịu đói khát và không có chỗ ở, ăn cỏ trong đồng vắng, và không muốn làm tổn thương cảm nghĩ của bất cứ ai. Còn Giáo hoàng thì ngự trong xe khám vàng và nếm trải cuộc sống trong cảnh huy hoàng tột cùng, giữa các thú vui và sự xa hoa, giữa của cải và sự tôn thờ, mà vua chúa cũng không có được.

Đức Chúa không làm tổn thương một ai, nhưng một số vị Giáo hoàng giết lương dân vô tội: hãy xem lịch sử. Các vị Giáo hoàng đã làm đổ ra không biết bao nhiêu máu để duy trì uy quyền tạm bợ! Chỉ vì những khác biệt ý kiến họ đã bắt bớ, giam cầm và sát hại hàng ngàn kẻ tội tởm trong thế giới loài người và những nhà thông thái đã khám phá những bí mật của thiên nhiên. Họ còn bóp nghẹt chân lý đến mức nào!

Hãy ngẫm nghĩ về những lời dạy của Đức Chúa, rồi tìm hiểu phong tục và tập quán của các Giáo hoàng. Hãy xem: có sự tương đồng nào giữa các lời dạy của Đức Chúa và cung cách cầm quyền của các Giáo hoàng? Ta không có ý chỉ trích, nhưng lịch sử Vatican quả quá dị thường. Chủ điểm lập luận của Ta là thế này: rằng những lời dạy của Đức Chúa là một chuyện, còn cung cách cầm quyền của Giáo hoàng là chuyện hoàn toàn khác; không hề có sự

⁹¹ Ma-thi-ơ (Matthew), *Phi-e-rơ (Peter)* được nhiều người biết với tên thật là Si-môn, nhưng Chúa gọi người là Cephas, tương ứng với petras trong tiếng Hy Lạp, có nghĩa là đá

⁹² Matt. 16:14-18

phù hợp. Hãy xem biết bao nhiêu người Tin lành đã bị giết do mệnh lệnh của các Giáo hoàng, biết bao sự bạo tàn và áp bức đã được khuyến khích, và biết bao sự trừng phạt và gia hình đã được tiến hành! Liệu còn ai phát hiện được chút hương thơm ngọt ngào nào của Đức Chúa trong những hành động này? Lạy Thượng Đế, hoàn toàn không! Những người này không vâng phục Chúa, trong khi nữ thánh Barbara, mà hình được treo trước mặt chúng ta, đã vâng phục Ngài, đi theo bước chân Ngài, và thực hành các phán lệnh của Ngài.

Trong số các Giáo hoàng cũng có một số linh hồn được chúc phúc dõi theo bước chân Chúa, đặc biệt trong thế kỷ đầu của Kỷ nguyên Thiên chúa giáo khi chưa có những thử trần tục và những thử thách của Thượng Đế còn nghiêm trọng. Nhưng khi họ nắm giữ quyền cai trị, vinh dự và sự thịnh vượng thế gian, chánh quyền của Giáo hoàng đã quên Chúa rồi nắm giữ những sự xa hoa và tiện nghi, sự vĩ đại và quyền uy tạm bợ. Nó giết dân chúng, bóp nghẹt việc truyền bá sự học vấn, gia hình các nhà khoa học, ngăn trở ánh sáng tri thức, ban lệnh giết chóc và cướp phá. Hàng ngàn linh hồn, các nhà khoa học và trí thức, bao người vô tội bị hủy diệt trong các nhà tù La Mã. Với những diễn biến và hành động như thế, làm sao người ta tin được Chức chương đại diện của Chúa?

Tòa thánh liên tục đàn áp tri thức; ngay ở châu Âu người ta cũng nhìn nhận rằng tôn giáo là đối thủ của khoa học, và khoa học là người hủy hoại nền tảng tôn giáo. Trong khi tôn giáo của Thượng Đế là người quảng bá chân lý, là người tạo dựng khoa học và tri thức, có đầy thiện chí với người học thức; nó là người văn minh hóa nhân loại, phát hiện những bí mật của thiên nhiên và soi sáng các chân trời của thế giới. Vậy nên, sao có thể nói nó chống đối tri thức? Lạy Thượng Đế! Không thể như thế, đối với Thượng Đế tri thức là ân huệ vinh quang nhất của con người và là điều hoàn hảo tôn quý nhất của nhân sinh. Chống lại tri thức là u mê, kẻ nào ghét tri thức và khoa học thì hẳn không phải là người, nhưng chỉ là động vật thiếu thông minh. Vì tri thức là ánh sáng, sự sống, lạc phúc, hoàn hảo, vẻ đẹp và là phương tiện để đến gần thánh điện Thống nhất. Nó là danh dự và vinh quang của thế giới loài người, và là ân phúc kỳ diệu nhất của Thượng Đế. Tri thức đồng nghĩa với sự hướng dẫn, còn si mê là lầm lạc thực sự.

Hạnh phúc thay cho những người trải qua ngày tháng để đạt tri thức, phát hiện những bí mật của thiên nhiên, và đi sâu vào các mặt tế vi của chân lý thuần túy! Thật bất hạnh cho những kẻ thỏa mãn với sự u mê, mà lòng thấy vui với sự bất chước vô ý thức, thả rơi vào những chốn thăm sâu nhất của sự si dại và điên rồ mà hoang phí cả cuộc đời.

35/ Ý CHÍ TỰ DO VÀ SỰ TIỀN ĐỊNH

Câu hỏi: Nếu Thượng Đế biết về một hành động mà người nào đó sẽ thực hiện, và nó đã được ghi trong Kinh bản Định mệnh, liệu người đó có cưỡng lại được không?

Trả lời: Sự biết trước về một điều gì đó không phải là nguyên nhân khiến nó xảy ra; cũng theo cách ấy, sự hiểu biết tất yếu của Thượng Đế bao trùm thực thể vạn vật, trước cũng như sau sự tồn tại của nó, và điều đó không trở thành nguyên nhân sự tồn tại của nó. Đó là sự hoàn hảo của Thượng Đế.

Nhưng những điều đã được tiên tri bởi sự cảm ứng của Thượng Đế qua lưỡi của các Đấng Tiên tri, liên quan đến Đấng Hứa hẹn của Kinh thánh, không phải là nguyên nhân sự biểu hiện của Đức Chúa. Những điều huyền nhiệm về tương lai được mặc khải cho các Đấng Tiên tri, và như thế là các Ngài biết về những biến cố tương lai do các Ngài công bố. Sự hiểu biết này và những lời tiên tri này không phải là nguyên nhân của các diễn biến ấy. Ví dụ, tôi nay mọi người biết rằng sau bảy giờ nữa mặt trời sẽ mọc, nhưng việc tiên kiến chung này không tạo ra sự xuất hiện của mặt trời.

Vì vậy, sự hiểu biết của Thượng Đế trong thế giới tạm bợ này không tạo nên hình dáng sự vật. Trái lại, thế giới này được thanh lọc từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Nó đồng dạng với thực thể sự vật; nó không là nguyên do sự xuất hiện của sự vật.

Theo cách ấy, việc ghi chép và nhắc đến điều gì trong Thánh Kinh không trở thành nguyên nhân tồn tại của nó. Các Đấng Tiên tri, qua sự cảm ứng thiêng liêng, biết điều gì sẽ xảy ra. Ví dụ, qua cảm ứng các Ngài biết rằng Đức Chúa sẽ tử đạo, và thông báo điều đó. Vậy có phải sự hiểu biết và thông tin của các Ngài gây ra sự tử đạo của Chúa không? Sự hiểu biết này là một điều hoàn hảo của các Đấng Tiên tri và không tạo ra sự tử đạo.

Các nhà toán học, theo tính toán thiên văn, biết rằng vào lúc nào đó sẽ có nguyệt thực hoặc nhật thực. Chắc chắn sự phát hiện này không phải là nguyên nhân của thiên thực. Tất nhiên đây chỉ là tỉ dụ chứ không phải là hình ảnh chính xác.

PHẦN 3 : VỀ UY LỰC VÀ TÌNH TRẠNG CÁC ĐÁNG BIỂU HIỆN CỦA THƯỢNG ĐẾ

36/ NĂM BẬC CỦA TINH THẦN

Hãy biết rằng, nói chung có năm bậc của tinh thần. Thứ nhất là tinh thần thực vật: đây là sức mạnh đến từ sự tổng hợp các nguyên tố và sự hòa trộn những chất liệu theo sự an bài của Thượng Đế Tối cao, và từ ảnh hưởng, tác động và sự kết nối của các vật sinh tồn khác. Khi các chất liệu và các nguyên tố này tách rời nhau, thì sức mạnh tăng trưởng cũng ngưng tồn tại. Như thế, nói theo một hình ảnh khác, điện đến từ sự kết hợp các nguyên tố, và khi các nguyên tố này tách rời, thì điện lực phân tán và biến mất. Đó là tinh thần thực vật.

Sau đó là tinh thần động vật, nó cũng đến từ sự hòa trộn và kết hợp các nguyên tố. Nhưng sự kết hợp này hoàn hảo hơn, và qua sự an bài của Đấng Thượng Đế Toàn năng một sự pha trộn hoàn hảo đạt thành, và tinh thần động vật – nói cách khác, là sức mạnh của các giác quan – được tạo nên. Nó sẽ nhận biết thực thể các sự vật từ những gì nó thấy và thấy được, nghe được, ăn được, tiếp xúc được và những gì nó ngửi được. Sau sự tách rời và phân rã của các nguyên tố hợp thành, thì tinh thần này cũng tự nhiên biến mất. Nó cũng giống như ngọn đèn mà các con thấy khi dầu, tim đèn và lửa được đem đến với nhau, ánh sáng là kết quả; nhưng khi dầu hết và tim đèn cháy sạch, ánh sáng cũng biến đi và mất hẳn.

Tinh thần của con người ví như hồng ân chiếu sáng của mặt trời trên tấm gương. Thân thể con người, được gộp lại từ các nguyên tố, sự kết hợp và hòa trộn trong một dạng hoàn hảo nhất; nó là cấu trúc chắc chắn nhất, là sự kết hợp cao quý nhất, sự tồn tại hoàn hảo nhất. Nó tăng trưởng và phát triển qua tinh thần động vật. Thân thể hoàn hảo này có thể ví như tấm gương, và tinh thần con người là mặt trời. Dù vậy, nếu tấm gương vỡ, thì hồng ân của mặt trời vẫn tiếp tục; và nếu tấm gương bị hủy hoại hoặc không còn tồn tại, thì không có sự thiệt hại nào xảy ra cho hồng ân của mặt trời, vốn trường tồn.

Tinh thần này có sức mạnh khám phá, nó bao trùm vạn vật. Tất cả các dấu hiệu tuyệt vời này, các khám phá khoa học này, các công trình lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng mà các con biết đều nhờ nó. Từ cõi vô hình và ẩn tàng, từ sức mạnh tâm linh, nó đưa mọi sự vào cõi hữu hình. Thế nên con người ở dưới đất, mà nó phát hiện những điều trên các cõi trời. Từ những thực tại đã biết – nghĩa là, từ điều biết được và thấy được – nó khám phá ra những điều chưa biết. Ví dụ, con người ở trong bán cầu này; nhưng, giống như Columbus, nhờ sức mạnh của lý trí ông phát hiện ra bán cầu kia – đó là Mỹ châu – mà tới lúc đó chưa được biết đến. Thân người thì nặng, nhưng nhờ sự trợ giúp của phương tiện do nó phát minh, nó có thể bay. Thân người

cử động chậm chạp, nhưng nhờ các phương tiện nó phát minh, con người có thể du lịch từ Đông sang Tây cực nhanh. Tóm lại, sức mạnh này bao trùm vạn vật.

Nhưng tinh thần con người có hai phương diện: mặt này thiêng liêng, mặt kia ma mị - nghĩa là nó có thể ở mức hoàn hảo tốt cùng, hoặc có thể ở mức khiếm khuyết tốt cùng. Khi thủ đắc đức hạnh, nó là vật sinh tồn cao quý nhất; và nếu chuốc lấy thói xấu, nó trở thành vật sinh tồn thấp hèn nhất.

Mức độ thứ tư của tinh thần là tinh thần thiên thượng, đó là tinh thần đức tin và là hồng ân của Thượng Đế; nó đến từ hơi thở của Thánh Linh, và nhờ uy lực thiêng liêng, nó trở thành nguyên nhân của sự sống đời đời. Nó là uy lực biến con người trần tục thành thiêng liêng, và con người khiếm khuyết thành hoàn hảo. Nó biến người ô trược thành tinh khiết, người im lặng thành hùng biện; nó thanh lọc và thánh hóa những người bị giam hãm trong nhục dục; nó biến người dại thành khôn.

Tinh thần thứ năm là Thánh Linh. Thánh Linh là trung bửu giữa Thượng Đế và chúng sinh. Linh giống như tấm gương hướng về mặt trời. Như tấm gương sạch nhận ánh sáng từ mặt trời và chuyển hồng ân này đến các vật khác, Thánh Linh là trung bửu của Ánh sáng Thiêng liêng từ Mặt Trời Chân lý, rồi ban cho các thực thể thánh thiện. Linh được điểm tô bằng tất cả những sự hoàn hảo thiên thượng. Mỗi khi Linh xuất hiện, thế giới được đổi mới, và một chu kỳ mới được tạo lập. Bản thân thế giới nhân sinh mặc áo mới. Linh có thể ví như mùa xuân; mỗi khi Linh đến, thế giới chuyển từ tình trạng này sang tình trạng khác. Nhờ sự hiện đến của mùa xuân, đất đen, các cánh đồng và các chôn hoang vu trở thành xanh tươi và nở hoa, mọi loại hoa và cỏ thơm sẽ mọc, cây cối có cuộc sống mới, quả mới xuất hiện, và một chu kỳ mới thành hình.

Sự xuất hiện của Thánh Linh giống như vậy. Thánh Linh làm mới thế giới nhân sinh và ban một tinh thần mới cho thực thể nhân loại: Thánh Linh mặc cho thế giới sinh tồn chiếc áo tuyệt kỳ, xua tan bóng tối u mê và khiến ánh sáng hoàn hảo chiếu rọi. Với uy lực này, Đức Chúa đã làm mới chu kỳ này; mùa xuân thiên thượng với sự ngọt ngào và tươi tốt tốt cùng đã trải lên trên thế giới nhân loại, và làn gió hiếu sinh làm ngát thơm lỗ mũi của những người giác ngộ.

Cũng theo cách ấy, sự xuất hiện của Đức Baha'u'llah giống như mùa xuân mới làm xuất hiện những làn gió thiêng liêng, với nguồn sống vĩnh cửu và với uy lực thiên thượng. Nó thiết lập Ngai vàng của Vương quốc Thiêng liêng ngay trong lòng quả đất và nhờ uy lực Thánh linh, làm sống lại những linh hồn và tạo ra một chu kỳ mới.

37/ MỐI QUAN HỆ GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ CÁC ĐÁNG BIỂU

HIỆN

Câu hỏi: Thực thể Thần tính có mối liên hệ gì với các Chôn Bình minh Chí tôn và các Điem Rạng đông Thiên thượng?

Trả lời: Hãy biết rằng Thực thể của Thần tính hoặc bản chất của Tinh hoa Đơn nhất là thuần thánh thiện và tuyệt đối thiêng liêng – ý muốn nói Thực thể này vượt trên và thoát khỏi mọi lời chúc tụng. Toàn thể những đặc tính tối cao về các mức độ sinh tồn, đem đối chiếu với cõi này, đều chỉ là tưởng tượng. Thực thể ấy không thể thấy, không thể hiểu, không thể tiếp cận, một bản thể thuần khiết không thể mô tả, vì Tinh hoa Thiên thượng bao trùm vạn vật. Quả thật, cái bao trùm lớn hơn cái bị bao trùm, và cái bị bao trùm không thể chứa đựng cái bao trùm nó, nó cũng không thể hiểu thực thể ấy. Dù tâm trí có thể tiến bộ tới đâu, dù nó có thể đạt tới mức hiểu biết cuối cùng, tới giới hạn của sự thức ngộ, nó thấy các đặc tính và các dấu hiệu thiên thượng trong thế giới tạo vật chứ không phải trong thế giới của Thượng Đế. Vì bản chất và các đặc tính của Đấng Chúa Thống nhất là ở trong những tầng cao thánh thiện, đối với các tâm trí và các sự hiểu biết thì không có đường nào để đến gần cương vị này. “Con đường đã bị đóng lại và việc tìm kiếm bị cấm ngăn”.

Hiển nhiên là sự hiểu biết của con người là một phẩm chất thuộc về sự tồn tại của con người, và con người là một dấu hiệu của Thượng Đế: làm sao tính chất của dấu hiệu bao trùm được người tạo ra dấu hiệu? – ý muốn nói, làm sao sự hiểu biết, là một tính chất thuộc sự tồn tại của con người, hiểu được Thượng Đế? Vì vậy, Thực thể của Thần tính là ẩn giấu đối với mọi sự hiểu biết, và ngăn che đối với tâm trí cả loài người. Tuyệt đối không thể nào vươn lên đến cõi ấy.

Chúng ta thấy rằng mọi sự ở cấp thấp không thể nào hiểu được thực thể của cái ở cấp cao. Như thế, đá, đất và cây, dù tiến hóa nhiều tới đâu, cũng không thể hiểu thực thể con người và không thể hình dung được các năng lực của thị giác, thính giác và của các giác quan khác, mặc dù tất cả cũng đều là vật thọ tạo. Vì vậy, làm sao con người, vật thọ tạo, hiểu được thực thể Tinh hoa thuần khiết của Đấng Sáng tạo? Cõi này không thể tiếp cận được bằng sự hiểu biết, không lời giải thích đủ để hiểu được, và không uy lực nào chỉ ra được thực thể ấy. Một nguyên tử cát bụi có thể làm gì với thế giới thuần khiết, và có mối liên hệ gì giữa tâm trí hạn chế với thế giới vô hạn? Tâm trí không đủ sức hiểu Thượng Đế, và linh hồn trở nên bàng hoàng khi giải thích về Ngài. “Các con mắt không thể thấy Ngài, nhưng Ngài thấy các con mắt. Ngài là Đấng Toàn tri, là Đấng Hiểu biết.”⁹³

⁹³ Xem *Quran 6:104*

Kết quả là, nhắc về cõi sinh tồn này, mọi phát biểu và diễn giải đều khiếm khuyết, mọi sự ca ngợi và mô tả đều bất xứng, mọi quan niệm đều vô giá trị, và mọi suy tưởng đều vô ích. Nhưng về Tinh hoa của mọi tinh hoa này, Chân lý của mọi chân lý này, màu nhiệm của mọi nhiệm màu này, có những phản ánh, những rạng sáng, những hiện cảnh và những hào quang trên thế giới sinh tồn, Chốn bình minh của những hào quang này, nơi chỗ của các phản ánh này, và sự xuất hiện của các biểu hiện này là những Chốn Bình minh Thánh thiện, là những Thực thể Hoàn vũ và các Đấng Thiên thượng, là những tấm gương thực sự về Bản thể Siêu phàm của Thượng Đế. Tất cả những điều hoàn hảo... những hồng ân, những hào quang đến từ Thượng Đế có thể thấy được và hiển hiện nơi bản thể của các Đấng Biểu hiện Thiên thiêng, giống như mặt trời rực sáng nơi tấm gương được đánh bóng sáng trong với tất cả những điều hoàn hảo và những hồng ân. Nếu nói rằng các tấm gương là những biểu hiện của mặt trời và chốn bình minh mặt trời mọc, điều này không có nghĩa là mặt trời đã giáng xuống từ đỉnh cao thánh thiện và nhập vào trong tấm gương, cũng không phải là Thực thể Vô hạn bị giới hạn ở nơi xuất hiện này. Lạy Thượng Đế! Đây là niềm tin của các tín đồ theo thuyết nhân chủng học. Không; tất cả những lời chúc tụng, những sự mô tả, tôn vinh nhắc tới các Đấng Biểu hiện Thiên thiêng – nghĩa là, mọi sự mô tả, các phẩm chất, các danh và các đặc tính mà chúng ta nói đến đều trở về với các Đấng Biểu hiện Thiên thiêng; nhưng vì không ai đạt tới thực thể của Tinh hoa Thần tính, nên không ai có thể mô tả, giải thích và hiểu về các danh, các đặc tính và những sự hoàn hảo của Thượng Đế. Không có cách tiếp cận với bất cứ điều gì: “con đường đã đóng lại, và sự tìm kiếm bị ngăn cấm.”

Dù vậy, chúng ta vẫn nói về các danh và các đặc tính của Thực thể Thiên thượng, và chúng ta chúc tụng Ngài bằng cách cho rằng Ngài có thị giác, thánh giác, uy lực, sự sống và tri thức. Chúng ta xác định những đặc tính này, không phải để chứng minh sự hoàn hảo của Thượng Đế, nhưng để phủ nhận ý tưởng rằng Ngài có khiếm khuyết.

Khi nhìn thế giới sinh tồn, chúng ta thấy rằng sự dốt nát là khiếm khuyết và hiểu biết là hoàn hảo; vì vậy, chúng ta nói rằng Tôn chất thiên thượng của Thượng Đế là minh triết. Sự yếu đuối là khiếm khuyết, và sức mạnh là hoàn hảo, cho nên, chúng ta nói rằng Tôn chất thiên thượng của Thượng Đế là tột đỉnh của sức mạnh. Không phải vì chúng ta hiểu được tri thức của Ngài, thị giác của Ngài, sự sống và sức mạnh của Ngài, vì điều đó vượt khỏi tầm nhận thức của chúng ta; bởi lẽ các đặc tính và các danh tất yếu của Thượng Đế chính là Tôn chất của Ngài, và Tôn chất của Ngài vượt trên mọi nhận thức. Nếu các đặc tính không phù hợp với bản chất, thì phải có tính đa nguyên của những tồn tại tiên thiên, và những sự khác biệt giữa các đặc tính và Bản thể cũng phải tồn tại; và vì sự Tồn tại tiên thiên là cần thiết, cho nên, trình tự của những tồn tại tiên thiên trở nên vô hạn. Đây là một sự lầm lạc hiển nhiên.

Vậy nên, tất cả các điều tôn vinh, chúc tụng, các danh và các đặc tính này phù hợp với những Nơi Biểu hiện; và tất cả những gì chúng ta tưởng tượng

và giả định ngoài các Ngài đều là tưởng tượng phù phiếm; vì chúng ta không có cách nào để hiểu những điều vô hình và không thể tiếp cận. Thế nên tại sao có lời phán: “Tất cả những gì các ngươi phân biệt qua ảo giác của trí tưởng tượng các ngươi trong những hình ảnh thuộc trí tuệ tinh tế chỉ là một tạo vật giống như các ngươi, và trở về với các ngươi.”⁹⁴ Thật rõ ràng là nếu chúng ta muốn tưởng tượng Thực thể của Thần tính, sự tưởng tượng này là cái bị vây phủ, chứ không phải thực thể vây phủ; và chắc chắn rằng thực thể vây phủ lớn hơn cái bị vây phủ. Từ điểm này ta thấy chắc chắn và hiển nhiên rằng nếu chúng ta tưởng tượng một Thực thể Thiên thượng ngoài các Đấng Biểu hiện Thiên thiêng, đó chỉ là thuần tưởng tượng, vì không có cách nào để tiếp cận Thực thể của Thần tính vốn không tách rời với chúng ta, và tất cả những gì chúng ta tưởng tượng đều là giả định trống rỗng.

Bởi vậy, hãy nghĩ rằng các dân tộc khác nhau trên thế giới đều xoay vần quanh những điều tưởng tượng và là những người thờ thần tượng của tư tưởng và phỏng đoán. Họ không biết điều này; họ cho sự tưởng tượng của họ là Thực tại vốn ẩn mình ngoài mọi sự hiểu biết và thoát sạch mọi sự mô tả. Họ tự xem mình là con dân của sự Thống nhất, còn các dân khác là người thờ thần tượng; nhưng thần tượng chí ít cũng có sự tồn tại khoáng vật, trong khi các thần tượng thuộc tư tưởng và trí tưởng tượng của con người đều chỉ là bịa đặt; thậm chí nó không có cả sự tồn tại khoáng vật. “Hãy lưu ý hồi các ngươi là những người có sự sáng suốt.”⁹⁵

Hãy biết rằng những đặc tính của sự hoàn hảo, của hào quang hồng ân thiên thượng, và ánh sáng cảm ứng là thấy được và hiển nhiên trong tất cả các Đấng Biểu hiện Thiên thiêng; những Vinh quang Ngôi Lời của Thượng Đế, Đức Chúa, và Tối đại Danh, Đức Baha'u'llah, là những biểu hiện và bằng chứng hiển nhiên vượt khỏi mọi sự tưởng tượng, bởi vì các Ngài sở hữu tất cả những điều hoàn hảo của các Đấng Biểu hiện Xưa; và hơn thế nữa, các Ngài có một số điều hoàn hảo khiến các Đấng Biểu hiện khác tùy thuộc vào các Ngài. Như thế tất cả các Đấng Tiên tri của Israel đều là trọng tâm cảm ứng; Đức Chúa cũng là một Đấng nhận cảm ứng, nhưng có sự khác biệt biết bao giữa sự cảm ứng của Ngôi Lời Thượng Đế và các mặc khải của Isaiah, Jeremiah và Elijah!

Hãy nghĩ rằng ánh sáng là sự biểu thị những rung động của vật chất Ê-te⁹⁶: thân kinh của mắt bị tác động bởi những rung động này, và sự thấy được tạo ra. Ánh sáng của cây đèn tồn tại qua sự rung động của vật chất Ê-te, mặt trời cũng hoạt động giống như thế, nhưng sự khác nhau giữa ánh sáng mặt trời khác với ánh sáng của các ngôi sao hoặc của ngọn đèn!

Tinh thần con người xuất hiện và biểu hiện trong tình trạng bào thai, trong tuổi thiếu niên và tuổi trưởng thành. Nó rạng ngời và hiển nhiên trong tình

⁹⁴ từ một Hadith

⁹⁵ Qur'án 59:2.

⁹⁶ Ether hay Ê-te Chất không màu không mùi không hình dáng

trạng hoàn hảo. Tinh thần này là một, nhưng trong tình trạng bào thai thì còn thiếu thị giác và thính giác. Trong trạng thái trưởng thành và hoàn hảo nó xuất hiện với sự rực rỡ và sáng láng tột cùng. Cũng theo cách ấy, hạt giống lúc đầu trở thành lá và là nơi tinh thần thực vật xuất hiện, trong tình trạng của quả nó biểu hiện cùng tinh thần ấy – nghĩa là năng lực tăng trưởng xuất hiện trong trạng thái hoàn hảo tột cùng, nhưng thật khác nhau biết bao giữa tình trạng của lá và của quả! Vì từ quả một trăm ngàn lá khác xuất hiện, dù nó cùng tăng trưởng và phát triển qua cùng một tinh thần thực vật. Hãy chú ý sự khác nhau giữa những điều hoàn hảo của Đức Chúa, hào quang và sự rạng ngời của Đức Baha'u'llah, và những đức hạnh của các Đấng Tiên tri Israel như Ezekiel hoặc Samuel. Tất cả đều là những biểu hiện của cảm ứng, nhưng giữa các Ngài có sự khác nhau vô cùng. Thân ái!

38/ BA CƯƠNG VỊ CỦA CÁC ĐÁNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG

Hãy biết rằng các Đấng Biểu hiện Thánh thiện, dù các Ngài có những mức độ hoàn hảo vô hạn, nhưng nói chung, đều chỉ gồm ba cương vị. Thứ nhất là cương vị thể chất; thứ hai là cương vị nhân sinh, đó là cương vị của linh hồn lý tính; và thứ ba là cương vị của hiện thân thiên thượng và hào quang thiêng liêng.

Cương vị thể chất là tạm bợ; đó là phần các nguyên tố hợp thành, và chủ yếu là những gì hợp thành đều phải bị tan rã. Không thể có bất cứ sự hợp thành nào mà không tan rã.

Thứ hai là cương vị linh hồn lý tính, đó là thực thể nhân sinh. Linh hồn con người có sự khởi đầu, nhưng không có chung cuộc; nó tiếp tục vĩnh viễn. Các Đấng Biểu hiện Thánh thiện đều có chung phần này như nhân loại.

Cương vị thứ ba là sự hiện thân thiên thượng và hào quang thiêng liêng: đây là Ngôi Lời của Thượng Đế, là Thiên phúc Vĩnh cửu, là Thánh Linh. Linh không có bắt đầu cũng không có chung cuộc, vì bắt đầu và chung cuộc là liên quan đến thế giới tạm bợ chứ không phải thế giới thiêng liêng. Đối với Thượng Đế thì bắt đầu và chung cuộc là như nhau. Như thế sự nhận biết các ngày, tuần, tháng và năm, hôm qua và hôm nay, là liên quan đến quả địa cầu; nhưng nơi mặt trời không có chuyện ấy – không có hôm qua, ngày nay hoặc ngày mai, cũng không có tháng hoặc năm: tất cả đều như nhau. Cũng theo cách ấy, Ngôi Lời của Thượng Đế thoát ngoài mọi điều kiện này, thoát ngoài mọi biên giới, các luật và các hạn chế của thế giới tạm bợ.

Hãy biết rằng, dù linh hồn con người hiện hữu trên trái đất qua những thời kỳ và thời đại lâu dài, nó vẫn là tạm bợ. Vì nó là một dấu hiệu thiêng liêng, nên một khi nó bước vào cõi sinh tồn, nó là vĩnh cửu. Tinh thần con người có sự khởi đầu, nhưng không có chung cuộc; nó tiếp tục vĩnh viễn. Cũng theo cách ấy các loài tồn tại trên trái đất này đều là tạm bợ, vì ta biết rõ rằng có

một thời điểm mà các chủng loài này không có tồn tại trên mặt trái đất. Hơn nữa, trái đất không phải đã luôn luôn tồn tại, nhưng thế giới sinh tồn thì luôn luôn tồn tại, vì vũ trụ không bị giới hạn nơi quả địa cầu này.

Ý nghĩa của điều này là, dù linh hồn con người có tính hiện tượng, nhưng nó là bất diệt, trường tồn và vĩnh cửu; vì thế giới sự vật là thế giới của sự khiếm khuyết so với thế giới của loài người, và thế giới của loài người là thế giới của sự hoàn hảo so với thế giới sự vật. Khi những điều khiếm khuyết đạt tới cương vị hoàn hảo, nó trở thành vĩnh cửu.⁹⁷ Đây là một ví dụ mà các con phải hiểu ý nghĩa.

Vì vậy, thực thể của cương vị tiên tri, đó chính là Ngôi Lời của Thượng Đế và là trạng thái hoàn hảo của sự biểu hiện, đã không hề có sự bắt đầu và sẽ không có chung cuộc; sự xuất hiện của Linh khác với tất cả các sự xuất hiện khác và giống như sự xuất hiện của mặt trời. Ví dụ, Linh xuất hiện trong dấu hiệu của Đức Chúa với ánh sáng và hào quang tột cùng, điều này là vĩnh cửu và trường tồn. Hãy xem đã có biết bao vị quân vương bách thắng, biết bao ông hoàng và nhà cai trị, các nhà tổ chức hùng cường, tất cả đều biến mất, trong khi những làn gió của Đức Chúa vẫn còn thổi, ánh sáng của Ngài vẫn còn chiếu rọi, điệu nhạc của Ngài vẫn vang vọng; ngọn cờ của Ngài vẫn tung bay; những đạo quân của Ngài vẫn còn chiến đấu, giọng nói thiên thượng của Ngài vẫn còn du dương ngọt ngào; những vàng mây của Ngài vẫn còn tuôn mưa châu ngọc; ánh sáng của Ngài vẫn chói lòa; sự phản ánh của Ngài vẫn còn trong trẻo và rực rỡ, hào quang của Ngài vẫn còn chiếu rọi và lung linh; và điều giống như thế vẫn tồn tại với những linh hồn được đặt dưới ơn phò trợ của Ngài và đang chiếu rọi với ánh sáng của Ngài.

Như thế thật hiển nhiên là các Đấng Biểu hiện có ba tình trạng: tình trạng vật chất, tình trạng linh hồn lý tính, và tình trạng biểu hiện thiêng liêng và hào quang thiên thượng. Tình trạng vật chất chắc chắn sẽ bị tan rã, nhưng tình trạng linh hồn lý tính, dù là có khởi đầu, nhưng không có chung cuộc: thực ra, linh hồn này là sự sống đời đời. Nhưng Thực thể Thiêng liêng, mà Đức Chúa phán: “Cha ở trong Con,”⁹⁸ thì không có bắt đầu và cũng không có chung cuộc. Khi sự bắt đầu được nói tới, là ý nêu lên trạng thái biểu hiện; và, nói một cách tượng trưng, là tình trạng thình lạng như giấc ngủ. Ví dụ, một người đang ngủ - khi người ấy nói là người ấy thức – nhưng luôn luôn vẫn là cá nhân đó, dù người ấy đang ngủ hay thức, không có sự khác biệt nào xảy ra trong cương vị, trong sự cao cả, vinh quang, thực thể hoặc bản chất của người ấy. Trạng thái thình lạng là so với giấc ngủ, và trạng thái biểu hiện là thức dậy. Một người ngủ hay thức thì vẫn là người ấy; ngủ là một trạng thái, và thức là một trạng thái khác. Thời gian thình lạng ví như giấc ngủ, sự biểu hiện và sự hướng dẫn là so với lúc thức.

⁹⁷ nghĩa là, trong thế giới loài người, trong đó chỉ Tinh thần biểu hiện sự trường tồn. Xem “Năm Phương diện của Tinh thần”, trang 143; “Trạng thái của con người và sự tiến bộ của nó sau khi chết”, trang 235, vân vân

⁹⁸ Xem John 14:11; 17:21.

Trong Sách Phúc âm có nói: “Lúc đầu có Ngôi Lời, và Ngôi Lời ở cùng Thượng Đế.”⁹⁹ Như thế thật hiển nhiên và rõ ràng là không phải Đức Chúa đấng tột cùng vị Sứ giả và những điều hoàn hảo vào lúc Ngài nhận phép báp-têm, khi Thánh Linh giáng xuống trên người Ngài giống như chim bồ câu. Thật ra, Ngôi Lời của Thượng Đế từ thuở vĩnh hằng đã luôn tồn tại, và sẽ còn tồn tại, trong cao cả siêu thoát.

39/ CON NGƯỜI VÀ CƯƠNG VỊ CỦA CÁC ĐÁNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG

Chúng ta nói rằng các Đấng Biểu hiện có ba cương vị. Thứ nhất, thực thể vật chất, tùy thuộc nơi thân thể; thứ hai, thực thể cá nhân, ý nói linh hồn lý tính; thứ ba, sự xuất hiện thiêng liêng, đó là những điều hoàn hảo thiên thượng, đó là nguyên do của sự sinh tồn, sự giáo dục các linh hồn, sự hướng dẫn dân chúng, và sự khai sáng thế giới tạm bợ.

Trạng thái vật chất là trạng thái con người sẽ hủy hoại vì các nguyên tố tổng hợp, và tất cả những gì do các nguyên tố tổng hợp đều tất yếu sẽ bị phân rã và tan tác.

Nhưng thực thể cá nhân các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế là thực thể thiêng liêng, và vì lẽ ấy nó siêu thoát, về sự liên quan đến tự tính và phẩm chất, là khác biệt với tất cả các sự vật khác. Nó ví như mặt trời, do tự tính tất yếu tạo ra ánh sáng và không thể ví như mặt trăng, chính vì các hạt tạo nên mặt trời không giống như các hạt tạo nên mặt trăng. Các hạt và sự tổ chức của mặt trời tạo ra tia sáng, nhưng các hạt của mặt trăng hợp thành mặt trăng không tạo ra tia sáng nhưng nó cần mượn ánh sáng. Thế nên các thực thể nhân sinh khác là những linh hồn, giống như mặt trăng, nhận ánh sáng từ mặt trời; nhưng Thực thể Thánh Linh thì tự mình rực sáng.

Cương vị thứ ba của Đấng ấy là Hồng ân thiên thượng, là hào quang của Đấng Mỹ lệ Tiên thiên, và là sự rực rỡ từ ánh sáng của Đấng Toàn năng. Những thực thể về cá nhân các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng không tách rời khỏi Hồng ân của Thượng Đế và Hào quang Thiên chúa. Cũng theo cách ấy, mặt trời không tách rời khỏi ánh sáng. Vì vậy ta có thể nói rằng sự thăng thiên của Đấng Biểu hiện Thiêng liêng giản dị là rời bỏ hình tướng vật chất này. Ví dụ, nếu một cây đèn chiếu sáng hốc tường này, và nếu ánh sáng ngưng soi sáng nó vì hốc tường bị hỏng, còn ân huệ của cây đèn không bị cắt bỏ. Tóm lại, trong các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng hồng ân tiên thiên giống như ánh sáng, cá tính được tiêu biểu bằng quả cầu thủy tinh, và nhân thân giống như hốc tường: nếu hốc tường bị hủy, thì đèn vẫn tiếp tục cháy sáng. Các

⁹⁹ *John 1:1.*

Đấng Biểu hiện Thiên liêng là nhiều tấm gương khác nhau bởi các Ngài có một cá tính cụ thể, nhưng cái được phản ánh trong các tấm gương là cùng một mặt trời. Điều rõ ràng là thực thể Đức Chúa khác với thực thể Đức Moses.

Quả thật, từ đầu Thực thể Thiên liêng ấy đã biết bí quyết của sự sinh tồn và tuổi ấu thơ những dấu hiệu của sự vĩ đại đã xuất hiện và thấy được nơi Ngài. Vì vậy, sao có thể nói với tất cả những điều hoàn hảo và những hồng ân này Ngài lại không biết?

Chúng ta đã nêu lên rằng các Đấng Biểu hiện Thiên liêng có ba tình trạng. Tình trạng vật chất, thực thể cá nhân, là trung tâm của sự xuất hiện điều hoàn hảo: thực thể này ví như mặt trời, sức nóng và ánh sáng của nó. Các cá nhân khác có tình trạng vật chất, tình trạng linh hồn lý tính – tinh thần và tâm trí.¹⁰⁰ Vậy lời phán: “Ta đang ngủ, làn gió thiên thượng thổi qua người Ta, và Ta tỉnh thức,” cũng giống như lời phán của Chúa: “Thân thể thì buồn, còn tinh thần thì vui mừng,” hoặc còn phán: “Ta khốn khổ” hoặc “Ta thành thời”, hoặc “Ta phiền muộn” – những điều này nói về tình trạng vật chất và không có liên quan đến thực thể cá nhân hoặc sự biểu hiện của Thực thể Thiên liêng. Vậy hãy xem muôn ngàn điều có thể xảy ra cho thân thể của con người, nhưng tinh thần không hề chịu sự tác động; thậm chí có thể một số chi thể của thân người hoàn toàn bị tật, nhưng tinh hoa trí tuệ vẫn nguyên vẹn và trường tồn. Một ngàn tai nạn có thể xảy đến cho chiếc áo, nhưng với người mặc áo thì không có gì nguy hiểm. Những lời mà Đức Baha’u’llah phán: “Ta đang ngủ, và làn gió thổi qua người Ta, và làm Ta tỉnh thức,” là nói tới thân thể.

Trong thế giới của Thượng Đế không có quá khứ, tương lai và hiện tại; tất cả là một. Thế nên khi Chúa phán: “Lúc đầu là Ngôi Lời”¹⁰¹ – nghĩa là đã, đang và sẽ có Ngôi Lời; vì trong thế giới của Thượng Đế không có thời gian. Thời gian treo lơ lửng trên chúng sinh chứ không phải trên Thượng Đế. Ví dụ, trong Lời cầu nguyện, Ngài nói: “Danh Cha cả sáng”; nghĩa là Danh ấy đã, đang và sẽ mãi sáng.¹⁰² Sáng, trưa và chiều là liên quan với trái đất, nhưng trong mặt trời không hề có sáng, trưa hoặc chiều.

40/ SỰ HIỂU BIẾT CỦA CÁC ĐÁNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG

Câu hỏi: Một trong những uy lực mà các Đấng Biểu hiện Thiên liêng có được là tri thức. Uy lực này có bị hạn chế không?

¹⁰⁰ Xem “*Linh hồn, Tinh thần và tâm trí*”, tr. 208

¹⁰¹ Xem *John 1:1*.

¹⁰² *Matt. 6:9; Luke 11:2*.

Trả lời: Tri thức có hai loại. Một là tri thức chủ quan và hai là tri thức khách quan – ý muốn nói một bên là tri thức trực giác và một bên là tri thức đạt được do nhận thức. Tri thức về sự vật mà loài người đạt được một cách phổ biến bằng suy ngẫm hoặc do bằng chứng – ý muốn nói hoặc bằng năng lực của trí tuệ quan niệm về một sự vật được tạo thành, hay do quan sát sự vật mà hình dạng được tạo ra trong tấm kính tâm hồn. Vòng tri thức này rất hạn chế vì nó tùy thuộc nỗ lực và sự thành đạt.

Nhưng loại tri thức thứ hai, đó là sự hiểu biết bản thể, là trực giác, giống như sự nhận biết và lương tri mà con người có được đối với bản thân.

Ví dụ, tâm trí và tinh thần con người nhận biết về các điều kiện và trạng thái của các chi thể và các thành phần hợp nên thân người, và ý thức về tất cả những cảm xúc về vật chất; cũng theo cách ấy, tâm trí và tinh thần ý thức về năng lực, cảm nghĩ và các tình trạng tâm linh. Đây là tri thức về bản thể mà con người ý thức và nhận biết, vì tinh thần bao trùm thân thể và biết được những cảm xúc và năng lực của mình. Tri thức này không phải là kết quả của nỗ lực và học tập. Nó là vật tự tồn; nó là một ân sủng tuyệt đối.

Bởi các Thực thể Siêu thoát, các Đấng Biểu hiện Tối cao của Thượng Đế, bao trùm bản thể và tánh chất của chúng sinh, vượt trên và chứa đựng các thực thể tự tồn và hiểu biết mọi sự, cho nên, tri thức của các Ngài là tri thức thiên thượng, chứ không phải do thủ đắc – ý muốn nói đó là hồng ân thiêng liêng; đó là mạc khải thiên thượng.

Chúng ta nêu lên một ví dụ rõ ràng vì mục đích giúp hiểu chủ đề này. Sinh vật cao quý nhất trên trái đất là con người. Nó bao gồm cả các giới khoáng vật, thực vật và động vật – nghĩa là, những điều kiện này được chứa đựng trong con người đến mức con người là sở hữu chủ các điều kiện và các trạng thái này; con người ý thức về những điều huyền nhiệm và những bí mật trong cuộc sinh tồn của các giới ấy. Đây chỉ là một ví dụ chứ không phải là một sự đối chiếu.

Tóm lại, các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng của Thượng Đế biết thực thể những điều huyền nhiệm của các sinh linh. Vì vậy, các Ngài thiết lập những luật phù hợp và ứng dụng được với trạng thái của thế giới loài người, vì tôn giáo là môi liên kết thiết yếu phát sinh từ thực thể sự vật. Đấng Biểu hiện, đó là Đấng ban bố Luật pháp Thiêng liêng – nếu không biết thực thể các sinh linh, thì sẽ không hiểu môi liên kết thiết yếu xuất phát từ thực thể sự vật, thì chắc chắn Ngài sẽ không thể thiết lập một tôn giáo phù hợp với các sự kiện và thích ứng với các điều kiện. Các Đấng Tiên tri của Thượng Đế; các Đấng Biểu hiện Tối cao, giống như những lương y tài giỏi, và thế giới này giống như thân thể con người: các qui luật thiêng liêng là phương thuốc và cách chữa trị. Thế nên, thầy thuốc phải có ý thức, phải biết mọi chi thể và bộ phận, cũng như sự cấu thành và trạng thái của bệnh nhân, để có thể kê toa thuốc đủ sức chống lại chất độc kịch liệt của căn bệnh. Trên thực tế thầy thuốc rút ra

từ căn bệnh cách chữa trị phù hợp với bệnh nhân, vì ông chẩn đoán căn bệnh, và sau đó kê toa thuốc để trị bệnh. Nếu bệnh không được phát hiện, làm sao có thể đưa ra phương thuốc và cách chữa trị? Cho nên thầy thuốc phải có sự hiểu biết thấu suốt về sự cấu tạo, các chi thể, các cơ quan và trạng thái của bệnh nhân, và phải biết tất cả các loại bệnh và tất cả các loại thuốc, để kê toa thuốc thích hợp.

Vậy tôn giáo là mối liên kết cần thiết xuất phát từ thực thể sự vật; và vì các Đấng Biểu hiện tối cao của Thượng Đế biết những điều huyền nhiệm của các sinh linh, vì vậy, các Ngài hiểu sự liên kết thiết yếu này, và nhờ tri thức này các Ngài thiết lập Luật của Thượng Đế.

41/ CÁC CHU KỲ HOÀN VŨ

Câu hỏi: Có lời giải thích thực sự nào về các chu kỳ hoàn vũ diễn ra trong thế giới sinh tồn?

Trả lời: Mỗi một thiên thể rực sáng trong bầu trời vô hạn này có một chu kỳ tiến hóa với độ dài khác nhau, và mỗi thiên thể vùn xoay trong quỹ đạo của nó, rồi lại bắt đầu một chu kỳ mới. Vậy trái đất, cứ mỗi 365 ngày, 5 giờ 48 phút thêm một chút, hoàn thành một vòng quay, rồi bắt đầu một chu kỳ mới – ý muốn nói, chu kỳ thứ nhất lại đổi mới. Cũng theo cách ấy, toàn thể vũ trụ, dù là các cõi trời hay loài người, đều có các chu kỳ chuyển biến lớn, với những diễn biến và sự việc quan trọng.

Khi một chu kỳ chấm dứt, thì một chu kỳ mới bắt đầu, và chu kỳ cũ với các sự kiện lớn đã diễn ra, hoàn toàn bị quên đi, không lưu lại một dấu vết hoặc sự ghi nhận nào. Như các con thấy, chúng ta không có sự ghi chép nào về hai mươi ngàn năm trước, dù trước đây chúng ta đã chứng minh bằng lý luận rằng sự sống trên trái đất này rất xưa cũ. Không phải là một trăm ngàn, hoặc hai trăm ngàn, hoặc một hai triệu năm trước; nó rất xưa cũ, mà các dấu vết và ghi nhận xưa đã hoàn toàn bị xóa mất.

Mỗi vị trong các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng cũng có một chu kỳ như thế, và trong chu kỳ ấy các luật và lệnh của Ngài thịnh hành và được thực thi. Khi chu kỳ của Ngài hoàn tất bởi sự xuất hiện của Đấng Biểu hiện mới, thì một chu kỳ mới bắt đầu. Theo cách này, các chu kỳ bắt đầu, kết thúc và đổi mới, cho đến khi một chu kỳ hoàn vũ hoàn thành trên thế giới, khi các diễn biến lớn và các sự kiện quan trọng sẽ thay thế, nó hoàn toàn xóa sạch mọi dấu vết và ghi nhận của quá khứ; rồi một chu kỳ hoàn vũ mới lại bắt đầu trên thế giới, vì vũ trụ này không có khởi thủy. Trước đây chúng ta đã nêu những luận cứ và bằng chứng liên quan đến chủ đề này; không cần phải lặp lại.

Tóm lại, chúng ta nói một chu kỳ hoàn vũ trên thế giới sinh tồn là để chỉ một thời gian dài, với vô số và vô biên thời kỳ và giai đoạn. Trong một chu kỳ

như thế các Đấng Biểu hiện xuất hiện trong cõi hữu hình cho đến khi một Đấng Biểu hiện vĩ đại và tối cao biến thế giới thành trung tâm tỏa hào quang của Ngài. Sự xuất hiện của Ngài làm cho thế giới đạt tới sự trưởng thành, và độ dài chu kỳ của Ngài rất rộng lớn. Sau đó, các Đấng Biểu hiện khác sẽ xuất hiện dưới bóng Ngài, những Đấng mà theo nhu cầu của thời đại sẽ đổi mới một số điều răn liên quan đến những sự việc và vấn đề vật chất, trong khi vẫn tồn tại dưới bóng Ngài. Chúng ta đang ở trong chu kỳ bắt đầu với Adam, và Đấng Biểu hiện tối cao của chu kỳ này là Đức Baha'u'llah.

42/ UY LỰC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐÁNG BIỂU HIỆN THIÊN LIÊNG

Câu hỏi: Uy lực và những điều hoàn hảo của các Ngôi báu Thực tại, các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế là đến mức nào và ảnh hưởng của các Ngài giới hạn ra sao?

Trả lời: Hãy xem thế giới sinh tồn – ý muốn nói là những thứ về vật chất. Hệ mặt trời tối tăm, và trong đó mặt trời là trung tâm ánh sáng, tất cả các hành tinh trong hệ thống này chuyển vận quanh mặt trời và nhận phần ân huệ của nó. Mặt trời là nguyên nhân sự sống và sự sáng, là phương tiện của sự tăng trưởng và phát triển của mọi sinh linh trong hệ mặt trời; vì nếu không có ân huệ của mặt trời thì sự sống không thể tồn tại: tất cả sẽ thành tối tăm và bị hủy diệt. Vì vậy, hiển nhiên và rõ ràng rằng mặt trời là trung tâm ánh sáng và tạo nên sự sống của các sinh linh trong hệ mặt trời.

Cũng theo cách ấy, các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế là trung tâm ánh sáng thực tại, là cội nguồn của mọi điều huyền nhiệm, và là hồng ân của tình yêu. Các Ngài tỏa hào quang trong thế giới tâm hồn và tư tưởng, và tuôn mưa hồng ân vĩnh cửu lên thế giới tinh thần. Các Ngài ban cho sự sống tâm linh và chiếu rọi bằng ánh sáng chân lý và ý nghĩa. Sự sáng ngời của thế giới tư tưởng đến từ các nguồn huyền nhiệm và các trung tâm ánh sáng này. Không có hồng ân từ hào quang và giáo huấn của các Đấng Thiên liêng này thì thế giới linh hồn và tư tưởng ắt phải mờ tối. Không có các giáo lý hoàn hảo của các nguồn huyền nhiệm này thì thế giới loài người ắt hóa thành đồng cỏ của tính khí và ham muốn thuộc loài vật, sự tồn tại của vạn vật hẳn thành hư ảo, và sẽ không có đời sống thực sự. Đó là lẽ tại sao Sách Phúc âm nói: “Ban đầu là Ngôi Lời”, có nghĩa Ngôi Lời là nguyên nhân của mọi sự sống.¹⁰³

Giờ hãy xét xem ảnh hưởng của mặt trời đối với các sinh linh trên trái đất, các dấu hiệu và kết quả gì sẽ trở nên hiển nhiên và rõ ràng từ sự đến gần hoặc rời xa, từ sự mọc lên và lặn xuống của mặt trời. Lúc này là mùa thu, lúc khác là mùa xuân, hoặc lại đến mùa hạ hay mùa đông. Khi mặt trời đi qua xích

¹⁰³ *John 1:1*

đạo, mùa xuân hiếu sinh trở nên rực rỡ hào quang, và khi nó vào hạ chí, thì các quả đạt tới đỉnh cao hoàn hảo, hạt và cây cho ta mùa màng, và các sinh linh trên trái đất sẽ đạt tới mức tăng trưởng và phát triển đầy đủ nhất.

Cũng theo cách ấy, khi các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, là mặt trời của thế giới tạo vật, chiếu rọi trên các thế giới tinh thần, tư tưởng, tâm hồn, bấy giờ mùa xuân tâm linh và sự sống mới xuất hiện, uy lực của mùa xuân diệu kỳ trở nên hiển hiện, và những lợi ích tuyệt vời thành rõ ràng. Như các con đã thấy, vào thời điểm xuất hiện mỗi Đấng Biểu hiện của Thượng Đế sự tiến bộ phi thường đã xảy ra trong thế giới tâm trí, tư tưởng và tinh thần. Ví dụ, trong thời đại thiêng liêng này, hãy thấy sự phát triển to lớn như thế nào đã đạt được trong thế giới tâm trí và tư tưởng, và bây giờ chỉ mới là bắt đầu rạng đông. Không bao lâu nữa các con sẽ thấy rằng những hồng ân mới và những giáo lý thiên thượng sẽ rọi sáng thế giới tối tăm này và sẽ biến các miền sâu thẳm này thành chốn địa đàng.

Nếu chúng ta giải thích các dấu hiệu và hồng ân của mỗi Đấng Biểu hiện Thiêng liêng thì sẽ quá dài. Hãy tự suy nghĩ và ngẫm ngợi, rồi các con sẽ đạt tới chân lý của chủ đề này.

43/ HAI ĐẲNG CẤP TIÊN TRI

Câu hỏi: Có bao nhiêu đẳng cấp Tiên tri?

Trả lời: Khắp hoàn vũ, các Đấng Tiên tri gồm hai đẳng cấp. Thứ nhất là các Đấng Tiên tri độc lập có các Đấng khác vâng theo; ngoài ra là các Đấng không độc lập mà vâng theo cấp thứ nhất.

Các Đấng Tiên tri độc lập là các Đấng ban bố luật pháp và thiết lập một chu kỳ mới. Nhờ sự xuất hiện của các Ngài, thế giới mặc áo mới, nền móng tôn giáo được thiết lập, và Thánh Kinh mới được mặc khai. Không qua trung gian, các Ngài nhận hồng ân từ Thực thể Thần tính, và sự giác ngộ của các Ngài là giác ngộ tất yếu. Các Ngài giống như mặt trời tự mình tỏa sáng: ánh sáng là quy luật tất yếu của mặt trời; mặt trời không nhận ánh sáng từ các ngôi sao khác. Những Đấng Bình minh buổi ban mai Thống nhất này là nguồn hồng ân và là những tấm gương của Tinh hoa Thực tại.

Các Đấng Tiên tri khác là những người vâng theo và là những người quảng bá, vì các Ngài là cành chứ không phải cây độc lập, các Ngài nhận hồng ân từ các Đấng Tiên tri độc lập, và các Ngài thọ lãnh ánh sáng Hướng dẫn của các Đấng Tiên tri hoàn vũ. Các Ngài giống như mặt trăng, không tự mình rạng ngời và tỏa sáng, nhưng nhận ánh sáng từ mặt trời.

Các Đấng Biểu hiện Ngôi Tiên tri hoàn vũ xuất hiện độc lập, ví như, Abraham, Moses, Christ, Muhammad, Báb và Bahá'u'lláh. Nhưng các Đấng

khác là những người vâng theo và quảng bá giống như Solomon, David, Isaiah, Jeremiah và Ezekiel. Vì các Đấng Tiên tri độc lập là Giáo tổ; các Ngài thiết lập tôn giáo mới và biến loài người thành chủng loại mới; các Ngài thay đổi đạo lý chung, đưa ra qui tắc và phong tục mới, canh tân chu kỳ và Luật pháp. Sự xuất hiện của các Ngài giống như mùa xuân, mặc áo mới cho tất cả sinh linh trên trái đất và ban cho các sinh linh sự sống mới.

Còn về cấp Tiên tri thứ hai là những người vâng theo, đây là những người quảng bá Luật pháp của Thượng Đế, làm cho tôn giáo của Thượng Đế được biết đến, và công bố Lời của Thượng Đế. Bản thân các Ngài không có uy lực và sức mạnh, ngoài những gì các Ngài nhận được từ các Đấng Tiên tri độc lập.

Câu hỏi: Đức Phật và Đức Khổng tử thuộc đẳng cấp Tiên tri nào?

Trả lời: Đức Phật thiết lập một tôn giáo mới, còn Đức Khổng tử chỉ canh tân đạo đức và các phẩm hạnh xưa, mà các cơ cấu của nó đã hoàn toàn bị hủy hoại. Tín ngưỡng và nghi lễ Phật giáo và Khổng học không còn được lưu truyền đúng với giáo lý căn bản. Đấng Sáng lập Phật giáo là một Linh hồn tuyệt vời. Ngài thiết lập Đơn Nhất Tính của Thượng Đế, nhưng về sau các nguyên lý gốc trong Giáo pháp của Ngài lần hồi biến mất, các phong tục và nghi lễ u tối xuất hiện và gia tăng cho đến cuối cùng thì rơi vào tình trạng thờ tượng ảnh.

Nay hãy xem, Đức Chúa thường nhắc lại rằng Mười Điều Răn trong Ngũ Kinh phải được tuân giữ, và Ngài nhấn mạnh rằng các điều răn đó phải được lưu truyền. Trong Mười Điều Răn có điều nói: “Không được thờ tượng ảnh.”¹⁰⁴ Và hiện nay một số nhà thờ Thiên chúa giáo tồn tại nhiều tượng ảnh. Vì vậy, rõ ràng và hiển nhiên là Tôn giáo của Thượng Đế không còn giữ những nguyên lý gốc trong dân chúng, nhưng đã lần hồi biến đổi cho đến khi các điều ấy bị hủy hoại và xóa bỏ. Vì điều này nên sự biểu hiện được canh tân, một tôn giáo mới được thiết lập. Nhưng nếu các tôn giáo không biến đổi, thì không cần có sự canh tân.

Ban đầu cái cây hoàn toàn tươi đẹp và đầy hoa quả, nhưng cuối cùng nó già đi và không sinh trái nữa, nó úa tàn và mục rã. Đây là tại sao Người làm vườn Chân chính lại trồng một cây non cùng giống cùng loài, ngày qua ngày nó mọc và phát triển, và tỏa bóng rộng trên ngôi vườn thiêng liêng và sinh quả diệu kỳ. Với tôn giáo cũng thế, theo thời gian nó thay đổi từ nền móng nguyên sơ, chân lý tôn giáo của Thượng Đế hoàn toàn biến đi, tinh thần tôn giáo cũng mất; sự ly giáo xuất hiện và nó trở thành cái xác không hồn. Đó là lẽ tại sao nó phải được canh tân.

¹⁰⁴ Xem Exod. 20:4-5; Deut. 5:8-9.

Ý nghĩa là giờ đây các phật tử và những nhà nho thờ tượng ảnh. Họ hoàn toàn không biết tới Đơn nhất tính của Thượng Đế và tin nơi các thần tượng tượng như người Hy Lạp xưa. Nhưng lúc đầu thì nó không phải như vậy; khi ấy có những nguyên lý khác và những phán lệnh khác.

Lại nữa, hãy xem các nguyên lý trong tôn giáo của Chúa đã bị quên đi nhiều như thế nào, và những dị giáo đã xuất hiện ra sao. Ví dụ, Chúa cấm báo thù và manh động; hơn nữa Ngài dạy phải lấy từ bi và bác ái để đáp lại sự gây hại và hung ác. Giờ hãy nghĩ xem, ngay trong các quốc gia Thiên chúa giáo bao nhiêu cuộc chiến tranh đẫm máu đã diễn ra, biết bao áp bức, bạo ngược, sự tàn phá và khát máu đã xảy đến! Nhiều cuộc chiến tranh còn được tiến hành theo lệnh các Giáo hoàng. Như vậy thật rõ ràng và hiển nhiên là theo thời gian các tôn giáo đã bị thay đổi và biến dạng hoàn toàn. Vì vậy, nó phải được canh tân.

44/ GIẢI THÍCH VỀ NHỮNG LỜI QUỶ TRÁCH CỦA THƯỢNG ĐẾ NHẢM VÀO CÁC ĐẢNG TIÊN TRI

Câu hỏi: Trong các Thánh Kinh có một số lời cảnh cáo và quở trách nhắm vào các Đảng Tiên tri. Những lời ấy dành cho ai, và ai bị cảnh cáo?

Trả lời: Tất cả những bài giảng thiêng liêng chứa đựng sự cảnh cáo, dù bề ngoài như nhắm vào các Đảng Tiên tri, nhưng thực tế là nhắm vào dân chúng, qua đức minh triết nguyên là bác ái tuyệt đối, để cho dân chúng không nản chí và buồn phiền. Vì vậy, bề ngoài những lời ấy như nói với các Đảng Tiên tri; tuy nhắm vào các Đảng Tiên tri, nhưng sự thật đó là những điều dành cho dân chúng chứ không phải cho các Đảng Tiên tri.

Hơn nữa, một vị vua độc lập và uy quyền tượng trưng cho cả nước: điều gì ông nói là lời nói của mọi người, và mọi hiệp ước mà ông ký kết là hiệp ước của mọi người, vì những ước mong và ham muốn của tất cả thần dân đều gom thành ước mong và ham muốn của ông. Cũng theo cách ấy, mỗi Đảng Tiên tri là tiêu biểu cho toàn thể dân chúng. Cho nên lời hứa và phán lệnh của Thượng Đế nói với Đảng ấy là nói với mọi người.

Nói chung, lời cảnh cáo và quở trách thường khá nghiêm khắc đối với dân chúng và có thể khiến tim họ tan vỡ. Cho nên Lượng Minh triết Hoàn hảo vận dụng hình thức diễn đạt này, như đã nêu rõ trong Kinh Thánh Torah, như ví dụ, khi con cái Israel chống lại Đức Moses và nói: “Chúng tôi không chống nổi dân Amalekite, vì họ hùng cường, mạnh mẽ và can đảm.” Bấy giờ Thượng Đế cảnh cáo Moses và Aaron, mặc dù Đức Moses hoàn toàn tuân tùng chứ không phản kháng. Chắc chắn một Nhân vật vĩ đại như thế, là Đảng Trung gian của Hồng ân Thiên thượng và Đảng Ban bố Luật pháp, chủ yếu phải vâng phục các phán lệnh của Thượng Đế.

Những Linh hồn Thánh thiện này giống như những chiếc lá cùng một cây được làm xao động do cơn gió thổi, chứ không phải do ý muốn riêng; vì các Ngài được lôi cuốn bởi làn gió tình yêu của Thượng Đế, còn ý chí của các Ngài thì tuyệt đối tuân tùng. Lời của các Ngài là Lời của Thượng Đế; phán lệnh của các Ngài là phán lệnh của Thượng Đế; điều cấm của các Ngài là điều cấm của Thượng Đế. Các Ngài là lòng cầu thủy tinh tiếp nhận ánh sáng từ ngọn đèn. Dù ánh sáng có vẻ như tỏa ra từ lòng cầu thủy tinh, sự thật nó được soi sáng bởi ngọn đèn. Cũng theo cách ấy, các Đấng Tiên tri của Thượng Đế, các trung tâm của sự biểu hiện, sự hoạt động hay ngừng nghỉ của các Ngài đều đến từ cảm ứng thiêng liêng, chứ không phải từ dự vọng của con người. Nếu không phải như thế, thì làm sao Đấng Tiên tri xứng đáng với sự tin tưởng, làm sao Ngài có thể là Đấng Sứ giả của Thượng Đế, ban truyền những phán lệnh và những điều cấm của Thượng Đế? Tất cả những khiếm khuyết được nêu trong các Thánh Kinh nhắm vào các Đấng Biểu hiện là nhắc tới những vấn đề thuộc loại này.

Thượng Đế thật đáng ca ngợi vì các con đã đến đây và đã gặp các tội tớ của Thượng Đế! Các con đã nhận ra nơi các Vị ấy điều gì ngoài hương thơm sự hài lòng của Thượng Đế? Hẳn nhiên là không. Các con đã thấy bằng chính mắt mình rằng ngày cũng như đêm các Ngài đều dốc lòng và cố gắng, các Ngài không có mục đích nào khác ngoài việc tôn vinh Lời của Thượng Đế, giáo dục loài người, nâng cao quần chúng, tạo sự tiến bộ tâm linh, quảng bá hòa bình thế giới, thiện chí giữa loài người, lòng từ ái đối với tất cả các nước. Tự hy sinh bản thân cho điều thiện của nhân loại, các Ngài tự dứt bỏ các lợi ích vật chất, và lao động để tạo đức hạnh cho loài người.

Giờ ta hãy trở lại với chủ đề. Ví dụ, trong Cựu ước, nơi Sách Ê-sai, chương 48, câu 12 có nói: “Hỡi Jacop và người Israel ta đã gọi, hãy nghe ta: Ta là Đấng đó; ta là đầu tiên và cũng là cuối cùng.” Hẳn nhiên, lời đó không có nghĩa Jacob là Israel, nhưng dân chúng của Israel. Cũng trong Sách Ê-sai, Chương 43, câu 1, có nói: “Bây giờ, hỡi Jacop! Đức Giê-hô-va là Đấng đã dựng nên ngươi, hỡi Israel! Ngài là Đấng đã tạo thành ngươi, phán như vậy: Đừng sợ, vì ta đã chuộc ngươi. Ta đã lấy tên ngươi gọi ngươi; ngươi thuộc về Ta.”

Ngoài ra trong Sách Dân số ký, chương 20, câu 23 có nói: “Đức Giê-hô-va phán cùng Moses và Aaron trên núi Hor, tại bờ cõi xứ Edom, mà rằng: Aaron sẽ về nơi tổ phụ mình, vì người không được vào xứ mà ta đã ban cho dân Israel đâu; bởi vì tại nước Meribah các ngươi đã bội nghịch điều răn ta.” và ở câu 13: “Ấy đó là nước của Meribah, tức là nơi dân Israel cãi trả cùng Đức Giê-hô-va; Ngài tự nên thánh trước mặt dân đó.”

Hãy xem đây: dân Israel phản nghịch, nhưng có vẻ như lời quở trách dành cho Moses và Aaron. Như đã có nói trong sách Phục truyền Luật lệ ký (Deuteronomy), chương 3, câu 26: “Nhưng Đức Giê-hô-va bởi có các ngươi,

nổi giận cùng ta, không nhận lời ta, nên phán rằng: Thôi, chớ còn nói về việc này cùng ta nữa.”

Ấy lời phán và sự quở trách này thực sự nhắm tới con cái Israel, do nghịch cùng phán lệnh của Thượng Đế, đã bị bắt giữ lâu dài trong sa mạc khô cằn, ở bên kia bờ sông Jordan, cho đến thời của Joshua – xin dâng lên Ngài lời chúc tụng. Lời phán và sự quở trách này có vẻ như nhắm tới Moses và Aaron, nhưng sự thật là nói tới dân Israel.

Cũng theo cách ấy trong Kinh Quran có phán cùng Đức Muhammad: “Quả thật, Ta ban cho người một thắng lợi rõ rệt. Để Allah tha thứ cho người tội lỗi của người trong quá khứ và trong tương lai.”¹⁰⁵ Lời phán này, dù có vẻ như nhắm vào Đức Muhammad, nhưng sự thật là nhắm vào tất cả dân chúng. Cách hành văn này, như đã nói từ trước, được sử dụng bởi lượng minh triết hoàn hảo của Thượng Đế, để cho tâm hồn dân chúng không bị buồn phiền, âu lo và ray rứt.

Các Đấng Tiên tri của Thượng Đế và Đấng Biểu hiện Tối thượng của Ngài trong khi cầu nguyện thường hay thú nhận tội lỗi của mình! Điều này chỉ nhằm mục đích giáo dục loài người, khuyến khích và khơi dậy nơi loài người đức khiêm tốn và nhu mì, khiến họ chịu thú nhận tội lỗi. Vì những Linh hồn Thánh thiện này hoàn toàn không mắc tội và thoát khỏi sự sai lầm. Trong Sách Phúc âm nói rằng có người đến với Đức Chúa gọi Ngài là Đấng Thầy trọn lành, Ngài đáp rằng: “Sao người gọi Ta là lành? Chỉ có một Đấng lành mà thôi, đó là Thượng Đế.”¹⁰⁶ Lạy Thượng Đế! Điều này không có nghĩa rằng Chúa là người tội lỗi; nhưng chủ tâm của Ngài là dạy sự vâng phục, hạ mình, nhu mì và khiêm tốn cho người mà Ngài trò chuyện. Các Đấng Thánh thiện này là những ngọn đèn, và đèn thì không hợp nhất với bóng tối. Các Ngài là sự sống. Sự sống và cái chết không thể hợp nhất. Các Ngài là sự hướng dẫn, và sự hướng dẫn không thể đi đôi với lầm lạc. Các Ngài là tinh hoa của sự tuân tùng, và tuân tùng không thể tồn tại cùng sự phản nghịch.

Tóm lại, những lời phán dưới dạng quở trách trong các Thánh Kinh, dù bề ngoài nhắm tới các Đấng Tiên tri – ý muốn nói nhắm tới các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế - nhưng thực ra là nhắm vào dân chúng. Điều này sẽ trở nên rõ ràng và hiển nhiên đối với các con khi các con nghiên cứu chín chắn các Thánh Kinh.

45/ ĐÁNG KHÔNG SAI LẦM TỐI ĐẠY, KHÔNG CÓ AI LÀ ĐỒNG SỰ VỚI NGÀI

¹⁰⁵ Xem *Qur'án* 48:1-2.

¹⁰⁶ *Matt.* 19:16, 17.

Đã có nêu trong câu thánh thi: “Không có ai là người đồng sự với Ngài là Đấng Bình minh Mặc khải trong on tối đại không sai lầm của Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Minh giải về ‘Thượng Đế làm bất cứ điều gì Ngài muốn’ trong vương quốc tạo vật. Hẳn nhiên Đấng Toàn năng đã dành cương vị này cho Ngài và không có ai được chia sẻ trong cương vị rất cao cả và chí tôn này.” (Trích Kitab i Aqdas)

Hãy biết rằng sự không sai lầm gồm hai loại: không sai lầm tất yếu và không sai lầm do thủ đắc. Cũng theo cách như ta có tri thức thiết yếu và tri thức do thủ đắc; với các danh và các đặc tính khác thì cũng đều như thế. Sự không sai lầm thiết yếu thuộc riêng về Đấng Biểu hiện Tối cao, vì đây là sự đòi hỏi tất yếu, và sự đòi hỏi tất yếu không thể tách rời khỏi chính sự vật. Các tia sáng là sự đòi hỏi tất yếu của mặt trời và không thể tách rời khỏi mặt trời. Sự hiểu biết là yêu cầu tất yếu của Thượng Đế và không thể tách rời khỏi Ngài. Uy lực là yêu cầu tất yếu của Thượng Đế và không thể tách rời khỏi Ngài. Nếu có thể tách rời khỏi Ngài, thì Ngài không còn là Thượng Đế. Nếu các tia sáng có thể tách rời khỏi mặt trời, thì nó không phải là mặt trời. Vì vậy, nếu ta tưởng tượng sự tách rời tính tối đại không sai lầm khỏi Đấng Biểu hiện Tối cao, thì Ngài sẽ bị thiếu những sự hoàn hảo tất yếu.

Nhưng sự không sai lầm do thủ đắc không phải là nhu cầu tự nhiên; trái lại, đó là một tia hồng ân của tính không sai lầm chiếu rọi từ Mặt Trời Chân lý lên các tâm hồn và ban cho sự chia sẻ và một phần chân lý lên các linh hồn. Dù các linh hồn này không có tính không sai lầm tất yếu, nhưng nó vẫn ở dưới on phò trợ của Thượng Đế - ý muốn nói, Thượng Đế che chở cho nó khỏi bị sai lầm. Như thế nhiều nhân vật thánh thiện dù không phải là chốn bình minh của Tính Tối đại Không sai lầm, cũng được gìn giữ và bảo vệ khỏi sự sai lầm dưới bóng che chở và giám hộ của Thượng Đế, vì các vị ấy là những đấng trung bửu hồng ân giữa Thượng Đế và nhân loại. Nếu Thượng Đế không bảo vệ các vị ấy khỏi sự sai lầm, thì sự sai lầm của các vị sẽ khiến các linh hồn tin tưởng rơi vào sai lầm, và như vậy thì nền móng Tôn giáo của Thượng Đế sẽ sụp đổ, tất nhiên sẽ không còn thích hợp hoặc xứng đáng là của Thượng Đế nữa.

Nói tóm lại: tính không sai lầm tất yếu đặc biệt thuộc về các Đấng Biểu hiện Tối cao, còn sự không sai lầm do thủ đắc thì được ban cho các linh hồn thánh thiện. Ví dụ, Tòa Công lý Quốc tế,¹⁰⁷ nếu được thiết lập dưới những điều kiện cần thiết – với các thành viên do tất cả dân chúng bầu lên – Tòa Công lý ấy sẽ ở dưới on phò trợ và sự hướng dẫn không sai lầm của Thượng Đế.

¹⁰⁷ *Tòa Công lý (Baytu'l-Adl) là cơ cấu do Đức Baha'u'llah tạo ra. Ngài nêu lên hai cấp của cơ cấu này: các Tòa Công lý Địa phương, chịu trách nhiệm ở mỗi thị trấn hoặc làng xã, và Tòa Công lý Quốc tế. Đức Abdul Baha, trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, đưa thêm vào cấp trung gian, là các Tòa Công lý Đệ nhị cấp. Tính không sai lầm chỉ được ban cho Tòa Công lý Quốc tế. Hiện nay, để nhấn mạnh các chức năng thuần tâm linh, các Tòa Công lý Địa phương và Đệ nhị cấp được gọi là các Hội đồng Tinh thần Quốc gia và Địa phương.*

Nếu Tòa Công lý ấy quyết định đồng thanh, hoặc theo đa số, về bất cứ vấn đề gì không được nêu trong Thánh Kinh, thì quyết định và phán lệnh ấy sẽ được bảo vệ khỏi sự sai lầm. Thế nên các ủy viên của Tòa Công lý, với tư cách cá nhân, không có tính không sai lầm tất yếu; nhưng cơ quan của Tòa Công lý thì ở dưới sự che chở và hướng dẫn của Thượng Đế: đây gọi là tính không sai lầm được ban cho.

Tóm lại, Đức Baha'u'llah nói rằng “Ngài, Đấng Bình minh Mặc khải của Chánh đạo Thượng Đế” là sự biểu hiện của lời này: “Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn”; điều kiện này chỉ thuộc về Đấng Thánh thiện ấy, còn những người khác thì không được chia phần trong sự hoàn hảo tất yếu này. Ý muốn nói rằng, vì các Đấng Biểu hiện Tối cao chắc chắn sở hữu tính không sai lầm tất yếu, vì vậy bất cứ điều gì tỏa ra từ các Ngài đều đồng nghĩa với chân lý, và phù hợp với sự thật. Các Ngài không ở dưới bóng luật pháp xưa. Bất cứ điều gì các Ngài nói đều là Lời của Thượng Đế, và bất cứ điều gì các Ngài thể hiện đều là hành động đúng đắn. Không tin đồ nào có quyền chỉ trích; điều kiện của tín đồ phải là sự vâng phục tuyệt đối, vì Đấng Biểu hiện đứng lên với sự khôn sáng hoàn hảo – thế nên bất cứ điều gì Đấng Biểu hiện tối cao nói và làm đều là sự khôn sáng hoàn hảo, và phù hợp với sự thật.

Nếu một số người không hiểu sự mâu thuẫn ẩn tàng trong các phán lệnh và hành động của Ngài, họ không được chống đối, vì Đấng Biểu hiện tối cao làm bất cứ điều gì Ngài muốn. Lắm khi thường xảy ra, khi một hành động được thể hiện bởi một người thông minh, hoàn hảo, khôn ngoan, mà những người khác không hiểu được sự minh triết trong đó họ chống đối điều ấy và bàng hoàng vì người khôn ngoan này có thể nói hoặc làm một điều như thế. Sự chống đối này đến từ sự u mê của họ, còn sự khôn ngoan của nhà hiền triết thì thuần khiết và thoát khỏi sai lầm.

Cũng theo cách ấy, một bác sĩ tài năng chữa trị cho bệnh nhân làm điều mình muốn, còn bệnh nhân thì không có quyền phản đối; bất cứ điều gì bác sĩ nói và làm đều đúng; mọi người phải xem ông là sự biểu hiện của lời này, “Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn, và truyền phán bất cứ điều gì Ngài thích.” Chắc chắn là vị bác sĩ sẽ sử dụng thứ thuốc trái với ý tưởng của những người khác; nhưng sự phản đối không được dành cho những người không có lợi thế về khoa học và y thuật. Không, nhân danh Thượng Đế! Trái lại, mọi người phải vâng phục làm bất cứ điều gì vị bác sĩ chuyên môn nói ra. Vì vậy, vị bác sĩ chuyên môn làm bất cứ điều gì mình muốn, và các bệnh nhân không được chia phần trong quyền này. Vị bác sĩ chuyên môn trước hết phải được xác định; nhưng khi chuyên môn của bác sĩ đã được xác định, thì ông làm bất cứ điều gì ông muốn.

Cũng như thế, khi người chỉ huy một đạo quân là vô song trong nghệ thuật quân sự, trong những điều ông nói và ban lệnh ông làm điều gì ông muốn. Khi người thuyền trưởng tài giỏi trong nghệ thuật hàng hải, trong bất cứ điều gì ông nói và truyền lệnh ông làm điều ông muốn. Và vì nhà giáo dục chân

chính là Người Hoàn hảo, trong bất cứ điều gì Người nói và truyền lệnh Người làm điều Người muốn.

Tóm lại, ý nghĩa câu “Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn” nghĩa là Đấng Biểu hiện nói điều gì, hoặc truyền phán lệnh, hoặc thể hiện một hành động, mà các tín đồ không hiểu được tính minh triết trong đó, họ không được chống đối, mà bằng tư tưởng phải tìm hiểu để biết vì sao Ngài nói như thế, hoặc tại sao Ngài làm như vậy. Các linh hồn khác ở dưới bóng của các Đấng Biểu hiện tối cao đều vâng phục những điều răn trong Luật pháp của Thượng Đế, và không được đi lệch dù chỉ một chân tơ kẽ tóc; họ phải uốn nắn hành động và lời nói của mình đúng với Luật pháp của Thượng Đế. Nếu làm sai lệch, họ sẽ phải nhận trách nhiệm và bị quả trách trước sự hiện diện của Thượng Đế. Chắc chắn là họ không được chia phần trong phép tắc “Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn”, vì điều kiện này chỉ thuộc về các Đấng Biểu hiện tối cao.

Thế nên, Đức Chúa – cầu xin tinh thần Ta được hy sinh cho Ngài! – là sự biểu hiện của lời này, “Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn”, nhưng các tông đồ không phải là người được chia phần trong điều kiện này, bởi khi các vị ấy ở dưới bóng của Đức Chúa, họ không thể đi lệch ra ngoài phán lệnh và ý chí của Ngài.

PHẦN 4 VỀ NGUỒN GỐC, NĂNG LỰC VÀ TÌNH TRẠNG CỦA CON NGƯỜI

46/ SỰ BIẾN DẠNG CỦA CHŨNG LOÀI

Giờ đây chúng ta xét đến vấn đề về sự biến dạng của chủng loài và sự phát triển hữu cơ – ý muốn nói tới điểm tìm hiểu xem liệu con người có tiến lên từ loài vật hay không.

Lý thuyết này có được sự tin tưởng trong tâm trí một số triết gia châu Âu, và hiện giờ rất khó làm cho người ta hiểu sự sai lầm của nó, nhưng trong tương lai nó sẽ trở nên hiển nhiên và rõ ràng, và các triết gia châu Âu tự họ sẽ nhận biết sự sai lầm của nó. Vì, quả thật, đây là một sự lầm lạc hiển nhiên. Khi con người nhìn các sinh linh bằng cái nhìn thấu suốt, và xem xét chín chắn những điều kiện sinh tồn, và khi thấy được tình trạng, tổ chức, và sự hoàn hảo của thế giới, người ấy sẽ xác tín rằng trong thế giới khả hữu không có cái gì tuyệt vời hơn những cái đang tồn tại. Đối với tất cả sinh linh hiện tồn, ở dưới đất cũng như trên trời, cùng với không gian vô hạn và những gì có trong đó, đều đã được tạo sinh, tổ chức, hợp thành, sắp xếp và hoàn thiện như nó phải có; vũ trụ không có sự khiếm khuyết, cho nên nếu mọi sinh linh đều trở thành trí thông minh thuần khiết và suy ngẫm đời đời, thì nó không sao có thể tưởng tượng ra cái gì tốt hơn cái đang tồn tại.

Tuy nhiên, nếu tạo vật trong quá khứ không được điểm tô bằng sự hoàn hảo tột cùng, thì cuộc sinh tồn là khiếm khuyết và vô nghĩa, và trong trường hợp này tạo vật đã là khiếm khuyết. Vấn đề này cần được xem xét với tư tưởng và sự chú tâm lớn nhất. Ví dụ, hãy tưởng tượng rằng thế giới vô thường này giống như một thân thể con người nói chung. Nếu sự hợp thành, tổ chức, sự hoàn hảo, vẻ đẹp và sự đầy đủ tồn tại trong thân người hiện nay khác với trước, thì nó là sự khiếm khuyết tuyệt đối.

Vâng, nếu chúng ta tưởng tượng ở một thời điểm nào đó khi con người thuộc thế giới loài vật, hoặc khi con người chỉ là một con vật, chúng ta sẽ thấy rằng cuộc sinh tồn là khiếm khuyết – ý muốn nói, bây giờ không có con người, thành viên chính yếu này, ở trong cơ thể thế giới giống như khối óc và tâm trí nơi con người, bây giờ còn thiếu. Thế giới lúc bây giờ là hoàn toàn khiếm khuyết. Như vậy chúng ta chứng tỏ rằng nếu đã có lúc khi con người ở trong thế giới loài vật, sự hoàn hảo của cuộc sinh tồn đã bị hủy hoại; vì con người là thành viên tuyệt vời nhất của thế giới này, và nếu thân thể đã không có thành phần chính này, thì chắc chắn nó đã không hoàn hảo. Chúng ta xem con người là thành viên tuyệt vời nhất, bởi vì trong số các sinh linh, con người là tổng thể của mọi sự hoàn hảo tồn sinh.

Khi nói về con người, chúng ta nói tới một người hoàn hảo, cá thể cao trội nhất trên thế giới, là tổng thể những điều hoàn hảo tâm linh và hiển hiện, giống như mặt trời giữa vạn vật. Rồi hãy tưởng tượng rằng đã có lúc mặt trời không hiện hữu, nhưng bây giờ nó chỉ là hành tinh, thì chắc chắn vào lúc ấy các mối quan hệ sinh tồn thật hỗn độn. Làm sao ta có thể tưởng tượng được một điều như thế? Đối với người quan sát thế giới sinh tồn Ta tưởng nói bấy nhiêu là đủ rồi.

Có một bằng chứng khác tinh tế hơn: Tất cả những vật vô cùng tận này tồn tại trên trái đất, bất kể là người, động vật, thực vật hay khoáng vật – bất kể nó là cái gì – chắc chắn mỗi vật ấy đều gồm nhiều yếu tố. Chắc chắn sự hoàn hảo này vốn có trong vạn vật được gây nên bởi cuộc sáng tạo của Thượng Đế từ những yếu tố hợp thành, theo sự pha trộn thích hợp và khối lượng cân xứng, cách tổng hợp, và ảnh hưởng của các vật khác. Vì vạn vật đều liên kết với nhau như một sợi xích, giúp đỡ qua lại, phụ trợ và tương tác thuộc về tính chất của các vật đều là nguyên nhân của sự sinh tồn, phát triển và tăng trưởng của các vật thọ tạo. Ta có thể xác nhận với chứng tích và bằng cứ rằng mọi vật tác động phổ biến trên các vật khác, hoặc tuyệt đối hoặc qua giao tiếp. Cuối cùng, sự hoàn hảo của mỗi cá thể – nghĩa là sự hoàn hảo mà ta đang thấy trong hoặc ngoài con người, liên quan đến các nguyên tử, các chi thể hoặc các năng lực – là do sự hợp thành của các yếu tố, tùy liều lượng, độ cân bằng, cách thức phối hợp, và ảnh hưởng hỗ tương. Khi tất cả những điều này hợp lại, thì con người xuất hiện.

Vì sự hoàn hảo của con người hoàn toàn tùy thuộc nơi sự kết hợp nguyên tử của các nguyên tố, theo liều lượng, phương pháp phối kết, với ảnh hưởng hỗ tương và tác động của các vật khác – như thế, từ khi con người được tạo nên mười hoặc trăm ngàn năm trước bởi những nguyên tố cát bụi này với cùng liều lượng và mức cân bằng, với phương pháp phối hợp và pha trộn giống như thế, với ảnh hưởng của các vật khác giống như thế, thì con người như thế xuất hiện lúc ấy cũng như bây giờ. Đây là điều hiển nhiên khỏi phải tranh cãi. Một ngàn triệu năm trước, nếu những yếu tố về con người được qui tụ lại và sắp xếp theo tỉ lệ đặc biệt này, và nếu các nguyên tố được phối hợp theo cùng phương pháp như thế, nếu nó được tác động bởi cùng ảnh hưởng như thế của các vật khác, chắc chắn con người như thế sẽ xuất hiện. Ví dụ, nếu sau một trăm ngàn năm, có dầu, lửa, tim đèn, cây đèn và người thắp đèn - tóm lại, nếu có tất cả các yếu tố hiện tồn tại, thì chắc chắn cây đèn như thế sẽ hiện hữu.

Đây là những sự kiện chung cuộc và hiển nhiên. Còn những lập luận mà các triết gia châu Âu này đã sử dụng tạo ra những bằng chứng đáng ngờ và không có tính chung cuộc.

47/ NGUỒN GỐC VŨ TRỤ VÀ TIẾN HÓA CỦA CON NGƯỜI

Hãy biết rằng đây là một trong những chân lý tâm linh trù tượng nhất rằng thế giới sinh tồn - ý muốn nói, vũ trụ vô cùng tận này – không có khởi thủy.

Chúng ta đã giải thích rằng các danh và đặc tính của Thần tính đòi hỏi sự tồn tại của vạn vật. Dù chủ đề này đã được giải thích chi tiết, chúng ta sẽ nói lại một cách vắn tắt. Hãy biết rằng một nhà giáo dục mà không có học trò là điều không thể tưởng tượng được; một quân vương mà không có thần dân không thể nào tồn tại; một người thầy không có người theo học không thể xác định được; một Đấng Sáng tạo mà không có tạo vật là điều bất khả; một nhà cung ứng mà không có người nhận không thể nhận thức được; vì tất cả các danh và các đặc tính thiêng liêng đòi hỏi phải có sự hiện hữu của vạn vật. Nếu chúng ta có thể tưởng tượng vào một thời điểm nào đó không có sự tồn tại của tạo vật, sự tưởng tượng này tức là sự chối bỏ Thần tính của Thượng Đế.

Hơn nữa sự tuyệt đối không hiện hữu không thể trở thành hiện hữu. Nếu tạo vật vốn tuyệt đối không hiện hữu, thì sự hiện hữu không thể xuất hiện. Bởi vậy, vì Bản thể của sự Thống nhất tức sự tồn tại của Thượng Đế là vĩnh cửu và trường tồn – ý muốn nói, sự tồn tại này không có khởi thủy hoặc chung cuộc – điều chắc chắn là thế giới sinh tồn này, vũ trụ vô biên này, không có khởi thủy hoặc chung cuộc. Vâng, có thể là một trong các phần của vũ trụ, ví dụ một trong những tinh cầu, có thể xuất hiện, hoặc bị phân rã, nhưng vô số các tinh cầu khác vẫn tồn tại; vũ trụ không hề bị đảo lộn hoặc hủy diệt. Trái lại, sự tồn tại là vĩnh viễn và thường hằng. Vì mỗi tinh cầu có một khởi thủy, nên thiết yếu nó có kết cuộc bởi vì mọi sự tổng hợp, tập thể hoặc riêng biệt, đều thiết yếu bị phân rã. Sự khác nhau chỉ là một số thì phân rã nhanh và số khác thì chậm, nhưng không thể nào có một vật tổng hợp mà cuối cùng không bị phân rã.

Vì vậy, điều thiết yếu là chúng ta nên biết rằng mỗi một vật sinh tồn quan trọng vào lúc khởi thủy – vì hiển nhiên là lúc bắt đầu căn nguyên chỉ là một. Căn nguyên của mọi con số là một chứ không phải là hai. Như thế hiển nhiên là lúc ban đầu vật chất là một, và một thứ vật chất ấy xuất hiện trên nhiều phương diện khác nhau trong mỗi nguyên tố. Thế nên các dạng khác nhau được tạo ra, và các phương diện khác nhau này khi được tạo ra đã trở nên vĩnh cửu, và mỗi nguyên tố là riêng biệt. Nhưng sự trường tồn này không cố định, và không đạt tới sự thể hiện và tồn tại hoàn hảo mãi đến một thời gian dài về sau. Rồi những nguyên tố này được tổng hợp, tổ chức, và tổng hợp trong vô số hình dạng; hoặc do nơi sự tổng hợp và pha trộn các nguyên tố này mà vô số sinh linh xuất hiện.

Sự tổng hợp và sắp xếp này, qua ơn minh triết của Thượng Đế và uy lực tiên thiên của Ngài, được tạo nên từ một tổ chức tự nhiên, vốn được tổng hợp và pha trộn bằng sức mạnh lớn nhất, phù hợp với ơn minh triết, và phù hợp với qui luật hoàn vũ. Từ đó ta thấy hiển nhiên rằng đây là sự sáng tạo của Thượng Đế, chứ không phải là một sự tổng hợp và sắp xếp ngẫu nhiên. Đây là lý do tại sao từ mọi sự tổng hợp tự nhiên một sinh linh có thể xuất hiện, nhưng từ

sự tổng hợp ngẫu nhiên không sinh linh nào có thể thành hình. Ví dụ, nếu một người nhờ vào tâm tưởng và trí thông minh của mình gộp nhặt một số nguyên tố và tổng hợp lại, thì một sinh linh sẽ không thể thành hình vì hệ thống ấy phản tự nhiên. Đây là lời giải đáp cho câu hỏi hàm ý rằng, vì các sinh linh được tạo thành do sự tổng hợp và trộn lộn các nguyên tố, thì tại sao chúng ta không thể gom nhặt các nguyên tố và trộn chúng với nhau, để tạo thành một sinh linh. Đây là một giả định sai lầm, vì căn nguyên của sự tổng hợp này là từ Thượng Đế, chính Thượng Đế là Đấng tạo ra sự tổng hợp, và điều này được thực hiện theo hệ thống tự nhiên, nên từ mỗi sự tổng hợp một sinh linh được tạo ra, và sự tồn tại của nó thành hiển hiện. Một sự tổng hợp do con người thực hiện không làm nên cái gì cả bởi vì con người không thể sáng tạo.

Tóm lại, chúng ta đã nói rằng từ sự tổng hợp và pha trộn các nguyên tố, từ sự phân rã, từ cân lượng, từ ảnh hưởng của các sinh linh khác trên nó, vô số sinh linh và vô lượng thực thể đã được tạo hình. Nhưng rõ ràng rằng, quả địa cầu này trong hình dạng hiện nay không phải xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng sự tồn tại phổ biến này lần hồi trải qua nhiều giai đoạn khác nhau cho đến khi nó được điểm tô bằng sự hoàn hảo hiện nay. Các sinh linh trong hoàn vũ giống như và có thể so sánh với các sinh linh cụ thể, vì cả hai đều tùy thuộc một hệ thống tự nhiên, một qui luật hoàn vũ và một tổ chức thiêng liêng. Thế nên các người sẽ thấy các nguyên tử nhỏ nhất trong hệ thống hoàn vũ đều giống với những sinh thể lớn nhất của vũ trụ. Rõ ràng là chúng bước vào cõi sinh tồn từ một phòng bào chế uy lực dưới một hệ thống tự nhiên và một qui luật hoàn vũ, vì vậy ta có thể so sánh chúng với nhau.

Như thế bào thai trong bụng mẹ lần hồi tăng trưởng và phát triển, xuất hiện trong những hình dạng và điều kiện khác nhau, cho đến khi vào mức độ mỹ lệ hoàn hảo nó đạt tới sự chín chắn và xuất hiện dưới dạng hoàn hảo với sự duyên dáng tột cùng. Và cũng theo cách ấy, hạt giống của cái hoa này mà các con thấy, vào lúc ban đầu là một vật vô nghĩa, rất nhỏ; rồi nó mọc lên và phát triển trong lòng đất, và sau khi xuất hiện dưới nhiều hình dạng khác nhau, nó đạt tới tình trạng này với sự duyên dáng và tươi mát hoàn hảo. Cũng theo cách ấy, hiển nhiên là quả địa cầu này, đã có sự tồn tại, tăng trưởng và phát triển trong lòng vũ trụ, rồi xuất hiện dưới nhiều dạng và tình trạng khác nhau, rồi lần hồi đạt tới sự hoàn hảo hiện nay, được điểm tô bằng vô số sinh linh, và xuất hiện như là một tổ chức hoàn chỉnh.

Như thế rõ ràng là vật chất nguyên thủy, trong trạng thái bào thai, rồi các nguyên tố trộn lộn và tổng hợp là những hình dạng ban đầu, lần hồi tăng trưởng và phát triển trong nhiều thời đại và chu kỳ, trải qua từ hình dạng này đến hình dạng khác, cho đến khi nó xuất hiện trong sự định hình này, tổ chức này, hệ thống này, nhờ ơn minh triết của Thượng Đế.

Chúng ta hãy trở lại với chủ đề là con người, lúc khởi thủy của cuộc sinh tồn ở trong lòng trái đất, giống như bào thai ở trong bụng mẹ, lần hồi tăng trưởng

và phát triển, trải qua từ hình thức này đến hình thức khác, từ dáng này đến dáng khác, cho đến khi nó xuất hiện với vẻ đẹp và sự hoàn hảo này, với sức mạnh này và với uy lực này. Điều chắc chắn là lúc ban đầu nó không có vẻ thanh lịch, duyên dáng và đáng yêu này, và chỉ qua từng cấp độ nó đạt tới hình thức này, dáng vẻ này, vẻ đẹp này và nét duyên dáng này. Hẳn nhiên là bào thai con người không xuất hiện tức khắc trong hình thức này; và bây giờ nó chưa trở nên biểu hiện của những lời “Vi vậy, phúc thay Đấng Thượng Đế, Đấng Sáng tạo ưu việt nhất trong các Đấng Sáng tạo.”¹⁰⁸ Lần hồi nó trải qua những điều kiện khác nhau và những dáng vẻ khác nhau, cho đến khi nó đạt tới hình thức và vẻ mỹ lệ này, sự hoàn hảo, vẻ duyên dáng và nét đáng yêu này. Như thế rõ ràng và khẳng định là sự phát triển và tăng trưởng của con người trên trái đất này, cho đến khi nó đạt tới sự hoàn hảo hiện nay, giống với sự phát triển và tăng trưởng của bào thai trong bụng mẹ; bởi những mức độ nó trải qua từ điều kiện này đến điều kiện khác, từ hình thức này đến hình thức khác, từ dáng vẻ này đến dáng vẻ khác, vì điều này là phù hợp với sự đòi hỏi của hệ thống hoàn vũ và Qui luật Thiên liêng.

Ý muốn nói, bào thai trải qua những trạng thái khác nhau và kinh qua nhiều cấp độ cho tới khi nó đạt tới hình thức trong đó nó biểu hiện những lời “Đáng ca ngợi thay Thượng Đế, Đấng Sáng tạo tuyệt vời nhất trong các Đấng Sáng tạo,” và cho đến khi các dấu hiệu của lý trí và sự già dặn xuất hiện. Và cũng theo cách ấy, sự tồn tại của con người trên trái đất, từ khởi thủy cho đến khi nó đạt tới trạng thái, hình thức và điều kiện này, thiết yếu trải qua một thời gian dài, và dịch chuyển qua nhiều cấp độ cho đến khi nó đạt tới điều kiện này. Nhưng từ bước đầu sự tồn tại của con người, nó đã là một loài riêng biệt. Cũng theo cách ấy, bào thai của con người trong bụng mẹ ngay lúc đầu trong một hình thức lạ lùng; rồi cơ thể này trải qua từ dáng vẻ này đến dáng vẻ khác, từ trạng thái này đến trạng thái khác, từ hình thức này sang hình thức khác, cho đến khi nó xuất hiện trong sự hoàn hảo và vẻ mỹ lệ tột cùng. Nhưng ngay khi ở trong bụng mẹ và trong hình thức lạ lùng, hoàn toàn khác với hình thức và hình ảnh hiện tại, nó đã là bào thai của một loại thượng đẳng, chứ không phải là loài vật; loài và bản chất của nó không bị đổi thay. Nay, nhìn nhận những dấu vết các cơ quan vốn đã biến mất thực sự vẫn tồn tại, đây không phải là bằng chứng về sự vô thường và sự thiếu tính nguyên thủy của chủng loài. Nhiều nhất nó chỉ chứng tỏ rằng hình thức, kiểu dáng và các cơ quan của con người đã tiến triển. Con người hằng là một loài riêng biệt, một con người, không phải là một con vật. Như thế nếu bào thai người trong bụng mẹ trải qua hình thức này đến hình thức khác đến nỗi hình thức thứ hai không giống với hình thức thứ nhất, đây có phải là bằng chứng rằng chủng loài đã thay đổi, rằng lúc đầu nó là một con vật, rồi các cơ quan của nó tiến hóa và phát triển cho đến khi nó trở thành con người? hẳn nhiên, không phải như thế. Ý tưởng này và tư tưởng này thật là trẻ con và vô căn cứ biết bao! Vì bằng chứng về tính nguyên thủy của loài người, và về sự thường hằng của bản thể con người, thật rõ ràng và hiển nhiên.

¹⁰⁸ *Qur'án 23:14*

48/ SỰ KHÁC BIỆT TỒN TẠI GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON VẬT

Chúng ta đã nói một vài lần về chủ đề tinh thần, nhưng lời chúng ta chưa được ghi chép lại.

Hãy biết rằng dân chúng thuộc về hai loại – nghĩa là họ gồm có hai thành phần. Một thành phần chối bỏ tinh thần và nói rằng con người cũng cùng một loài với động vật; vì họ nói: chúng ta há chẳng thấy rằng loài người và loài vật cùng chia sẻ những giác quan và năng lực giống nhau sao? Các nguyên tố bình thường, đơn lẻ này vốn đầy dẫy trong không gian đã được kết hợp bất tận, và từ mỗi sự kết hợp này, một vật thể được tạo hình. Trong số những vật thể này là vật sở hữu tinh thần, các năng lực và các giác quan. Sự kết hợp càng hoàn hảo, vật thể càng thêm cao quý. Sự kết hợp của các nguyên tố trong thân thể con người thì hoàn hảo hơn sự kết hợp trong bất cứ vật thể nào khác; nó pha trộn trong sự cân bằng tuyệt đối; vì vậy nó cao quý hơn và hoàn hảo hơn. Họ nói: “Không phải con người có năng lực đặc biệt và tinh thần mà con vật không có: con vật có thân thể cảm thụ, nhưng con người có một số năng lực nhạy cảm hơn, mặc dù, theo các giác quan bên ngoài, như nghe, thấy, nếm, ngửi, sờ và ngay cả một số năng lực bên trong như trí nhớ, con vật còn được phú cho dồi dào hơn con người.” Họ nói: “Con vật cũng có trí thông minh và sự nhận thức.” Họ chỉ nhìn nhận là trí thông minh của con người lớn hơn.

Đây là điều các triết gia hiện nay nói ra; đây là điều họ nói, là điều họ phỏng đoán, và trí tưởng tượng của họ phán như thế. Vậy là cùng với bằng chứng và lập luận mạnh mẽ họ bảo con người tiến lên từ loài vật, nghĩa là đã có lúc con người là con vật, rồi chủng loài biến đổi và lần hồi tiến lên trong trạng thái con người hiện nay.

Nhưng các nhà thần học nói: “Không, không phải như thế. Dù các năng lực và các giác quan bên ngoài của con người cũng chung như loài vật, nhưng một năng lực phi thường tồn tại nơi con người mà con vật không có. Các ngành khoa học, nghệ thuật, các phát minh, các ngành nghề và các khám phá về thực tại là kết quả của năng lực tinh thần. Đây là năng lực bao trùm vạn vật, hiểu được mọi thực thể, phát hiện tất cả những huyền nhiệm ẩn tàng của các sinh linh, và kiểm soát tất cả nhờ trí thức này. Nó còn nhận thức được cả các sự vật không tồn tại ở bên ngoài – nghĩa là các thực thể thuộc trí tuệ không thể cảm nhận, và nó không có sự tồn tại bên ngoài bởi vì người ta không thể thấy nó; như thế con người hiểu được tâm trí, tinh thần, những tính hạnh, tính chất, tình yêu và sự phiền muộn của con người, đều là những thực thể thuộc trí tuệ. Hơn nữa, các ngành khoa học hiện hữu, nghệ thuật, luật pháp và vô số phát minh của con người ở một thời điểm nào đó là những điều ẩn tàng, bí mật và vô hình; rồi chỉ có năng lực trùm khắp của con người phát hiện ra, rồi đưa nó từ cõi vô hình vào cõi hữu hình. Như điện báo, nghệ thuật

chụp ảnh, ghi âm và tất cả những phát minh và các nghệ thuật diệu kỳ như thế là bí mật và ẩn tàng ở một thời điểm nào đó. Con người phát hiện ra, rồi đưa chúng từ cõi vô hình vào cõi hữu hình. Thậm chí đã có lúc khi những tính chất của thời sắt này mà các con thấy – hẳn nhiên là tính chất của mọi khoáng vật – là những bí mật ẩn tàng; con người phát hiện khoáng vật này và tạo nó theo hình dạng công nghiệp này. Với tất cả những khám phá và phát minh khác của con người, nhiều vô kể, cũng đều như thế. Đây là điều chúng ta không thể bác bỏ.

Nếu chúng ta nói rằng đây là kết quả của những năng lực mà loài vật cũng có, và những năng lực của các giác quan thuộc thân thể, thì chúng ta thấy rõ ràng và hiển nhiên rằng loài vật mạnh hơn loài người, về những mặt này. Ví dụ, thị giác loài vật nhạy bén hơn thị giác loài người; năng lực khứu giác và vị giác của chúng cũng như thế. Tóm lại, trong những năng lực mà loài vật và loài người có chung, thì thường loài vật được mạnh mẽ hơn. Ví dụ, chúng ta thử xét về ký ức. Nếu các con mang một con bò câu đến một xứ xa, rồi thả nó ra, nó sẽ trở về, vì nó nhớ đường. Thử mang một con chó từ đây sang châu Á, thả nó ra, nó sẽ trở về đây và không bao giờ lạc đường. Với các năng lực khác như thính giác, thị giác, khứu giác, vị giác và xúc giác, thì cũng đều như thế cả. Như vậy rõ ràng rằng nếu nơi con người không có một năng lực nào vượt trội hơn các năng lực của loài vật, thì chúng hẳn hơn cả loài người về các phát minh và thấu hiểu thực tại. Như vậy, hiển nhiên là con người có một ân huệ mà con vật không có.

Thực vậy, con vật nhận biết các sự vật thuộc cảm quan nhưng không nhận biết những thực thể thuộc trí tuệ. Ví dụ, cái gì thuộc phạm vi nhãn quan của nó thì con vật thấy được, nhưng những gì vượt khỏi phạm vi thị giác thì nó không thể nào nhận biết, và nó không thể tưởng tượng ra. Như vậy con vật không thể nào hiểu được rằng trái đất hình quả cầu. Nhưng con người suy từ những điều đã biết, chứng minh được những điều chưa biết và phát hiện những sự thật mới lạ. Ví dụ, con người thấy chân trời uốn cong và từ đó suy ra địa cầu hình tròn. Ví dụ, Sao Bắc đẩu tại Akka ở cao 33 độ - nghĩa là nó ở trên chân trời 33 độ. Khi một người đi về cực Bắc, sao Bắc đẩu cao thêm một độ trên chân trời ứng với một độ khoảng cách mà người đó di chuyển – nghĩa là cao độ của Sao bắc đẩu sẽ lên dần 34 rồi 40, 60 rồi 70 độ. Nếu người đó đến tận cực Bắc thì cao độ của Sao Bắc đẩu sẽ là 90 hoặc đạt tới thiên đỉnh.

Sao Bắc đẩu và sự lên cao của nó là điều thuộc cảm quan. Khi người ta ở xa đi về cực Bắc, thì Sao Bắc đẩu càng lên cao; từ hai sự thật đã biết này, một sự thật chưa biết sẽ được phát hiện – nghĩa là, chân trời hình cong biểu thị rằng chân trời ở một độ này của trái đất khác với chân trời ở một độ khác. Con người nhận ra điều này và chứng minh một điều họ không thấy là trái đất có hình tròn. Điều này con vật không thể nhận biết được. Cũng theo cách ấy, nó không thể hiểu được mặt trời là trung tâm và trái đất quay quanh mặt trời. Con vật bị giới hạn và ràng buộc bởi các giác quan; những gì vượt ngoài giác quan, những điều mà giác quan không thể kiểm soát, con vật không bao

giờ hiểu, dù rằng các giác quan bên ngoài của nó mạnh mẽ hơn con người. Như vậy, người ta chứng minh và xác nhận rằng nơi con người có một sức mạnh khám phá nhờ đó nó khác biệt với loài vật, và sức mạnh này là tinh thần của con người.

Thượng Đế thật đáng ca ngợi! Con người luôn luôn hướng tới những tầm cao, khát vọng của con người thật cao cả, con người muốn vươn tới một thế giới lớn hơn cái thế giới trong đó họ đang sống, và vượt lên một phạm vi cao hơn phạm vi hiện tại của họ. Tính yêu thích sự cao cả là một trong những đặc điểm của con người. Ta thật kinh ngạc rằng một số triết gia ở châu Mỹ và châu Âu hài lòng với việc tiếp cận thế giới loài vật và như thế là bước lùi, bởi vì xu thế của cuộc sinh tồn phải là vươn lên sự cao cả. Dù vậy, nếu ta nói với một người trong số họ “Anh là con vật”, người ấy sẽ thấy cực kỳ tôn thương và tức giận.

Thật khác biệt biết bao giữa thế giới loài người và thế giới loài vật, giữa sự cao cả của con người và sự thấp kém của con vật, giữa những sự hoàn hảo của con người và sự u mê của con vật, giữa ánh sáng của con người và bóng tối của con vật, giữa vinh quang của con người và sự thua thiệt của con vật! Một em bé Á rập mười tuổi có thể điều khiển một vài trăm con lạc đà trong sa mạc, và giọng nói của em có thể dẫn chúng tiến tới hoặc đưa chúng trở lui. Một người Ấn Độ yếu đuối có thể điều khiển một con voi khổng lồ khiến con voi trở thành tôi tớ ngoan ngoãn nhất. Mọi sự đều được chế ngự bởi bàn tay con người; con người cưỡng lại thiên nhiên.

Tất cả các tạo vật khác đều tùy thuộc thiên nhiên; không một tạo vật nào có thể tách khỏi những đòi hỏi của thiên nhiên. Chỉ riêng con người cưỡng lại thiên nhiên. Thiên nhiên hút mọi vật thể vào trung tâm trái đất; con người dùng phương tiện cơ khí rời xa trái đất và vượt lên không trung. Thiên nhiên ngăn con người vượt biển; con người đóng tàu, thực hiện các cuộc hải hành, du lịch qua các đại dương, vân vân; chủ đề này bao la vô cùng. Ví dụ, con người lái các cỗ máy vượt núi và vượt các chốn hoang vu, và tập trung lại một chỗ tin tức về các sự kiện ở phương Đông và phương Tây. Tất cả các điều này đều trái với thiên nhiên. Đại dương dù bao la vẫn không thể xê xích khỏi luật tự nhiên dù chỉ bằng một nguyên tử; mặt trời với tất cả sự huy hoàng của nó cũng không xê xích khỏi luật tự nhiên dù chỉ nhỏ bằng chấm kim, và không bao giờ hiểu được điều kiện, tình trạng, tính chất, chuyển động và bản chất của con người. Vậy thì, sức mạnh nào nơi cơ thể nhỏ bé của con người bao trùm tất cả các điều này? Sức mạnh điều động mà nó vận dụng để chế ngự vạn vật là gì?

Còn một điểm cần bàn nữa. các triết gia hiện đại nói: “Chúng tôi không hề thấy tinh thần con người, bất chấp mọi tìm kiếm của chúng tôi vào các bí mật của thân thể con người, chúng tôi không thấy có sức mạnh tinh thần nào. Làm sao chúng ta có thể tưởng tượng ra một sức mạnh không thuộc giác quan?” Các nhà thần học Trả lời: “Tinh thần của động vật cũng không thuộc

giác quan, và qua các năng lực thể chất của nó, nó không thể nhận biết điều này. Vậy bằng cách nào các vị chứng minh sự tồn tại của tinh thần động vật? Hẳn nhiên là từ những tác động của nó, các vị chứng minh rằng trong động vật có một sức mạnh mà cây cối không có, đó là sức mạnh các giác quan – nghĩa là thị giác, thính giác và các giác quan khác; từ đó các vị suy ra rằng có một tinh thần động vật. Cũng vậy, từ những bằng chứng và những dấu hiệu chúng tôi đã nêu, chúng tôi biện luận rằng có tinh thần con người. Vì trong động vật có những dấu hiệu mà thực vật không có, các vị nói sức mạnh cảm giác này là tinh thần động vật; các vị cũng thấy nơi con người các dấu hiệu, sức mạnh và những sự hoàn hảo mà loài vật không có; vì vậy, các vị cho rằng có một sức mạnh nơi con người mà con vật không có.”

Nếu chúng ta muốn phủ nhận mọi sự không thuộc về giác quan, thì chúng ta phải phủ nhận những thực thể vốn hiển nhiên tồn tại. Ví dụ, vật chất tính Ê-te không thuộc giác quan, dù nó tồn tại hiển nhiên. Lực hấp dẫn không thuộc giác quan, dù nó hiển nhiên tồn tại. Chúng ta dựa vào cái gì để xác nhận những sự tồn tại này? Dựa vào các dấu hiệu của nó. Như thế ánh sáng này là sự rung động của vật chất tính Ê-te, và từ sự rung động này chúng ta suy ra sự tồn tại của Ê-te.

49/ SỰ TỒN TẠI VÀ TIẾN HÓA CỦA LOÀI NGƯỜI

Câu hỏi: Ngài nói gì về những giả thuyết mà một số triết gia châu Âu chủ trương về sự tiến hóa của loài người?

Trả lời: Chủ đề này đã được đề cập đến hôm nào rồi, nhưng chúng ta sẽ nói lại. Nói ngắn gọn. Vấn đề này sẽ được quyết định bằng cách tìm hiểu chủng loài này có nguồn gốc riêng hay không, nghĩa là, loài người được thiết lập từ nguyên thủy, hay sau này nó tiến lên từ loài vật?

Một số triết gia châu Âu nhất trí rằng chủng loài tăng trưởng và phát triển, và thậm chí còn có thể thay đổi, chuyển biến. Một trong các bằng chứng họ đưa ra cho lý thuyết này là qua nghiên cứu thâu thảo và kiểm chứng của khoa địa chất thì rõ ràng rằng sự tồn tại của thực vật có trước động vật, và động vật có trước con người. Họ nhìn nhận rằng cả thực vật và động vật đều thay đổi, và qua các địa tầng họ đã phát hiện những cây cối tồn tại xa xưa giờ đã tuyệt chủng, nó đã tiến triển, tăng thêm sức mạnh, hình thức và bề ngoài đã thay đổi, như thế là chủng loài đã thay đổi. Cũng theo cách ấy, trong các địa tầng có một số loài động vật đã thay đổi và biến dạng. Một trong những loài này là rắn. Có dấu hiệu cho thấy có lúc rắn đã có chân, nhưng qua thời gian các chi thể ấy đã biến mất. Cũng theo cách ấy, trong xương sống của con người có dấu chỉ về một bằng chứng rằng, giống như những động vật khác, con người đã có đuôi. Xưa có lúc chi thể ấy hữu dụng, nhưng khi con người phát triển và không dùng tới nó nữa, nó dần dần biến mất. Khi con rắn ẩn mình dưới đất và trở thành vật bò sát, nó không cần tới chân nữa, nên chân

biến mất, nhưng dấu vết của nó vẫn còn. Lập luận chủ yếu là thế này: sự tồn tại dấu vết về các chi thể chứng minh rằng các chi thể ấy đã tồn tại, nhưng nay không còn hữu dụng nữa nên nó lần hồi biến mất. Vì vậy, trong khi những chi thể hoàn hảo và cần thiết còn lại, các chi thể không cần thiết đã lần hồi biến mất, nhưng vẫn lưu lại dấu vết.

Câu trả lời thứ nhất cho lập luận này là sự kiện loài vật có trước loài người không phải là bằng chứng của sự tiến hóa, thay đổi và biến thiên của chủng loài, con người cũng không phải từ thế giới loài vật vươn lên thế giới loài người. Vì trong khi sự xuất hiện của các sinh vật khác nhau này là rõ ràng, có thể con người xuất hiện sau con vật. Vậy khi xem xét thế giới thực vật, ta thấy trái của các cây khác nhau không chín cùng một lúc không; trái lại, một số trái chín trước, một số khác chín sau. Sự chín trước này không thể chứng minh rằng trái chín của cây này là do trái chín trước của một cây khác.

Thứ hai, những dấu hiệu và vết tích mong manh này của các chi thể có thể bởi nguyên do quan trọng mà trí óc chưa nhận ra. Có biết bao vật tồn tại mà chúng ta không biết lý do! Như thế khoa sinh lý – ý muốn nói tri thức về sự thành hình các chi thể - ghi nhận rằng lý do và nguyên nhân sự khác nhau về màu sắc của động vật, về tóc người, về màu đỏ của môi, và sự đa dạng về màu sắc của chim, vẫn còn chưa ai biết – nó vẫn còn ẩn tàng và huyền bí. Nhưng người ta biết rằng màu đen con người của mắt là để thu hút các tia sáng mặt trời, vì nếu nó là một màu khác – nghĩa là toàn trắng – nó không thu hút các tia sáng mặt trời. Như vậy, khi lý do của những điều chúng ta nêu là chưa biết, có thể rằng lý do và sự khôn ngoan về vết tích các chi thể này, dù là nó ở nơi con vật hay nơi con người, thì cũng đều là chưa biết. Chắc chắn là có lý do, dù rằng người ta chưa biết.

Thứ ba là, giả sử có lúc khi một số động vật, hoặc thậm chí con người, có một số chi thể mà nay đã biến mất, thì đây không phải là bằng chứng vững chắc về sự thay đổi và tiến hóa của chủng loài. Đối với con người, từ khi bắt đầu thành thai cho đến khi đạt đến mức độ trưởng thành, trải qua nhiều hình thức và dáng vẻ khác nhau. Diện mạo, hình thức, dáng vẻ và màu sắc thay đổi; con người trải qua từ hình thức này đến hình thức khác, từ dáng vẻ này đến dáng vẻ khác. Tuy nhiên, ngay từ giai đoạn đầu bào thai con người là con người – ý muốn nói bào thai là con người chứ không phải là con vật.

Ví dụ, giả sử có lúc con người giống con vật, nay nó đã đạt tiên bộ và thay đổi. Giả sử như đây là sự thật, thì nó cũng phải là bằng chứng về sự thay đổi chủng loài. Không, như đã nói ở trước, nó chỉ giống sự thay đổi và biến thiên của bào thai con người cho đến khi nó đạt trình độ của lý trí và sự hoàn hảo. Ta sẽ nói thêm cho rõ hơn. Giả sử như có lúc con người đi bằng tay và chân, hoặc có đuôi; thì sự thay đổi và biến thiên này cũng giống như sự thay đổi của bào thai trong bụng mẹ. Dù nó thay đổi bằng mọi cách, tăng trưởng và phát triển cho đến khi đạt tới hình thức hoàn hảo, từ đầu nó vẫn là một loài riêng biệt. Chúng ta cũng thấy trong thế giới thực vật rằng loài nguyên thủy

của giống không thay đổi và biến thiên, nhưng hình thức, màu sắc và độ lớn sẽ thay đổi và biến thiên, hoặc thậm chí đạt tiên bộ.

Tóm lại, như con người trong bụng mẹ trải qua từ hình thức này đến hình thức khác, từ dạng này đến dạng khác, thay đổi và phát triển, thì vẫn là loài người từ khởi đầu thời kỳ bào thai – cũng theo cách ấy, con người từ bước đầu tồn tại trong lòng thế giới, cũng là một chủng loài riêng biệt – đó là con người – và đã lần hồi tiến hóa từ hình thức này đến hình thức khác. Vì vậy, sự thay đổi hình dáng này, sự tiến hóa này của các chi thể, sự phát triển và tăng trưởng này, cho dù chúng ta thừa nhận sự thật về tăng trưởng và tiến bộ, thì cũng không cản trở chủng loài vốn từ nguyên thủy. Con người từ ban đầu đã có hình thức và sự cấu thành hoàn hảo này, đã sở hữu khả năng và bản tính thủ đắc những sự hoàn hảo vật chất và tinh thần, và là biểu hiện của lời này, “Chúng Ta sẽ tạo nên con người theo hình ảnh và giống với Chúng Ta.” Con người chỉ trở nên dễ thương hơn, đẹp đẽ hơn và duyên dáng hơn. Văn minh đã đưa con người ra khỏi tình trạng hoang dã, giống như những quả dại được người làm vườn vun trồng trở thành đẹp hơn, ngọt hơn và có thêm sự tươi mát và ngon lành.

Các nhà làm vườn tạo nên thế giới nhân loại là các Đấng Tiên tri của Thượng Đế.

50/ NHỮNG BẰNG CHỨNG TÂM LINH VỀ NGUỒN GỐC CON NGƯỜI

Những bằng chứng chúng ta đã đưa ra về nguồn gốc con người đều là bằng chứng luận lý học. Giờ đây chúng ta đưa ra những bằng chứng tâm linh vốn thiết yếu. Vì, như chúng ta đã chứng minh Thần tính bằng lập luận logic, và cũng đã chứng minh bằng luận lý học rằng con người tồn tại từ nguyên thủy và nên tảng là con người, và loài này tồn tại từ vô thủy, nay chúng ta sẽ thiết lập bằng chứng tâm linh rằng sự tồn tại của con người – nghĩa là loài người – là tồn tại thiết yếu, và rằng nếu không có con người thì những điều hoàn hảo của Thần tính không thể xuất hiện. Nhưng đây là những bằng chứng tâm linh, chứ không phải là bằng chứng luận lý.

Chúng ta đã nhiều lần chứng minh và thiết lập rằng con người là sinh linh cao cả nhất, là tổng thể mọi sự hoàn hảo, và rằng tất cả sinh linh và tất cả các vật sinh tồn là những trung tâm từ đó vinh quang của Thượng Đế phản chiếu ra – ý muốn nói những dấu hiệu của Thần tính Thượng Đế hiển hiện trong thực thể tạo vật và chúng sinh. Giống như địa cầu là nơi những tia sáng mặt trời phản chiếu – vì ánh sáng, sức nóng và ảnh hưởng của nó hiển hiện và thấy được trong tất cả những nguyên tử của trái đất, cho nên, cũng theo cách ấy, các nguyên tử của các sinh linh, trong không gian vô hạn, tỏ rõ và biểu lộ một trong những điều hoàn hảo thiêng liêng. Không vật gì bị tước mất ân huệ

này; dù nó chỉ là một dấu hiệu hồng ân của Thượng Đế, hay nó là một dấu hiệu uy lực của Ngài. Sự vĩ đại, sự công bằng, ơn dưỡng dục của Ngài; hoặc nó là một dấu hiệu lượng bao dung của Thượng Đế, sự thấy, sự nghe, ân sủng của Ngài, và vân vân.

Chắc chắn mỗi sinh linh là một trung tâm về sự chiếu rọi vinh quang của Thượng Đế - ý muốn nói những điều hoàn hảo của Thượng Đế xuất hiện từ đó và ngời sáng trong đó. Giống như mặt trời, rực sáng trong sa mạc, trên biển, trong cây cối, trong những quả và hoa, và trong mọi vật trên trái đất. Thế giới, hẳn nhiên mỗi vật sinh tồn, báo cho chúng ta một trong các danh của Thượng Đế, nhưng thực thể con người là thực thể tổng hợp, thực thể bao quát, và là trung tâm nơi đó vinh quang tất cả những sự hoàn hảo của Thượng Đế chiếu rọi - ý muốn nói, đối với mỗi danh, mỗi đặc tính, mỗi sự hoàn hảo mà chúng ta xác nhận về Thượng Đế đều tồn tại một dấu hiệu nơi con người. Nếu chẳng phải thế, con người không thể nào tưởng tượng ra những điều hoàn hảo này và không thể hiểu nó. Thế nên chúng ta nói rằng Thượng Đế là Đáng Thấy, và con mắt là dấu hiệu sự thấy của Ngài; nếu sự thấy này không có nơi con người, làm sao chúng ta tưởng tượng được sự thấy của Thượng Đế? Vì người mù (nghĩa là người mù từ lúc sinh ra) không tưởng tượng được sự thấy, và người điếc (nghĩa là điếc từ khi sinh ra) thì không tưởng tượng được sự nghe, và người chết không thể ý thức sự sống.

Như thế, Thần tính của Thượng Đế, là tổng thể của mọi sự hoàn hảo, phản chiếu nơi thực thể con người - ý muốn nói, Tinh hoa Thống nhất là sự qui tụ tất cả những điều hoàn hảo, và từ sự thống nhất này Ngài phóng phản quang lên thực thể con người, bấy giờ là tấm gương hoàn hảo hướng về Mặt trời Chân lý và là trung tâm phản quang: Mặt trời Chân lý chiếu rọi trong tấm gương này. Sự phản chiếu những điều hoàn hảo thiêng liêng xuất hiện trong thực thể con người, nên con người là đại diện của Thượng Đế, là sứ giả của Thượng Đế. Nếu con người không tồn tại, thì vũ trụ không có kết quả gì, vì đối tượng tồn tại là sự xuất hiện những điều hoàn hảo của Thượng Đế. Vì vậy, ta không thể nói có thời điểm con người không hiện hữu. Tất cả những gì chúng ta có thể nói là quả địa cầu này có lúc không hiện hữu, và ngay lúc khởi thủy của địa cầu con người không xuất hiện trên đó.

Nhưng từ lúc bắt đầu không có khởi thủy, cho tới lúc cuối không có chung cuộc, Đáng Biểu hiện Hoàn hảo luôn luôn tồn tại. Người mà chúng ta nói đến đây không phải là mọi người, chúng ta hàm ý là Người Hoàn hảo. Vì phần cao quý nhất của cây là quả, đó là lý do tồn tại của cây. Nếu cây không có quả, nó không có ý nghĩa. Vì vậy, không thể nào tưởng tượng rằng các thể giới sinh tồn, dù là các ngôi sao hay trái đất, có lúc có sự cư ngụ của lừa, bò, chuột, mèo, mà không có con người! Sự giả định này là sai lầm và vô nghĩa.

Lời của Thượng Đế rõ ràng như mặt trời. Đây là bằng chứng tâm linh, nhưng là bằng chứng lúc đầu không thể đem lại lợi ích cho những người duy vật.

Trước hết chúng ta nói về những bằng chứng theo luận lý, rồi mới tới bằng chứng tâm linh.

51/ KHI NÀO TINH THẦN VÀ TÂM TRÍ CON NGƯỜI XUẤT HIỆN

Câu hỏi: Ngay từ đầu con người đã có tinh thần và tâm trí, hay đó là kết quả của sự tiến hóa?

Trả lời: Bước đầu cuộc sinh tồn của con người trên địa cầu giống như sự hình thành của nó trong bụng mẹ. Thai nhi trong bụng mẹ phát triển và tăng trưởng lần hồi cho đến khi sinh ra, sau đó nó tiếp tục tăng trưởng và phát triển cho đến khi đạt đến tuổi cần trọng và trưởng thành. Dù lúc sơ sinh các dấu hiệu của tâm trí và tinh thần xuất hiện nơi con người, nhưng nó chưa đạt đến mức hoàn hảo; nó còn khiếm khuyết. Chỉ khi con người đạt đến sự trưởng thành, tâm trí và tinh thần mới xuất hiện và trở thành hiển nhiên trong sự hoàn hảo tột cùng.

Như thế, sự tạo thành con người trong lòng thế giới cũng vậy lúc đầu giống với bào thai lần hồi tiến lên trong sự hoàn hảo, rồi tăng trưởng và phát triển cho đến khi đạt tới trạng thái trưởng thành, khi tâm trí và tinh thần trở thành hiển hiện trong sức mạnh lớn nhất. Bước đầu của sự hình thành tâm trí và tinh thần cũng tồn tại, nhưng nó tiềm ẩn; về sau nó mới biểu hiện. Ở trong lòng thế giới, tâm trí và tinh thần cũng tồn tại trong dạng bào thai, nhưng ẩn khuất; sau đó mới hiển hiện. Trong hạt giống, cái cây cũng tồn tại y như vậy, nhưng nó còn ẩn tàng và lẫn khuất; khi nó phát triển và tăng trưởng, toàn bộ cái cây xuất hiện. Cũng theo cách ấy, sự tăng trưởng và phát triển của mọi vật đều từ từ; đây là tổ chức thiên thượng hoàn vũ và hệ thống tự nhiên. Hạt giống không đột nhiên trở thành cái cây; thai nhi không đột nhiên trở thành người lớn; khoáng chất không đột nhiên trở thành tảng đá. Không, tất cả đều từ từ tăng trưởng và phát triển và đạt tới giới hạn hoàn hảo.

Vạn vật, dù lớn hay nhỏ, đều được tạo nên hoàn hảo và đầy đủ ngay từ đầu, nhưng sự hoàn hảo xuất hiện theo từng cấp độ. Tổ chức của Thượng Đế là một; sự tiến hoá của cuộc sinh tồn là một; hệ thống thiên thượng là một. Dù đó là những sinh vật lớn hay nhỏ, tất cả đều tùy thuộc một qui luật và hệ thống. Trong mỗi hạt giống ngay từ đầu có tất cả những sự hoàn hảo của thực vật. Ví dụ, trong hạt giống tất cả những sự hoàn hảo của thực vật tồn tại ngay từ đầu, nhưng không hiển hiện; sau đó nó xuất hiện từng chút một. Bắt đầu mầm hiện ra từ hạt giống, rồi đến cành, lá, hoa và quả; nhưng ngay từ đầu sự tồn tại của tất cả các thứ ấy đều có trong hạt giống một cách tiềm tàng, chứ không hiển hiện. Theo cách ấy, ngay từ đầu bào thai có tất cả những sự hoàn hảo, như tinh thần, tâm trí, thị giác, khứu giác, vị giác – tóm lại, có tất cả các năng lực – nhưng nó không hiển hiện và chỉ thấy được từng cấp độ.

Cũng thế, địa cầu được tạo nên từ đầu với tất cả các yếu tố, chất liệu, khoáng chất, nguyên tử và sinh thể; nhưng những thứ này chỉ xuất hiện từng cấp độ: trước hết là khoáng vật, đến thực vật, sau đó động vật, và cuối cùng là người. Nhưng ngay từ ban đầu các giống và loài này đã tồn tại, nhưng chưa phát triển trên địa cầu, rồi chỉ hiện ra từ từ. Vì tổ chức tối cao của Thượng Đế, và hệ thống tự nhiên hoàn vũ bao quanh vạn vật, và tất cả đều tùy thuộc qui luật này. Khi xem xét hệ thống hoàn vũ này, ta thấy rằng không một sinh vật nào ngay từ đầu cuộc sinh tồn đạt tới giới hạn của sự hoàn hảo. Không, nó tăng trưởng và phát triển từ từ, rồi mới đạt tới cấp độ hoàn hảo.

52/ SỰ XUẤT HIỆN CỦA TINH THẦN TRONG THÂN THỂ

Câu hỏi: Đâu là tính minh triết của việc tinh thần xuất hiện trong thân thể?

Trả lời: Tính minh triết của việc tinh thần xuất hiện trong thân thể là như thế này: tinh thần con người là một sự Ủy thác thiêng liêng, và nó phải trải qua tất cả các điều kiện, vì sự trải qua và chuyển vắn qua các điều kiện của cuộc sinh tồn sẽ là phương tiện để nó đạt được những sự hoàn hảo. Thế nên khi một người du lịch và trải qua khắp các miền khác nhau và nhiều nước một cách có hệ thống và phương pháp, chắc chắn đó là phương tiện để nó đạt được sự hoàn hảo, vì nó sẽ thấy những nơi chốn, những quang cảnh và các nước, từ đó nó phát hiện những điều kiện và tình trạng của các nước khác. Như thế nó sẽ trở nên quen thuộc với địa lý các nước cùng với các kỳ quan và nghệ thuật của các nước đó, nó sẽ làm quen với phong tục, tập quán và cách hành xử của các dân tộc; nó sẽ thấy các nền văn minh và sự tiến bộ của thời đại, nó sẽ thông thạo chính sách của các chính phủ, cùng với sức mạnh và khả năng của mỗi nước. Cũng như thế khi tinh thần con người trải qua các điều kiện của cuộc sinh tồn, nó sẽ đạt được từng mức độ và cương vị. Dù ở trong điều kiện của thân thể chắc chắn nó cũng sẽ đạt được những điều hoàn hảo.

Ngoài điều này, cũng có sự cần thiết là các dấu hiệu về sự hoàn hảo của tinh thần phải hiển hiện trên thế giới, để cho thế giới tạo vật có thể phát sinh những kết quả không cùng, và thân thể này có thể nhận được sự sống và biểu hiện những hồng phúc thiên thượng. Ví dụ, như những tia sáng của mặt trời phải chiếu rọi trên trái đất, và sức nóng mặt trời mới làm phát triển các sinh vật của trái đất. Nếu những tia sáng và sức nóng của mặt trời không chiếu rọi trên trái đất, thì trái đất sẽ không có vật cư trú và thành vô nghĩa; và sự phát triển của nó phải bị trì trệ. Cũng theo cách ấy, nếu những sự hoàn hảo của tinh thần không xuất hiện trên thế giới này, thì thế giới này sẽ không sáng lạng và tuyệt đối thô lậu. Nhờ sự xuất hiện của tinh thần trong thân thể, thế giới thành tươi sáng. Như tinh thần của con người là nguyên nhân sự sống của thân thể, thế giới cũng ở trong điều kiện của thân thể, và con người ở trong điều kiện của tinh thần. Nếu không có con người, thì những sự hoàn

hảo của tinh thần không xuất hiện, và ánh sáng tâm trí không rạng ngời trên thế giới. Thế giới này sẽ như thân thể không có linh hồn.

Thế giới này cũng ở trong điều kiện của một cây ăn trái, và con người là trái; không có trái, thì cây thành vô dụng.

Hơn nữa, những chi thể này, những yếu tố này, sự hợp thành này, được nhận thấy trong sinh thể con người, là một sự hấp dẫn và là nam châm cho tinh thần, chắc chắn rằng tinh thần sẽ xuất hiện trong đó. Như tấm gương thật trong chắc chắn sẽ thu hút những tia sáng mặt trời. Nó sẽ thành rực sáng, và những hình ảnh tuyệt vời sẽ xuất hiện trong đó – nghĩa là khi những yếu tố tồn tại này được kết hợp theo luật tự nhiên, với sức mạnh hoàn hảo, nó sẽ trở thành nam châm cho tinh thần, và tinh thần sẽ hiển hiện trong đó với tất cả những sự hoàn hảo của nó.

Với những điều kiện này ta không thể nói, “Sự cần thiết nào khiến các tia sáng mặt trời hiện xuống nơi tấm gương?” – vì sự gắn kết vốn tồn tại giữa thực thể các sự vật, dù nó là tinh thần hay vật chất, đòi hỏi rằng khi tấm gương sạch và hướng về mặt trời, thì ánh sáng mặt trời phải xuất hiện trong đó. Cũng theo cách ấy, khi những yếu tố đã được sắp xếp và kết hợp trong một hệ thống, tổ chức và cách thức vinh quang nhất, thì tinh thần con người sẽ xuất hiện và hiển hiện trong đó. Đây là phán lệnh của Đấng Hùng mạnh, Đấng Minh triết.

53/ MỐI LIÊN HỆ GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ TẠO VẬT

Câu hỏi: Tính chất mối liên hệ giữa Thượng Đế và tạo vật – ý muốn nói giữa Đấng Tối cao, Độc lập, và các sinh linh khác, là gì?

Trả lời: Mối liên hệ giữa Thượng Đế và tạo vật là mối liên hệ giữa Đấng Tạo dựng và vật do Ngài tạo dựng. Mặt trời trong bản thể của nó là độc lập đối với các hình thể mà nó chiếu sáng, vì ánh sáng của nó là ở trong tự thân nó, nó hoàn toàn tự do và độc lập đối với địa cầu; như thế trái đất ở dưới ảnh hưởng của mặt trời và nhận ánh sáng của mặt trời, vì mặt trời và các tia sáng của nó hoàn toàn độc lập đối với trái đất. Nếu không có mặt trời, thì trái đất và mọi sinh linh trần thế không thể tồn tại được.

Sự tùy thuộc của tạo vật đối với Thượng Đế là sự tùy thuộc về tỏa chiếu – ý muốn nói các sinh linh tỏa chiếu từ Thượng Đế, chứ nó không biểu hiện chính Ngài. Mối liên hệ này là sự tỏa chiếu (emanation) chứ không phải là sự biểu hiện (manifestation). Ánh sáng của mặt trời tỏa chiếu từ mặt trời; nó không biểu hiện mặt trời. Sự xuất hiện qua tỏa chiếu giống như sự xuất hiện của các tia sáng từ tinh tú trên các chân trời thế giới – nghĩa là tinh hoa thiêng liêng của Mặt trời Chân lý không phân thân và không giáng xuống trái đất.

Không, các tia sáng mặt trời, là hồng phúc của nó, tỏa chiếu từ nó và soi sáng những hình thể tối.

Nhưng sự xuất hiện do biểu hiện là sự biểu hiện của các cành; lá; hoa; và quả từ hạt giống; vì hạt giống trong chính bản thể của nó trở thành cành và quả; và thực thể của nó đi vào cành, lá và quả. Sự xuất hiện qua biểu hiện đối với Thượng Đế, Đáng Tối cao, là hoàn toàn thiếu hoàn hảo; và điều này không thể xảy ra, vì nó ngụ ý rằng Đáng Tiên hữu Tuyệt đối mang những đặc tính thuộc hiện tượng. Nếu quả như thế, thì sự độc lập thuần túy sẽ trở thành sự nghèo nàn hoàn toàn; và sự tồn tại thực sự sẽ là sự không tồn tại, điều này không thể có được.

Như vậy, tất cả chúng sinh đều chiếu tỏa từ Thượng Đế - nghĩa là, chính bởi Thượng Đế mà vạn vật hiển hiện; và bởi Ngài mà tất cả vạn vật đạt tới sự tồn tại. Vật đầu tiên chiếu tỏa từ Thượng Đế là thực thể hoàn vũ ấy, mà các triết gia xưa mệnh danh là “Tâm trí Đầu tiên”, mà con dân Đáng Baha gọi là “Ý chí Thứ nhất”. Sự chiếu tỏa này, liên quan đến hoạt động của nó trong thế giới của Thượng Đế; không bị giới hạn bởi thời gian và không gian; nó không có bắt đầu và không có chung cuộc – sự bắt đầu và chung cuộc liên quan với Thượng Đế chỉ là một. Sự tiên hữu của Thượng Đế là sự tiên hữu về bản thể, cũng như sự tiên hữu về thời gian, và tính hiện tượng của thế giới giả tạm là thiết yếu chứ không phải tạm thời, như chúng ta đã giải thích hôm trước tại bàn này.

Dù “Tâm trí Đầu tiên” không có khởi thủy, nó không thể trở thành người chia sẻ tính tiên hữu của Thượng Đế, vì sự tồn tại của thực thể hoàn vũ trong mối tương quan với sự tồn tại của Thượng Đế chỉ là hư không, nó không có uy lực để trở thành người đồng sự với Thượng Đế và giống với Ngài trong tính tiên hữu. Chủ đề này trước đây đã giải thích.

Sự tồn tại của các sinh linh chỉ ra sự hợp thành, và cái chết của nó là sự phân rã. Nhưng vật chất và các nguyên tố hoàn vũ không trở nên bị hủy hoại hoặc biến mất hoàn toàn. Không, tính không thực hữu của nó chỉ giản dị là sự biến dạng. Ví dụ, khi con người bị hủy hoại, nó trở thành cát bụi, nhưng nó không trở thành tuyệt đối không thực hữu. Nó vẫn tồn tại trong hình dạng của cát bụi, nhưng sự biến dạng đã diễn ra, và sự hợp thành này đã tạm thời phân rã. Sự hủy hoại của các sinh linh khác cũng giống như thế, vì sự tồn tại không trở thành phi tồn tại tuyệt đối, và phi tồn tại tuyệt đối không thể trở thành tồn tại.

54/ SỰ PHÁT SINH CỦA TINH THẦN CON NGƯỜI TỪ THƯỢNG ĐẾ

ĐỂ

Câu hỏi: Trong Kinh Thánh Torah có nói Thượng Đế hà hơi tinh thần vào con người, ý nghĩa của câu này là gì?

Trả lời: Hãy biết rằng sự phát sinh gồm hai loại: phát sinh và xuất hiện do chiếu tỏa, với phát sinh và xuất hiện do biểu hiện. Sự phát sinh do chiếu tỏa giống như sự hiện đến từ hành động của người làm ra, của tác phẩm từ nhà văn. Tác phẩm chiếu tỏa từ nhà văn, và bài phát biểu chiếu tỏa từ diễn giả, và cũng như thể tinh thần của con người chiếu tỏa từ Thượng Đế - nghĩa là không có phần nào tách ra từ Bản thể Thiên thượng để nhập vào thân người.

Nhưng sự phát sinh do biểu hiện là sự biểu hiện bản thể sự vật trong các dạng khác, giống như sự hiện đến của cái cây này từ hạt giống của cây, hoặc sự hiện đến của hoa từ hạt giống của hoa, vì tự chính hạt giống đã xuất hiện trong dạng cành, lá và hoa. Đây gọi là sự phát sinh do biểu hiện.

Tinh thần con người, trong liên hệ với Thượng Đế, có sự tùy thuộc do chiếu tỏa, giống như lời phát biểu xuất phát từ diễn giả và tác phẩm từ nhà văn – nghĩa là chính diễn giả không trở thành lời phát biểu hoặc chính nhà văn trở thành tác phẩm, không những điều đó xuất phát từ sự chiếu tỏa. Diễn giả có tài năng và sức mạnh hoàn hảo, và diễn văn chiếu tỏa từ người ấy, như hành động của một diễn viên. Diễn giả Thật sự, Bản thể Như nhất, luôn luôn là một tinh trạng, không đổi thay hoặc biến thể, không có sự biến dạng hoặc sự thăng trầm. Ngài là Đấng Hằng hữu, Đấng Bất diệt. Bởi vậy sự xuất phát của tinh thần con người từ Thượng Đế là qua chiếu tỏa. Khi người ta nói trong Kinh thánh là Thượng Đế hà hơi tinh thần vào con người, thì tinh thần này, giống như diễn văn, chiếu tỏa từ Đấng Diễn giả Thật sự, tạo nên tác động trong bản thể con người.

Nhưng sự phát xuất do biểu hiện (nếu điều này có nghĩa là sự xuất hiện thiêng liêng, chứ không phải phân chia ra nhiều phần), chúng ta đã nói, là sự phát sinh và xuất hiện của Thánh Linh và Ngôi Lời, từ Thượng Đế. Như đã nói trong Sách Phúc âm của Thánh Giăng: “Ban đầu có Ngôi Lời và Ngôi Lời ở cùng Thượng Đế”, như thế Thánh Linh và Ngôi Lời là sự xuất hiện của Thượng Đế. Thánh Linh và Ngôi Lời có nghĩa là những sự hoàn hảo thiên thượng xuất hiện nơi Bản thể của Đấng Christ và những sự hoàn hảo này ở cùng Thượng Đế; như thể mặt trời biểu hiện mọi vinh quang của nó trong tấm gương. Vì Ngôi Lời không có ý nói là thân thể Đấng Christ, không, nhưng đó là những sự hoàn hảo thiên thượng biểu hiện nơi Ngài. Vì Đấng Christ giống như một tấm gương sạch hướng mặt về Mặt trời Chân lý; và những sự hoàn hảo của Mặt trời Chân lý ấy – tức là ánh sáng và sức nóng của Mặt trời – hiển hiện rạng ngời trong tấm gương này. Nếu nhìn vào tấm gương ta thấy mặt trời, và ta nói: “Đó là mặt trời”. Vì vậy, Ngôi Lời và Thánh

Linh, biểu thị những sự hoàn hảo của Thượng Đế, là sự hiện diện thiêng liêng. Đây là ý nghĩa của câu thánh thi trong Sách Phục âm nói rằng: “Ngôi Lời ở cùng Thượng Đế, và Ngôi Lời là Thượng Đế”; vì những sự hoàn hảo thiêng liêng không khác với Đấng Tinh hoa Thống nhất. Những sự hoàn hảo của Đấng Christ được gọi là Ngôi Lời vì tất cả những sinh linh khác ở trong tình trạng của các mẫu tợ, và mỗi mẫu tợ không có ý nghĩa trọn vẹn, trong khi những sự hoàn hảo của Đấng Christ có uy lực của Ngôi Lời vì một ý nghĩa trọn vẹn có thể thấy trong Lời. Vì Bản thể Đấng Christ là biểu hiện của những sự hoàn hảo thiên thượng, cho nên Bản thể ấy giống như Lời. Tại sao? Vì Ngài là tổng thể các ý nghĩa hoàn hảo. Đây là lẽ tại sao Ngài được gọi là Ngôi Lời.

Hãy biết rằng sự phát sinh từ Ngôi Lời và Thánh Linh của Thượng Đế, là sự phát sinh và xuất hiện do biểu hiện, không thể bị hiểu rằng Thực thể của Thần tính đã bị chia thành từng phần, hoặc nhân lên, hoặc giáng xuống từ sự tinh khiết và thánh thiện cao cả của mình. Thật tội lỗi! nếu một tấm gương tốt, sạch trong, hướng về mặt trời, thì ánh sáng và sức nóng, dáng vẻ và hình ảnh của mặt trời sẽ ngời sáng trong đó với một sự biểu hiện mà người nhìn nói được rằng mặt trời sáng rực và hiện rõ trong gương: “Đây là mặt trời”, quả đúng như thế. Tuy nhiên, tấm gương là tấm gương, mặt trời là mặt trời. Mặt trời duy nhất, dù xuất hiện trong nhiều tấm gương, nó vẫn là một. Tình trạng này không phải là ở trong hoặc đi vào, cũng không phải là trộn lẫn hoặc hiện xuống; vì sự đi vào, ở trong, hiện xuống, phát sinh và trộn lẫn là sự tất yếu và đặc tính của vật thể, chứ không phải của tinh thần; như thế thì còn xa vời biết bao về việc nó tùy thuộc vào Bản thể thuần khiết và thiêng liêng của Thượng Đế. Thượng Đế hoàn toàn tách khỏi tất cả những gì không phù hợp với sự thánh thiện tối thượng, cao cả và thuần khiết của Ngài.

Mặt trời Chân lý, như chúng ta đã nói, luôn luôn là một tình trạng, không thay đổi, không xê xích, không biến dạng, không có thăng trầm. Mặt trời ấy vĩnh cửu và trường tồn. Nhưng Thực thể Ngôi Lời Thánh thiện của Thượng Đế ở trong tình trạng của tấm gương sáng, tốt và thuần khiết; sức nóng, ánh sáng, hình ảnh và sự giống nhau – nghĩa là những sự hoàn hảo của Mặt trời Chân lý – xuất hiện ở trong đó. Đó là lý do tại sao Chúa phán trong Kinh Thánh: “Cha ở trong Con”¹⁰⁹ – ý muốn nói là Mặt trời Chân lý xuất hiện trong tấm gương. Đấng ca ngợi thay Đấng chiếu rọi trên Thực thể thiêng liêng này, Đấng vượt trên mọi sinh linh!

55/ LINH HỒN, TINH THẦN VÀ TÂM TRÍ

Câu hỏi: Điều gì khác nhau giữa tâm trí, tinh thần và linh hồn?

¹⁰⁹ *John 14:11; 17:21*

Trả lời: Trước đây đã giải thích tinh thần nói chung chia làm năm loại: tinh thần thực vật, tinh thần động vật, tinh thần con người, tinh thần đức tin và Thánh Linh.

Tinh thần thực vật là lực tăng trưởng nó xuất phát từ hạt giống qua ảnh hưởng của các vật sinh tồn khác.

Tinh thần động vật là sức mạnh các giác quan, được thực hiện từ sự hợp thành và trộn lộn của các nguyên tố; khi sự hợp thành này phân rã, sức mạnh cũng mất theo và trở thành hư không. Nó có thể ví như cây đèn này, khi dầu, tim đèn và lửa kết hợp, thì nó cháy sáng; và khi sự kết hợp này phân rã – nghĩa là, khi các bộ phận hợp thành bị tách rời nhau – thì ngọn đèn tắt.

Tinh thần nhân linh phân biệt con người với con vật đó là linh hồn thuần lý, và hai danh gọi này – tinh thần nhân linh và linh hồn thuần lý – nói về một điều. Tinh thần này, trong thuật ngữ của các triết gia là linh hồn thuần lý, bao gồm vạn vật, và năng lực tối đa của con người cho phép phát hiện thực thể vạn vật, nhận biết những tính cách riêng và tác động của nó, nhận biết các phẩm chất và đặc điểm của sinh vật. Nhưng tinh thần nhân linh, nếu không được trợ lực bởi tinh thần đức tin, thì không thể tiếp xúc với những bí mật thiên thượng và các thực thể thiêng liêng. Giống như tấm gương, dù trong, sạch và bóng, vẫn cần có ánh sáng. Chỉ khi có một tia sáng mặt trời rọi lên nó, nó mới phát hiện được những bí mật thiên thượng.

Nhưng tâm trí là năng lực của tinh thần nhân linh. Tinh thần là ngọn đèn, tâm trí là ánh sáng chiếu rọi từ ngọn đèn. Tinh thần là cây, tâm trí là quả. Tâm trí là sự hoàn hảo của tinh thần và là tính chất chủ yếu của nó, như những tia sáng là tính chủ yếu của mặt trời.

Sự giải thích này tuy ngắn, nhưng đã đầy đủ, vì vậy, hãy ngẫm nghĩ về điều này, và nếu Thượng Đế muốn, các người sẽ trở thành thông thạo với các chi tiết.

56/ NHỮNG SỨC MẠNH BÊN NGOÀI VÀ BÊN TRONG CON NGƯỜI

Nơi con người tồn tại năm sức mạnh bên ngoài, đó là những nhân tố nhận thức – nghĩa là, qua năm sức mạnh này con người nhận thức được các sinh linh vật chất. Đây là thị giác, nhận thức các thể dạng hữu hình; thính giác, nhận thức âm thanh; khứu giác nhận thức các mùi; vị giác nhận ra thức ăn; và xúc giác, ở trong tất cả các phần của thân thể và nhận biết các vật tiếp xúc được. Năm sức mạnh này nhận biết những vật sinh tồn bên ngoài.

Con người còn có các sức mạnh tinh thần: trí tưởng tượng hình dung sự vật; tư tưởng suy ngẫm về những thực thể; nhận thức hiểu được các thực thể; ký ức lưu giữ bất cứ điều gì con người tưởng tượng, suy nghĩ và thấu hiểu. Lực trung gian giữa năm sức mạnh bên ngoài và các sức mạnh bên trong là tri giác chung (common sense) – nghĩa là giác quan này hoạt động giữa các sức mạnh bên trong và năm sức mạnh bên ngoài, truyền vào cho các sức mạnh bên trong bất cứ điều gì mà các sức mạnh bên ngoài phát hiện. Nó được gọi là khả năng chung, bởi vì nó giao tiếp giữa các lực bên ngoài và các lực bên trong và như thế nó là chung cho tất cả các sức mạnh bên ngoài và bên trong.

Ví dụ, thị giác là một sức mạnh bên ngoài, nó thấy và nhận biết cái hoa này, và chuyển nhận thức này đến sức mạnh bên trong – khả năng chung – khả năng này chuyển nhận thức này đến trí tưởng tượng, tự nó có chức năng định khái niệm và tạo hình ảnh, rồi chuyển đến sức mạnh tư tưởng, lực này suy ngẫm và nắm rõ thực thể, rồi chuyển nó đến lực hiểu biết, khi lực này thấu hiểu, nó chuyển hình ảnh của vật thấu hiểu này vào ký ức, và ký ức giữ hình ảnh này trong kho của nó.

Năng lực bên ngoài là thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác và xúc giác. Các lực bên trong cũng gồm có năm khả năng: khả năng chung, tưởng tượng, suy tư, thấu hiểu và trí nhớ.

57/ NGUYÊN DO SỰ KHÁC NHAU TRONG TÍNH CÁCH CON NGƯỜI, BÁC SĨ NÓI KHÔNG ĐÚNG ĐỂ AN ỦI NGƯỜI BỆNH LÀ KHÔNG ĐÁNG CHÊ TRÁCH

Câu hỏi: Con người có mấy loại tính cách, và cái gì là nguyên do sự khác nhau và biến thiên trong con người?

Trả lời: Con người có tính cách bẩm sinh, tính cách di truyền, và tính cách thủ đắc do giáo dục.

Về tính cách bẩm sinh, dù sự sáng tạo thiêng liêng là hoàn toàn tốt, nhưng sự biến thiên của các phẩm chất trong con người đến từ từng mức độ khác nhau; tất cả đều ưu tú, nhưng có phần nào hơn kém nhau tùy mức độ. Như thế tất cả nhân loại đều có trí thông minh và các năng lực, nhưng sự thông minh, năng lực và xứng đáng của con người có khác nhau. Điều này là hiển nhiên.

Ví dụ, chọn một số các em từ cùng một gia đình, cùng quê quán, cùng trường học, được dạy dỗ cùng một thầy, cùng ăn như nhau, ở trong khí hậu như nhau, và học những bài học giống nhau – thì điều chắc chắn là trong số các cháu bé này, một số sẽ thông minh về khoa học số khác ở mức khả năng trung bình, và một số kém. Như vậy rõ ràng rằng trong bản chất nguyên thủy có sự

khác nhau về mức độ, có các biến thiên về giá trị và năng lực. Sự khác nhau này không hàm nghĩa là tốt hay xấu, nhưng giản dị là một sự khác nhau về mức độ. Người này có mức độ cao nhất, người kia trung bình, và người khác nữa thì thấp. Thế là, con người tồn tại, loài vật, cây cỏ và khoáng vật cũng tồn tại – nhưng mức độ của bốn dạng tồn tại này là khác nhau. Thật khác biệt biết bao giữa sự tồn tại của con người và con vật! Nhưng cả hai đều tồn tại. Điều hiển nhiên là trong sự tồn tại có sự khác biệt về mức độ.

Sự biến thiên của các phẩm chất di truyền đến từ sự mạnh và yếu của cấu trúc – nghĩa là, khi hai bậc cha mẹ đều yếu, thì con cái sẽ bị yếu; nếu họ mạnh, con cái sẽ mạnh. Cũng theo cách ấy, sự tinh khiết của dòng máu có ảnh hưởng lớn; vì mầm giống tinh khiết ví như giống tốt của cây cỏ và loài vật. Ví dụ, các trẻ do cha mẹ yếu đuối sinh ra, tự nhiên sẽ có cấu trúc yếu, thần kinh mong manh, các cháu sẽ bị nhiễm bệnh, sẽ thiếu kiên nhẫn, bèn dai, quyết tâm, chịu đựng, mà sẽ hấp tấp, vì các cháu thừa hưởng sự yếu đuối và khiếm khuyết của cha mẹ.

Ngoài ra, ơn phước đặc biệt được ban cho một số gia đình và một số thể hệ. Như thế chính do ơn phước đặc biệt mà từ dòng dõi Đức Abraham đã xuất hiện tất cả các Tiên tri của Israel. Đây là một ơn phước mà Thượng Đế đã ban cho dòng dõi này; cho Đức Moses từ thân phụ và thân mẫu, cho Đức Chúa từ dòng họ thân mẫu, cho Đức Muhammad và Đức Bab, cho tất cả các Đấng Tiên tri và các Đấng Biểu hiện của Israel. Đấng Phúc Mỹ (Baha'u'llah) cũng là hậu duệ trực tiếp của Đức Abraham, vì Đức Abraham đã có các con khác ngoài Ishmael và Isaac vào thời ấy di cư sang các xứ Ba Tư, Afghanistan, và Đấng Phúc Mỹ là một trong các hậu duệ của các Ngài.

Vì vậy, thật hiển nhiên là tính cách di truyền có tồn tại, và đến mức độ là, nếu các tính cách không phù hợp với nguồn gốc vật chất của dòng họ, thì về tâm linh họ không được kể là thành viên của gia đình, giống như Canaan,¹¹⁰ không được kể là thuộc dòng giống của Tiên tri Noah.

Nhưng sự khác nhau về phẩm chất liên quan đến văn hóa là rất lớn, vì sự giáo dục có ảnh hưởng lớn. Qua giáo dục kẻ dốt trở thành người học thức, kẻ hèn nhát trở thành người dũng cảm. Qua uốn nắn cành cong trở thành thẳng, quả chua chát ở vùng núi rừng trở thành trái ngon ngọt, hoa năm cánh thành cả trăm cánh. Qua giáo dục các nước man rợ trở thành văn minh, thậm chí cả loài vật cũng trở thành thuần hóa. Giáo dục phải được xem là quan trọng nhất, vì những bệnh tật trong thế giới thân thể là cực kỳ lây nhiễm, cho nên, cũng theo cách ấy, những phẩm chất của tinh thần và tâm hồn cũng cực kỳ lây lan. Giáo dục có ảnh hưởng rộng khắp, và những dị biệt nó tạo nên là rất lớn.

¹¹⁰ Xem Sáng thế ký 9:25

Có lẽ ai đó sẽ nói rằng, vì năng lực và phẩm giá con người khác nhau, nên sự khác biệt năng lực này tạo ra sự khác biệt về tính hạnh, do đó, con người không đáng bị chê trách về tính hạnh của họ. Sự thực không phải vậy, vì năng lực có hai loại: năng lực tự nhiên và năng lực thủ đắc. Loại thứ nhất do Thượng Đế tạo nên, tốt đẹp hoàn toàn - trong tạo vật của Thượng Đế không có cái gì xấu; nhưng năng lực thủ đắc trở thành nguyên nhân làm xuất hiện điều xấu. Ví dụ: Thượng Đế tạo nên mọi người theo cách giống nhau, ban cho họ sự cấu tạo và năng lực để họ hưởng thụ đường, mật, nhưng bị hại và hủy diệt bởi độc dược. Tính chất và cấu hình này là bẩm sinh, Thượng Đế đã ân ban đồng đều cho mọi người. Nhưng con người lần hồi làm quen với độc dược bằng cách tiếp nhận mỗi ngày một chút, rồi tăng lên dần, cho đến khi họ không thể sống được nữa nếu mỗi ngày không có một gram thuốc phiện. Như vậy là năng lực tự nhiên đã bị làm đòi trụ hoàn toàn. Quan sát biết bao năng lực bẩm sinh và thể chất bị thay đổi, cho đến khi chúng trở thành đòi bại hoàn toàn bởi những thói quen và sự tập nhiễm khác nhau. Con người không bị chỉ trích vì tính cách và năng lực bẩm sinh, nhưng vì tính cách và năng lực thủ đắc.

Trong tạo vật không có điều ác, chỉ có điều thiện. Một số tính nết và phẩm chất bẩm sinh của một số người có vẻ đáng chê trách, nhưng sự thật không phải như thế. Ví dụ: lúc đầu chúng ta thấy một số trẻ sơ sinh tham háms, tức giận, nóng nảy. Nên người ta nói rằng thiện ác đều là bẩm sinh trong bản thể con người, nói thế là trái với tính toàn thiện của thiên nhiên và tạo vật. Câu trả lời ở đây là tính tham háms, tính mong muốn có nhiều hơn, đó là tính đáng khen nếu được sử dụng đúng. Nếu một người ham thủ đắc tri thức và khoa học, hoặc ham trở thành nhân hậu, độ lượng, công bình, thì đáng khen nhất rồi. Nếu người ấy vận dụng sự tức giận, thịnh nộ chống lại các bạo chúa khát máu như thú dữ, thì rất đáng khen; nhưng nếu những tính nết ấy không sử dụng đúng thì thật đáng chê.

Như thế rõ ràng là trong tạo vật và thiên nhiên không hề có điều ác; chỉ khi các tính chất tự nhiên của con người bị sử dụng phi pháp thì mới đáng trách. Như thế nếu một người giàu có và hào hiệp tặng một số tiền để đáp ứng nhu cầu của người nghèo, và nếu người nghèo dùng số tiền này vào việc phi pháp thì mới đáng trách. Mọi tính chất khác của con người đều như thế, nó tạo thành vốn sống; nếu bị sử dụng và thể hiện theo cách phi pháp, nó trở thành xấu. Bởi vậy, rõ ràng là tạo vật hoàn toàn tốt. Hãy khảo sát một nết hạnh xấu xa nhất, một đặc tính đòi bại nhất, là nguyên do của mọi điều ác, tính nói dối. Ta không thể tưởng tượng có tính hạnh nào xấu xa và đáng chê trách bằng; nó là kẻ hủy hoại mọi sự hoàn hảo nhân linh và tạo ra vô số thói xấu. Không có đặc tính nào xấu hơn nó; nó là nền tảng của mọi điều ác. Dù vậy, vị bác sĩ có thể an ủi bệnh nhân bằng lời nói: "Tạ ơn Thượng Đế, bạn đã đỡ hơn, bệnh bạn có thể hy vọng hồi phục," dù rằng những lời này trái với sự thật, nhưng nó trở thành niềm an ủi cho bệnh nhân và thành bước ngoặt cho con bệnh. Điều này không đáng trách.

Câu hỏi này đã được giải thích rõ ràng.

58/ MỨC ĐỘ VÀ GIỚI HẠN HIỂU BIẾT CỦA CON NGƯỜI

Câu hỏi: Nhận thức của thế giới loài người đạt tới mức nào, và đâu là những hạn chế?

Trả lời: Hãy biết rằng nhận thức có biến đổi. Mức độ nhận thức thấp nhất là của loài vật – nghĩa là, sự cảm nhận tự nhiên xuất hiện qua năng lực các giác quan, và điều này được gọi là cảm nhận. Loài người và loài vật cùng chia sẻ năng lực này, ngoài ra một số loài vật có giác quan mạnh hơn con người. Nhưng nhận thức của con người thì thay đổi và biến thiên theo điều kiện khác nhau của con người.

Điều kiện nhận thức thứ nhất trong thế giới tự nhiên là nhận thức của tinh thần duy lý. Trong nhận thức và trong năng lực này mọi người đều cùng chia sẻ, bất kể họ chăm chú hay vô tâm. Tin theo hay phủ nhận. Linh hồn lý tính này của con người là tạo vật của Thượng Đế, nó bao trùm và vượt trội hơn các sinh linh khác, vì linh hồn cao cả hơn, nổi trội hơn, nó bao trùm vạn vật. Năng lực của linh hồn lý tính có thể khám phá thực thể sự vật, hiểu những nét riêng của các sinh linh, và thấu suốt những bí mật của cuộc sinh tồn. Tất cả các ngành khoa học, tri thức, nghệ thuật, kỳ quan, cơ cấu, các khám phá và công trình đến từ tác động thông minh của linh hồn duy lý. Đã có lúc khi những điều ấy chưa được biết đến, những bí mật bảo tồn và những bí nhiệm ẩn tàng, linh hồn lý tính lần hồi khám phá và đưa nó từ lãnh vực vô hình và ẩn tàng vào cõi hữu hình. Đây là năng lực nhận thức tuyệt vời nhất trong thế giới tự nhiên, với sự vung cánh tung bay nó hiểu những thực thể, những tính chất và những tác động của các sinh linh giả tạm.

Nhưng tâm trí thiêng liêng hoàn vũ, vượt trên cõi tự nhiên, là hồng ân của Uy lực Tiên hữu. Tâm trí hoàn vũ này là thiêng liêng, nó bao gồm mọi thực thể sinh tồn và nó tiếp nhận ánh sáng những điều huyền nhiệm của Thượng Đế. Nó là năng lực hữu thức, chứ không phải khả năng của sự tìm tòi và nghiên cứu. Năng lực trí tuệ của thế giới tự nhiên là năng lực tìm tòi, và do các nghiên cứu nó phát hiện thực thể của các sinh linh và đặc tính của các vật sinh tồn, nhưng năng lực trí tuệ thiêng liêng, vượt trên tự nhiên, bao trùm sự vật và nhận biết nó, hiểu nó, biết nó, ý thức về những điều huyền nhiệm, những thực thể và những ý nghĩa thiên thượng, và là người phát hiện những chân lý ẩn tàng của nước Trời. Năng lực trí tuệ thiêng liêng này là đặc tính riêng của các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng và các Đấng Bình minh Thiên chức Tiên tri, một tia sáng này rơi vào tấm kính tâm hồn của những người chính trực, chỉ một phần, một lượng nhỏ đến với họ qua các Đấng Biểu hiện Thiêng liêng.

Các Đấng Biểu hiện Thiên thiêng có ba tình trạng: thứ nhất là tình trạng thể chất, tiếp theo là tình trạng linh hồn lý tính, và thứ ba là tình trạng biểu hiện sự hoàn hảo và hào quang thánh chúa. Thân thể biểu sự vật theo mức độ năng lực trong thế giới vật chất; vì vậy, trong một số trường hợp thân thể tỏ ra yếu đuối. Ví dụ, “Ta đang mơ màng giấc điệp trong vô thức; ngọn gió của Thượng Đế thổi qua người của Ta và lay tỉnh Ta, rồi truyền cho Ta tuyên bố Thánh ngôn”; hoặc khi Đức Chúa được làm báp-têm ở tuổi ba mươi, thì Thánh Linh hiện xuống người Ngài; trước đó Thánh Linh không có biểu hiện trong Ngài. Tất cả những điều này nhắc tới tình trạng thể chất của các Đấng Biểu hiện, nhưng tình trạng thiên thượng của các Ngài thì bao trùm vạn vật, biết tất cả những điều huyền nhiệm, phát hiện tất cả các dấu hiệu, và điều khiển vạn vật, trước kia cũng như về sau. Sự mạng của các Ngài là như nhau. Đó là lý do vì sao Đức Chúa phán: “Ta là Alpha và Omega, sự đầu và sự cuối”¹¹¹ – nghĩa là, đã chưa từng có và sẽ không hề có sự thay đổi hoặc biến thiên nào ở trong Ta.

59/ SỰ HIỂU BIẾT CỦA CON NGƯỜI VỀ THƯỢNG ĐẾ

Câu hỏi: Sự hiểu biết của con người nhận thức về Thượng Đế đến mức nào?

Trả lời: Chủ đề này cần nhiều thời gian, việc giải thích nó tại bàn tròn này thật không dễ, tuy nhiên chúng ta sẽ nói vắn tắt.

Hãy biết rằng có hai loại tri thức: tri thức về bản thể sự vật và tri thức về những phẩm chất của nó. Bản thể của một sự vật được biết đến qua các phẩm chất, bằng không ta không thể biết nó và nó ẩn tàng.

Vì sự hiểu biết của chúng ta về sự vật, kể cả những vật thọ tạo và hữu hạn, là tri thức về các phẩm chất chứ không phải về bản thể, thế nên càng bất năng biết bao để hiểu biết bản thể của Đấng Bản thể Thiên thiêng vốn vô hạn? Vì bản chất nội tại của bất cứ vật gì đều không thể biết mà chỉ biết về phẩm chất. Ví dụ, bản thể nội tại của mặt trời là không thể biết, nhưng chỉ biết về các phẩm chất là ánh sáng và sức nóng. Bản chất nội tại con người không thể biết và không hiển hiện, nhưng chỉ qua các phẩm chất mà con người được biết đến và nhận diện. Như thế mọi vật đều được biết về phẩm chất chứ không phải bản thể. Dù tâm trí bao trùm vạn vật, và ngoại hình sự vật được tâm trí nhận biết, nhưng về bản thể bên trong những sự vật này không thể biết được, nó chỉ có thể biết đến về các tính chất. Như thế làm sao Đấng Chúa vĩnh cửu hằng tại, Đấng vượt ngoài mọi nhận thức và khái niệm, có thể được biết chính bản thể Ngài? Nghĩa là, vì các sự vật có thể biết được qua các phẩm chất chứ không phải bản thể, nên chắc chắn Bản thể Thiên thiêng là không thể biết được về bản chất mà chỉ biết về các đặc tính.

¹¹¹ Xem Khải huyền 22:13

Ngoài ra, làm sao thực thể hiện tượng bao gồm được Thực thể Tiên hữu? Vì hiểu biết là kết quả của sự bao trùm – phải bao trùm mới có thể hiểu biết – và Bản thể Như nhất bao trùm tất cả và không bị bao trùm.

Sự khác nhau về điều kiện trong thế giới sinh tồn cũng là trở ngại cho sự hiểu biết. Ví dụ, khoáng vật này thuộc về thế giới khoáng vật, dù cho tiến xa đến đâu nó cũng không bao giờ hiểu được lực tăng trưởng. Cây cỏ dù cho tiến bộ đến đâu cũng thể nào nhận thức được lực thấy và các lực khác của những giác quan, và con vật không thể nào hình dung tình trạng của con người – nghĩa là, những năng lực tinh thần của con người. Tình trạng khác nhau là trở lực cho sự hiểu biết, mức độ thấp không thể hiểu mức độ cao. Như thế làm sao bản thể hiện tượng hiểu được Thực thể Tiên hữu?

Vì vậy, biết Thượng Đế có nghĩa là nhận thức và biết các đặc tính của Ngài, chứ không phải Bản thể Ngài. Sự hiểu biết về các đặc tính cũng tương ứng với khả năng và sức lực của con người, nó không phải là tuyệt đối. Triết lý hàm nghĩa hiểu được bản thể sự vật như nó tồn tại, phù hợp với khả năng và sức lực con người. Vì thực thể hiện tượng có thể hiểu những đặc tính Tiên hữu chỉ ở mức độ khả năng của con người, Bí mật của Thần tính vượt trên và thoát khỏi sự hiểu biết của các sinh linh, vì tất cả cái gì đến với trí tưởng tượng là điều mà con người hiểu, và sức hiểu của con người không thể bao trùm Thực thể của Đấng Bản thể Thiêng liêng. Tất cả những gì con người có thể hiểu là những đặc tính của Thần tính, hào quang của Ngài xuất hiện và thấy được trên thế giới và trong linh hồn con người.

Khi ta nhìn thế giới và trong linh hồn con người, chúng ta thấy những dấu hiệu tuyệt vời của những điều hoàn hảo thiên thượng, thật rõ ràng và hiển nhiên, vì thực thể của vạn vật chứng minh Bản thể Bao quát. Thực thể Thần tính có thể ví như mặt trời, từ nơi đỉnh cao chiếu sáng mọi chân trời; và mỗi chân trời, mỗi linh hồn, nhận một phần hào quang này. Nếu hào quang này và những tia sáng không hiện hữu, các sinh linh không thể tồn tại; tất cả sinh linh thể hiện điều gì đó và chia phần trong hào quang, trong các tia sáng này. Hào quang của những điều hoàn hảo, những ơn phước và đặc tính của Thượng Đế chiếu ra và tỏa sáng từ bản thể của Con người Hoàn hảo – nghĩa là Nhân vật Duy nhất, Đấng Biểu hiện Tối cao của Thượng Đế. Các sinh linh khác chỉ nhận được một tia sáng, nhưng Đấng Biểu hiện Tối cao là tấm gương đối với mặt trời, đã hiện đến và phản chiếu trong đó, với tất cả những điều hoàn hảo, những đặc tính, những dấu hiệu, những sự diệu kỳ.

Sự hiểu biết về Bản thể Thần tính là bất năng và không thể đạt tới, nhưng sự hiểu biết về các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế là sự hiểu biết về Thượng Đế, vì những hồng ân, những hào quang và những đặc tính thiên thượng đều hiển hiện trong các Ngài. Vì vậy, nếu con người đạt tới sự hiểu biết các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, người ấy sẽ đạt tới sự hiểu biết về Thượng Đế. Rồi sẽ xác tín và chứng nhận rằng các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế là trung tâm của hồng ân, của các dấu hiệu và những sự hoàn hảo của Thượng

Đế. Phúc thay cho những ai nhận được ánh sáng của những hồng ân thiên thượng từ các Đấng Bình minh giác ngộ này!

Chúng ta hy vọng rằng các Bạn hữu của Thượng Đế, giống như lực hấp dẫn, sẽ thu hút những hồng ân này từ chính cội nguồn, và họ sẽ đứng lên với hào quang và những dấu hiệu ấy khiến họ trở thành bằng chứng hiển nhiên của mặt trời Chân lý.

60/ SỰ BẤT DIỆT CỦA TINH THẦN Phần 1

Sau khi chứng minh tinh thần con người tồn tại, chúng ta phải chứng minh là nó bất diệt.

Sự bất diệt của tinh thần đã được nêu trong các Thánh Kinh; đây là cơ sở nền tảng của các tôn giáo thiêng liêng. Về sự thưởng phạt có thể nói là gồm hai loại: thứ nhất là sự thưởng phạt trong đời này; thứ hai là thưởng phạt trong đời sau. Nhưng thiên đàng và địa ngục tồn sinh luôn có trong tất cả các thế giới của Thượng Đế, dù là trong thế giới này hay trong các thế giới tâm linh thiên thượng của Thượng Đế. Nhận được những phần thưởng này là đạt tới sự sống đời đời. Thế nên Đức Chúa đã phán: “Hãy hành động như thế nào để các ngươi tìm được sự sống đời đời, để các ngươi có thể được sinh ra bằng nước và tinh thần, để các ngươi có thể vào nước Trời.”

Phần thưởng của đời sống này là những đức hạnh và những sự hoàn hảo tô điểm cho bản thể con người. Chẳng hạn, con người từ tối tăm trở thành sáng chói, từ ngu dốt trở thành khôn ngoan, từ vô tâm trở thành nhạy cảm, từ mê ngủ trở thành tỉnh thức, là người mù trở thành người sáng, là người điếc và trở thành người thính tai, là trần tục trở thành thiêng liêng, là thuộc thể và trở thành thuộc linh. Nhờ những phần thưởng này con người đạt được sự sống thuộc linh và trở thành một sinh linh mới. Con người trở thành những biểu hiện của lời Kinh Phúc âm nói về các tông đồ rằng họ "sinh ra không bởi huyết cũng không bởi ý muốn của xác thịt, cũng không bởi ý muốn của con người, nhưng bởi Thượng Đế". Nghĩa là họ đã được giải thoát khỏi những đặc tính của động vật là những đặc tính của con người thuộc thể, và trở thành nổi bật với những đặc tính thiêng liêng, đó là ân phúc của Thượng Đế. Đây là ý nghĩa của sự sinh lại. Đối với những người ấy không có cực hình nào đau đớn bằng việc bị ngăn che không thấy Thượng Đế, và không có hình phạt nào nặng nề bằng những thói hư thuộc thân xác, những tính hạnh tăm tối, bản chất thấp kém, sự đắm đuối trong thú vui nhục dục. Khi nhờ ánh sáng đức tin, họ thoát khỏi bóng tối của những thói xấu này, và trở thành rực sáng với hào quang của Mặt trời Thực tại và trở thành tôn quý nhờ tất cả những đức hạnh, họ biết trân trọng phần thưởng lớn nhất, và họ nhận biết đó là thiên đàng thực sự. Cũng theo cách ấy họ nhận ra rằng hình phạt tâm linh - tức cực hình và hình phạt trong cuộc sống - là bị chế ngự bởi thế giới tự nhiên, bị ngăn che không thấy Thượng Đế, sống hung bạo và ngu dốt, rơi vào sự đắm

mê nhục dục, đắm mình trong thói ươn hèn của động vật, nổi bật với những tánh xấu như lằm lạc, độc đoán, hung bạo, ràng buộc với việc thế gian và đắm đuối trong những ý tưởng ma mị. Đối với họ, đây là những hình phạt và sự hành hạ đau đớn nhất.

Cũng thế, những phần thưởng của thế giới bên kia là sự sống vĩnh cửu, được nêu rõ trong tất cả các Thánh kinh, những sự hoàn hảo thiêng liêng, những ân phúc vĩnh cửu và sự hoan lạc đời đời. Phần thưởng của thế giới bên kia là những sự hoàn hảo và sự bình an đạt được trong các thế giới thuộc linh sau khi rời khỏi thế giới này, trong khi những phần thưởng của thế giới này là những sự hoàn hảo rực sáng được thực hiện trong đời này, và đó là nguyên nhân của đời sống vĩnh cửu, vì đó chính là sự tiến bộ trong cuộc sống. Điều đó giống như con người trải qua từ thế giới bào thai tới trạng thái trưởng thành và trở thành biểu hiện của những lời này: "Vì vậy, phúc thay Đấng Thượng Đế, Đấng Tạo dựng ưu việt nhất." Phần thưởng của thế giới bên kia là sự bình an, những ân phúc tâm linh, những đặc ân tinh thần khác trong Vương quốc của Thượng Đế, sự thành đạt những ước vọng của tâm hồn và linh hồn, sự hội ngộ cùng Thượng Đế trong thế giới vĩnh cửu. Cũng theo cách ấy, những hình phạt của thế giới bên kia là sự đánh mất những ơn phước thiêng liêng, đặc biệt là rơi xuống mức thấp nhất của cuộc sinh tồn. Người bị tước mất những ơn phước thiêng liêng này, dù tiếp tục tồn tại sau khi chết cũng kể như là người chết so với những người theo chân lý.

Bằng chứng duy lý về sự bất diệt của tinh thần là thế này, rằng không dấu hiệu nào có thể xuất hiện từ một vật không thực hữu – nghĩa là, không thể nào từ sự hư không tuyệt đối lại xuất hiện những dấu hiệu – vì những dấu hiệu là kết quả của một sự hiện hữu, và kết quả tùy thuộc sự hiện hữu của nguyên lý. Như thế từ một mặt trời không thực hữu thì không thể có ánh sáng phát ra, từ một biển cả không thực hữu thì không thể có những làn sóng xuất hiện; từ đám mây không hiện hữu thì không thể có mưa rơi; từ một cây không thực hữu thì không thể có quả; từ một con người không thực hữu thì không biểu hiện hoặc sản sinh ra bất cứ cái gì. Vì vậy, khi nào còn có những dấu hiệu sinh tồn xuất hiện, thì đó là bằng chứng rằng người sở hữu dấu hiệu phải hiện hữu.

Hãy thấy rằng ngày nay Vương quốc của Đức Chúa hiện hữu. Từ một ông vua không thực hữu làm sao một vương quốc lớn như thế có thể biểu hiện? Làm sao từ một biển cả không thực hữu, các đợt sóng có thể vươn cao đến thế? Từ một ngôi vườn không thực hữu, những làn gió ngát hương như thế có thể thoảng qua? Hãy nghiệm ra rằng không kết quả, không dấu vết, không ảnh hưởng của sinh vật nào tồn tại sau khi các chi thể của sinh vật ấy đã tan tác và các thành tố của sinh vật đã phân rã, dù đó là một khoáng vật, thực vật hay động vật. Chỉ có thực thể con người và tinh thần con người, sau khi các chi thể tan tác, các phân tử ly tán, và nguyên thể bị hủy hoại, vẫn tiếp tục và trường tồn trong hành động và sức mạnh.

Vấn đề này thật vô cùng tinh tế, hãy xem xét chín chắn. Đây là bằng chứng duy lý chúng ta đã đưa ra, để cho những người khôn ngoan có thể cân nhắc trong cái cân lý trí và sự công bằng. Nhưng nếu tinh thần con người muốn vui mừng và được thu hút đến Vương quốc của Thượng Đế, nếu thị giác bên trong được mở ra và thính giác tâm linh được tăng sức, và những cảm nhận tâm linh ưu thắng, người ấy sẽ thấy sự sống đời đời của tinh thần rõ ràng như thấy mặt trời, tin mừng và các dấu hiệu của Thượng Đế sẽ bao trùm người ấy.

Ngày mai chúng ta sẽ nêu những bằng chứng khác.

61/ SỰ BẤT DIỆT CỦA TINH THẦN Phần 2

Hôm qua chúng ta đã thảo luận nhiều về sự bất diệt của tinh thần. Hãy biết rằng năng lực và sự hiểu biết của tinh thần con người gồm hai loại – nghĩa là, nó nhận thức và hành động theo hai cách khác nhau. Cách thứ nhất thông qua các công cụ và cơ quan: như thế nhờ mắt này nó thấy; nhờ tai nó nghe; nhờ lưỡi nó nói. Đó là hành động của tinh thần; còn nhận thức về thực thể con người, thì nhờ các cơ quan – nghĩa là, tinh thần là kẻ thấy, thông qua mắt; tinh thần là kẻ nghe thông qua tai; tinh thần là kẻ nói thông qua lưỡi.

Sự biểu hiện khác của các năng lực và hành động của tinh thần là không nhờ tới các công cụ và giác quan. Ví dụ, trong trạng thái ngủ, không có mắt nó vẫn thấy; không tai nó vẫn nghe; không lưỡi nó vẫn nói; không chân nó vẫn chạy. Tóm lại, những hành động này vượt khỏi các công cụ và cơ quan. Thường xảy ra việc là nó thấy một giấc mơ trong thế giới giác ngủ, và ý nghĩa trở thành hiển hiện hai năm sau với những sự kiện thích ứng. Cũng theo cách ấy, lắm khi xảy ra rằng một vấn đề người ta không thể giải quyết trong thế giới tinh thức lại được giải quyết trong thế giới những giấc mơ. Trong lúc thức, mắt chỉ thấy khoảng cách ngắn, nhưng trong mơ người ở phương Đông có thể thấy tận phương Tây. Lúc tỉnh người ấy thấy hiện tại, khi mơ thấy được tương lai. Lúc tỉnh, bằng phương tiện di chuyển nhanh, nhiều lắm cũng chỉ xê dịch hai mươi farsakh¹¹² trong một giờ; khi ngủ, có thể đi từ phương Đông đến phương Tây trong nháy mắt. Vì tinh thần chuyển dịch bằng hai cách: không cần phương tiện, đó là chuyển dịch tâm linh; và với phương tiện, đó là chuyển dịch vật chất: như chim tự bay, và các vật được mang đi.

Trong giấc ngủ thân thể này như đang chết, nó không thấy, không nghe; nó không cảm nhận, không có ý thức, không có nhận thức – nghĩa là, các năng lực của con người thành bất động, nhưng tinh thần vẫn sống và tồn tại. Đúng ra, sự thấu suốt của nó gia tăng, sức bay của nó cao hơn, và sự thông minh của nó lớn hơn. Nếu cho rằng sau khi thân thể chết đi thì tinh thần hủy diệt là giống như tưởng tượng rằng con chim trong lồng bị hủy diệt khi chiếc lồng

¹¹² Một farsakh tương đương với bốn dặm Anh tức khoảng 6,44km

bị vỡ, dù con chim không có gì phải sợ từ việc cái lồng bị hủy. Thân thể chúng ta giống như chiếc lồng, và tinh thần giống như con chim. Chúng ta thấy rằng không có chiếc lồng thì con chim bay đi trong thế giới giấc ngủ; vì vậy nếu chiếc lồng bị vỡ, con chim sẽ tiếp tục sống và tồn tại. Nhưng cảm nhận của nó thành mạnh mẽ hơn, niềm vui của nó gia tăng. Sự thật, từ địa ngục nó vượt tới thiên đàng hân hoan bởi vì đối với con chim biết ơn này không có thiên đàng nào tuyệt vời hơn việc thoát khỏi chiếc lồng. Đó là lẽ tại sao với hạnh phúc và niềm vui tột cùng những người tử đạo hồi hải tiến tới cánh đồng hy sinh.

Lúc thức, mắt con người thấy xa nhất khoảng cách một giờ đi bộ¹¹³ vì qua công cụ thân thể sức mạnh tinh thần được xác định như thế, nhưng bằng thị giác bên trong và con mắt trí tuệ, người ta thấy được châu Mỹ, và nó nhận thức được điều gì nơi đó, phát hiện những tình trạng của sự vật và tổ chức công việc. Vì vậy, nếu tinh thần khác với thân thể, con chim khác với cái lồng, năng lực và sự thấu suốt của tinh thần mạnh hơn khi không có sự trung gian của thân thể. Vậy, nếu công cụ bị bỏ đi, người sở hữu công cụ vẫn tiếp tục hoạt động. Ví dụ, nếu cây viết bị gãy, nhà văn vẫn sống và hiện hữu; nếu một ngôi nhà bị tàn phá, người sở hữu vẫn sống và tồn tại. Đây là một trong các bằng chứng duy lý về sự bất diệt của linh hồn.

Có một bằng chứng khác: thân thể này trở thành yếu đuối, hoặc nặng nề hoặc bị bệnh, hoặc tìm lại được sức khỏe; nó trở thành mệt mỏi hoặc nghỉ ngơi; đôi khi tay hoặc chân bị cụt, hoặc năng lực thể chất bị tàn phế; nó trở thành mù, điếc hoặc câm; tứ chi có thể bị bại liệt; tóm lại, thân thể có tất cả các khiếm khuyết. Thế nhưng, tinh thần trong trạng thái nguyên thủy của nó, trong nhận thức tâm linh của nó, sẽ trường tồn và vĩnh cửu; nó không mắc một khiếm khuyết nào, hoặc trở thành tàn tật. Nhưng khi thân thể hoàn toàn bị chi phối bởi bệnh tật rủi ro, nó bị tước mất ơn phước của tinh thần, giống như tấm kính, khi bị vỡ, bị bẩn hoặc bám bụi, thì không thể phản chiếu ánh sáng mặt trời hoặc không còn cho thấy các ơn phước.

Chúng ta đã giải thích rằng tinh thần con người không ở trong thân thể vì nó được tự do và thoát khỏi tình trạng nhập và xuất, đó là tình trạng của thân thể. Mối liên hệ giữa tinh thần và thân xác giống như mối liên hệ giữa mặt trời và tấm gương. Tóm lại, tinh thần con người ở trong một trạng thái riêng. Nó không bao giờ mắc chứng bệnh của thân thể và cũng không lành nhờ sức khỏe của thân thể; nó không mắc bệnh, không suy yếu, không khổ, không nghèo, không nhẹ, không nhỏ - nghĩa là nó không bị tổn thương do các khuyết tật của thân thể, và ta không thấy ảnh hưởng gì dù cho thân thể bị suy yếu, hoặc tay, chân và lưỡi bị cắt lia, hoặc nó bị mất năng lực của thị giác hay thính giác. Vì vậy, điều hiển nhiên và chắc chắn là tinh thần khác với thân thể, và sự trường tồn của nó độc lập đối với thân thể; trái lại, tinh thần với sự vĩ đại tột cùng của nó, nó điều khiển thế giới thân xác, năng lực và

¹¹³ *Người Ba Tư có tập tục tính khoảng cách bằng thời gian*

ảnh hưởng của nó, giống như âm huệ của mặt trời trong tấm gương, là rõ ràng và hiển hiện. Nhưng khi tấm gương bị dơ hoặc vỡ, nó sẽ không còn phản chiếu tia sáng mặt trời.

62/ NHỮNG SỰ HOÀN HẢO KHÔNG GIỚI HẠN CỦA SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LINH HỒN TRONG THẾ GIỚI SAU

Hãy biết rằng tình trạng sinh tồn được giới hạn trong tình trạng tôi con, tiên tri và Thần tính, nhưng những điều hoàn hảo tạm bợ và thiêng liêng là vô hạn. Khi suy nghĩ thật sâu, các con cũng phát hiện ra rằng những điều hoàn hảo bên ngoài của sự sinh tồn cũng vô hạn, vì các con không thể thấy một sinh linh nào hoàn hảo mà không thể hình dung một sinh linh khác hoàn hảo hơn. Ví dụ, các con không thể thấy một viên hồng ngọc trong thế giới khoáng vật, một đóa hoa hồng trong thế giới thực vật, một con chim họa mi trong thế giới động vật, mà không hình dung rằng có thể có những hình mẫu tốt hơn.

Vì thiên ân dồi dào vô hạn, nên những sự hoàn hảo của con người cũng vô hạn. Nếu ta đạt tới được tột đỉnh của sự hoàn hảo, thì ta đã đạt tới trạng thái độc lập đối với Thượng Đế, và như thế là vật phù du đã đạt tới trạng thái tuyệt đối. Nhưng đối với vạn vật luôn luôn có một giới hạn không thể vượt qua - nghĩa là, người ở trong cương vị quy phục, dù có thể đạt tới những sự hoàn hảo vô biên, cũng sẽ không bao giờ đạt tới cương vị Thượng Đế. Các sinh linh khác cũng đều như thế. Một khoáng vật dù nó tiến bộ đến đâu trong thế giới khoáng vật, cũng đều không thể đạt được năng lực của thực vật. Trong một đóa hoa cũng vậy, dù nó tiến bộ đến đâu trong thế giới thực vật, năng lực của các giác quan cũng không thể xuất hiện. Khoáng vật kim ngân này không thể đạt được thính giác hoặc thị giác, nó chỉ tiến bộ trong tình trạng của nó và trở thành khoáng vật hoàn hảo, nhưng không thể thủ đắc năng lực tăng trưởng, hoặc năng lực cảm xúc, hoặc đạt tới sự sống, nó chỉ có thể tiến bộ trong tình trạng của nó.

Ví dụ, thánh Phê rô không thể trở thành Đức Chúa. Tất cả những gì người có thể làm, trong tình trạng tôi con, để đạt tới những điều hoàn hảo vô hạn; vì mọi thực thể sinh tồn đều có thể đạt tiến bộ. Vì tinh thần con người sau khi liả bỏ hình dạng vật chất có một cuộc sống đời đời, nên chắc chắn bất cứ sinh linh nào cũng đều có khả năng đạt tiến bộ; vì vậy ta được phép cầu xin sự tiến bộ, tha thứ, khoan dung, hồng ân và thiên phúc cho một người sau khi chết bởi vì vật sinh tồn có khả năng tiến bộ. Đó là lẽ tại sao trong các bản kinh Cầu nguyện của Đức Baha'u'llah sự tha thứ và sự xá tội có thể được xin cho những người đã qua đời. Hơn nữa, vì con người ở trên thế giới này cần tới Thượng Đế, nên họ cũng cần Ngài ở thế giới bên kia.

Sự giàu có ở thế giới bên kia là được gần Thượng Đế. Như thế, chắc chắn những người ở gần Triều đường Thiêng liêng được phép cầu thay, và sự cầu

thay này được Thượng Đế chấp nhận. Nhưng sự cầu thay ở thế giới bên kia không giống sự cầu thay ở thế giới này. Nó là một điều khác, một thực tại khác không thể diễn đạt bằng lời.

Nếu một người giàu có trước giờ chết để lại tặng vật cho những kẻ nghèo khổ và một phần gia sản cho họ chi dụng, có thể hành động này trở thành nguyên nhân sự tha thứ và khoan dung, và thành nguyên nhân sự tiến bộ của người đó trong Vương quốc Thiên liêng.

Người cha và người mẹ cũng chịu nhiều phiền toái và lao nhọc vì con cái, và thường khi con cái đến tuổi trưởng thành, cha mẹ lại bước sang thế giới bên kia. Ít khi người cha và người mẹ ở trên đời này thấy được phần thưởng về sự chăm lo và phiền phức họ phải chịu vì con cái. Bởi vậy để đáp đền sự chăm lo và phiền phức này, con cái phải làm việc bác ái và nhân đức và phải cầu xin sự tha thứ và khoan dung cho cha mẹ. Bởi vậy, để báo đáp tình yêu và lòng nhân hậu mà cha mẹ đã dành cho các con, các con phải tặng biếu cho kẻ nghèo nhân danh người, với niềm vâng phục và lòng khiêm nhường lớn nhất, cầu xin sự tha thứ và xá tội, và nài xin đức khoan dung tối thượng.

Tình trạng của những người chết trong tội lỗi và vô tín cũng có thể thay đổi - có nghĩa là họ có thể trở thành đối tượng của sự tha thứ nhờ lượng từ bi của Thượng Đế, chứ không phải theo luật công bằng của Ngài - vì lượng từ bi ban cho không dựa vào sự xứng đáng, còn đức công bằng thì ban cho tùy sự xứng đáng. Vì chúng ta có năng lực cầu nguyện cho những linh hồn này ở đây, thì chúng ta cũng có năng lực như thế ở thế giới bên kia, đó là Vương quốc của Thượng Đế. Tất cả những người ở thế giới ấy có phải là tạo vật của Thượng Đế không? Bởi vậy trong thế giới ấy họ cũng đạt sự tiến bộ. Vì ở đây họ có thể nhận ánh sáng nhờ sự khẩn cầu của họ, nên ở đó họ cũng có thể xin tha thứ và nhận được ánh sáng nhờ sự khẩn cầu, van xin. Cũng giống như những linh hồn ở thế giới này có thể phát triển nhờ ơn trợ giúp của những lời nài xin, khẩn hứa, cầu nguyện của những người thánh thiện, tình trạng sau khi chết cũng y như thế. Bằng những lời cầu nguyện và van xin của chính họ, họ cũng có thể tiến bộ, đặc biệt hơn nữa khi họ là đối tượng sự cầu thay của những Đáng Biểu hiện Thiên liêng.

63/ SỰ TIẾN BỘ CỦA TẤT CẢ TẠO VẬT NẪM TRONG CẤP BẠC CỦA CHÍNH NÓ

Hãy biết rằng không có gì tồn tại mà ở trong trạng thái yên nghỉ - nghĩa là vạn vật đều chuyển động. Vạn vật hoặc phát triển, hoặc suy thoái, mọi vật hoặc từ hư không tiến đến hiện hữu, hoặc từ hiện hữu tiến đến hư không. Như cái hoa này, hoa dạ lan hương, đã có thời gian nó từ thế giới hư không tiến lên hiện hữu, và giờ đây nó từ hiện hữu tiến đến hư không. Trạng thái chuyển động này được gọi là tất yếu - nghĩa là: tự nhiên, người ta không thể

tách nó ra khỏi vạn vật vì đó là tính tất yếu, cũng như tính tất yếu của lửa là đốt cháy.

Như thế ta xác định rằng chuyển động là thiết yếu cho sự sinh tồn, hoặc là nó phát triển, hoặc là nó suy thoái. Còn về linh hồn, vì nó tiếp tục tồn tại sau khi chết, nó cũng thiết yếu thăng tiến hoặc suy thoái, nhưng nó không bao giờ thoát khỏi điều kiện của riêng nó, trong đó nó tiếp tục phát triển. Chẳng hạn, thực thể của tinh thần Phê-rô, dù cho tiến bộ đến đâu cũng không thể đạt tới điều kiện thuộc thực thể Đấng Christ; thực thể ấy chỉ tiến hóa trong giới hạn riêng.

Hãy nhìn khoáng vật, cho dù nó tiến hóa xa bao nhiêu, nó cũng chỉ tiến trong điều kiện của nó, người ta không thể nâng thủy tinh lên trạng thái có thể đạt tới sự thấy. Điều này không thể có được. Mặt trăng trên bầu trời cũng thế, dù cho tiến hóa đến đâu, nó cũng không thể trở thành mặt trời tự chiếu sáng, nhưng trong điều kiện riêng của nó, nó cũng có tuyệt đỉnh và cận điểm. Các tông đồ dù tiến bộ xa đến đâu, các vị ấy cũng không thể nào trở thành Đức Chúa. Quà là than có thể trở thành kim cương, nhưng cả hai đều ở trong điều kiện khoáng vật, và các thành tố của chúng đều giống nhau.

64/ CƯƠNG VỊ CỦA CON NGƯỜI VÀ SỰ TIẾN BỘ SAU KHI CHẾT

Khi chúng ta xem xét các sinh linh bằng con mắt sáng suốt, chúng ta thấy rằng nó bị giới hạn trong ba lớp – nghĩa là, nói chung, chúng có thể là khoáng vật, thực vật hoặc động vật, mỗi một trong ba lớp này thì có những loài. Con người là loài cao nhất vì nó sở hữu những điều hoàn hảo của tất cả các lớp – nghĩa là, nó có một thân thể tăng trưởng và cảm nhận. Ngoài việc có những điều hoàn hảo của khoáng vật, thực vật và động vật, nó còn sở hữu một sự ưu tú đặc biệt mà tất cả các sinh linh khác không có – đó là những điều hoàn hảo về trí tuệ. Vì vậy con người là sinh linh cao quý nhất.

Con người ở vào mức cao nhất của tính vật chất và ở bước đầu của tính tâm linh – nghĩa là con người ở mức cuối của sự khiếm khuyết và bắt đầu sự hoàn hảo. Con người ở nấc chót của bóng tối và ở bước đầu của ánh sáng; đó là vì sao nó được nói rằng tình trạng con người là sự kết thúc của đêm và sự bắt đầu của ngày, có nghĩa là nó là sự tổng hợp các mức độ thiếu hoàn hảo, và rằng nó sở hữu các mức độ hoàn hảo. Con người có cả mặt động vật và mặt thiên thần, và mục đích của giáo dục là đào luyện các linh hồn để mặt thiên thần lướt thắng mặt động vật của nó. Nếu sức mạnh thiêng liêng nơi con người, là tính toàn hảo thiết yếu, lướt thắng sức mạnh ma mị, tức sự khiếm khuyết tuyệt đối, thì con người trở thành ưu việt nhất trong tất cả chúng sinh; nhưng nếu sức mạnh ma mị lướt thắng sức mạnh thiêng thượng, nó sẽ trở thành sinh vật thấp kém nhất. Đó là tại sao nó vừa là mức cuối của sự khiếm khuyết và vừa là khởi đầu của sự hoàn hảo.

Không chủng loài nào khác trong thế giới sinh tồn có sự dị biệt, tương phản, mâu thuẫn và đối nghịch như thế giống như loài người. Cũng vậy, sự phản chiếu Ánh sáng thiên thượng vốn có nơi con người, như nơi Đấng Christ, nhưng hãy xem Ngài được yêu mến và tôn kính như thế nào! Trong lúc ấy, chúng ta thấy con người thờ cục đá, hòn đất hoặc cái cây. Nó xấu xa làm sao đến đối tượng tôn thờ của nó là vật thể thấp kém nhất – đó là cục đá hoặc hòn đất, chẳng có tinh thần, ngọn núi, cánh rừng hoặc cái cây. Hỏi còn có sự xấu hổ nào lớn hơn cho con người khi thờ những vật thể thấp kém nhất?

Thế đó, tri thức là phẩm chất của con người mà dốt nát cũng là phẩm chất của nó; chân thật là phẩm chất con người mà giả trá cũng là tính chất của nó; rời trung nghĩa với phản trắc; công bằng với bất công đều là phẩm chất của con người, và vân vân. Tóm lại, tất cả những khiếm khuyết và đức hạnh, tất cả các thói hư và nét tốt đều là tố chất của con người. Hãy thấy giữa các cá nhân con người đều có sự khác biệt. Đức Chúa ở trong hình dạng con người, Caiaphas ở trong hình dạng con người; Đức Moses và vua Pharaoh, Abel và Cain, Đức Baha'u'llah và Yahya¹¹⁴, đều là người. Con người được xem là vị đại diện tuyệt vời nhất của Thượng Đế, và là quyển Sách về Tạo vật bởi vì tất cả những bí mật của tạo vật đều có trong con người. Nếu con người đến dưới bóng của Đấng Giáo dục Chân chính và được đào tạo đúng mức, y sẽ trở thành tinh hoa của các tinh hoa, thành ánh sáng của các ánh sáng, thành tinh thần của các tinh thần; y trở thành trung tâm của những sự hiện thấy thiêng liêng, thành cội nguồn những phẩm chất tâm linh, thành nơi xuất hiện những ngọn đèn thiên thượng, và thành nơi tiếp nhận những sự cảm ứng thiên thượng. Nếu thiếu sự giáo dục này, y trở thành biểu hiện của những thói tật ma quỷ, thành tổng thể những tật xấu của loài vật, và là cội nguồn của mọi tình trạng tối tăm.

Nguyên do về sứ mạng của các Đấng Tiên tri là giáo dục nhân loại, để cho cục than này có thể trở thành hạt kim cương, và cái cây không trái này có thể được ghép nhánh và tạo nên những quả ngon ngọt nhất. Khi con người đạt tới trạng thái cao cả nhất này trong thế giới nhân loại, thì họ có thể tiến xa hơn trong những điều kiện của sự hoàn hảo, chứ không phải trong trạng thái; vì các trạng thái thì có giới hạn, còn những sự hoàn hảo thiên thượng là vô hạn.

Cả trước và sau khi rời bỏ xác thân, đều có sự tiến bộ trong sự hoàn hảo chứ không phải trong trạng thái. Như thế mọi dạng sống đều đạt tới tột đỉnh trong con người hoàn hảo. Nhưng con người khi đạt tới trạng thái này vẫn còn đạt tiến bộ trong những sự hoàn hảo chứ không phải trong trạng thái bởi vì không có trạng thái nào cao hơn trạng thái của con người hoàn hảo mà con người có thể tự đạt tới. Con người chỉ có thể tiến lên trong trạng thái nhân loại, vì những sự hoàn hảo của con người là vô hạn. Như thế, dù một con người có

¹¹⁴ *Mirza Yahya Subh-i-Azal, em kế của Đức Bahá'u'lláh, kẻ thù không thể hóa giải của Ngài...*

học thức tới đâu, chúng ta vẫn có thể hình dung một người khác có học thức cao hơn.

Cho nên, vì những sự hoàn hảo của con người là vô hạn, con người có thể đạt tiến bộ trong những sự hoàn hảo sau khi rời khỏi thế giới này.

65/ ĐỨC TIN VÀ VIỆC LÀM (CÂU 1 KITAB I AQDAS)

Câu hỏi: Trong KITAB-I-AQDAS có nói: “Ai xa rời nhiệm vụ này tức là đã lạc đạo mặc dù người ấy là tác giả của mọi hành động chính trực.” Câu thánh thi này có ý nghĩa gì?

Trả lời: Câu thánh thi này ý nghĩa rằng nền tảng của sự thành công và giải thoát là nhận biết về Thượng Đế, và rằng kết quả sự hiểu biết về Thượng Đế là hành động tốt đó là hoa trái của đức tin.

Nếu con người không có sự nhận biết này, người đó sẽ xa rời Thượng Đế, và khi sự xa rời này tồn tại, hành động tốt sẽ không có tác dụng trọn vẹn. Câu thánh thi không có nghĩa rằng những linh hồn rời xa Thượng Đế đều bình đẳng, dù cho họ làm điều tốt hoặc xấu. Nó chỉ hàm ý rằng nền tảng là sự nhận biết Thượng Đế, và hành động tốt phát sinh từ sự hiểu biết này. Tuy nhiên, chắc chắn rằng giữa người tốt với kẻ tội lỗi và kẻ xấu xa bị che mờ trước Thượng Đế có sự khác nhau. Vì kẻ bị che mờ mà có những tính cách và hạnh kiểm tốt thì cũng xứng đáng với sự tha thứ của Thượng Đế, trong khi kẻ tội lỗi bị che mờ sở hữu tính nết và phẩm chất xấu, thì bị tước mất những thiên phúc và thiên ân của Thượng Đế. Ở đây có sự khác nhau.

Vì vậy, câu thi thiên phúc này có nghĩa rằng chỉ có hành động tốt thôi, mà không có sự nhận biết về Thượng Đế, thì không thể là nguyên nhân của sự giải thoát đời đời, thành công và thịnh vượng trường cửu, và vào được Vương quốc của Thượng Đế.

66/ SỰ TỒN TẠI CỦA LINH HỒN DUY LÝ SAU CÁI CHẾT THÂN XÁC

Câu hỏi: Sau khi thân xác bị loại bỏ và tinh thần đạt được tự do, thì linh hồn duy lý tồn tại như thế nào? Ta giả sử rằng linh hồn được Thánh Linh ban ân phúc đạt tới sự tồn tại thực sự và sự sống đời đời. Nhưng linh hồn duy lý thì trở thành như thế nào – nghĩa là những tinh thần bị che mờ?¹¹⁵

¹¹⁵ “Tinh thần bị che mờ” ở đây có nghĩa là linh hồn duy lý, những linh hồn không đạt được tinh thần đức tin. Xem “Linh hồn, Tinh thần và Tâm trí”, tr. 208

Trả lời: Có người cho rằng thân thể là thực chất và tự tồn tại, còn tinh thần là ngẫu nhiên và tùy thuộc nơi thực chất của thân thể, nhưng trái lại, linh hồn duy lý là thực chất, và thân thể tùy thuộc vào nó. Nếu cái ngẫu nhiên – nghĩa là thân thể – bị hủy diệt, thực chất, tức tinh thần, vẫn tồn tại.

Thứ đến, linh hồn duy lý, nghĩa là tinh thần nhân linh, không giáng xuống thân thể – nó không nhập vào đó, vì sự giáng xuống và nhập vào là đặc tính của thân xác, còn linh hồn duy lý thì vượt ngoài điều này. Tinh thần không bao giờ nhập vào thân thể, nên khi rời bỏ thân thể, nó không cần một chốn nương thân: không, tinh thần nối kết với thân thể, như ánh sáng nối kết với tấm gương. Khi tấm gương trong và hoàn hảo, ánh sáng ngọn đèn sẽ hiện ra trong đó, còn khi tấm gương bị phủ bụi hoặc tan vỡ, ánh sáng sẽ biến mất.

Linh hồn duy lý này – nghĩa là tinh thần nhân linh – không nhập vào thân thể cũng không tồn tại nhờ nó; cho nên sau khi cấu hình nhân thân tan rã, sao tinh thần phải cần một chất liệu khác để sống nhờ? Trái lại, linh hồn duy lý là thực chất mà thân thể sống nhờ. Cá tính của linh hồn duy lý có từ đầu; nó không chịu sự tác tạo của thân thể, nhưng trạng thái và cá tính của linh hồn duy lý có thể là thành trì của thế giới này; nó sẽ tiến bộ và sẽ đạt tới những cấp độ hoàn hảo, hoặc nó sẽ ở nguyên trong vực thẳm đốt nát thấp nhất, bị che mờ và không thấy được những dấu hiệu của Thượng Đế.

Câu hỏi: Nhờ phương tiện gì mà tinh thần con người – nghĩa là linh hồn duy lý –sau khi rời khỏi thế giới hữu hoại này, sẽ đạt được tiên bộ?

Trả lời: Sự tiến bộ của tinh thần con người trong thế giới thiên thượng, sau khi cắt đứt mối liên hệ với thân cát bụi, hoàn toàn nhờ hồng ân, hồng phúc của Thượng Đế, hoặc nhờ sự cầu thay và sự cầu nguyện chân thành của những linh hồn khác, hoặc nhờ những hoạt động từ thiện và những việc tốt đẹp quan trọng được thực hiện vì linh hồn ấy.

Câu hỏi: Tình trạng của trẻ em phải chết trước tuổi trưởng thành hoặc trước khi sanh, sẽ như thế nào?

Trả lời: Các trẻ em được ở dưới bóng hồng ân của Thượng Đế; và vì các cháu này không phạm tội lỗi gì và không bị vấy bẩn bởi những sự ô trược của thế giới tự nhiên, các cháu là trung tâm biểu hiện thiên ân, và Con mắt Xót thương sẽ hướng vào các cháu.

67/ SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI VÀ BƯỚC VÀO VƯƠNG QUỐC CỦA THƯỢNG ĐẾ

Các con đã nêu câu hỏi về đời sống vĩnh cửu và về sự tiến vào Vương quốc (của Thượng Đế). Theo diễn tả bên ngoài thì Vương quốc là thiên đàng, nhưng đây chỉ là sự so sánh và ví dụ tương đồng, chứ không phải là sự thực. Vương quốc không phải là một cõi thuộc vật chất, nó vượt lên khỏi không gian và thời gian. Nó là một thế giới tâm linh, một thế giới thiêng liêng và là trung tâm quyền uy của Thượng Đế, nó thoát khỏi thân xác, thoát khỏi cái gì thuộc về vật chất, thoát hẳn và vượt lên khỏi những sự tưởng tượng của thế giới loài người; chỉ những vật thuộc thể mới bị giới hạn vào nơi chốn, còn vật thuộc linh thì không. Không gian và thời gian vây bọc thân thể, chứ không vây bọc trí tuệ và tinh thần.

Hãy xem xét để thấy rằng thân thể con người bị giới hạn bởi một nơi bé nhỏ, nó chỉ choán ba tấc đất. Nhưng tinh thần và trí óc con người chu du khắp các nước và các miền. Kể cả vượt qua các cõi trời vô hạn, bao quanh tất cả các vật hiện hữu và thực hiện nhiều khám phá ở những cõi cao cả và ở những nơi xa xôi vô tận. Đây là vì tinh thần không an trú ở nơi nào, nó không có nơi chốn, và đối với tinh thần thì đất và trời chỉ là một vì nó khám phá được cả hai. Nhưng thân thể thì giới hạn ở một nơi và không biết được gì bên ngoài nó.

Sự sống gồm hai loại: sự sống thân thể và sự sống tinh thần. Sự sống thân thể thuộc về vật chất, nhưng sự sống tinh thần biểu lộ sự tồn tại của Vương quốc, nó bao gồm sự tiếp nhận Linh của Thượng Đế và được làm sinh động bởi hơi thở của Thánh Linh. Dù sự sống vật chất có tồn tại, nó thật sự không tồn tại và là sự chết tuyệt đối so với sự sống của các vị Thánh. Con người tồn tại, và viên đá này cũng tồn tại, nhưng sự tồn tại của con người và sự tồn tại của đá khác xa nhau biết bao nhiêu. Dù đá tồn tại nhưng so với sự tồn tại của con người thì nó là không tồn tại.

Ý nghĩa của đời sống vĩnh cửu là đặc ân của Thượng Đế như hoa nhận được đặc ân của mùa Xuân, không khí và gió nhẹ. Hãy xét xem, lúc đầu hoa này có sự tồn tại giống với sự tồn tại của khoáng vật, nhưng khi mùa xuân đến, nhờ ơn huệ của mây mùa xuân, và nhờ sức nóng của mặt trời rực rỡ, nó đạt tới một dạng sống khác cực kỳ tươi mát, tinh tế và thơm tho. Dạng sống ban đầu của hoa, so với dạng sống thứ hai chỉ là cái chết.

Ý nghĩa rằng đời sống ở Vương quốc là đời sống tinh thần, đời sống vĩnh cửu và rằng nó hoàn toàn thoát khỏi nơi chốn, giống như tinh thần con người không có nơi chốn. Vì nếu các con xem xét thân thể con người, các con không thấy chỗ đặc biệt nào cho tinh thần, vì nó vốn không có nơi chốn, nó không thuộc về vật chất. Nó có sự liên hệ với thân thể giống như sự liên hệ giữa mặt trời với tấm gương. Mặt trời không ở trong tấm gương nhưng nó có sự

liên hệ với tấm gương. Cũng như cách ấy, thế giới của Vương quốc vượt lên khỏi mọi thứ mà mắt có thể nhận thấy được, hoặc các giác quan khác có thể nghe, ngửi, nếm, sờ.

Tâm trí ở trong con người, sự tồn tại của nó có thể nhận biết, nhưng nó ở chỗ nào trong con người? Nếu ta xem xét thân thể bằng mắt, bằng tai, hoặc bằng các giác quan khác, ta sẽ không thấy nó, dù vậy nó vẫn tồn tại. Như thế tâm trí không có chỗ ở, nhưng nó liên hệ với bộ óc. Vương quốc Thượng Đế cũng thế. Cũng theo cách này, tình yêu cũng không có chỗ ở, nhưng có liên hệ với con tim; vậy Vương quốc không có nơi chốn, nhưng có liên hệ với con người.

Bước vào Vương quốc là nhờ tình yêu của Thượng Đế, nhờ sự dứt bỏ, nhờ sự thánh thiện và trong sạch, nhờ sự trung tín và khiết bạch, sự kiên định và ngay thật, nhờ sự hy sinh mạng sống.

Những lời giải thích này cho thấy con người là bất tử và sống vĩnh viễn. Đối với những người tin Thượng Đế, những người có tình yêu của Thượng Đế và có đức tin, đời sống thật là tuyệt vời, nghĩa là đời sống ấy bất diệt; nhưng những linh hồn bị ngăn cách với Thượng Đế, dù rằng họ có đời sống, nhưng đời sống đó tối tăm, và so với đời sống của người có đức tin thì đời sống của người này không thực hữu.

Chẳng hạn con mắt và móng tay đều sống, nhưng sự sống của móng tay so với sự sống của con mắt thì nó như không có sự sống. Hòn đá này và con người cùng tồn tại, nhưng hòn đá so với sự tồn tại của con người như là không tồn tại, nó không có thực thể, khi con người chết, thân thể con người bị hủy hoại, tan rã, nó trở thành giống như đá và đất. Vì vậy, điều rõ ràng là khoáng vật dù có tồn tại nhưng so với con người, nó thành không thực hữu.

Cũng theo cách ấy, những linh hồn bị ngăn cách với Thượng Đế, dù có tồn tại trong đời này và trong đời sau, nhưng so với đời sống thánh thiện của các con dân trong Vương quốc Thượng Đế, thì những linh hồn ấy không thực hữu và cách xa Thượng Đế.

68/ HAI LOẠI ĐỊNH MỆNH

Câu hỏi: Có sự tiên định nêu trong các Thánh Kinh là điều đã định sẵn? Nếu thế sự cố gắng để tránh nó là vô ích?

Trả lời: Định mệnh gồm hai loại: loại thứ nhất đã được an bài, và loại thứ hai còn tùy duyên hoặc chưa thành. Định mệnh an bài là loại không thể thay đổi hoặc làm khác đi, và định mệnh tùy duyên là loại có thể xảy ra. Như thế, đối với cây đèn này, định mệnh an bài là dầu đốt cạn và nó sẽ tắt; vì vậy sự tàn lụi cuối cùng của nó là một sự an bài không thể làm khác đi hoặc thay đổi, bởi vì đó là định mệnh an bài của nó. Cũng thế, trong thân thể con người có

một sức sống đã được tạo nên, và ngay khi sức sống ấy bị hủy hoại và chấm dứt, chắc chắn thân thể sẽ tan rã, như khi dầu trong cây đèn này cháy hết, thì hiển nhiên ngọn đèn sẽ tắt.

Nhưng định mệnh tùy duyên có thể ví như thế này: khi còn dầu, một cơn gió mạnh thổi vào ngọn đèn, làm tắt đèn. Đó là định mệnh tùy duyên. Sự khôn ngoan có thể giúp tránh điều ấy, tự bảo vệ mình, bằng sự lưu ý và thận trọng. Nhưng định mệnh an bài, giống như sự hết dầu trong cây đèn, không thể làm khác đi, thay đổi hoặc trì hoãn. Nó phải xảy ra; lẽ đương nhiên là đèn sẽ tắt.

69/ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NGÔI SAO VÀ SỰ TƯƠNG HỖ CỦA TẤT CẢ TẠO VẬT

Câu hỏi: Các ngôi sao có ảnh hưởng gì đối với linh hồn con người hay không?

Trả lời: Một số các ngôi sao trên trời có ảnh hưởng vật chất cụ thể và rõ ràng đối với địa cầu và các sinh linh trên đó, không cần phải giải thích. Hãy xem mặt trời, qua sự phò trợ và ơn quan phòng của Thượng Đế đã làm phát triển trái đất và tất cả các sinh linh trên trần gian. Không có ánh sáng và sức nóng của mặt trời, tất cả chúng sinh trên thế gian sẽ hoàn toàn không hiện hữu.

Về ảnh hưởng tinh thần của các ngôi sao, dù ảnh hưởng này của các ngôi sao trong thế giới loài người có vẻ thật lạ lùng, nhưng nếu suy nghĩ chín chắn về chủ đề này, các con sẽ không quá ngạc nhiên. Tuy nhiên, ý của Ta là, những phát biểu mà các nhà chiêm tinh thời xưa suy đoán từ sự chuyển động của các ngôi sao tương ứng với những sự kiện; vì các phát biểu của những nhà chiêm tinh xưa chỉ là những dạng tưởng tượng xuất phát từ các tu sĩ Ai cập, Assyrie, Chaldee; không, thực ra là do những tưởng tượng của người Ấn Độ giáo, các thần thoại La Mã, Hy Lạp và những người thờ tinh tú khác. Nhưng Ta muốn nói rằng vũ trụ vô hạn này giống như thân thể con người, tất cả các chi thể liên kết và gắn chặt với nhau bằng sức mạnh tuyệt vời nhất. Các cơ quan, các chi thể, các thành phần pha trộn và gắn kết với nhau để giúp nhau càng nhiều, thì ảnh hưởng của chúng đối với nhau cũng thêm nhiều! Cũng theo cách ấy, các thành phần của vũ trụ vô biên và các chi thể và các nguyên tố của nó gắn kết với nhau, và ảnh hưởng lẫn nhau về vật chất cũng như tinh thần. Ví dụ, mắt thấy, và vì tất cả thân thể chịu ảnh hưởng; tai nghe, và tất cả các chi thể bị tác động. Điều này là chắc chắn, và vũ trụ giống như một người sống. Hơn nữa sự gắn kết tồn tại giữa các sinh linh thành viên tất yếu phải chịu ảnh hưởng và thể hiện, dù là vật chất hay tinh thần.

Đối với những người phủ nhận ảnh hưởng tinh thần, Ta nêu ví dụ vắn tắt này: những nhịp độ và âm thanh tuyệt vời, những giọng nói và giai điệu du dương, là hiện tượng bất ngờ ảnh hưởng tới không khí – vì âm thanh là cái làm không khí rung động – và bởi những rung động này thần kinh trên màn nhĩ của tai

bị tác động, và xảy ra sự nghe. Hãy nghĩ rằng sự rung động của không khí, là hiện tượng bất ngờ không quan trọng, thu hút và làm vui tinh thần của con người và có ảnh hưởng to lớn đối với người ấy: nó khiến người ấy khóc hoặc cười, có thể nó sẽ ảnh hưởng tới người ấy đến mức e sợ tự lao mình vào chỗ nguy hiểm. Vì vậy, hãy xem sự gắn kết tồn tại giữa tinh thần con người và sự rung động của khí quyển, đến nỗi sự chuyển động của không khí trở thành nguyên nhân nâng con người lên từ trạng thái này đến trạng thái khác, và hoàn toàn chế ngự người ấy; nó sẽ tước mất của người ấy sự yên tĩnh và kiên nhẫn. Hãy xem điều này thật lạ lùng biết bao, vì không có cái gì từ người ca sĩ đi vào người nghe; thế mà một ảnh hưởng tinh thần to lớn đã được tạo ra. Vì vậy, sự gắn kết giữa các sinh linh phải có ảnh hưởng và tác động tinh thần thật to lớn.

Người ta nói rằng các chi thể và thành phần của con người ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Ví dụ, mắt thấy, lòng bị tác động; tai nghe, tinh thần chịu ảnh hưởng. Lòng được yên ổn, tư tưởng trở nên thanh thản, và đối với tất cả các chi thể của thân người một tình trạng thơ thới được thể hiện. Thật là một sự gắn kết, một sự thuận hòa tốt biết bao! Vì sự gắn kết này, sự tác động và ảnh hưởng tinh thần này, tồn tại giữa các chi thể của thân người, nguyên chỉ là một trong vô số sinh linh, nên chắc chắn giữa các sinh linh hoàn vũ và vô hạn này cũng sẽ có sự gắn kết vật chất và tinh thần. Dù theo các qui tắc hiện có và khoa học đương thời các mối liên kết này không thể phát hiện, nhưng sự tồn tại của nó giữa tất cả các sinh linh là chắc chắn và tuyệt đối.

Kết luận: các sinh linh, dù lớn hay nhỏ, đều gắn kết với nhau bởi lượng minh triết hoàn hảo của Thượng Đế, nó ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Nếu không phải như thế, thì trong hệ thống vũ trụ và sự sắp xếp tổng thể của cuộc sinh tồn là vô trật tự và khiếm khuyết. Nhưng vì các sinh linh gắn kết với nhau bằng sức mạnh tuyệt vời nhất, nên nó ở trong trật tự đúng vị trí và hoàn hảo.

Chủ đề này thật đáng xem xét cẩn thận và phản ánh sâu sắc

70/ Ý CHÍ TỰ DO VÀ GIỚI HẠN CỦA NÓ

Câu hỏi: Con người là nhân tố tự do trong mọi hành động, hay nó bị trói buộc và hạn chế?

Trả lời: Đây là một trong những câu hỏi quan trọng và trừu tượng nhất trong các vấn đề thiêng liêng. Nếu Thượng Đế muốn, một ngày khác, khi bắt đầu bữa ăn tối, chúng ta sẽ giải thích chi tiết chủ đề này; bây giờ chúng ta sẽ giải thích vắn tắt trong mấy lời như sau. Một số vấn đề tùy thuộc ý chí tự do của con người, như sự công bằng, hợp lý, bạo ngược và bất công, nói cách khác, là những hành động thiện và ác; điều hiển nhiên và rõ ràng là phần lớn các việc này được để tùy ý chí con người. Nhưng có một số điều con người bị

bắt buộc và áp đặt, như giấc ngủ, cái chết, bệnh tật, sức mạnh suy giảm, thương tật và các điều bất hạnh; những điều này không tùy thuộc ý chí con người, và con người không chịu trách nhiệm về nó, vì con người bắt buộc phải chịu đựng nó. Nhưng trong việc chọn hành động tốt và xấu thì con người được tự do, và con người thực hiện nó theo ý chí của mình.

Ví dụ, nếu muốn con người có thể dùng thời gian để chúc tụng Thượng Đế, hoặc bận bịu với những tư tưởng khác. Con người có thể trở nên sáng láng nhờ lửa tình yêu của Thượng Đế và thành một người nhân đạo yêu thương thế giới, hoặc có thể trở thành người ghét nhân loại và đắm mình trong vật dục. Nó có thể trở nên công bằng hoặc dữ tợn. Những hành động này đều thuộc quyền kiểm soát của ý chí con người, cho nên nó phải chịu trách nhiệm về hành động của mình.

Một câu hỏi khác nảy sinh. Con người tuyệt đối bất năng và tùy thuộc, bởi vì sức mạnh và quyền năng đặc biệt thuộc về Thượng Đế. Cao cả và tui nhục đều tùy thuộc nơi sự hài lòng và ý chí của Đấng Tối cao. Trong Tân ước có viết rằng Thượng Đế giống như người thợ gốm làm ra "hạng bình để dùng vào việc sang trọng, lại hạng bình khác để dùng việc hèn hạ"¹¹⁶ Nhưng cái bình hèn hạ không có quyền hỏi người thợ gốm: "Tại sao ông không tạo tôi thành chiếc tách tốt để chuyển từ tay người này sang người khác?" Ý nghĩa của câu thánh thi này là trạng thái của vạn vật vốn khác nhau. Vật ở trạng thái thấp nhất, như khoáng vật, không có quyền kêu nài rằng: "Thượng Đế ơi, sao Ngài không ban cho tôi những điều hoàn hảo của thực vật?" Cũng thế, cỏ cây không có quyền than thở rằng nó thiếu những điều hoàn hảo của thế giới động vật. Cũng thế, động vật không xứng để kêu ca rằng nó thiếu những sự hoàn hảo của con người. Đúng thế, tất cả các vật này đều hoàn hảo trong mức độ của nó, và nó phải cố gắng đạt tới những sự hoàn hảo trong mức độ ấy. Như chúng ta nói vật cấp thấp không có quyền, cũng không thích hợp đối với trạng thái của những sự hoàn hảo của cấp cao. Không, sự tiến bộ của nó phải ở trong trạng thái của chính nó.

Sự nghỉ yên hay vận động của con người đều tùy thuộc ơn phò trợ của Thượng Đế. Nếu không được giúp sức, con người không thể làm điều thiện hoặc điều ác. Nhưng khi ơn phò trợ sinh tồn đến từ Đấng Thượng Đế Độ lượng, con người có thể làm cả việc lành và việc dữ; nhưng nếu sự trợ giúp bị cắt đứt, con người trở nên hoàn toàn bất năng. Đây là lý do vì sao trong các Thánh Kinh đều có nói về sự phò trợ của Thượng Đế. Điều kiện này cũng giống như con thuyền chuyển động nhờ sức gió hoặc hơi nước; nếu sức mạnh này ngưng, con thuyền không thể di chuyển. Tuy nhiên, tay lái đưa con thuyền theo bất cứ hướng nào, và sức mạnh của hơi nước đưa nó đi theo hướng đó. Nếu được lái hướng đông, nó tiến về phía đông; nếu được lái

¹¹⁶ *Ro-ma 9:21*

hướng tây, nó tiến về phía tây. Chuyển động này không đến từ con tàu; nó đến từ gió hoặc hơi nước.

Cũng theo cách ấy, trong mọi hành động hoặc bất động của con người, con người nhận sức mạnh từ ơn phò trợ của Thượng Đế; nhưng việc lựa chọn tốt hoặc xấu là tùy chính nơi con người. Như thế, nếu một vị vua cử ai đó làm người cai quản một thành phố, trao cho người ấy sức mạnh thẩm quyền, và chỉ rõ đường lối công bình hoặc bất công theo luật pháp - nếu người cai quản làm điều bất công, dù người ấy hành động bằng quyền lực của vua, thì vẫn bị cách chức vì sự bất công của mình. Còn nếu người ấy làm theo lẽ công bằng, người ấy cũng làm bằng quyền lực của vua, vua hẳn hài lòng và tha mãi.

Nghĩa là, dù việc lựa chọn tốt hay xấu thuộc về con người, trong mọi tình huống con người đều tùy thuộc ơn nuôi dưỡng sự sống đến từ Đấng Toàn năng. Vương quốc của Thượng Đế rất to lớn, và vạn vật đều là tù nhân trong nắm tay uy lực của Ngài. Kẻ tội lỗi không thể làm được bất cứ điều gì theo ý chí của mình; Thượng Đế là quyền uy, là toàn năng, và là Đấng Cứu giúp tất cả chúng sinh.

Câu hỏi này đã được giải đáp rõ ràng

71/ CÁC KHẢI TƯỢNG VÀ TIẾP XÚC VỚI CÁC TINH THẦN

Câu hỏi: Một số người tin rằng họ đã đạt được những phát hiện tâm linh – nghĩa là trò chuyện được với các tinh thần. Đây là loại tiếp xúc gì?

Trả lời: Các phát hiện tâm linh có hai loại: một loại là do tưởng tượng và chỉ là khẳng định của một số ít người; loại kia giống như sự cảm ứng, và điều này là thật – như là các khải hiện của Isaiah, Jeremiah và Thánh Giăng, đều là thật.

Hãy suy ngẫm rằng năng lực tư tưởng của con người gồm hai loại. Loại thứ nhất là thật khi nó phù hợp vật sự thật đã được xác định. Các khái niệm ấy được thể hiện nơi thế giới bên ngoài; đó là những ý kiến chính xác, những lý thuyết đúng, những khám phá và phát minh khoa học. Loại kia là những quan niệm tạo thành bởi tư tưởng phù phiếm và ý kiến vô dụng, chẳng hề đem lại hoa trái hoặc kết quả gì, nó không có thật. Nó nổi lên giống như sóng trên biển tưởng tượng, và nó trôi đi như những giấc mơ hão huyền.

Cũng theo cách ấy, có hai loại phát hiện tâm linh. Thứ nhất là những mạc khải của các Đấng Tiên tri, và những phát hiện tâm linh của những người được chọn. Nhưng khải tượng của các Đấng Tiên tri không phải là giấc mơ, không, nó là những phát hiện tinh thần và có thật. Ví dụ, các Ngài bảo: “Ta thấy một người trong một hình dạng nhất định, Ta nói điều ấy, và người kia

trả lời như thế.” Khải tượng này là lời nói trong lúc tỉnh thức, chứ không phải trong khi ngủ. Không, đây là một phát hiện tâm linh được diễn tả đúng như điều ấy xuất hiện thành Khải tượng.

Loại những phát hiện tâm linh kia tạo thành hoàn toàn do tưởng tượng, nhưng những tưởng tượng này hình tượng hóa theo một cách thức riêng khiến nhiều người sơ trí tin là thật. Điều chứng minh rõ ràng là từ những điều dựng lên về tinh thần này không đem lại kết quả hoặc hoa trái gì. Không, nó chỉ là những chuyện kể và mô phỏng.

Hãy biết rằng thực thể con người bao trùm thực thể vạn vật, phát hiện chân lý, tính chất và các bí mật của sự vật. Nhờ đó tất cả các nghệ thuật, các kỳ công, các ngành khoa học và tri thức được phát hiện do thực thể con người. Vào lúc này các ngành khoa học, tri thức, kỹ công và nghệ thuật còn là những bí mật che giấu, ẩn tàng, rồi lần hồi thực thể con người phát hiện ra chúng và đưa chúng từ thế giới vô hình vào cõi hữu hình. Vì vậy, hiển nhiên là thực thể con người bao trùm vạn vật. Thế nên nó ở châu Âu và phát hiện ra châu Mỹ; nó ở dưới đất và phát hiện những điều trên các cõi trời. Nó là người khai hiện những bí mật của sự vật, là người biết thực thể của vật tồn tại. Những phát hiện này phù hợp và giống với mặc Khải, là sự hiểu biết tâm linh, sự cảm ứng thiêng liêng và sự gặp gỡ của các tinh thần con người. Ví dụ, các Đấng Tiên tri nói: “Ta thấy, Ta nói, Ta nghe điều ấy.”

Vì vậy hiển nhiên là tinh thần có nhận thức diệu kỳ không cần sự trung gian của giác quan nào trong năm giác quan, như mắt hoặc tai. Trong những linh hồn thuộc linh có những phát hiện, những thức ngộ tâm linh, là một sự thông công hoàn toàn thoát khỏi sự tưởng tượng và mơ tưởng, một sự tiếp xúc vượt không gian và thời gian. Như đã có viết trong Sách Phúc âm rằng, trên Núi Tabor, có sự gặp nhau của Moses, Jesus và Eli, và hiển nhiên đây không phải là một cuộc họp mặt thuộc thể.

Loại chuyện trò, hiện diện và tiếp xúc kia của tinh thần là tưởng tượng và hư cấu hoàn toàn, nó chỉ có vẻ như sự thật. Tâm trí và tư tưởng con người đôi khi phát hiện ra chân lý, rồi từ tư tưởng và sự phát hiện này, những dấu hiệu và kết quả phát sinh. Tư tưởng này có một nền tảng. Nhưng nhiều điều đến với tâm trí con người giống như những đợt sóng của biển cả tưởng tượng, nó không sinh hoa trái và từ đó không có kết quả gì. Cũng theo cách ấy, con người thấy trong thế giới giấc ngủ một Khải tượng sẽ được thể hiện thực sự; và một lúc khác, người ấy thấy một giấc mơ không đem lại kết quả gì cả.

Điều ta muốn nói là trạng thái này, mà ta gọi là giao tiếp với các tinh thần, gồm có hai loại: một loại là thuần tưởng tượng, và loại kia thì giống các Khải tượng được nêu trong Thánh Kinh, như là những Khải huyền của thánh Giăng và của Isaiah, cuộc gặp của Jesus với Moses và Eli. Những điều này là thật, và tạo nên những hiệu quả kỳ diệu trong tâm trí và tư tưởng loài người, và khiến lòng họ bị thu hút.

72/ CHỮA BỆNH BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN TÂM LINH

Câu hỏi: Một số người chữa bệnh bằng các phương tiện tâm linh – nghĩa là không dùng thuốc men. Điều này là sao?

Trả lời: Hãy biết rằng có bốn loại chữa bệnh mà không dùng thuốc. Hai loại là do nguyên nhân vật chất, hai loại là do nguyên nhân tinh thần.

Trong hai loại chữa trị vật chất, một là do sự kiện rằng trong con người cả sức khỏe và bệnh tật đều lây lan. Sự lây lan của bệnh là ác liệt và nhanh chóng, nhưng sự lây lan của sức khỏe thì cực kỳ yếu và chậm. Nếu hai thân thể đề tiếp cận nhau, thì những thành phần vi trùng từ bên này sẽ lan sang bên kia. Cũng trong cách ấy bệnh truyền từ thân thể này sang thân thể khác do lây lan rất nhanh và mạnh, có thể là sức khỏe tốt của người mạnh sẽ làm giảm căn bệnh nhẹ của người bệnh. Nghĩa là, sự lây lan của bệnh là ác liệt và có ảnh hưởng nhanh, trong khi sự lây lan sức khỏe thì chậm và có ảnh hưởng nhỏ, và chỉ những căn bệnh rất nhẹ mới nhận được ảnh hưởng nhỏ này. Sức lực mạnh mẽ của thân thể khỏe có thể vượt qua sự yếu kém nhẹ của một thân thể bị bệnh, và sức khỏe phục hồi. Đây là một loại chữa trị.

Loại chữa trị khác không cần thuốc là nhờ lực từ tính tác động từ thân thể này sang thân thể khác và trở thành nguyên nhân chữa lành. Lực này cũng có ảnh hưởng yếu. Đôi khi ta có thể làm lợi cho người bệnh bằng cách đặt tay lên đầu hay lên tim người ấy. Tại sao? Vì ảnh hưởng của từ tính và của cảm giác trí óc trên người bệnh, nó sẽ khiến cho bệnh biến mất. Nhưng ảnh hưởng này cũng rất yếu.

Hai loại chữa bệnh khác có tính tâm linh, nghĩa là, phương tiện để chữa bệnh là sức mạnh tâm linh – một loại từ sự hoàn toàn tập trung tâm trí của người mạnh lên người bệnh, khi người bệnh chờ mong với tất cả niềm tin tập trung thì sự chữa lành sẽ được tác động từ sức mạnh tâm linh của người mạnh, đến mức độ là có mối liên kết giữa người mạnh và người bệnh. Người mạnh dồn mọi nỗ lực để chữa trị cho người bệnh, và người bệnh tin chắc là mình sẽ được chữa lành. Từ ảnh hưởng của những ấn tượng tinh thần này, một sự kích thích thần kinh sẽ trở thành nguyên nhân chữa lành cho người bệnh. Cho nên khi một người bệnh có ước muốn mạnh mẽ và hy vọng tha thiết về một điều gì và chợt nghe tin mừng của thành công, một sự kích thích thần kinh được tạo nên khiến căn bệnh hoàn toàn biến mất. Cũng theo cách ấy, nếu một nguyên nhân hoảng sợ chợt xảy ra, có thể một sự kích thích được tạo nên trên thần kinh của người khỏe khiến người ấy liền ngã bệnh. Nguyên nhân gây bệnh này không thuộc về vật chất, vì người ấy không ăn gì, và không có cái gì tác hại chạm vào người ấy; lúc ấy chỉ có sự kích thích thần kinh là nguyên nhân gây bệnh. Cũng theo cách ấy, sự thành công bất chợt của một

khát vọng chính sẽ đem đến niềm vui làm cho thần kinh được kích thích và sự kích thích này sẽ tạo ra sức khỏe.

Kết luận, sự nối kết đầy đủ và hoàn hảo giữa vị lương y tinh thần và người bệnh – đó là, sự kết nối theo một cách là thầy thuốc tâm linh hoàn toàn tập trung, và tất cả sự chú ý của người bệnh nhắm vào vị lương y tâm linh từ đó người bệnh hy vọng nhận được sức khỏe – tạo nên sự kích thích thần kinh và sức khỏe được tạo ra. Nhưng tất cả những điều này chỉ có tác động phần nào, và không luôn luôn như thế. Còn nếu người nào bị nhiễm bệnh rất nặng, hoặc bị thương tích – những phương tiện này sẽ không loại trừ bệnh tật hoặc làm lành vết thương – nghĩa là các phương tiện không có hiệu lực với những cơn bệnh nặng, trừ khi thể trạng thích ứng, vì một thể trạng mạnh mẽ thường vượt qua cơn bệnh. Đây là cách chữa trị thứ ba.

Còn loại chữa bệnh thứ tư được tạo nên nhờ uy lực của Thánh Linh. Điều này không tùy thuộc sự tiếp xúc, sự hiện thấy, sự hiện diện, không tùy thuộc bất cứ điều kiện nào khác. Dù là bệnh nhẹ hay nặng, dù có sự tiếp xúc thân thể hay không, dù có sự tiếp xúc riêng tư hay không được thiết lập giữa người bệnh và người chữa trị, sự lành bệnh này diễn ra nhờ uy lực của Thánh Linh.

73/ CHỮA BỆNH BẰNG PHƯƠNG TIỆN VẬT CHẤT

Hôm qua nơi bàn tròn này ta đã nói về phép chữa bệnh và sự trị lành bằng tâm linh, gồm việc chữa trị các bệnh bằng sức mạnh tâm linh.

Nay ta hãy nói về việc chữa trị vật chất. Khoa học y dược vẫn còn trong tình trạng non trẻ, chưa đạt đến mức trưởng thành. Nhưng khi nó đạt tới điểm này, việc chữa trị sẽ được thực hiện bằng những thứ không gây khó chịu cho thính giác và vị giác con người – nghĩa là, bằng thức ăn, rau quả là những thứ rất thích hợp với vị giác và khứu giác. Vì nguyên do gây ra bệnh – nghĩa là, nguyên do khiến bệnh nhập vào thân thể con người – hoặc là bởi nguyên nhân vật chất hoặc là do tác động của sự kích thích thần kinh.

Nhưng các nguyên do chính của bệnh là vật chất, vì thân thể con người gồm rất nhiều nguyên tố, nhưng theo mức độ cân bằng đặc biệt. Bao lâu sự cân bằng này được duy trì, bấy lâu con người còn tránh được bệnh tật, nhưng nếu sự cân bằng thiết yếu này, là cốt lõi của thể trạng, bị xáo trộn, cấu hình mất trật tự, thì bệnh sẽ xuất hiện.

Ví dụ, có sự giảm sút một số cấu chất trong thân thể con người, hoặc trong thành phần cấu chất khác có sự gia tăng; như thế tỉ lệ cân bằng bị xáo trộn, và bệnh tật xảy ra. Ví dụ, một thành phần cấu chất phải là một ngàn gram, và một thành phần khác là năm gram, để duy trì sự cân bằng. Cái thành phần một ngàn gram giảm xuống còn bảy trăm gram, và thành phần năm gram tăng lên đến mức là sự cân bằng bị xáo trộn, thì bệnh xảy ra. Khi phép trị liệu

và thuốc men tái lập sự cân bằng, bệnh sẽ bị loại trừ. Như thế nếu thành phần của đường tăng, sức khỏe bị suy giảm, và khi bác sĩ cấm sử dụng thức ăn tinh bột, đường sẽ giảm, sự cân bằng sẽ được tái lập và bệnh bị loại bỏ.

Sự điều chỉnh các thành phần này trong thân thể con người đạt được bằng hai cách – hoặc bằng thuốc men hoặc bằng thức ăn; và khi thể trạng phục hồi sự quân bình của nó, bệnh sẽ tan biến. Tất cả những nguyên tố hợp thành thân người đều tồn tại trong thực vật, vì vậy, nếu một trong các thành phần của thân thể bị sút giảm, con người dùng thức ăn trong đó có nhiều chất bị sút giảm ấy, thì sự cân bằng được thiết lập và bệnh sẽ lành. Vì mục đích là sự điều chỉnh các thành phần của thân thể, nó sẽ được tác động bằng y dược hoặc bằng thức ăn.

Phần lớn các bệnh xảy ra cho con người thì cũng xảy ra cho con vật, nhưng con vật không trị liệu bằng y dược. Trong rừng núi, ở chốn hoang vu, thầy thuốc của loài vật là sức mạnh của vị giác và khứu giác. Con vật ngửi mùi cây hoang dã, nó ăn những cây ngọt và thơm đối với khứu giác và vị giác của nó, và nó lành bệnh. Nguyên do lành bệnh của nó là thế này. Khi chất đường bị giảm trong thể trạng của nó, nó bắt đầu thèm ngọt, vì vậy nó ăn cỏ có vị ngọt, vì thiên nhiên thúc đẩy và hướng dẫn nó, khứu giác và vị giác khiến nó thấy dễ chịu và nó ăn. Chất đường trong thân nó tăng lên, sức khỏe của nó được phục hồi.

Bởi vậy, điều hiển nhiên là ta có thể chữa bệnh bằng lương thực, thực phẩm và trái cây; nhưng vì khoa học y dược ngày nay chưa hoàn hảo, người ta chưa hiểu đầy đủ điều này. Khi khoa học y dược đạt tới sự hoàn hảo, việc trị bệnh sẽ được thực hiện bằng lương thực, thực phẩm, rau quả thơm ngon, và bằng các loại nước, với độ nóng lạnh khác nhau.

Chuyện hôm nay thật ngắn; nhưng, do Ý chí Thượng Đế, vào một lúc khác, khi có hoàn cảnh thích hợp, vấn đề này sẽ được giải thích đầy đủ hơn.

PHẦN 5 : CÁC VẤN ĐỀ LINH TINH KHÁC

74/ ĐIỀU TỐT VÀ ĐIỀU ÁC KHÔNG THỰC HỮU

Sự thực giải thích chủ đề này thật là khó. Hãy biết rằng các sự vật gồm hai loại: về vật chất và về tâm linh, những thứ các giác quan nhận thức được và những thứ qua trí tuệ.

Những sự vật thuộc cảm quan là những thứ nhận thức được bởi năm giác quan bên ngoài; như thế những vật hiện hữu bên ngoài mà mắt thấy được thì gọi là thuộc cảm quan. Những sự vật thuộc trí tuệ là những thứ không có sự tồn tại ở bên ngoài nhưng là những quan niệm của tâm trí. Ví dụ, tâm trí tự nó là sự vật thuộc về trí tuệ, nó không có sự tồn tại bên ngoài. Tất cả những đặc tính và phẩm chất của con người tạo thành sự tồn tại về trí tuệ chứ không phải về cảm quan.

Tóm lại, những thực thể trí tuệ, như là tất cả những phẩm chất và những sự hoàn hảo tuyệt vời của con người, đều tồn tại và tốt đẹp hoàn toàn. Điều ác giản đơn là không tồn tại. Như thế sự dốt nát nghĩa là thiếu hiểu biết; làm lạc là thiếu sự hướng dẫn; sự quên là thiếu ký ức; sự khờ dại là thiếu trí sáng. Tất cả các điều ấy đều không thực hữu.

Cũng theo cách ấy, các đặc tính nhạy cảm đều tuyệt đối tốt, và điều ác là do thiếu các đặc tính ấy - như thế, mù là thiếu thị giác, điếc là thiếu thính giác, nghèo là thiếu giàu có, đau bệnh là thiếu sức khỏe, chết là thiếu sự sống, và yếu đuối là thiếu sức mạnh.

Tuy nhiên tâm trí có thể nảy sinh mỗi hoài nghi - vì bò cạp và rắn có nọc độc. Chúng tốt hay xấu, vì chúng có sinh tồn? Vâng, bò cạp là xấu trong mối tương quan với con người; rắn cũng là xấu trong mối tương quan với con người; nhưng trong mối tương quan với nhau chúng nó không xấu, vì nọc độc là vũ khí của chúng, chúng phải chích nọc độc để tự vệ. Nhưng vì những thành tố trong nọc độc của chúng không phù hợp với những thành tố của chúng ta, nghĩa là, vì có sự đối nghịch giữa các thành tố khác nhau, nên sự đối nghịch này là xấu; nhưng trên thực tế trong mối tương quan với nhau chúng nó đều tốt.

Tóm tắt vấn đề là mối liên quan giữa vật này với một vật khác có thể là xấu, nhưng đồng thời trong những giới hạn tự thân nó không xấu. Như thế ta đã chứng minh là trong cuộc sinh tồn không có cái xấu; mọi vật do Thượng Đế tạo sinh đều tốt. Điều ác là hư không; cái chết chỉ là thiếu sự sống. Khi một người không còn tiếp nhận sự sống nữa, thì người ấy chết. Bóng tối là thiếu ánh sáng: khi không có ánh sáng, thì có bóng tối. Ánh sáng là cái thực hữu,

nhưng bóng tối thì không thực hữu. Cũng như thế, giàu có là có sở hữu vật nào đó còn nghèo khó chỉ là vắng những thứ đó.

Như thế hiển nhiên là mọi điều xấu đều không thực hữu. Điều thiện tồn tại; điều ác thì không.

75/ HAI LOẠI CỰC HÌNH (TORMENT)

Hãy biết rằng có hai loại cực hình: loại tinh tế và loại thô lậu¹¹⁷. Ví dụ, đốt nát tự nó là một cực hình, nhưng nó là một cực hình tinh tế; sự thờ ơ với Thượng Đế cũng là một cực hình; sự giả trá, hung bạo, phản nghịch cũng đều như thế. Tất cả những sự khiếm khuyết đều là cực hình, nhưng đó là thứ cực hình tinh tế. Chắc chắn đối với một người thông minh thì cái chết tốt hơn là tội lỗi, sự cắt lưỡi tốt hơn là nói dối hoặc vu khống.

Thứ cực hình khác là thô lậu (rõ ràng) – là hình phạt về thân thể như ở tù, bị đánh đập, trục xuất, lưu đày. Nhưng đối với con dân của Thượng Đế thì rời xa Thượng Đế là cực hình lớn lao nhất.

76/ SỰ CÔNG BẰNG VÀ BAO DUNG CỦA THƯỢNG ĐẾ

Hãy biết rằng thể hiện sự công bằng là trao cho mọi người thích hợp với công lao của họ, khi một công nhân làm việc từ sáng đến tối, sự công bằng đòi hỏi rằng người ấy phải được trả lương; nhưng khi người ấy không làm gì cả và không phải chịu sự phiền toái nào, người ấy được trao tặng quà: đây là sự ban ân. Nếu bạn bố thí và tặng quà cho một người nghèo, dù người ấy không chịu sự nhọc nhằn nào vì bạn, không làm gì xứng đáng với quà ấy, đây là sự ban ân. Như Đấng Christ cầu nguyện sự tha thứ cho những kẻ sát nhân: đây gọi là hồng ân.

Còn về vấn đề thiện hay ác của các sự việc theo xác định của lý trí hay luật pháp. Có người tin rằng nó được xác định do luật pháp; đó là những người Do Thái giáo, tin tất cả những điều răn của Ngũ kinh có tính bắt buộc tuyệt đối, xem đó là những chuyện của luật pháp, chứ không phải của lý trí. Thế nên họ nói một trong những điều răn của Ngũ kinh rằng cùng ăn bánh mì và bơ với nhau là bất hợp pháp, vì đó là taref, taref trong tiếng Hebrew (Hê bơ) có nghĩa là dơ, như kosher (kô se) nghĩa là sạch. Họ nói rằng đây là vấn đề của luật pháp chứ không phải của lý trí.

Nhưng các nhà thần học nghĩ rằng tính thiện và ác của sự việc tùy thuộc cả lý trí và luật pháp. Nền tảng chính của việc căm sát nhân, trộm cắp, lừa đảo,

¹¹⁷ *Tinh tế Subtle và thô lậu (rõ ràng) palpable*

gian dối, đạo đức giả và tàn bạo, là thuộc lý trí. Mọi người thông minh đều hiểu rằng sát nhân, trộm cắp, lừa đảo, gian dối, đạo đức giả và tàn bạo là xấu xa và đáng khiển trách; vì nếu ta dùng gai châm một người, người ấy sẽ kêu la, phàn nàn và than van; như thế hiển nhiên ta hiểu rằng sát nhân theo lý trí là ác và đáng khiển trách. Nếu một người sát nhân, người ấy sẽ chịu trách nhiệm, dù rằng danh tiếng của Đấng Tiên tri có đến với người ấy không; vì chính lý trí đã tạo thành tính đáng trách của hành động này. Khi con người mắc phải hành động xấu này, y chắc chắn phải chịu trách nhiệm.

Nhưng ở một nơi mà không ai biết đến các phán lệnh của Đấng Tiên tri, và là nơi mà dân chúng không hành động phù hợp với những giáo huấn thiêng liêng, nhưng hành động theo dục vọng tự nhiên – nghĩa là họ hành hạ những ai hành hạ họ - thì theo quan điểm của tôn giáo họ không có tội vì phán lệnh thiêng liêng đã không được truyền đến cho họ. Dù họ không xứng đáng với lượng bao dung và thiên phúc, thế nhưng, Thượng Đế cư xử với họ bằng lượng bao dung và tha thứ cho họ.

Còn sự báo thù, theo lý trí, cũng đáng trách, bởi vì qua chuyện trả thù, người báo oán không nhận được kết quả nào tốt. Thế nên, nếu một người đánh kẻ khác, và nếu người bị đánh trả thù bằng cách đánh lại, người ấy được lợi gì? Đây có phải là thuốc làm lành vết thương hay xoa dịu sự đau đớn của y? Không, thật tội lỗi. Sự thật cả hai hành động đều như nhau: cả hai đều gây tổn thương; điểm khác nhau duy nhất là việc này xảy ra trước, việc kia xảy ra sau. Vì vậy, nếu người bị đánh tha thứ, hay tốt hơn là nếu người ấy hành động trái với điều đã xảy ra cho mình, thì thật đáng ca ngợi.

Luật của cộng đồng sẽ trừng phạt kẻ gây hấn nhưng sẽ không trả thù. Sự trừng phạt có mục đích là cảnh cáo, để đề phòng, để chống lại sự tàn bạo và gây hấn, để cho những người khác có thể tránh sự bạo tàn. Nhưng nếu người bị đánh bỏ lỗi và tha thứ, người ấy thể hiện sự bao dung lớn lao. Điều này thật đáng ngưỡng mộ

77/ CÁCH CƯ XỬ ĐÚNG VỚI CÁC PHẠM NHÂN

Câu hỏi: Có nên trừng phạt kẻ phạm tội hay không, hoặc tha thứ và bỏ qua tội lỗi của y?

Trả lời: Sự trừng phạt có hai loại: cách này là báo thù; cách kia là gia hình. Con người không có quyền báo thù, nhưng cộng đồng có quyền trừng phạt phạm nhân, và sự trừng phạt này nhằm cảnh cáo và ngăn ngừa để cho không ai khác dám vướng vào tội ấy. Sự trừng phạt này là để bảo vệ quyền con người, chứ không phải là báo thù; sự báo thù làm nguôi cơn giận của trái tim bằng cách dùng việc ác chống lại cái ác. Điều này không được cho phép, vì con người không có quyền báo thù. Nhưng nếu các phạm nhân được tha thứ hoàn toàn, thì trật tự xã hội sẽ sụp đổ. Vì vậy trừng phạt là một trong những

điều thiết yếu cho sự an toàn của cộng đồng, nhưng người bị áp bức bởi kẻ gây hấn không được trả thù. Trái lại, người ấy nên bỏ lỗi và tha thứ, vì điều này là xứng đáng với thể giới loài người.

Các cộng đồng phải trừng phạt kẻ áp bức, kẻ sát nhân, kẻ thủ ác, để cảnh cáo và hạn chế kẻ khác phạm những tội như thế. Nhưng điều chủ yếu nhất là dân chúng phải được giáo dục cách thế nào để cho không còn ai phạm tội nữa, hầu tránh phạm tội, như thế tội ác đối với họ là sự hình phạt lớn nhất, là sự lên án và sự gia hình nặng nề nhất. Như vậy, người ta sẽ không phạm tội nữa dù không có hình phạt.

Chúng ta phải nói những điều có thể thực hiện ở trên đời. Có nhiều giả thuyết và ý tưởng cao cả về chủ đề này, nhưng nó không thực tế, nên chúng ta phải nói về những điều khả thi.

Ví dụ, có ai đó áp bức, gây tổn thương, làm điều sai trái cho người khác, và người bị hại giáng trả, thì đây là báo thù và đáng trách. Nếu người con của ‘Amr giết con của Zayd, Zayd không có quyền giết con của ‘Amr; nếu ông ấy làm thế, thì đây là sự báo thù. Nếu ‘Amr làm nhục Zayd, người này không có quyền làm nhục Amr; nếu y làm thế, đây là sự báo thù, và thật là đáng trách. Không, trái lại, y phải lấy ân báo oán, không những chỉ tức khắc tha thứ, mà nếu có thể, còn nên giúp đỡ cho kẻ áp bức mình. Hạnh kiểm này xứng đáng với con người; vì y đạt được lợi lộc gì nếu y báo thù? Cả hai hành động đều như nhau; nếu việc này đáng trách thì việc kia cũng đáng trách. Chỉ có chỗ khác nhau là việc này làm trước, việc kia làm sau.

Nhưng cộng đồng có quyền tự vệ và bảo vệ, hơn nữa, cộng đồng không có oán ghét hoặc hận thù đối với kẻ sát nhân: nó cầm tù và trừng phạt kẻ sát nhân là chỉ vì sự bảo vệ và an ninh của kẻ khác. Nó không nhằm mục đích báo thù đối với kẻ sát nhân, nhưng vì mục đích thực thi hình phạt nhờ đó mà cộng đồng được bảo vệ. Nếu cộng đồng và những người thừa kế của người bị hại tha thứ và lấy ân báo oán, thì kẻ hung bạo sẽ tiếp tục làm hại những người khác, và những vụ sát nhân sẽ tiếp tục diễn ra. Những kẻ ác, giống như lang sói, sẽ diệt đàn chiên của Thượng Đế. Cộng đồng không có ác ý và thù hằn trong việc áp dụng hình phạt, và nó không có ý muốn làm dịu cơn giận ở trong lòng; mục đích của nó là dùng hình phạt bảo vệ kẻ khác để cho những hành động hung ác không xảy ra.

Vì vậy, chuyện Đức Chúa phán: “Khi ai tát người bên má phải, người hãy chìa cả má trái,”¹¹⁸ đó là vì mục đích dạy loài người không nên trả thù riêng. Ngài không có ý bảo rằng, nếu con sói tấn công đàn cừu và muốn diệt đi, thì sói phải được khuyến khích để làm điều ấy. Không, nếu Đức Chúa biết rằng con sói xông vào đàn cừu để hủy diệt chúng, chắc chắn Ngài sẽ ngăn cản nó.

¹¹⁸ Xem Cf. Matt. 5:39.

Vì tha thứ là một trong những đặc tính của Đấng Khoan dung, thì công bằng cũng là một đặc tính của Ngài. Ngôi lều sinh tôn được dựng lên trên trụ cột công lý chứ không phải trụ cột thứ tha. Sự lưu truyền của nhân loại tùy vào công lý chứ không phải vào sự tha thứ. Thế nên, nếu vào lúc này luật tha thứ được áp dụng ở tất cả các nước, thì trong thời gian ngắn thế giới sẽ bị hỗn loạn, nền tảng nhân sinh sẽ sụp đổ. Ví dụ, nếu các chính phủ ở châu Âu không kháng cự Attila (Thành cát tư hãn) lòng danh, ắt hẳn không chừa một người nào sống sót.

Có những người khát máu như lang sói: nếu không thấy có sự trừng phạt, họ sẽ giết người chỉ để làm thú vui và giải trí. Một trong các bạo chúa nước Ba Tư đã giết quốc sư của mình chỉ để làm trò vui, làm trò chơi thể thao. Bạo chúa lòng danh Mutavakkil, triệu tập tất cả triều thần, hội đồng tư vấn và các quan chức đến trước mặt mình, rồi mở hộp nhốt bọ cạp và không cho phép ai được nhúc nhích. Khi bọ cạp chích những người có mặt, y phát cười khoái trá.

Cần nhắc lại: sự hình thành cộng đồng tùy thuộc vào công lý, chứ không phải vào sự thứ tha. Thế nên điều Chúa phán về miễn tội và tha thứ, không có nghĩa là khi các nước tấn công, đốt nhà, cướp tài sản, tấn công vợ con và thân nhân các con, xâm phạm danh dự các con, thì các con nên chịu đựng sự tổn tại những kẻ thù bạo tàn và để họ thực hiện tất cả những chuyện hung dữ và áp bức. Không, lời của Chúa là nhắc tới hạnh kiểm của hai cá nhân đối với nhau: nếu người này tấn công người kia; thì người bị hại nên tha thứ. Nhưng các cộng đồng phải bảo vệ quyền con người. Thế nên, nếu một người tấn công, gây tổn hại, áp bức và gây thương tích cho Ta, Ta sẽ không kháng cự và tha thứ cho y. Nhưng nếu một người muốn tấn công Siyyid Manshadi,¹¹⁹ chắc chắn Ta sẽ ngăn cản hẳn. Dù đối với kẻ hành ác sự không can thiệp có vẻ tốt cho y, nhưng nó là áp bức đối với Manshadi. Nếu vào lúc này một người Á rập bước vào nơi này với thanh kiếm tuốt trần, muốn tấn công, gây thương tích và giết các con, đó không phải là công bằng mà là bất công. Nhưng nếu hẳn làm tổn thương riêng Ta, Ta sẽ tha thứ.

Còn một điều cần nói nữa: Đó là cộng đồng ngày đêm bận rộn trong công việc làm luật hình sự, chuẩn bị và tổ chức các công cụ và phương tiện để trừng phạt. Họ xây dựng nhà tù, làm xiềng xích và gông cùm, sắp xếp nơi chốn để trục xuất và lưu đày và nhiều loại cực hình, tra tấn khác, và nghĩ rằng nhờ những phương tiện này để thi hành kỷ luật phạm nhân, nhưng thực ra, ngược lại, những việc đó đang làm hủy hoại đạo đức và tổn thương nhân cách. Trái lại, các cộng đồng ngày và đêm phải tìm cách và cố gắng hoàn thành việc giáo dục con người với nhiệt tình và nỗ lực cao nhất, khiến con người đạt tiến bộ mỗi ngày, càng gia bội khoa học và kiến thức, thủ đắc đức hạnh, đạt tới đạo đức cao và tránh tật xấu, như thế thì tội ác không thể xảy ra nữa. Hiện giờ điều ngược lại đang thịnh hành; cộng đồng luôn nghĩ tới việc

¹¹⁹ *một người Baha'i ngôi chung bàn*

áp đặt luật hình sự, chuẩn bị phương tiện để trừng phạt, công cụ để xử tử và gia hình, những nơi để giam cầm và lưu đày; và chờ đợi tội phạm xảy ra. Việc này có ảnh hưởng phi luân.

Nhưng nếu cộng đồng cố gắng giáo dục quần chúng, hằng ngày tri thức và khoa học sẽ gia tăng, sự thông cảm sẽ mở rộng, tính nhạy cảm phát triển, phong tục sẽ thành tốt, đạo đức trở nên bình thường, tóm lại, trong tất cả các đẳng cấp của những điều hoàn hảo này sẽ có sự tiên bộ, và tội ác sẽ giảm.

Điều chắc chắn là nơi các dân tộc văn minh tội ác xảy ra ít hơn nơi những dân kém văn minh – nghĩa là, nơi những người đạt tới văn minh thực sự, đó là nền văn minh thiêng liêng – nền văn minh của những người kết hợp tất cả những điều hoàn hảo về vật chất và tinh thần. Vì sự u mê là nguyên nhân của tội ác, nên tri thức và khoa học càng gia tăng, thì tội phạm càng giảm. Hãy xem chuyện sát nhân xảy ra rất thường giữa những người man dã ở châu Phi; thậm chí họ giết hại lẫn nhau để ăn thịt và uống máu! Tại sao những chuyện man rợ ấy không xảy ra ở Thụy sĩ? Lý do thật hiển nhiên: Đó là nhờ giáo dục và đức hạnh ngăn cấm họ.

Vì vậy, các cộng đồng phải nghĩ cách để phòng tội phạm, hơn là trừng phạt nặng nề.

78/ CÁC CUỘC ĐÌNH CÔNG

Các con đã hỏi về những cuộc đình công. Vấn đề này hiện đang và sẽ là chủ đề rất khó khăn trong một thời gian dài. Các cuộc đình công là do hai nguyên nhân. Thứ nhất là do sự tham tàn và ham muốn quá đáng của những nhà sản xuất và nhà công nghiệp; bên kia là do sự không nhượng bộ, ham muốn vô độ của công nhân và thợ thủ công. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh hai nguyên nhân này.

Nhưng nguyên nhân chính của sự khó khăn này nằm trong luật pháp của nền văn minh hiện tại; vì luật ấy dẫn tới một số nhỏ các cá nhân tích tụ tài sản quá lớn, trên mức nhu cầu, trong khi đại đa số phải chịu cảnh nghèo nàn, bị bóc lột và khốn khổ tột cùng. Điều này trái với công lý, với lòng nhân ái, với lẽ công bằng; nó là đỉnh cao của sự bất công, trái ngược với những gì đưa tới sự mãn nguyện thiêng liêng.

Sự tương phản này đặc biệt chỉ có trong thế giới loài người: với các sinh vật khác – nghĩa là đối với hầu hết loài động vật – đều có một sự công bằng và bình đẳng. Thế nên có sự bình đẳng trong một đàn cừu và trong bầy nai ở vùng quê. Cũng thế, trong bầy chim đồng, nơi nội cỏ, núi đồi hoặc vườn cây, và trong các loài vật khác đều có một sự bình đẳng nào đó. Đối với chúng sự khác nhau về phương tiện sinh tồn không hề có; nên chúng sống với nhau trong niềm vui và sự bình an hoàn toàn.

Nhưng với loài người thì hoàn toàn khác hẳn, sự làm lạc lớn lao nhất và sự bất công tuyệt đối kéo dài. Hãy xem một cá nhân tom góp các kho báu bằng cách chiếm làm thuộc địa cả một nước làm lợi ích riêng tư: y sở hữu một sản nghiệp vô song và thụ hưởng những lợi lộc và thu nhập tràn trề như dòng sông tuôn chảy, trong khi hàng trăm ngàn người bất hạnh, yếu đuối và bất lực, thiếu thốn từng miếng bánh. Không hề có sự bình đẳng hoặc nhân hậu. Thế nên các con thấy sự bình an và niềm vui chung bị hủy hoại, và hạnh phúc của loài người bị chối từ đến mức độ làm hư hỏng cuộc sống của nhiều người. Bởi vì sản nghiệp, danh dự, thương mại, công nghiệp đều nằm trong tay một số các nhà công nghiệp, trong khi những người khác phải nhận chịu hàng loạt những khó khăn và những điều phiền toái vô hạn: họ không có thuận lợi, lợi nhuận, tiện nghi hoặc sự bình an. Như thế những qui tắc và luật lệ phải được thiết lập để điều chỉnh những sản nghiệp quá quác của một số tư nhân và đáp ứng nhu cầu của cả triệu người nghèo trong quần chúng, như vậy mới tạo được phần nào sự dung hòa.

Tuy nhiên, không thể nào thực hiện được sự bình đẳng tuyệt đối, bởi vì sự bình đẳng tuyệt đối trong sản nghiệp, danh dự, thương mại, nông nghiệp, công nghiệp sẽ kết thúc trong mất trật tự, hỗn loạn, sự vô tổ chức về các phương tiện sinh tồn và về sự thất vọng chung: trật tự của cộng đồng sẽ bị phá hỏng hoàn toàn. Như thế các khó khăn lại xảy ra khi sự bình đẳng làm lạc bị áp đặt. Vì vậy, điều thích hợp cho sự dung hòa là thiết lập các qui định và điều luật để ngăn ngừa sự tích tụ sản nghiệp quá đáng của một số cá nhân, và bảo vệ những nhu cầu thiết yếu của công chúng. Ví dụ, các nhà sản xuất và nhà công nghiệp tom góp của cải mỗi ngày, còn người nghèo thì không kiếm đủ ăn trong ngày, đó là đỉnh cao của sự bất công, mà không người công bằng nào chấp nhận được. Thế nên các qui định và luật pháp phải thiết lập để cho phép công nhân nhận lương của xí nghiệp và được chia một phần tư hoặc một phần năm lợi tức, tùy khả năng của xí nghiệp; hoặc theo một phương cách nào khác để khối công nhân và nhà sản xuất được chia lợi tức và các lợi ích khác một cách công bằng. Dĩ nhiên, vốn liếng và việc quản lý đến từ chủ xí nghiệp, còn việc làm và công sức thì đến từ công nhân. Các công nhân hoặc được nhận lương bảo đảm sống xứng đáng, và khi họ nghỉ việc hoặc già yếu, họ phải được hưởng lợi nhuận phụ trợ đủ sống từ thu nhập của xí nghiệp, hoặc lương phải đủ cao để thỏa mãn các công nhân với số tiền họ nhận được để họ có thể dành dụm cho những ngày họ cần đến và mất sức.

Khi các vấn đề đã được chấn chỉnh như thế, thì chủ xí nghiệp sẽ không còn hằng ngày giữ riêng kho báu mà ông tuyệt đối không cần đến (vì, nếu sản nghiệp phân bố lệch lạc, nhà tư bản sẽ vất vả với gánh nặng quá đáng, sẽ gặp những khó khăn và phiền toái cực lớn; việc quản trị sản nghiệp quá lớn thật là vất vả và làm tổn sức tự nhiên của con người). Các công nhân và thợ thủ công sẽ không còn phải chịu thiếu thốn và khổ sở nhiều vào cuối cuộc đời.

Như vậy, thật đã rõ ràng và hiển nhiên là tái phân bố sản nghiệp quá lệch lạc giữa một số ít các cá nhân, trong khi quần chúng bị thiếu thốn, là một sự vô lý và bất công. Cũng theo cách ấy, tuyệt đối bình đẳng là điều trở ngại cho cuộc sống và hạnh phúc, cho người khác và cho hòa bình của nhân loại. Trong vấn đề này, trung dung là tốt nhất. Về phía nhà tư bản là sự vừa phải trong việc thủ đắc lợi nhuận, và xét tới hạnh phúc của những người nghèo khó và thiếu thốn – nghĩa là, các công nhân và thợ thủ công nhận hàng ngày một khoản lương hợp lý và ổn định – và được chia phần trong lợi nhuận chung của xí nghiệp.

Điều tốt hơn, về quyền lợi chung của các nhà sản xuất, của công nhân và thợ thủ công, là luật pháp được thiết lập, ban lợi nhuận vừa phải cho các nhà sản xuất, và những phương tiện sinh sống cần thiết và an toàn cho tương lai của công nhân. Như thế khi họ trở nên yếu ớt và thôi làm việc, già yếu và bất lực, hoặc còn có con nhỏ, thì họ và con cái họ sẽ không bị thiệt hại vì quá nghèo. Và từ thu nhập của xí nghiệp, mà họ có quyền lợi, họ sẽ có cỗ phần, dù ít ỏi, để mưu sinh.

Cũng theo cách ấy, công nhân sẽ không còn chống đối hoặc đưa ra những yêu sách quá đáng, không đòi hỏi quá quyền hạn của họ, họ không còn đình công, họ phải vâng lời và phục tùng và không đòi hỏi mức lương quá đáng. Nhưng quyền lợi hợp lý của đôi bên hợp tác sẽ được định đoạt hợp pháp và được thiết lập theo tập tục bằng những luật lệ công bằng và vô tư. Khi một trong hai bên vi phạm, tòa án sẽ xử bên vi phạm, và ngành hành pháp sẽ thực thi bản án, để trật tự được tái lập, và các khó khăn được giải quyết.

Sự can thiệp của tòa án và chính quyền trong những khó khăn kéo dài giữa nhà sản xuất và công nhân là hợp pháp, vì lẽ những việc đang xảy ra giữa công nhân và các nhà sản xuất không là việc bình thường giữa các tư nhân, cũng dính dấp với công chúng, và đó là việc chính quyền không nên tự mình xử lý. Trên thực tế, dù các vụ việc có vẻ riêng tư, những khó khăn này giữa hai bên tạo ra phương hại tới việc công; vì thương mại, công nghiệp, nông nghiệp và các công vụ của đất nước tất cả đều gắn kết mật thiết với nhau. Nếu một trong các thành phần này bị lạm dụng, thì sự tổn hại ảnh hưởng tới cả công chúng. Như thế, những khó khăn giữa công nhân và các nhà sản xuất trở thành nguyên nhân của sự tổn hại chung. Vì vậy, tòa án và chính quyền có quyền can thiệp.

Khi sự khó khăn xảy ra giữa hai cá nhân liên quan tới quyền lợi riêng, cần thiết phải có thành phần thứ ba giúp giải quyết vấn đề. Đây là phần của chánh quyền. Như thế vấn đề đình công – nó tạo nên những phiền toái cho đất nước và thường liên quan đến những yêu sách quá đáng của công nhân, cũng như sự tham hám của nhà sản xuất – thì làm sao có thể bỏ qua được?

Lạy Thượng Đế! Hỏi có thể nào, khi thấy đồng loại mình bị đói khát, thiếu thốn mọi sự, một người có thể nghỉ yên và sống thoải mái trong dinh cơ xa

hoa của mình? Một người gặp người khác trong cảnh khốn khổ nhất, liệu có thể vui hưởng sản nghiệp của mình sao? Đó là lẽ tại sao, trong Tôn giáo của Thượng Đế, có sự phán dạy và qui định rằng mỗi năm những người giàu có phải đóng một phần sản nghiệp của mình cho việc nuôi dưỡng những người nghèo và bất hạnh. Đó là nền tảng Tôn giáo của Thượng Đế và có tính bắt buộc với mọi người. Và vì con người trong cảnh này không bị chính quyền thúc bách hoặc bắt buộc, nhưng chỉ bằng khuynh hướng tự nhiên của lòng lành tự nguyện và vui vẻ bộc lộ ân đức đối với người nghèo, một hành động như thế thật đáng ca ngợi, ghi nhận và vui thích.

Đó là ý nghĩa của việc lành trong các Thánh Kinh và Kinh bản của Thượng Đế.

79/ THỰC THỂ THẾ GIỚI BÊN NGOÀI

Một số người nguy biện cho rằng cõi sinh tồn là ảo ảnh, rằng mỗi sinh linh là một hư ảnh tuyệt đối không có sự tồn tại –nói cách khác, rằng sự tồn tại của các sinh linh giống như ảo ảnh, hoặc giống như sự phản chiếu của một hình ảnh trong nước hoặc trong tấm gương, nó chỉ là một sự xuất hiện, không có nguyên lý, nền tảng hoặc thực thể.

Lý thuyết này sai lầm, vì mặc dù sự tồn tại của các sinh linh đối với sự tồn tại của Thượng Đế chỉ là hư ảnh, tuy nhiên, trong tình trạng của sinh linh nó có sự tồn tại thật sự và chắc chắn. Phủ nhận điều này là sai lầm. Ví dụ, sự tồn tại của khoáng vật so với sự tồn tại của con người, thì nó như không tồn tại, vì khi con người bị hủy hoại bề ngoài, thân xác của nó trở thành khoáng vật; nhưng khoáng vật có sự tồn tại trong thế giới khoáng vật. Như vậy, hiển nhiên là đất, so với sự tồn tại của con người là không tồn tại, và sự tồn tại của nó là ảo ảnh; nhưng với khoáng vật nó có sự tồn tại.

Cũng theo cách ấy sự tồn tại của các sinh linh trong đối chiếu với sự tồn tại của Thượng Đế thì chỉ là ảo ảnh và hư không; nó là một sự xuất hiện, giống như một hình ảnh phản chiếu trong tấm gương. Nhưng dù một hình ảnh thấy trong tấm gương là ảo ảnh, nguồn gốc và thực thể của hình ảnh hư ảo ấy là con người được phản chiếu, mặt của y xuất hiện trong tấm gương. Tóm lại, sự phản chiếu so với con người được phản ánh là một ảo ảnh. Như thế thật hiển nhiên rằng mặc dù các sinh linh trong mối liên quan với Thượng Đế là không tồn tại, nhưng giống như hình ảnh hoặc sự phản chiếu trong tấm gương, tuy nhiên ở cấp độ của chúng, chúng tồn tại.

Đó là lẽ tại sao những kẻ vô tâm và chối bỏ Thượng Đế đã bị Đức Chúa gọi là những kẻ chết, dù bề ngoài họ sống; trong mối tương quan với những người có đức tin, thì họ là người chết, người mù, người điếc, người câm. Đây

là ý nghĩa của lời Chúa phán: “Hãy để những kẻ chết chôn người chết của chúng.”¹²⁰

80/ SỰ TIÊN HỮU VÀ HIỆN TƯỢNG

Câu hỏi: Có mấy loại tiên hữu và mấy loại hiện tượng?

Trả lời: Các nhà thông thái và triết gia tin rằng có hai loại tiên hữu: tiên hữu tất yếu và tiên hữu về thời gian. Hiện tượng cũng có hai loại: hiện tượng tất yếu và hiện tượng về thời gian.

Tiên hữu tất yếu là sự tồn tại không có nguyên nhân nào trước nó, nhưng hiện tượng tất yếu thì có rất nhiều nguyên nhân trước nó. Tiên hữu về thời gian thì không có khởi thủy, nhưng hiện tượng về thời gian thì có những khởi thủy và những chung cuộc; vì sự tồn tại của mọi vật tùy thuộc bốn nguyên nhân – nguyên nhân hiệu lực, chất liệu, hình thể và nguyên nhân cuối cùng. Ví dụ, cái ghế này có người làm ra là thợ mộc, chất liệu là gỗ, hình thể là hình cái ghế, và mục đích là cái dùng để ngồi. Vì vậy, cái ghế này là hiện tượng thiết yếu, vì nó có một nguyên nhân đi trước, và sự tồn tại của nó tùy thuộc các nguyên nhân. Đây gọi là hiện tượng thật sự và thiết yếu.

Còn thế giới sinh tồn này trong mối tương quan với Đấng Sáng tạo ra nó là hiện tượng thật. Vì thân thể được nuôi dưỡng bằng tinh thần, nên trong mối liên quan với tinh thần nó là hiện tượng thiết yếu. Tinh thần thì độc lập đối với thân thể, và trong mối liên quan với nó, tinh thần là sự tiên hữu thiết yếu. Mặc dù những tia sáng luôn luôn không tách rời khỏi mặt trời, tuy nhiên mặt trời là tiên hữu và những tia sáng là hiện tượng, vì sự tồn tại của những tia sáng tùy thuộc vào sự tồn tại của mặt trời. Nhưng sự tồn tại của mặt trời không tùy thuộc và sự tồn tại của các tia sáng, vì mặt trời là người cho và những tia sáng là tặng phẩm.

Luận đề thứ hai là sự tồn tại và không tồn tại đều có tính tương đối. Nếu ta nói rằng một sự vật đi vào tồn tại từ chỗ không tồn tại, điều này không có ý nói tới sự không tồn tại tuyệt đối, nhưng có nghĩa là tình trạng trước đó của nó liên quan với tình trạng hiện tại là hư không. Vì sự hư không tuyệt đối không thành sự tồn tại, vì nó không có khả năng về tồn tại. Con người, giống như khoáng vật, đang tồn tại; nhưng sự tồn tại của khoáng vật so với con người thì là hư không, vì khi thân người bị hủy hoại, nó trở thành cát bụi và khoáng vật. Nhưng khi cát bụi tiến hóa vào thế giới con người, và thân xác này trở nên sống động, con người trở thành tồn tại. Dù cát bụi – ý nói khoáng vật – có sự tồn tại trong tình trạng của nó, nhưng sánh với con người nó là hư không. Cả hai đều tồn tại, nhưng sự tồn tại của cát bụi và khoáng vật so

¹²⁰ *Matt. 8:22*

với con người là không tồn tại và là hư không; vì khi con người trở thành không tồn tại, nó trở về với cát bụi và khoáng vật.

Vì vậy, dù thế giới tạm bợ tồn tại, trong tương quan với sự tồn tại của Thượng Đế là không tồn tại và hư không. Con người và cát bụi cùng tồn tại, nhưng sự khác biệt thật to lớn biết bao giữa sự tồn tại của khoáng vật và sự tồn tại của con người! Cái này sánh với cái kia là hư không. Cũng theo cách ấy, sự tồn tại của tạo vật so với sự tồn tại của Thượng Đế là không tồn tại. Như thể hiển nhiên và rõ ràng là dù các sinh linh tồn tại, nhưng so với Thượng Đế và Ngôi Lời của Ngài thì các sinh linh không tồn tại. Đây là sự bắt đầu và chung cuộc của Ngôi Lời Thượng Đế, Đấng đã phán: “Ta là Alpha và Omega”; vì Ngài là sự khởi đầu và chung cuộc của Thiên ân. Đấng Sáng tạo luôn luôn có tạo vật; những tia sáng luôn luôn chiếu rọi và tỏa ra từ thực thể mặt trời, vì nếu không có những tia sáng, mặt trời là bóng tối hoàn toàn. Những danh và những đặc tính của Thượng Đế đòi hỏi sự tồn tại của các sinh linh, và Hồng ân Vĩnh cửu không bao giờ chấm dứt. Nếu là như thế, là trái với những sự hoàn hảo của Thượng Đế.

81/ SỰ LUÂN HỒI

Câu hỏi: Sự thật về vấn đề luân hồi mà một số người tin là gì?

Trả lời: Mục tiêu của vấn đề chúng ta sắp nói đến là để giải thích sự thật – chứ không châm chọc niềm tin của người khác; mà chỉ để giải thích những sự kiện, thế thôi. Chúng ta không chống đối ý kiến của bất cứ ai, chúng ta cũng không chấp nhận sự chỉ trích.

Như thế, hãy biết rằng những người tin vào luân hồi có hai loại: một loại không tin vào những sự trừng phạt và ban thưởng ở thế giới bên kia, và họ cho rằng con người luân hồi tức trở lại thế giới này để nhận sự ban thưởng; họ nghĩ thiên đàng và địa ngục đều giới hạn trong thế giới này và không nói tới sự tồn tại ở thế giới khác. Trong số những người này lại chia ra hai thành phần. Một thành phần nghĩ rằng con người đôi khi trở lại thế giới này ở dạng loài vật để chịu sự trừng phạt nghiêm khắc, và rằng sau khi trải qua cực hình đau đớn này, con người sẽ được thoát khỏi thế giới loài vật, rồi trở lại thế giới loài người; điều này gọi là chuyển kiếp. Thành phần kia nghĩ rằng từ thế giới loài người, con người trở lại thế giới loài người, và sự trở lại này là để nhận phần thưởng và hình phạt từ kiếp trước; đây gọi là luân hồi. Cả hai thành phần này không nói về thế giới nào khác ngoài thế giới này.

Loại người thứ hai tin vào luân hồi xác nhận sự tồn tại của thế giới bên kia, và họ cho rằng luân hồi là phương tiện để hoàn thiện – nghĩa là, họ nghĩ rằng con người, do trở lại thế giới này nhiều lần, thì sẽ lần hồi đạt tới những sự hoàn hảo, cho đến khi đạt tới sự hoàn hảo sâu thẳm nhất. Nói cách khác, loài người được tạo thành bởi thể và khí: thể chất lúc ban đầu – nghĩa là trong

chu kỳ đầu – thì khiếm khuyết, nhưng do trở lại thế giới này nhiều lần, nó tiến bộ và đạt tới sự thanh tao và tinh tế, cho đến khi trở thành như tấm gương bóng láng; thì khi ấy khí, không gì khác hơn là tinh thần, hiển hiện ở trong gương với tất cả sự hoàn hảo của nó.

Đây là sự trình bày chủ đề do những người tin vào luân hồi và chuyển kiếp. Ta đã cô đọng lại; nếu Ta đi vào chi tiết, nó sẽ mất nhiều thời gian. Tóm tắt như vậy là đủ rồi. Người ta không đưa ra lập luận hoặc bằng chứng nào cho vấn đề này; nó chỉ là những giả thiết và suy đoán từ những phỏng định, chứ không phải là luận cứ chung quyết. Cần phải hỏi bằng chứng từ những người tin vào luân hồi, chứ không hỏi những điều phỏng định, giả thiết hoặc tưởng tượng.

Nhưng các con đã hỏi những lập luận về tính bất khả hữu của sự luân hồi. Đây là những gì Ta phải giải thích. Lập luận thứ nhất về sự bất khả của nó vì rằng cái bên ngoài là sự thể hiện cái bên trong; trái đất là tấm gương về Nước trời; thế giới vật chất thích ứng với thế giới tâm linh. Vậy hãy thấy rằng trong thế giới về cảm nhận những sự xuất hiện không có lặp lại, vì không có một sinh linh nào trên bất cứ phương diện nào là giống y, là rập khuôn với một sinh linh khác. Dấu hiệu của đơn nhất tính là có thể thấy được và hiển hiện nơi mọi vật. Nếu tất cả các kho thóc trên thế giới đều đầy ắp, các con sẽ không tìm thấy hai hạt tuyệt đối giống y nhau, coi như một và đồng dạng không chút phân biệt nào. Chắc chắn rằng sẽ có những điểm khác nhau và dị biệt giữa chúng. Vì bằng chứng về đơn nhất tính tồn tại trong mọi vật, và Tính Đơn nhất và Thống nhất của Thượng Đế hiển hiện trong thực thể mọi vật, nên sự lặp lại là tuyệt đối bất khả. Vì vậy, luân hồi, là sự xuất hiện lặp lại nhiều lần của cùng một tinh thần với bản thể cũ và tình trạng cũ trong một thế giới hiển hiện, là bất năng và không thực hiện được. Vì sự lặp lại cùng một sự hiển hiện là bất năng và bị ngăn cấm đối với mỗi sinh linh vật chất, nên với những sinh linh tâm linh cũng thế, việc trở lại cùng tình trạng cũ, ở trong cung tiến lên hoặc trong cung giáng xuống, cũng bị cấm và bất năng, vì vật chất thích ứng với tâm linh.

Dù vậy, sự trở lại của những sinh linh vật chất đối chủng loài là hiển nhiên, thế nên cây cối trong năm trước đã sinh ra lá, hoa và quả, thì trong năm tới sẽ mang lại những lá, hoa và quả y như thế. Đây gọi là sự lặp lại của chủng loài. Nếu có ai đưa ra lời phản đối mà nói rằng, lá hoa và quả đã phân rã và trở về thế giới khoáng vật, rồi từ thế giới khoáng vật trở lại thế giới thực vật, như vậy là đã có sự lặp lại – thì câu trả lời rằng hoa, lá và quả của năm ngoái đã phân rã, và những thành tố tổng hợp này đã phân hủy và phân tán trong không gian, và những hạt của lá và quả năm ngoái, sau khi phân rã, đã không được kết hợp trở lại, và đã không trở lại. Trái lại, bằng sự kết hợp những nguyên tố mới, chủng loài đã trở lại. Với thân thể con người cũng như vậy, sau khi sự phân rã trở thành hủy hoại, và những nguyên tố hợp thành đã tan tác. Nếu theo cách ấy, thì thân thể này sẽ trở lại từ thế giới khoáng vật hoặc thực vật, nó sẽ không có chính những nguyên tố hợp thành con người lúc

trước. Những nguyên tố ấy đã phân rã và tan tác; nó đã tàn lụi trong không gian bao la. Về sau, các hạt của những nhân tố được kết hợp, và một thân người thứ hai được tạo nên; có thể chỉ một trong các hạt của cá nhân xưa đi vào thành phần cá nhân sau này, nhưng những hạt này không được bảo tồn và giữ nguyên, chính xác và đầy đủ, không thêm không bớt, như vậy chúng có thể được kết hợp trở lại, và từ sự hợp thành và trộn lẫn đó một cá nhân khác có thể bước vào cõi sinh tồn. Như vậy là không thể chứng minh rằng thân thể này với tất cả các hạt của nó đã trở lại; rằng con người xưa đã trở thành người sau; và rằng, kết quả là có sự lặp lại; tinh thần cũng thế, giống như cơ thể, đã trở lại; và rằng sau khi chết bản thể của nó đã trở lại thế giới này.

Nếu chúng ta nói rằng sự luân hồi này là để đạt được những sự hoàn hảo để cho vật chất có thể trở nên thanh tao và tinh tế, và rằng ánh sáng tinh thần có thể biểu hiện trong đó với sự hoàn hảo tuyệt vời nhất, đây cũng là tương tượng hoàn toàn. Bởi vì, dù cho rằng chúng ta tin vào lập luận này, thì sự thay đổi của thiên nhiên cũng bất năng qua sự đổi mới và trở lại. Bản thể của sự khiêm khuyết, do trở lại, không thể biến thành bản thể của sự hoàn hảo; bóng tối hoàn toàn, do sự trở lại, không thể trở thành nguồn ánh sáng; bản thể của sự yếu đuối không thể trở thành uy lực và sức mạnh khi trở lại, và một bản tính trần gian không thể trở thành thực thể thiên đàng. Cây Zaqum,¹²¹ dù nó trở lại bao nhiêu lần, sẽ không thể cho ra quả ngọt, cây tốt. Vì vậy, thật hiển nhiên rằng sự trở lại từ thế giới vật chất không thể nào trở thành nguyên nhân của sự hoàn hảo. Lý thuyết này không có bằng chứng; nó chỉ là một ý tưởng. Không, trên thực tế, nguyên nhân của sự sở hữu những điều hoàn hảo là hồng ân của Thượng Đế.

Các nhà thông thiên học tin rằng con người ở trên cung trăng tiến¹²² sẽ trở lại nhiều lần cho đến lúc đạt tới Trung tâm Tối cao, trong điều kiện ấy vật chất trở thành trong suốt như gương, ánh sáng tinh thần sẽ chiếu rọi lên đó với tất cả uy lực, và sự hoàn hảo tất yếu sẽ đạt được. Đây là một đề xuất thần học sâu xa và vững chắc, rằng các thế giới về vật chất được phân định ở cuối cung giáng hạ, và điều kiện của con người nằm ở cuối cung giáng hạ này và ở khởi điểm cung thăng tiến, đối ngược với Trung tâm Tối cao. Cũng thế, bắt đầu từ cuối cung thăng tiến, có nhiều mức độ tâm linh. Cung giáng hạ được gọi là khởi đầu,¹²³ và cung thăng tiến được gọi là tiến bộ.¹²⁴ Cung giáng hạ chấm dứt trong những đặc tính vật chất, và cung thăng tiến tận cùng bằng những tính tâm linh. Điểm của vòng quay trong sự mô tả một vòng tròn không có chuyển động ngược, vì điều này là trái với hoạt động tự nhiên và trật tự thiêng liêng; bằng không, tính cân xứng của vòng tròn sẽ hỏng mất.

¹²¹ *Cây độc nêu trong Kinh Quran*

¹²² *nghĩa là Vòng tròn Sinh tồn*

¹²³ *nghĩa đen là sinh ra*

¹²⁴ *nghĩa đen là tạo nên một cái gì mới*

Hơn nữa, thế giới vật chất này không có cái giá trị hoặc tính ưu việt mà con người sau khi thoát khỏi chiếc lồng này, sẽ không muốn sập bẫy một lần nữa. Không, nhờ Hồng ân Vĩnh cửu, giá trị và khả năng thực sự của con người trở nên hiển nhiên và cụ thể bằng sự trải qua những mức độ sinh tồn, chứ không phải bằng sự quay lui. Vô sò một khi mở ra, thì rõ ràng và hiển nhiên nó phải chứa đựng một hạt trân châu hoặc một vật không có giá trị. Cái cây một khi đã mọc lên nó phải sinh ra gai hoặc bông hoa; nó không cần phải mọc lại nữa. Ngoài ra, tiến lên và vận động trong các thế giới theo một trật tự trực tiếp phù hợp với luật tự nhiên là nguyên do của cuộc sinh tồn, hoạt động trái với hệ thống và luật tự nhiên là nguyên nhân của sự không sinh tồn. Sự trở lại của linh hồn sau khi chết là trái với chuyển động tự nhiên, và trái với hệ thống thiêng liêng.

Vì vậy, bằng sự trở lại, tuyệt đối không thể đạt được sự sinh tồn; cũng ví như con người sau khi rời khỏi bụng mẹ, lại trở về đó lần thứ hai. Hãy xem sự tương tượng này trẻ con biết bao khi chấp nhận niềm tin vào luân hồi và chuyên kiếp. Các tín đồ ở đây xem thân thể là cái bình chứa đựng tinh thần, là tách đựng nước, và nước mang dạng khác khi được đổ vào một chiếc tách khác. Đây là trò đùa trẻ con. Họ không ý thức rằng tinh thần là một sinh linh không thân xác, nó không vào và ra, nhưng chỉ gắn liền với thân thể như mặt trời với tấm gương. Nếu đúng như họ tin, tinh thần khi trở lại thế giới vật chất này phải trải qua các mức độ và đạt tới sự hoàn hảo thiết yếu, nó sẽ trở nên tốt hơn nếu Thượng Đế cho kéo dài đời sống tinh thần trong thế giới vật chất này cho đến khi nào nó đạt được những ân sủng và sự hoàn hảo; như vậy thì không cần thiết phải cho nó nếm cái chết, hoặc thêm đời sống thứ hai.

Ý tưởng cho rằng sự tồn tại giới hạn trong thế giới hữu hoại này, và sự chối bỏ các thế giới thiêng liêng, khởi thủy phát xuất từ những tương tượng của một số tín đồ thuyết luân hồi; nhưng các thế giới thiêng liêng thì vô tận. Nếu các thế giới thiêng liêng đạt đỉnh điểm trong thế giới vật chất này, thì cuộc sáng tạo thật là vô bổ; hơn nữa, cuộc sinh tồn chỉ hoàn toàn là trò chơi trẻ con. Kết quả của những sinh linh vô cùng tận này, đó là sự sinh tồn cao quý của con người, chỉ đến và đi trong ít ngày nơi cư trú hữu hoại này, và sau những hình phạt và phần thưởng, cuối cùng tất cả đều thành hoàn hảo. Cuộc sáng tạo thiêng liêng và những sinh linh tồn tại vô hạn sẽ trở nên hoàn hảo và vẹn toàn, bây giờ Thần tính của Thượng Đế, các danh và các đặc tính của Ngài, nhân danh những sinh linh tâm linh này, do ảnh hưởng của chúng, hình thành sự lười biếng và bất động! “Vinh thay Thượng Đế, Đấng Chúa là Đấng vượt khỏi mọi sự mô tả của chúng.”¹²⁵

Đó là những tâm trí giới hạn của các triết gia xưa, như Ptolemy và các triết gia khác đã tin và tưởng tượng rằng thế giới, sự sống và cuộc sinh tồn bị giới hạn trong quả địa cầu này, và không gian vô hạn kia được gom trong chín tầng trời, tất cả đều trống rỗng và hư không. Hãy xem tư tưởng bị hạn chế

¹²⁵ Xem. *Qur'án* 37:180

lớn lao biết bao và tinh thần họ yếu kém biết bao. Những kẻ tin vào thuyết luân hồi cho rằng các thế giới tinh thần bị hạn chế trong các thế giới thuộc trí tưởng tượng con người. Hơn nữa, một số người nơi họ như các dân Druzes và các Nusayris, nghĩ rằng cuộc sinh tồn bị hạn chế trong thế giới vật chất này. Thật là một sự giả định u tối biết bao! Vì trong vũ trụ này của Thượng Đế, mọi điều xuất hiện đầy hoàn hảo, vẻ đẹp và vĩ đại nhất, những ngôi sao rực sáng của vũ trụ vật chất là vô số! Thế nên chúng ta hãy suy ngẫm rằng các thế giới tâm linh, là nền tảng chính yếu, thật vô lượng vô biên biết bao. “Hãy lưu tâm, hỡi các người là những người sáng suốt,”¹²⁶

Nhưng hãy trở lại với chủ đề của chúng ta. Trong các Thánh thư và các Thánh Kinh đều có nói đến “sự trở lại”, nhưng những kẻ dốt không hiểu ý nghĩa, và những người tin vào thuyết luân hồi đã phỏng đoán về chủ đề này. Vì điều các Đấng Tiên tri muốn nói đến sự trở lại không phải là sự trở lại của bản thể, nhưng là sự trở lại của các phẩm chất; không phải là sự trở lại của Đấng Biểu hiện, nhưng là sự trở lại của những điều hoàn hảo. Trong Sách Phúc âm có nói rằng John, con trai của Zacharias, là Elias. Nhưng lời này không có nghĩa là sự trở lại linh hồn thuần lý và nhân cách của Elias trong thân thể của John, nhưng thực ra là những điều hoàn hảo và những phẩm chất của Elias được biểu hiện và xuất hiện nơi John.

Một ngọn đèn chiếu sáng trong phòng này đêm qua, và đêm nay khi một ngọn đèn chiếu sáng, chúng ta nói rằng ánh sáng đêm qua đang chiếu rọi trở lại. Nước chảy từ vòi nước; rồi nó ngưng, khi nó bắt đầu chảy lần thứ hai, chúng ta nói rằng nước này là cùng một thứ nước đang chảy; hoặc chúng ta nói rằng ánh sáng y hệt ánh sáng xưa. Cũng như thế với mùa xuân năm trước, khi nụ, hoa, cỏ thơm bùng nở, và trái cây ngọt ngào sản sinh; năm tới chúng ta nói rằng những quả ngon lành đã trở lại, và những nụ, hoa, cỏ thơm lại trở về. Điều này không có nghĩa là chính những hạt tạo thành hoa của năm trước, sau khi phân rã, đã tái hợp thành và đã trở về. Trái lại, ý nghĩa là sự thanh tao, tươi mát, thơm tho và màu sắc tuyệt vời của những đóa hoa năm trước lại hiện hiện và thấy được cũng theo cách như những đóa hoa năm nay. Tóm lại, sự diễn đạt này chỉ nhắc tới sự tương đồng, sự giống nhau tồn tại giữa hoa cũ và hoa mới. Sự trở lại được nêu trong các Thánh thư là như thế này: nó được giải thích hoàn toàn bởi Ngôi bút Tối cao trong Kitab-i-Iqan. Hãy tra cứu sách ấy, rồi các con sẽ thông hiểu sự thật của những điều huyền nhiệm thiêng liêng. Gửi đến các con lời chúc tụng và khen ngợi.

¹²⁶ *Qur'án* 59:2.

82/ THUYẾT PHIÊM THẦN (VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ)

Câu hỏi: Các nhà thông thiên học và các nhà Sufi hiểu sao về chủ đề phiếm thần? Nó có nghĩa là gì, và nó phù hợp với chân lý được bao nhiêu phần?

Trả lời: Hãy biết rằng chủ đề phiếm thần luận này rất xưa cũ. Niềm tin này không chỉ giới hạn nơi những nhà thông thiên học, những nhà Sufi; mà trái lại, một số nhà hiền triết Hy Lạp cũng tin vào nó, như Aristotle nói: “Chân lý giản đơn là gồm mọi vật, nhưng chẳng riêng một vật nào cả.” Trong trường hợp này, “giản đơn” là trái với kết hợp, nó là Bản thể cô lập, được thanh lọc và vượt khỏi mọi kết hợp và phân chia, và nó tự dung giải thành thiên hình vạn trạng. Vì vậy, Sinh tồn thực sự là tất cả vạn vật, nhưng không phải là một vật nào cả.

Tóm lại, tín đồ phiếm thần luận nghĩ rằng Sinh tồn Thực sự có thể ví với biển, và các sinh linh giống như sóng trên biển. Các làn sóng này, báo hiệu về các sinh linh, là thiên hình vạn trạng của Sinh tồn Thực sự ấy, vì vậy, Bản thể Thánh thiện là Biển Tiên hữu (Thượng Đế), và thiên hình vạn trạng của chúng sinh là các làn sóng hiển hiện.

Cũng thế, họ so sánh thuyết này với sự thống nhất thật sự và tính vô hạn của các số; sự thống nhất thật sự tự phản ánh trong các mức độ của các con số không cùng, vì các con số là sự lặp lại của thống nhất thật sự. Như vậy số hai là sự lặp lại số một, và với các con số khác cũng đều như thế.

Một trong những bằng chứng của họ là thế này: tất cả sinh linh là những sự vật mà Thượng Đế biết; và sự hiểu biết mà không có sự vật được biết đến là không tồn tại, vì tri thức liên quan đến cái gì tồn tại, chứ không phải với sự hư không. Sự không thực hữu tuyệt đối không thể được xác định hoặc có cá tính trong các cấp độ của tri thức. Vì vậy, thực thể các sinh linh, là những sự được Thượng Đế Đấng Tối cao biết đến, thì có sự tồn tại mà tri thức có,¹²⁷ vì chúng có dạng Tri thức Tiên hữu, và chúng là tiên hữu, như Tri thức Tiên hữu là tiên hữu. Vì tri thức là tiên hữu, các vật được biết đến cũng phải như vậy, còn những cá thể hóa hoặc những qui cách của các sinh linh, là những tri thức tiên hữu của Bản thể Như nhất, tri thức và những sự vật được biết đến có sự thống nhất tuyệt đối đó là thật và chắc chắn. Bằng không, Bản thể Như nhất sẽ trở thành nơi của những hiện tượng đa tạp, và sự đa tạp của điều tiên hữu¹²⁸ sẽ trở thành tất yếu, thì thật phi lý.

Như thế là đã chứng minh rằng những vật được biết đến tự nó chứa đựng tri thức, và tri thức chính Bản thể - nghĩa là, Đấng Tri thức, tri thức và những vật được biết đến là một thực thể. Và nếu một người tưởng tượng bất cứ điều gì ngoài phạm vi này, thì cần thiết phải trở lại với tính đa tạp của tiên hữu và

¹²⁷ nghĩa là, sự tồn tại về trí tuệ

¹²⁸ các thần

chuỗi mắc xích,¹²⁹ và những tiên hữu chấm dứt chuyện trở thành cái vô số. Vì sự cá thể hóa và qui cách của các sinh linh trong tri thức về Thượng Đế là chính Bản thể Như nhất, và vì không có sự khác nhau giữa hai điều ấy, thì chỉ có một sự Thống nhất thật sự, và mọi vật được biết đến tan biến và hòa nhập trong thực thể của một bản thể - nghĩa là, theo thể cách của tính đơn giản và thông nhất, chúng bao gồm tri thức về Đấng Thượng Đế Tối cao, và Bản thể của Thực tại. Khi Thượng Đế biểu hiện vinh quang của Ngài, các tính chất cá thể và các đặc điểm riêng này của các sinh linh đều có sự tồn tại ảo - ý muốn nói, đó là một dạng của Tri thức Thiên thượng - cho thấy sự tồn tại của nó ở thế giới bên ngoài; và sự Tồn tại Thực sự này tự dung giải thành vô số hình dạng. Đó là nền tảng lập luận của họ.

Các nhà Thông thiên học và các nhà Sufi chia làm hai nhánh: một nhánh là quần chúng, chỉ giản đơn là bất chước, tin thuyết phiếm thần mà không hiểu ý nghĩa của những nhà thông thái danh tiếng; còn quần chúng Sufi thì tin rằng ý nghĩa của Thực thể là sự tồn tại nói chung, độc lập, mà lý trí và sự thông minh có thể hiểu được - nghĩa là, con người hiểu được.

Thay vì như thế, sự tồn tại chung này là một trong những diễn biến bất chợt xuyên suốt thực thể các sinh linh, và phẩm chất của các sinh linh là phần tinh hoa. Sự tồn tại bất chợt này, vốn tùy vào các sinh linh, giống như những tính chất khác của sự vật tùy thuộc vào nó. Nó là một diễn biến bất chợt trong những diễn biến bất chợt, và chắc chắn rằng cái là phần tinh hoa thì cao hơn cái diễn tiến bất chợt.

Vì cái tinh hoa là gốc, còn diễn tiến bất chợt là hậu quả; tinh hoa phụ thuộc vào chính nó, còn diễn tiến bất chợt thì tùy thuộc vào một cái gì khác - nghĩa là nó cần cái tinh hoa mà nó tùy thuộc vào.

Trong trường hợp này, Thượng Đế là hậu quả của sinh linh, Ngài cần tới nó, và nó thì độc lập đối với Ngài.

Ví dụ, một khi các nguyên tố đơn lẻ kết hợp đồng dạng với hệ thống hoàn vũ thiêng liêng, thì một sinh linh trong các sinh linh đến với thế giới. Nghĩa là, khi các nguyên tố kết hợp lại, một sự sinh tồn thực vật được tạo ra; các nguyên tố khác kết hợp ta có động vật; các nguyên tố khác nữa kết hợp, ta có các sinh linh khác nữa. Trong trường hợp này, sự tồn tại của sự vật là kết quả từ thực thể của nó: làm thế nào mà sự sinh tồn này, nguyên là diễn tiến bất chợt trong những diễn biến bất chợt, và cần có một tinh hoa khác mà nó tùy thuộc, lại là Tinh hoa Tiên hữu, Nguồn gốc của mọi vật?

Nhưng các nhà thông thái Sufi và Thông Thiên học chủ xướng, là những người nghiên cứu vấn đề này, nghĩ là có hai loại sinh tồn. Một loại là sinh tồn chung, được hiểu do trí thông minh của con người; đây là một hiện tượng,

¹²⁹ nghĩa là, sự tiếp diễn vô hạn những nguyên nhân và ảnh hưởng

một diễn tiến bất chợt trong những diễn tiến bất chợt, còn thực thể các sự vật là cái tinh hoa. Nhưng thuyết phiếm thân không áp dụng vào sự tồn tại chung và có tính tương tượng này, mà chỉ với sự Tồn tại Thật sự, thoát khỏi và vượt trên mọi diễn dịch, qua đó vạn vật tồn tại, và đó là sự Thống nhất qua đó vạn vật đến với thế giới, như là vật chất, năng lượng và sự tồn tại chung này được hiểu bằng tâm trí con người. Đó là sự thật về vấn đề này theo các nhà Sufi và các nhà Thông thiên học.

Tóm lại, về chủ thuyết cho rằng vạn vật tồn tại bởi sự Thống nhất, mọi người đều đồng ý – nghĩa là, các triết gia và các Đấng Tiên tri. Nhưng có sự khác nhau giữa các vị này.

Các Đấng Tiên tri nói, Tri thức của Thượng Đế không cần tới sự tồn tại của các sinh linh, nhưng tri thức của các sinh linh thì cần tới sự tồn tại của những gì đã biết; nếu Tri thức của Thượng Đế mà phải cần tới cái gì khác, thì đó lại là tri thức của chúng sinh chứ không phải tri thức của Thượng Đế. Vì Đấng Tiên hữu thì khác với cái hiện tượng; và cái hiện tượng thì đối nghịch với Đấng Tiên hữu, mà chúng ta gán cho tạo vật – nghĩa là, những điều thiết yếu của các sinh linh tạm bợ - chúng ta phủ nhận vì Thượng Đế; vì tính thuần khiết, hoặc sự vượt khỏi những khiếm khuyết, là một trong những đặc tính thiết yếu của Ngài.

Như thế trong thế giới hiện tượng ta thấy sự si mê, trong Đấng Tiên hữu chúng ta nhận ra Tri thức. Trong thế giới hiện tượng, chúng ta thấy sự yếu đuối; trong Đấng Tiên hữu, chúng ta nhận ra uy lực. Trong thế giới hiện tượng, chúng ta thấy sự nghèo nàn; trong Đấng Tiên hữu chúng ta nhận ra sự giàu có. Như thế, thế giới hiện tượng là nguồn gốc của những điều khiếm khuyết, và Đấng Tiên hữu là tổng thể của những sự hoàn hảo. Sự hiểu biết hiện tượng cần tới những điều đã biết; sự hiểu biết Tiên hữu thì độc lập đối với sự sinh tồn. Như thế, Tiên hữu là đặc tính và sự cá thể hóa của các sinh linh là những điều được Thượng Đế Đấng Tối cao biết đến là không thực hữu; những đặc tính hoàn hảo và thiên thượng này mà trí thông minh không thể hiểu nên chúng ta không thể nói Tri thức Thiên thượng có cần tới những điều đã biết hay không.

Tóm lại, đây là lập luận chính của những nhà Sufi, nếu chúng ta muốn nhắc tới tất cả những bằng chứng của họ và giải thích những câu giải đáp của họ, thì sẽ mất rất nhiều thời gian. Đây là bằng chứng chung quyết của họ và là lập luận rõ ràng – chí ít, là của các nhà thông thái Sufi và các nhà Thông thiên học.

Nhưng vấn đề về sự Tồn tại Thực sự nhờ đó mà vạn vật tồn tại – nghĩa là, thực thể của Bản thể Như nhất qua đó mọi sinh linh tiến vào thế giới – thì ai cũng nhìn nhận. Sự khác nhau tồn tại trong điều mà các nhà Sufi nói: “Thực thể của sự vật là biểu hiện của Thống nhất Thực sự.” Nhưng các Đấng Tiên tri nói: “Nó chiếu tỏa từ Thống nhất Thực sự”; và có sự khác biệt lớn lao giữa biểu hiện và chiếu tỏa. Sự xuất hiện trong biểu hiện có nghĩa là một vật đơn

nhất xuất hiện trong vô số hình dạng. Ví dụ, hạt giống, là một vật đơn nhất sở hữu những điều hoàn hảo về thực vật, biểu hiện ra trong vô số hình dạng, gồm nào là cành, lá, hoa và quả: đây gọi là sự xuất hiện trong biểu hiện; trong khi sự xuất hiện qua chiếu tỏa thì sự Thống nhất Thực sự vẫn giữ nguyên và tiếp tục trong sự cao cả thoát tục của mình, nhưng sự tồn tại của chúng sinh chiếu tỏa từ đó, chứ không phải do Nó (Thống nhất Thực sự) biểu hiện. Điều này có thể ví như mặt trời từ đó tỏa ra ánh sáng nó chiếu rọi lên mọi sinh linh; nhưng mặt trời vẫn ở trong sự cao cả thoát tục của mình. Nó không giáng xuống, không biến mình thành các hình dạng rực sáng; nó không xuất hiện trong chất liệu của sự vật qua nét đặc trưng và tính cá thể của sự vật; Cái Tiên hữu không trở thành hiện tượng; sự giàu có độc lập không trở thành sự nghèo nàn trói buộc; sự hoàn hảo thuần khiết không trở thành khiếm khuyết tuyệt đối.

Xin nhắc lại: các nhà Sufi nhìn nhận có Thượng Đế và chúng sinh, và nói rằng Thượng Đế tự phân thân thành vô số hình dạng của chúng sinh, và biểu hiện giống như biển, nó xuất hiện trong vô số hình dạng của sóng. Những làn sóng khiếm khuyết và có tính hiện tượng này cũng là một vật giống như Biển Tiên hữu, đó là tổng hòa của tất cả những sự hoàn hảo thiêng liêng. Trái lại, các Đấng Tiên tri tin rằng có thế giới của Thượng Đế, thế giới của Nước Trời, và thế giới của tạo vật: là ba sự vật. Sự chiếu tỏa thứ nhất từ Thượng Đế là hồng ân của Nước Trời, nó chiếu tỏa và phản ánh trong thực thể của các sinh linh, giống như ánh sáng chiếu tỏa từ mặt trời và rực sáng trong chúng sinh; và hồng ân này, là ánh sáng, phản ánh trong vô số hình dạng trong thực thể vạn vật, tự nó thể hiện đặc tính và cá thể, theo năng lực, sự xứng đáng và giá trị nội tại của sự vật. Nhưng sự khăng định của các nhà Sufi đòi hỏi rằng Sự Giàu có Độc lập phải giáng xuống cấp độ nghèo nàn, rằng cái Tiên hữu phải phân thân thành các hình dạng có tính hiện tượng, và rằng Sức mạnh Thuần khiết phải bị hạn chế trong trạng thái yếu đuối, tùy theo các hạn chế của sự vật giả tạm. Và đây là một sự sai lầm hiển nhiên. Hãy quan sát để thấy rằng thực thể con người, vốn cao quý nhất trong tất cả chúng sinh, không hạ xuống làm thực thể động vật, rằng bản thể của động vật, được phú cho những năng lực xúc cảm, không tự hạ xuống cấp độ của thực vật, và rằng thực thể của thực vật, vốn có sức mạnh tăng trưởng, không hạ xuống thực thể của khoáng vật.

Tóm lại, thực thể cấp cao không giáng xuống hoặc hạ mình xuống các trạng thái dưới thấp; thế thì làm sao Thực thể Bao quát của Thượng Đế, vốn thoát khỏi mọi sự mô tả và định tính, bất kể tính thượng đẳng và thuần khiết tuyệt đối, lại tự phân thân thành các dạng thực thể của chúng sinh, là nguồn gốc của mọi sự khiếm khuyết? Đây hoàn toàn là điều tưởng tượng không thể chấp nhận được. Trái lại, Bản thể Thánh thiện là tổng hòa của những điều hoàn hảo thiêng liêng, và tất cả chúng sinh được huệ tứ bởi hồng ân ánh sáng của các tia sáng mặt trời, nhưng mặt trời không giáng xuống và không tự hạ mình trong những thực thể được huệ tứ của các sinh linh trần tục.

Sau bữa ăn tối, vì giờ giấc đã trễ, nên không có thời gian giải thích thêm.

83/ BỐN PHƯƠNG PHÁP THỦ ĐẮC TRI THỨC

Chỉ có bốn phương pháp được chấp nhận – nghĩa là, có thể hiểu được thực thể của sự vật bằng bốn phương pháp này.

Phương pháp thứ nhất là bằng các giác quan – nghĩa là, tất cả những gì mà mắt, tai, vị giác, khứu giác và xúc giác tiếp nhận đều có thể hiểu được bằng phương pháp này. Hiện nay phương pháp này được các triết gia châu Âu cho là hoàn hảo nhất: họ nói rằng phương pháp chính để đạt tới tri thức là thông qua các giác quan; họ xem nó là tối thượng, dù nó có khiếm khuyết, vì nó có mắc sai lầm. Ví dụ, giác quan tuyệt vời nhất là thị giác. Thị giác thấy ảo ảnh là nước, và nó thấy những hình ảnh phản chiếu trong gương là thật và hiện hữu; những vật thể lớn ở xa có vẻ như nhỏ, và một điểm quay nhanh thấy như vòng tròn. Thị giác thấy trái đất bất động và mặt trời di chuyển, và nó mắc sai lầm trong nhiều trường hợp tương tự. Nên ta không thể tin cậy nó.

Phương pháp thứ hai là lý trí, là phương pháp của các triết gia xưa, các trụ cột của trí tuệ; đây là phương pháp của sự hiểu biết. Họ chứng minh sự vật bằng lý trí và bám chắc vào những bằng chứng luận lý học; tất cả những lập luận của họ đều dựa trên lý trí. Dù vậy, họ rất khác với nhau, những ý kiến của họ có khi còn đối nghịch. Họ cũng thay đổi quan điểm – nghĩa là, trong hai mươi năm họ có thể chứng minh sự tồn tại của một vật bằng lập luận luận lý học, rồi sau đó họ phủ nhận nó cũng bằng lập luận luận lý học – chính ông Platon lúc đầu đã chứng minh bằng luận lý học sự đứng yên của trái đất và chuyển động của mặt trời; rồi về sau cũng bằng lập luận luận lý học ông chứng minh rằng mặt trời là trung tâm cố định và trái đất di chuyển. Sau đó, lý thuyết của Ptoleme được phổ biến rộng rãi và ý tưởng của Platon hoàn toàn bị lãng quên, cuối cùng một nhà quan sát khác đã làm cho nó sống lại. Như thế tất cả các nhà toán học bất đồng ý kiến, dù họ dựa trên lập luận của lý trí.

Cũng theo cách ấy, bằng lập luận luận lý học, họ chứng minh một bài toán vào thời điểm nào đó, rồi về sau cũng bằng lập luận cùng tính chất, họ lại phủ nhận nó. Như thế một triết gia giữ vững lý thuyết của mình trong một thời gian bằng lập luận chắc chắn với bằng chứng hỗ trợ, để rồi sau đó lại đổi ý hoặc tự mâu thuẫn bằng những lập luận thuộc lý trí.

Vì vậy, hiển nhiên là phương pháp của lý trí không hoàn hảo, vì có sự bất đồng giữa các triết gia xưa, sự thiếu ổn định và sự thay đổi ý kiến của họ là bằng chứng. Nếu nó hoàn hảo, tất cả phải nhất trí trong ý tưởng và và đồng thuận trong ý kiến.

Phương pháp hiểu biết thứ ba là bằng truyền thống – nghĩa là, theo nguyên bản các Thánh thư – vì người ta nói, “trong Cựu ước và Tân ước, Thượng Đế phán như thế”. Phương pháp này cũng không hoàn hảo, bởi vì truyền thống cũng được hiểu bằng lý trí. Vì lý trí đã mắc sai lầm rồi, làm sao nó diễn dịch ý nghĩa của truyền thống lại không sai lầm, và vì nó có thể sai lầm, nên không đạt tới xác tín được. Đây là phương pháp của các nhà lãnh đạo tôn giáo; bất cứ điều gì họ hiểu và nhận thức từ nguyên bản thánh thư là điều mà lý trí họ hiểu từ thánh thư, không nhất thiết là chân lý; bởi vì lý trí giống như một cái cân, còn ý nghĩa chứa đựng trong nguyên bản Thánh Kinh cũng giống như vật đem cân. Nếu cái cân không đúng, thì làm sao có thể tin chắc vào trọng lượng?

Vậy hãy biết rằng: điều gì nằm trong tay con người, điều gì họ tin, đều có thể sai lầm. Vì khi chúng mình hoặc phản biện, nếu bằng chứng đưa ra lấy từ xác nhận của giác quan, thì phương pháp này hiển nhiên là có khiếm khuyết; nếu bằng chứng thuộc trí tuệ, nó cũng khiếm khuyết; nếu thuộc truyền thống, nó cũng khiếm khuyết. Như vậy không có tiêu chuẩn nào trong tay con người mà ta có thể trông cậy được.

Nhưng hồng ân của Thánh Linh ban cho phương pháp đúng để hiểu biết là không sai lầm và không thể nghi ngờ. Đây là thông qua ơn phò trợ của Thánh Linh đến với con người, và đây là điều kiện chỉ có nó mới chắc chắn đạt được.

84/ CẦN THIẾT VẮNG THEO GIÁO LÝ CÁC ĐẢNG BIỂU HIỆN THIÊN THƯỢNG

Câu hỏi: Những người được chúc phúc với việc làm thiện hảo và ân đức rộng khắp, có những đặc tính đáng ca ngợi, hành động vì tình thương và lòng nhân hậu với chúng sinh, chăm sóc người nghèo và cố gắng thiết lập hòa bình thế giới – họ còn cần gì đến giáo lý thiêng liêng mà họ nghĩ là họ không tùy thuộc vào? Tình trạng của những người này thế nào?

Trả lời: Hãy biết rằng những hành động ấy, những nỗ lực và những lời nói ấy rất đáng ca ngợi và nhìn nhận, và là vinh quang của nhân loại. Nhưng chỉ riêng những việc làm này là không đủ; nó là một thân hình đáng yêu vô cùng, nhưng thiếu tinh thần. Không, nguyên nhân của sự sống đời đời là danh dự vĩnh cửu, là giác ngộ xuyên suốt, là sự thịnh vượng và giải thoát thực sự, trước hết, chính là sự hiểu biết về Thượng Đế. Ta biết rằng sự hiểu biết về Thượng Đế là ở trên mọi tri thức, và là vinh quang kỳ diệu nhất của thế giới loài người. Vì trong sự hiểu biết có được về thực thể các sự vật thì có điều lợi ích về vật chất, và qua nền văn minh bên ngoài thì có sự tiến bộ; nhưng sự hiểu biết về Thượng Đế là nguyên nhân của sự hấp dẫn và tiến bộ tâm

linh, qua đó, nhận thức về chân lý, về sự cao cả của nhân loại, nền văn minh thiêng liêng, sự chính đính của đạo đức và sự giác ngộ mới đạt thành.

Thứ hai, là tình yêu của Thượng Đế, ánh sáng chiếu rọi trong ngọn đèn tâm hồn của những người biết Thượng Đế; những tia sáng này chiếu rọi chân trời và đem đến cho con người sự sống của Nước trời. Sự thật, quả của cây nhân sinh là tình yêu Thượng Đế, vì tình yêu này là tinh thần sự sống, và là hồng ân vĩnh cửu. Nếu tình yêu Thượng Đế không tồn tại, thế giới tạm bợ sẽ chìm trong bóng tối; nếu tình yêu Thượng Đế không tồn tại, tâm hồn con người sẽ chết và bị tước mất những rung cảm sinh tồn; nếu tình yêu Thượng Đế không tồn tại, sự hội ngộ tâm linh sẽ mất đi; nếu không có tình yêu của Thượng Đế, ánh sáng thống nhất sẽ không soi sáng nhân loại; nếu không có tình yêu của Thượng Đế, thì phương Đông và phương Tây, giống như đôi tình nhân, sẽ không ôm lấy nhau; nếu không có tình yêu của Thượng Đế, thì sự chia rẽ và bất hòa sẽ không thể biến thành tình huynh đệ; nếu không có tình yêu của Thượng Đế, thì sự ghẻ lạnh sẽ không kết cục thành tình thương; nếu không có tình yêu của Thượng Đế, khách lạ sẽ không trở thành bạn hữu. Tình yêu của thế giới loài người chiếu rọi từ tình yêu của Thượng Đế, xuất hiện nhờ hồng ân và hồng phúc của Thượng Đế.

Rõ ràng thực thể con người thật đa dạng, ý kiến và tình cảm thật khác nhau; và sự khác nhau này về ý kiến, tư tưởng, trí thông minh, tình cảm giữa nhân loại xuất phát từ nhu cầu thiết yếu; vì sự khác nhau theo mức độ sinh tồn của chúng sinh là một trong những yếu tính của sự sinh tồn, biểu lộ trong vô vàn hình thức. Vì vậy, chúng ta cần có một uy lực chung thống ngự mọi tình cảm, ý kiến và tư tưởng, nhờ đó những sự chia rẽ sẽ không còn tác dụng, và mọi cá nhân có thể được mang đến dưới ảnh hưởng của sự thống nhất thế giới loài người. Điều rõ ràng và hiển nhiên là uy lực lớn lao nhất này trong thế giới loài người chính là tình yêu của Thượng Đế. Nó đem các dân tộc khác nhau đến dưới bóng mái lều tình thương, và ban cho các gia đình, các quốc gia gây hấn và thù nghịch tình yêu và sự thống nhất tuyệt vời nhất.

Hãy xem, sau thời Đức Chúa, nhờ uy lực tình yêu của Thượng Đế, biết bao quốc gia, chủng tộc, gia đình, bộ lạc đã đến dưới bóng Ngôi Lời của Thượng Đế. Những sự chia rẽ và dị biệt của cả ngàn năm đã bị xóa đi và rũ sạch. Các tư tưởng về sắc tộc và tổ quốc hoàn toàn biến mất. Sự thống nhất linh hồn và cuộc tồn sinh diễn ra; tất cả đã trở thành người Thiên chúa giáo thực sự.

Đức hạnh thứ ba của nhân loại là thiện chí, nó là nền tảng của mọi hành động thiện hảo. Một số triết gia xem chủ tâm cao hơn hành động, vì thiện chí là ánh sáng tuyệt đối, nó được thanh tẩy và thánh hóa khỏi những ô trược của ích kỷ, hận thù, đối trá. Có thể một người thực hiện một hành động bên ngoài có vẻ chính trực, nhưng nó bị chi phối bởi lòng tham. Ví dụ, một đồ tể nuôi cừu và bảo vệ nó, nhưng hành động chính trực của anh đồ tể xuất phát từ tham vọng thu lợi, và kết quả của sự chăm sóc này là làm thịt con cừu tội

ngiệp. Biết bao hành động chính trực bị sai khiến bởi lòng tham! Nhưng thiện chí thì thoát khỏi những ô trọc ấy.

Tóm lại, nếu sự hiểu biết về Thượng Đế gắn kết với tình yêu của Thượng Đế, sự thu hút, vui thỏa và thiện chí, bây giờ hành động chính trực mới thật trọn vẹn và hoàn hảo. Trái lại, dù một hành động có vẻ đáng khen, nhưng nó không được nuôi dưỡng bằng sự hiểu biết về Thượng Đế, tình yêu của Thượng Đế, và chủ tâm chân thật, thì nó còn khiếm khuyết. Thính giác là vô cùng quý báu và đáng trân trọng, nhưng nó phải được hỗ trợ bằng thính giác; thính giác thật đáng trân trọng, nhưng nó phải được hỗ trợ bằng lời nói; năng lực lời nói rất đáng được nhìn nhận, nhưng nó phải được trợ lực bằng lý trí, vân vân. Điều này cũng đúng đối với các năng lực, cơ quan, chi thể khác của con người; khi tất cả các năng lực, các giác quan, các cơ quan, các chi thể này tồn tại cùng nhau, con người mới là hoàn hảo.

Ngày nay, chúng ta gặp trên thế giới những người, kỳ thực, khát khao điều thiện chung, và tùy theo năng lực bản thân, họ bận rộn với việc bảo vệ những người bị áp bức và giúp đỡ người nghèo: họ nhiệt tình với hòa bình và hạnh phúc chung. Dù trên quan điểm này họ thật hoàn hảo, nếu họ không có sự hiểu biết về Thượng Đế và tình yêu của Thượng Đế, họ vẫn còn khiếm khuyết.

Galen, một thầy thuốc, trong sách của ông, ông bình luận tác phẩm của Platon về nghệ thuật cầm quyền,¹³⁰ nói rằng những nguyên lý cơ bản của tôn giáo có ảnh hưởng đối với nền văn minh hoàn hảo, ông nói “vì quần chúng không thể hiểu mối liên quan của những lời biện giải; cho nên phải cần tới những lời tượng trưng về thưởng phạt ở thế giới bên kia; để chứng minh chân lý của sự khẳng định này ta thấy ngày nay những người gọi là Thiên chúa giáo tin vào thưởng phạt; và phái này đã cho thấy những hành động thật đẹp giống như hành động của các triết gia chân chính.”

Hãy xem mức độ thành thật, nhiệt tình, rung cảm tâm linh, tình nghĩa bằng hữu, và hành động thiện hảo của một người Thiên chúa giáo ra sao, để cho ông Galen, một lương y hiền triết, dù không phải là người Thiên chúa giáo, đã làm chứng về đạo đức tốt và các điều hoàn hảo của những người này, đến mức khen rằng họ là những triết gia chân chính. Những đức hạnh, những đạo lý này, đạt được không chỉ nhờ hành động thiện hảo, vì nếu đức hạnh chỉ là chuyện cho và nhận điều lành, như ngọn đèn này chiếu rọi làm rực sáng ngôi nhà này – hẳn nhiên sự soi sáng này là ích lợi – thế tại sao ta không khen ngợi ngọn đèn? Mặt trời làm gia tăng tất cả các sinh linh trên trái đất, nhờ ánh sáng và sức nóng của nó tạo nên sự tăng trưởng và phát triển: hỏi có điều gì ích lợi hơn nữa không? Dù vậy, vì điều lành này không đến từ thiện chí, từ tình yêu và sự hiểu biết về Thượng Đế, nó là khiếm khuyết. Trái lại, khi

¹³⁰ Xem *Ibn Abi Usaybia, Uyun al-anba fi tabaqat (Cairo: 1882), tập 1, trang 76-77*

con người cho người khác một chén nước, người nhận biết ơn và bày tỏ sự tri ân. Một người thiếu suy nghĩ sẽ nói: “Mặt trời cho thế giới này ánh sáng, ơn phước tối cao này nằm trong đó, nên phải được thờ phượng và ngợi ca, tại sao chúng ta không biết ơn và cảm tạ mặt trời về hồng ân của nó, mà lại khen ngợi con người làm một việc từ thiện tầm thường?” Nhưng nếu chúng ta tìm kiếm chân lý, chúng ta sẽ thấy rằng hành động từ thiện vô nghĩa của con người là do sự tồn tại xúc cảm có ý thức, vì vậy nó đáng được ngợi khen, còn ánh sáng và sức nóng của mặt trời không do xúc cảm và ý thức, vì vậy nó không đáng tôn vinh hoặc khen tặng, không đáng nhớ ơn và cảm tạ. Cũng như thế, khi một người thực hiện một việc lành, dù nó đáng khen ngợi, nếu nó không hình thành do tình yêu và sự hiểu biết về Thượng Đế, thì nó là khiếm khuyết.

Hơn nữa, nếu các con suy nghĩ công bằng, các con sẽ thấy rằng hành động thiện hảo này của những người không biết Thượng Đế trên cơ bản cũng đã hình thành do giáo lý của Thượng Đế - nghĩa là, các Đấng Tiên tri xưa đã đưa loài người đến chỗ thực hiện những hành động này, giải thích vẻ đẹp của nó và công bố tác động huy hoàng của nó; rồi những giáo lý được quảng bá giữa loài người và đạt đến họ một cách thành công, hết người này đến người khác, và khiến tâm hồn họ hướng về những điều hoàn hảo này. Khi loài người thấy rằng những hành động này được xem là đẹp, trở thành nguyên do niềm vui và hạnh phúc của nhân loại, họ đã tuân theo. Vì vậy những hành động này cũng đến từ giáo lý của Thượng Đế. Nhưng cũng cần có sự công bằng để thấu hiểu điều này, chứ không phải là tranh cãi và biện luận.

Thượng Đế thật đáng ca ngợi, các con đã đến nước Ba Tư và đã thấy người Ba Tư, nhờ những làn gió thiêng liêng của Đức Baha'u'llah, họ đã trở thành phúc hậu đối với nhân loại. Trước kia, nếu khi gặp người thuộc sắc dân khác, họ hành hạ và thù ghét tột độ, oán hận và tàn nhẫn; họ quá đáng đến mức ném vật dơ vào người lạ. Họ đốt Sách Phúc âm và Cựu ước, và nếu tay họ bị ô nhiễm khi chạm vào các sách này, họ phải rửa tay. Ngày nay, một số lớn trong họ đã học thuộc lòng và hát, khi thích hợp, nội dung của hai Thánh Kinh này trong các cuộc họp mặt và trong các hội đồng, họ giải thích giáo lý xa lạ này. Họ bày tỏ lòng hiếu khách với kẻ thù. Họ cư xử với sói lang khát máu bằng sự dịu dàng, giống như với những con nai vàng trên cánh đồng tình yêu của Thượng Đế. Các con đã thấy những phong tục và tập quán của họ, các con đã nghe về cung cách của người Ba Tư xưa. Sự thay đổi này về đạo đức, sự hoàn thiện này về hạnh kiểm và lời nói, có thể thành hiện thực hay không nếu không nhờ tình yêu của Thượng Đế. Bằng sự giúp sức của khoa học và tri thức, nếu muốn giới thiệu về những phong tục và đạo đức này, ắt phải mất cả ngàn năm, và rồi không sao phổ biến đến khắp các khối quần chúng được.

Hôm nay, nhờ tình yêu của Thượng Đế, những điều này đã đạt thành hết sức dễ dàng. Hãy nghe lời khuyên, hỏi những người thông minh!.

(Xong, ngày 7-5-2012)